

Tài liệu lịch sử

Vạn Lý Trường Chinh



Nguyễn Vạn Lý tổng hợp

Vạn Lý Trường Chinh

Nguyễn Vạn Lý

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Chương Một](#)

[Tẩu Vi Thượng Sách](#)

[Chương Hai](#)

[Những Ngày Đầu Của Hồng Quân](#)

[Chương Ba](#)

[Xây Dựng Sô Viết Giang Tây](#)

[Chương Bốn](#)

[Những Đợt Tấn Công Vào Sô Viết Giang Tây](#)

[Chương Năm](#)

[Âm Mưu Từ Những Chiếm Cáng](#)

[Chương Sáu](#)

[Những Người Đàn Bà Trên Đường Vạn Lý](#)

[Chương Bảy](#)

[Trận Đánh Lớn Tại Sông Tây Giang](#)

[Chương Tám](#)

[Chuyển Hướng Về Quý Châu](#)

[Chương Chín](#)

[Đại Hội Tuân Nghĩa](#)

[Chương Mười](#)

[Cặp Bài Trùng Mao Trạch Đông Và Chu Ân Lai](#)

[Chương Mười Một](#)

[Đường Về Sông Dương Tử](#)

[Chương Mười Hai](#)

[Qua Sông Kim Sa](#)

[Chương Mười Ba](#)

[Đi Qua Khu Vực Của Người Lô Lô](#)

[Chương Mười Bốn](#)

[Vượt Cầu Đại Độ](#)

[Chương Mười Lăm](#)

[Vượt Rặng Đại Tuyết Sơn](#)

[Chương Mười Sáu](#)

[Đi Qua Cánh Đồng Cỏ Hoang](#)

[Chương Mười Bảy](#)

[Tới Diên An](#)

[Chương Mười Tám](#)

[Cuộc Trường Chinh Tiếp Tục Và Kết Thúc](#)

Thay LỜI TỰA

Cuộc chiến giữa Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch và lực lượng cộng sản Trung Hoa bắt đầu từ năm 1928. Phe cộng sản lúc đầu do Trương Quốc Đào và Mao Trạch Đông lãnh đạo. Trương Quốc Đào và Mao Trạch Đông là những sáng lập viên cộng đảng Trung Hoa tại Thượng Hải năm 1921. Đảng cộng sản đưa ra những mục tiêu rất hấp dẫn đối với nông dân nghèo, chẳng hạn như tịch thu ruộng đất của địa chủ đem chia cho nông dân, và bãi bỏ mọi bất công xã hội. Chính vì thế đảng cộng sản đã thu hút được một số đông đảo nông dân, tình nguyện chiến đấu cho mục đích cao cả giải phóng cho nước Trung Hoa nhiều tệ đoan thối nát, khỏi những áp bức của ngoại bang, và giải phóng cho chính bản thân của họ đang bị đàn áp bóc lột.

Ý thức được vai trò và quyền lợi của mình, người cộng sản Trung Hoa trở thành những binh sĩ có tinh thần cao. Trong khi đó, người lính Quốc dân đảng Trung Hoa nổi tiếng tham lam tàn ác, đến nỗi người Trung Hoa thường nói: “Sắt tốt thì không dùng làm đinh, và người tốt thì không thể là lính.” Một số lớn quân đội của các sứ quân dưới quyền của Tưởng Giới Thạch vừa thiếu kỷ luật vừa nghiện hút bạc nhược, không có tinh thần chiến đấu, chỉ mong hưởng thụ cầu an. Nhiều đạo quân trong quân đội Quốc dân đảng được gọi là những đạo quân “hai súng”, có nghĩa là họ đeo một khẩu súng thiết, và một khẩu súng thứ hai là tẩu hút thuốc phiện. Các binh sĩ này mang theo bàn đèn thuốc phiện trong ba lô, và mỗi ngày phải ngả bàn đèn ít nhất là hai cữ. Tại Bắc Việt năm 1945, khi “quân đội chiến thắng” của Trung Hoa do tướng Lư Hán chỉ huy, sang tước khí giới của quân Nhật bại trận, chúng ta cũng đã có dịp kinh ngạc khi được chứng kiến một “quân đội chiến thắng” mà lại có thể ô hợp, thiếu tác phong đến như thế.

Vào đầu năm 1930, Tưởng Giới Thạch bắt đầu lo ngại trước sự bành trướng mau lẹ và mạnh mẽ của hồng quân, nên tung hết sức mạnh vào việc tiêu diệt cộng sản. Nhưng quân đội Quốc dân đảng cứ tiếp tục bại trận. Chiến thuật của hồng quân Trung Hoa theo đúng khẩu hiệu:

Khi địch tiến, ta lui.

Khi địch dừng lại và đóng trại, ta quấy rối.

Khi địch không muốn giao chiến, ta tấn công.

Khi địch rút lui, ta truy kích.

Nhờ chiến thuật này, hồng quân thắng được hai đợt bao vây tiêu diệt đầu tiên của Quốc dân đảng. Năm 1931, Tưởng tập trung một lực lượng hùng hậu trên 300 ngàn binh sĩ, với ý định tràn ngập căn cứ sở viết Giang Tây chỉ có 30 ngàn hồng quân. Nhưng may mắn cho hồng quân, chính lúc đó quân Nhật tiến chiếm Mãn Châu, khiến Tưởng Giới Thạch phải tạm hoãn chiến dịch bao vây lần thứ ba, để lo đối phó với quân xâm lăng Nhật Bản. Nhờ vậy, hồng quân có đủ thời giờ dưỡng sức và bồi dưỡng, đủ sức đánh bại được đợt bao vây lần thứ tư vào mùa đông năm 1933.

Hitler rất quan ngại đến sự bành trướng của cộng sản thế giới, nên cử tướng Hans von Seeckt sang Trung Hoa giúp Tưởng Giới Thạch tiêu diệt cộng sản. Hans von Seeckt áp dụng một chiến thuật bao vây tiêu diệt bằng cách thiết lập hàng loạt pháo đài và xa lộ bao vây khu vực cộng sản. Vòng vây này cứ từ từ xiết chặt lại, cắt đứt mọi nguồn tiếp tế quân nhu thực phẩm từ bên ngoài. Chiến lược bao vây như vậy rất là tốn kém, nhưng gây thiệt hại lớn lao cho phe cộng sản và dân chúng sống trong vùng cộng sản kiểm soát. Người ta ước tính ít nhất trên một triệu người Trung Hoa trong khu sở viết Giang Tây đã bị tiêu diệt, hoặc bằng bom đạn

hoặc vì thiếu thuốc men và lương thực.

Nga sô thấy thế nguy của cộng sản Trung hoa nên phái một danh tướng cộng sản, cũng người Đức, tướng Otto Braun, sang giúp phe cộng. Otto Braun lấy tên Trung hoa là Lý Đức. Phe cộng sản thành công tránh né được bốn đợt bao vây tấn công của Quốc dân đảng, và Mao chủ trương bỏ thành thị lấy thôn quê làm điểm tựa cho cuộc trường kỳ kháng chiến. Cuối tháng 10 năm 1933, Tưởng động viên toàn lực, tung ra cuộc tổng tấn công lần thứ năm. Cuộc bao vây tấn công này kéo dài trong nhiều tháng và kết quả đã gây khốn quẫn cho phe cộng sản, đặc biệt là thiếu muối ăn. Chính quyền Nam Kinh tin tưởng nỗ lực tiêu diệt trọn vẹn cộng sản sắp thành công, vì địch quân bị bao vây và không đường trốn thoát. Trong đợt bao vây tấn công lần thứ năm, 50 ngàn quân cộng sản tử trận, cả khu vực bị tàn phá, dân chúng hoặc bị xử tử hoặc bị bắt buộc phải di cư đi nơi khác.

Cuối cùng Lý Đức đành phải thay đổi chiến lược, bỏ chiến thuật du kích, tung 180 ngàn quân đánh chiếm và giữ thành phố, và đương đầu với quân Quốc dân đảng bằng trận địa chiến, nhưng bị quân cơ giới của Tưởng đánh bại. Cuối cùng phe cộng sản chỉ còn lại 90 ngàn quân. Sau 7 năm chiến đấu tại sô viết Giang Tây, các lãnh tụ cộng sản chỉ còn hai lựa chọn: hoặc đầu hàng Quốc dân đảng hoặc phải rút lui lẩn tránh đại quân của Tưởng. Bằng một quyết định táo bạo, các lãnh tụ cộng sản quyết định dẫn đám tàn quân trốn lên vùng hoang giá của miền bắc Trung Hoa, để tránh bị tiêu diệt và chờ cơ hội phục thù.

Ngày 16-10-1934, các lãnh tụ cộng sản và đám tàn quân bắt đầu cuộc rút lui lịch sử mà ngày nay người ta gọi là cuộc Vạn Lý Trường Chinh, hay là cuộc Trường Hành, một cuộc chạy trốn dài 6 ngàn dặm, bắt đầu từ Giang Tây và Phúc Kiến, tiến về phía tây tới Tây Tạng rồi đi ngược lên phía bắc, tới tận Diên An của tỉnh Thiểm Tây ở miền bắc hẻo lánh của Trung Hoa. Trong lịch sử Trung Hoa cũng đã có một cuộc rút lui tương tự của Lưu Bang vào đất Ba Thục, đốt đường sạn đạo để tránh bị Hạng Võ tiêu diệt, và chờ ngày phục hận.

Tuy nhiên cuộc Vạn Lý Trường Chinh của người cộng sản Trung Hoa gian nan gấp bội lần cuộc rút lui của Lưu Bang vào đất Ba Thục. Không những con đường của họ dài hơn nhiều, mà trên đường chạy trốn, những người cộng sản bại trận luôn luôn bị đại quân của Tưởng Giới Thạch đuổi theo truy kích. Không những thế, họ còn phải đương đầu với những khó khăn kinh hồn của thiên nhiên, núi cao sông rộng, đói khát, bệnh tật và tuyết lạnh. Khi khởi đầu cuộc rút lui, hồng quân có 90 ngàn người, nhưng một năm sau khi tới Diên An thì chỉ còn 7 ngàn người sống sót.

Sự nguy hiểm của hồng quân trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh thật khủng khiếp. Chu Ân Lai phải xác nhận: “Đối với chúng tôi, giờ phút đen tối nhất của lịch sử là cuộc Vạn Lý Trường Chinh, nhất là khi chúng tôi phải băng qua Cánh Đồng Cỏ Hoang gần Tây Tạng. Hoàn cảnh của chúng tôi lúc đó thật tuyệt vọng. Không những chúng tôi không có gì để ăn, mà chúng tôi không có cả nước uống. Vậy mà chúng tôi vẫn thoát hiểm và chiến thắng.” Mao Trạch Đông cũng kể lại: “Mỗi giấc ngủ của tôi phải trả giá bằng sự hy sinh của một đồng chí.”

Người cộng sản hãnh diện nhắc nhở đến cuộc Vạn Lý Trường Chinh như là một thiên anh hùng ca độc nhất trong lịch sử nhân loại. Họ vượt qua được mọi trở ngại vô cùng to lớn, để rồi chiến thắng làm chủ lục địa Trung Hoa. Người ta không thể phủ nhận rằng đây là một cuộc “trường chinh” vĩ đại, nhưng huy chương nào cũng có mặt trái của nó. Các lãnh tụ cộng sản không hề cho binh sĩ biết sự thực của cuộc rút lui. Cán binh cộng sản chỉ tưởng cuộc rút lui là một chiến dịch tấn công mới, chứ không hề hay biết họ sẽ phải dẫn thân vào một cuộc ra đi đầy nguy hiểm, mười người không sống sót được một. Trên đường rút lui, khi tới những nơi có thể dừng lại được, các lãnh tụ cộng sản tịch thu lương thực tài sản của nhà giàu, gọi là để chia

cho người nghèo, nhưng phần lớn là để cho quân cộng sản dùng. Rồi cộng sản tổ chức chế độ cộng sản, chia ruộng cho nông dân và đấu tố địa chủ và giai cấp cai trị. Khi quân cộng sản bị áp lực của quân Quốc dân đảng phải rút đi thì các nông dân vừa mới được hưởng “phú quý” vài ngày lâm vào thế kẹt. Nếu họ ở lại thì họ sẽ bị địa chủ và quân Quốc dân đảng trừng phạt. Những nông dân này chỉ còn một con đường duy nhất là phải đi theo hồng quân. Các lãnh tụ cộng sản cần rất nhiều quân lót đường để họ đi tới đích. Như vậy số quân rút lui bị thiệt mạng trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh không phải chỉ có gần 90 ngàn người lúc ban đầu ra đi từ Giang Tây, mà còn có thêm hàng trăm ngàn dân bị đặt vào thế kẹt mà phải đi theo hồng quân ở dọc đường.

Trên đường trốn chạy, trong lúc binh sĩ phải trèo núi vượt sông đầy gian lao nguy hiểm, thì các lãnh tụ cao cấp được nằm trên cáng gần như suốt lộ trình, hoặc người khoẻ thì được cưỡi ngựa. Khi leo núi không dùng được cáng thì các lãnh tụ được binh sĩ khoẻ mạnh cõng trên lưng. Chuyển đi tuy gian nan vất vả và nguy hiểm, nhưng đối với các lãnh tụ cao cấp thì tương đối nhàn nhã bình yên. Binh sĩ không ai được đem theo vợ con, nhưng các lãnh tụ hoặc cấp chỉ huy quân sự cao cấp đều đem theo vợ. Lãnh tụ nào không có vợ thì dọc đường cũng tìm được người bầu bạn giải khuây. Khi các bà vợ của các lãnh tụ mang thai và chữa đẻ thì binh sĩ phải quây lều vải ngay trên đường đi để các “bà lớn” có chỗ lâm bồn. Đó là tình “huynh đệ chi binh” và chủ trương “đồng lao cộng khổ” kiểu Trung cộng. Chính vợ Mao Trạch Đông đã sinh đẻ hai lần trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Sau khi vợ đẻ xong, Mao gửi con cho các nông dân tại địa phương nuôi dùm, dự định sau này sẽ trở lại tìm kiếm. Nhưng về sau các nông dân nghèo bị chiến tranh xua đuổi lạc lõng khắp nơi, hoặc chết đói chết đạn nên hai đứa con của Mao mất tích luôn.

Dưới đây chúng tôi sẽ trình bày tất cả những điều chưa được nói đến trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, và cuộc đời thầm kín của các lãnh tụ cộng sản Trung Hoa.

Tẩu Vi Thượng Sách

Buổi chiều ngày 9-10-1934, Chu Ân Lai đến thăm Trần Nghị tại một quân y viện của hồng quân Trung hoa, và báo cho Trần Nghị một tin không vui. Ủy Ban Trung Ương đã quyết định trong vài ngày nữa, lực lượng chính quy của hồng quân sẽ rút lui khỏi căn cứ sơ viết tại Giang Tây, cố gắng phá vòng vây của quân Quốc dân đảng, rồi tiến về phía tây lập một căn cứ mới. Hồng quân đang lâm vào thế quẫn bách, không thể chống lại được quân Quốc dân đảng, và bắt buộc phải lui binh để tránh bị tiêu diệt hoàn toàn, trước Chiến Dịch Tiêu Diệt Quân Cướp Đỏ của Tưởng Giới Thạch.

Trần Nghị lúc đó đang bị thương nặng. Trong một trận giao chiến với quân Quốc dân đảng một tháng trước đó, Trần Nghị bị trúng một viên đạn vào hông, xương hông bị vỡ, và vết thương nhất định không chịu lành. Các điều kiện của quân y viện quá nghèo nàn, không có máy chiếu điện nên các y sĩ không biết tình trạng xương hông của Trần Nghị ra sao. Trần Nghị là một tướng trẻ có tài, gốc người Tứ Xuyên. Tuy mới 33 tuổi mà Trần Nghị đã tạo được nhiều thành tích chiến đấu lẫy lừng, và được coi là một viên tướng thông minh nhất của hồng quân Trung hoa. Sau này Trần Nghị được phong chức thống chế, và một thời gian giữ chức ngoại trưởng của Trung cộng.

Chu Ân Lai còn cho Trần Nghị biết thêm rằng, tình trạng sức khỏe của Trần Nghị không cho phép Trần Nghị di chuyển theo đại quân. Trần Nghị được giao phó trọng trách ở lại, áp dụng chiến thuật du kích, khuấy phá hậu phương của địch. Trần Nghị đã từng chiến đấu tại Tỉnh Cương Sơn với Mao Trạch Đông và Chu Đức từ năm 1929. Họ Trần rất am tường địa hình địa vật của chiến khu này. Trần Nghị và Mao cùng với Chu Đức thành công mở rộng khu vực sơ viết lên đến 33 quận tại Giang Tây, tới sát biên giới Phúc Kiến. Dân chúng sống dưới quyền kiểm soát của cộng sản lên đến ba triệu người.

Trần Nghị là một người thực tế. Viên tướng cộng sản này biết rất rõ trong một năm gần đây, hồng quân đã chịu những tổn thất rất nặng nề. Trong đợt bao vây lần thứ năm của Quốc dân đảng, hồng quân thua hết trận này đến trận khác, và đã hy sinh 60 ngàn quân chính quy. Bây giờ hồng quân phải chấp nhận chiến bại, và phải đương đầu với một cuộc rút lui vô cùng nguy hiểm. Hồng quân không thể rút ra biển hoặc về đồng bằng được, vì những khu vực ấy hiện nằm dưới sự kiểm soát của Tưởng Giới Thạch. Hồng quân bắt buộc phải đi vào chỗ nguy hiểm nhất, đi vào chỗ chết để tìm sự sống. Sinh lộ duy nhất của hồng quân là tiến vào các khu vực núi non hiểm trở, lấy thiên nhiên che chở chống lại chiến dịch tiêu diệt của quân Quốc dân đảng.

Quân số dưới quyền Trần Nghị chỉ còn vào khoảng 30 ngàn người, trong đó có trên 10 ngàn bị thương nặng như Trần Nghị. Quân số này sẽ phải ở lại với Trần Nghị, lẫn vào rừng núi và áp dụng chiến thuật du kích tiêu hao chiến, chống lại một kẻ thù đông gấp bội và được trang bị đầy đủ. Quân số thực sự có thể chiến đấu được của Trần Nghị chỉ có vào khoảng 16 ngàn người, trong đó chỉ có bảy ngàn được huấn luyện như quân chính quy, số còn lại chỉ là dân quân du kích, phần lớn chưa hề được dùng súng, chỉ được cung cấp dao và lựu đạn. Một lực lượng như thế phải đương đầu với 200 ngàn quân của Tưởng Giới Thạch, được cơ giới hóa, trang bị đầy đủ quân nhu và lương thực. Trần Nghị không dám hỏi Chu Ân Lai xem lực lượng ở lại của mình sẽ được tiếp tế đầy đủ vũ khí đạn dược không. Trần Nghị cũng biết dù có đòi hỏi

thì Ủy Ban Trung Ương cũng không thể làm gì được. Ngay quân chính quy còn phải chịu thiếu thốn quân trang và vũ khí thì quân du kích làm sao có đủ được.

Chu Ân Lai cũng biết Trần Nghị không hào hứng lắm với mệnh lệnh và nhiệm vụ mới được giao phó. Tuy nhiên Chu Ân Lai cũng nhấn mạnh vai trò quan trọng của Trần Nghị. Trước hết quân du kích của Trần Nghị có nhiệm vụ cầm chân quân Quốc dân đảng để cuộc rút lui của hồng quân có thể thực hiện thành công. Trong số các tướng của Trung cộng thì không ai sánh bằng Trần Nghị trong nhiệm vụ ở lại. Không một khe núi, một nhánh sông nào trong vùng mà Trần Nghị không biết rõ. Trần Nghị cũng có uy tín lớn đối với dân chúng trong khu vực. Trần Nghị ở lại sẽ nâng cao tinh thần chiến đấu của quân và dân.

Trần Nghị không phải là người duy nhất Chu Ân Lai thông báo quyết định rút lui. Trước đó Chu Ân Lai đã cho mời Mao Trạch Đông từ Vu Đô tới trụ sở của Ủy Ban Trung Ương tại Thụy Kim và báo cho Mao biết quyết định trên. Mao lúc đó vừa đúng 40 tuổi và đang ở trong tình trạng thất thế. Gần một năm rồi, Mao bị bệnh sốt rét hành hạ, và không được tham gia vào các cuộc họp quan trọng của đảng. Mao hầu như sống trong tình trạng bị giam lỏng tại gia. Ủy Ban Trung Ương gồm có ba người: Lý Đức, tư lệnh hồng quân, Bác Cổ, tổng bí thư đảng, và Chu Ân Lai, chủ tịch Ủy Ban Quân Sự và phụ trách các vấn đề hành chánh. Lệnh rút lui này là của Lý Đức và được Bác Cổ mau lẹ chấp thuận. Lý Đức và Bác Cổ là người của Nga sô và liên kết với nhau. Chu Ân Lai chỉ là tiếng nói thiểu số. Phe thân Nga đang lấn át tất cả những đảng viên không được huấn luyện tại Nga sô, như trường hợp Mao Trạch Đông.

Nhóm thân Nga chủ trương trục xuất Mao ra khỏi đảng, và không muốn Mao tham dự cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Hai năm trước Mao bị loại ra khỏi các chức vụ quân sự và chính trị, và chỉ được giữ một chức vụ tượng trưng, là chủ tịch đảng tại quận Vu Đô, một thị trấn có khoảng 10 ngàn dân. Nhiệm vụ của Mao lúc ấy là chủ tọa các cuộc họp của ủy ban địa phương tại Vu Đô. Mao cư ngụ trong một căn nhà tại phía bắc Vu Đô, cùng với Hạ Tử Trân, người vợ thứ hai, 24 tuổi, và đang có thai đứa con thứ tư. Mao bị cô lập, không được liên lạc với các giới chức cao cấp về quân sự và chính trị.

Hai tháng trước cuộc bao vây tiêu diệt lần thứ năm của Quốc dân đảng, Mao đã đề nghị tung những lực lượng chủ yếu của hồng quân đánh sâu vào khu vực Giang Tô – Triết Giang – An Huy – Giang Tây, với Triết Giang là trung tâm và quét sạch một vùng rộng lớn giữa Hàng Châu, Tô Châu, Nam Kinh, Ngũ Hồ, Nam Xương và Phúc Châu, biến thế phòng ngự chiến lược của hồng quân thành thế tấn công chiến lược, uy hiếp những trung tâm trọng yếu của Quốc dân đảng, và tìm những trận đánh tại những vùng rộng lớn, không có những lô cốt bao vây như tại Giang Tây. Mao cho rằng bằng cách như vậy, hồng quân có thể buộc quân Quốc dân đảng lúc đó đang tiến vào phía nam Giang Tây và phía tây Phúc Kiến, phải quay về bảo vệ những trung tâm trọng yếu. Mao tin rằng hồng quân có thể phá vỡ được cuộc bao vây tấn công lần thứ năm của Quốc quân vào khu sô viết Giang Tây. Lần khác Mao đề nghị tiến quân đánh Hán Khẩu và tiến thẳng tới Nam Kinh. Nhưng tại Bộ Chính Trị chẳng ai nghe lời của Mao. Lý Đức còn đề nghị đưa Mao sang điều trị bệnh sốt rét tại Nga sô, một hình thức loại trừ. Nhưng Nga sô thấy còn cần đến uy tín của Mao đối với dân chúng, nên bác bỏ đề nghị của Lý Đức. Mao cũng kịch liệt chống đối việc phải sang chữa bệnh tại Nga sô, vì Mao biết một khi ra khỏi Trung hoa thì Mao sẽ không có cơ hội trở về, và mất hẳn quyền chính trị. Bệnh sốt rét đã hủy hoại sức khỏe và thân thể của Mao rất nhiều, nhưng lúc nào Mao cũng cố giữ vững tinh thần cho mình miễn, và cảnh giác trước những âm mưu hãm hại của kẻ thù là những lãnh tụ cộng sản thân Nga sô, đang nắm giữ những chức vụ quan trọng trong đảng và chính quyền. Chính vì thế khi Chu Ân Lai thông báo lệnh rút lui thì Mao chỉ im lặng chấp nhận. Lúc nào Mao cũng đề phòng Bác Cổ kết tội rồi thủ tiêu.

Ngoài Mao Trạch Đông và Trần Nghi, Chu Ân Lai còn thông báo quyết định quân sự tối mật này cho 5 tư lệnh các quân đoàn, trong đó có Lâm Bưu và Bành Đức Hoài. Lâm Bưu tìm cách lén đến nơi cư ngụ của Mao Trạch Đông, và hỏi ý kiến Mao về cuộc rút lui. Mao dè dặt khuyên Lâm Bưu: “Tướng quân nên tuân lệnh trên và phải đi tới nơi đã được chỉ định.” Mao biết địa điểm phải tới, nhưng đây là một mật lệnh quân sự, Mao không dám nhắc đến địa danh đó, dù với Lâm Bưu, một người có vẻ trung thành với Mao. Mao thận trọng tránh không tiết lộ bí mật quân sự để Bác Cổ không có lý do hãm hại mình. Một số người thân tín của Mao Trạch Đông phải ở lại, như vợ chồng em ruột của Mao như Mao Trạch Đàm có vợ là em ruột Hạ Tử Trân, và một số bạn thân của Mao. Hình như tất cả những người Mao đề nghị cho đi theo đều bị Lý Đức và Bác Cổ từ chối. Tuy cuộc rút lui vào nơi hoang dã đã nguy hiểm, nhưng số phận những người ở lại khi quân Quốc dân đảng tiến tới còn nguy hiểm gấp bội, cơ hội sống sót trong trường hợp này không bằng một phần mười. Chính Mao Trạch Đàm, em của Mao, và thân phụ của Hạ Tử Trân đã là những người đầu tiên bị quốc quân hành quyết, khi khu vực sơ viết Giang Tây lọt vào tay quốc quân.

Theo chương trình của Ủy Ban Trung Ương thì hồng quân sẽ tập trung và tấn công quốc quân tại mặt trận phía tây, rồi từ đó tiến về một căn cứ mới do tướng Hạ Long đã thiết lập được tại vùng tây bắc, nằm giữa biên giới hai tỉnh Hồ Nam và Hồ Bắc. Quân số còn lại của hồng quân sẽ rút lui có khoảng 86 ngàn, trực thuộc năm quân đoàn. Ngoài năm quân đoàn này ra còn có thêm 30 phụ nữ và hai lộ quân gồm chín ngàn người, thuộc Ủy Ban Quân Sự và Lộ quân Trung ương. Đệ nhất quân đoàn do Bành Đức Hoài chỉ huy có nhiệm vụ đi tiên phong, mở đường máu cho đại quân đi sau. Đệ nhất quân đoàn của Bành Đức Hoài thành công trong nhiệm vụ giao phó, nhưng đã phải chịu những tổn thất vô cùng nặng nề.

*

Buổi chiều ngày 10-10-1934, một đám đông bắt đầu tụ tập trước trụ sở Ủy Ban Trung Ương tại Thụy Kim để chuẩn bị lên đường. Hôm đó là một ngày rất đẹp trời và ấm áp. Những người tập hợp tại đây không phải là quân nhân; có khoảng một trăm đàn ông và vài chục phụ nữ. Tất cả được xếp vào đoàn “dưỡng nhân” – những người yếu đuối hoặc già cả, bệnh tật hoặc bị thương, và đàn bà. Mỗi người mang theo một cái mền, một bao lương thực, mười cân gạo đủ dùng cho mười ngày, một túi quần áo và các đồ vật dụng hàng ngày. Mỗi người còn nhét vào thắt lưng một chiếc ly sành, trong đựng một chén chài đánh răng và một chiếc khăn tay nhét đầy cái ly. Một số người được cưỡi ngựa, như Mao Trạch Đông, Sử Thế Ly vị sư phụ 57 tuổi từng dạy Mao tại trường Sư Phạm Trường Sa trước kia, Đồng Tất Vũ một đảng viên cộng sản đầu tiên 48 tuổi, Hạ Tử Trân vợ của Mao đang mang bầu sắp tới ngày sinh, và một số phụ nữ.

Cái đám đông lếch thếch ấy sau đó được phân thành từng đội nhỏ, và đặt dưới quyền chỉ huy của Đặng Phát, chỉ huy trưởng ngành an ninh của đảng. Những người thuộc đoàn “dưỡng nhân” này được đi trước. Riêng Mao Trạch Đông chưa đi ngay, vì Mao còn phải làm một vài công việc cần thiết, và việc khó khăn nhất là đọc một bài diễn văn trước các cán bộ tại Vu Đô và dân chúng ở lại. Mao muốn chỉ dẫn cho những người ở lại một vài ý niệm về những gì sẽ xảy tới, và phải đối phó thế nào khi hồng quân đã rút hết và quốc quân tới nơi. Tuy sức khỏe suy nhược, Mao đã cố hết sức nói một cách đầy tin tưởng vào chiến thắng cuối cùng, mặc dầu những khó khăn to lớn mà hồng quân hiện đang phải đối phó. Các lãnh tụ Trung cộng đều có biệt tài tuyên truyền. Chính Mao cũng không chắc sống sót được trong cuộc chạy trốn, nhưng Mao vẫn hùng hồn nói đến chiến thắng cuối cùng, và kêu gọi dân chúng tiếp tục hy sinh chiến đấu!

Trong khi đó hồng quân ra sức tuyển mộ những thanh niên tình nguyện, bổ xung thêm

quân số. Tất cả hồng quân được lệnh chuẩn bị cho một cuộc hành quân quan trọng nhằm phá vỡ vòng vây của địch quân. Mỗi người phải mang theo lương thực đủ dùng cho mười ngày. Mọi người tưởng sắp sửa tham gia một trận đánh mới, nên họ rất đổi ngạc nhiên khi được lệnh phải đem theo quần áo ấm mùa đông, mặc dù thời tiết tháng mười chưa lạnh lắm.

Ngày 12-10, tất cả các cán bộ mọi cấp rút lui từ Thụy Kim về Vu Đô. Họ đi ban đêm để tránh sự nghi ngờ của quốc quân. Hàng ngàn phu khuân vác đem theo tất cả những gì có thể đem theo được, kể cả những dụng cụ rất nặng nề, như máy in, những tủ đựng hồ sơ, những chiếc rương lớn chứa đầy vàng bạc thuốc men, các cỗ súng nặng, các bộ phận phát thanh và điện thoại. Ngày 16-10 là ngày hồng quân chính thức rút lui. Từng đoàn quân từ nhiều nơi khác nhau tiến ngang qua Vu Đô, vượt qua con sông Vu Giang để tới An quận về phía nam.

Mãi chiều tối ngày 18-10, Mao Trạch Đông và đoàn tùy tùng khoảng hai mươi người, gồm cả thư ký và vệ sĩ, mới bắt đầu lên đường, gia nhập vào Lộ Quân Trung Ương. Mao mang theo một túi đựng đầy sách, một chiếc dù gậy cán, hai cái mền, và một áo choàng đã rách. Tất cả di chuyển một cách âm thầm kín đáo, hy vọng các oanh tạc cơ của quốc quân không khám phá ra họ. Kể từ Lý Đức và Bác Cổ trở xuống, không ai biết chắc hồng quân sẽ thành công đi đến đâu. Nhiều người nghĩ rằng cuộc rút lui vào nơi hoang dã, bỏ lại các căn cứ đã được tổ chức thành công từ nhiều năm qua là một hành động tự sát. Vì mang theo quá nhiều đồ nặng nề, nên có những phu khuân vác mỗi ngày chỉ tiến được vài dặm.

Một tiểu đoàn công binh bắc năm cây cầu nổi qua con sông Vu Giang. Nước sông chảy về phía đông nam ra biển cả, trong khi hồng quân đi ngược chiều của dòng sông, đi về phía tây bắc, tới những ngọn núi cao chìm vào mây. Phần lớn hồng quân là những nông dân, những người vốn nặng lòng quyến luyến quê hương làng mạc và gia đình cùng lối xóm. Lần ra đi này, mọi người linh cảm ít có hy vọng trở lại làng cũ và gặp lại cha mẹ, vợ con. Tới bờ sông, nhiều người quay lại nhìn con đường cũ, rồi im lặng nhìn nhau và cùng hoang mang cảm thấy một nỗi buồn xót xa.

Về mùa này nước sông rất thấp, nhiều chỗ quân sĩ có thể lội qua được. Mao và đoàn tùy tùng đi dọc theo bờ sông. Mặt sông phẳng lặng và bóng loáng dưới ánh trăng. Mọi người qua con sông nhỏ một cách dễ dàng. Sự im lặng, ánh trăng và tiếng nước vỗ nhẹ vào các cây cầu nổi đã gây cảm hứng và nâng cao tinh thần mọi người. Bỗng một vài người bắt đầu cất tiếng hát. Tiếng hát của họ có vui tươi hùng hồn, nhưng không khỏi cảm khái buồn ngùi. Họ biết họ đang tiến vào một con đường vô định, với một mục tiêu còn rất xa vời.

Những Ngày Đầu Của Hồng Quân

Đối với Tưởng Giới Thạch thì chưa bao giờ mọi việc lại tốt đẹp đến như thế. Ngày 15-10-1934, Tưởng cùng bà vợ Tống Mỹ Linh lên phi cơ từ Nam Xương để đi quan sát chiến trường vùng tây bắc. Kể từ ngày kết hôn với Tưởng Giới Thạch, trở thành vị đệ nhất phu nhân đầy quyền thế đến nay, bà Tống Mỹ Linh, cô con gái út của Tống Giáo Nhân, ít khi xa chồng, kể cả những lúc Tưởng đi quan sát chiến trường. Kể từ năm 1930, khi mà Tưởng tung hết sức mạnh nhằm diệt trừ “Quân Cướp Đỏ”, thì Tưởng có mặt thường xuyên tại Nam Xương. Bây giờ thì Tưởng hài lòng lắm. Nhờ chiến pháp của Hans von Seeckt, quân Quốc dân đảng đã dồn hồng quân vào chân tường, và số phận của “Quân Cướp Đỏ” chỉ còn được tính từng ngày. Tưởng sẽ loại được mối lo tâm phúc nhất, để dồn hết nỗ lực còn lại vào việc chinh phục các sứ quân, và thống nhất nước Trung hoa. Giấc mơ làm chúa tể Trung hoa của Tưởng chưa bao giờ hứa hẹn rực rỡ như lúc đó.

Các tay đao phủ của Tưởng Giới Thạch đã chặt đầu rất nhiều đảng viên cộng sản, và cả những người thân cộng, đến nỗi hàng ngũ cộng sản không thể phát triển mạnh về nhân lực được. Số người bị Tưởng hạ lệnh chém đầu nhiều hơn con số tuyển mộ bổ xung của hồng quân. Tuy vậy Tưởng cũng phải thầm khen những cấp chỉ huy của hồng quân tại Giang Tây. Tưởng cũng quen biết nhiều người trong nhóm này, khi mà tất cả cùng kết hợp nhau dưới lá cờ của Tôn Dật Tiên. Một trong những thủ lĩnh cộng sản mà Tưởng căm thù nhất là Chu Ân Lai. Trước kia Chu Ân Lai là phụ tá của Tưởng tại trường võ bị danh tiếng Hoàng Phố. Lúc đó Tưởng là chỉ huy trưởng, còn Chu Ân Lai phụ trách việc huấn luyện chính trị. Nhiều lãnh tụ quân sự của hồng quân cũng đã từng học tại Hoàng Phố. Cũng có những người chưa được đào luyện tại Hoàng Phố, như Mao Trạch Đông và Chu Đức. Tưởng cũng từng nghe nói rất nhiều về Mao Trạch Đông, mặc dầu hai người chưa từng có dịp gặp nhau. Về phần Chu Đức trước kia cũng là một sứ quân, có rất nhiều vợ và nghiện thuốc phiện. Nhưng về sau Chu Đức giải tán các bà vợ, bỏ thuốc phiện và gia nhập hồng quân. Mao Trạch Đông và Chu Đức chiến đấu sát cánh nhau rất thân thiết thành cặp bài trùng Chu Mao. Nhiều người lúc đầu không biết, cứ tưởng Chu Mao là một người. Tuy nhiên Mao Trạch Đông và Chu Đức chỉ hợp tác chặt chẽ với nhau trong những ngày chiến đấu gian khổ; khi phe cộng sản đạt được chiến thắng làm chủ Hoa Lục, Mao và Chu Đức thường chống đối nhau vì quyền lợi cá nhân.

Tuy Tưởng gọi những kẻ thù cộng sản là “Quân Cướp Đỏ”, nhưng Tưởng không bao giờ đánh giá họ quá thấp. Họ đã liên tiếp thành công đánh bại quân của Tưởng trong suốt bảy năm vừa qua. Nhờ Hans von Seeckt đến giúp, làm thay đổi hẳn cục diện. Hans von Seeckt tiến quân rất chậm và thận trọng. Trong khi tiến quân, Hans von Seeckt thiết lập những pháo đài, đồn bót ngăn chặn tất cả mọi con đường dẫn vào khu vực cộng sản. Vòng vây của Hans von Seeckt cứ từ từ xiết chặt lại. Việc buôn bán giữa khu vực cộng sản và khu vực Quốc dân đảng hoàn toàn bị cắt đứt. Không ai vào được khu vực cộng sản, và cũng không ai đi ra được từ khu vực cộng sản. Người dân sống trong khu vực cộng sản không bán được lúa gạo và ngô khoai, nhưng lại thiếu thốn muối, dầu lửa và vải.

Trước khi Tưởng tung ra đợt tấn công thứ năm, quân cộng sản vẫn tiếp tục chiến thắng bằng chiến thuật du kích, tấn công lén rồi rút lui. Hồng quân dụ cho quân Quốc dân đảng tiến sâu vào khu vực cộng sản, rồi dùng những cuộc phục kích để tiêu diệt. Hồng quân chiếm được rất nhiều lương thực và vũ khí. Rất nhiều quân Quốc dân đảng bị bắt làm tù binh, rồi bị cộng

sản cải tạo để trở thành những người thay thế cho những tổn thất về quân số của hồng quân.

Nhưng bây giờ thì hồng quân không thể nào đối địch trực tiếp với quân Quốc dân đảng được nữa. Trong trận Quảng Xương tháng 4-1934, hồng quân và quốc quân đã chiến đấu bất phân thắng bại. Đây là lần đầu tiên quân của Tưởng có thể cầm cự nghiêng ngửa với hồng quân. Cả hai bên đều không tiến lên được, dù là một tấc đất. Hồng quân bị tổn thất tám ngàn quân trong trận đánh này. Quân của Tưởng cũng bị thiệt hại tương tự. Nhưng Tưởng có thể bổ xung số quân tử trận mau lẹ, trong khi hồng quân không có khả năng thay thế được những thiệt hại to lớn về quân số được, vì nhân sự trong khu vực cộng sản đã được xử dụng tới tỗi đa, nay đã đến lúc kiệt quệ.

Chưa bao giờ Tưởng lên tinh thần như hiện nay. Cộng sản là lực lượng chính yếu cản trở mộng thống nhất Trung Hoa của Tưởng. Bây giờ hồng quân sắp bị tiêu diệt. Tưởng hy vọng có thể xin được viện trợ ngoại quốc để tạo thế mạnh trong cuộc thương thuyết đòi lại đất Mãn Châu trong tay người Nhật. Hitler hiện đang giúp Tưởng đánh lại hồng quân, nhưng Hitler sẽ không dám công khai giúp Tưởng chống lại Nhật, vì Hitler đang muốn lấy lòng Nhật để Nhật trở thành đồng minh với Đức. Tuy vậy Tưởng vẫn lạc quan hy vọng có được sự trợ giúp ngầm của Hitler. Về phần Stalin thì Tưởng tin rằng Stalin là người thực tế, nghĩ đến quyền lợi của Nga sô trước hết. Stalin sẽ không bao giờ trợ giúp Tưởng đánh bại cộng sản Trung hoa. Nhưng khi cộng sản Trung Hoa bị tiêu diệt rồi, thì Stalin sẽ nghiêng về Tưởng, vì một nước Trung Hoa thống nhất dưới quyền lãnh đạo tối cao của Tưởng sẽ có lợi cho Nga nhiều hơn.

Phi cơ của Tưởng tiếp tục bay từ Nam Xương, dọc theo sông Dương Tử, trên những cánh đồng lúa mì phì nhiêu và qua những vùng đồi vàng một màu đất hoàng thổ. Đằng sau Tưởng là Giang Tây, một khu vực mà hồng quân đang bị vây tứ phía, không còn đường rút lui. Tưởng lẩm bẩm: “Chúng bay sẽ bị tiêu diệt trọn ổ trong nay mai. Cái ngày tàn của chúng bay không còn xa đâu.” Tưởng định khi trở về Nam Xương sẽ ra lệnh mở cuộc tấn công tàn sát cuối cùng.

Nhiều người tại Nam Xương cũng phải chia xẻ sự lạc quan của Tưởng Giới Thạch cho rằng có thể tiêu diệt hết quân cộng sản tại Giang Tây. Người Trung hoa tại các nơi khác biết rất ít về sự hiện diện của cộng sản, nhưng người dân tại Nam Xương biết rõ khí thế và hoạt động của cộng sản hơn. Họ đã biết quân cộng sản từ ngày 1-8-1927, khi cộng sản vùng lên chiếm thành phố, rồi gióng cờ lên tiến về phía nam, trong hy vọng khôi phục lại một cuộc cách mạng mà Tưởng Giới Thạch đã hủy diệt trong biển máu tại Thượng Hải. Nhân vật nổi bật nhất trong cuộc nổi dậy tại Nam Xương là một thanh niên đẹp trai, lúc đó mới có 29 tuổi. Chàng thanh niên đó là Chu Ân Lai, một người tự nhận là “sản phẩm của một gia đình quan lại băng hoại.” Giống phần đông thanh niên Trung hoa cùng thế hệ, Chu Ân Lai đã không bỏ lỡ cơ hội đầu tiên gia nhập các phong trào sinh viên quá khích. Sau đó Chu Ân Lai xuất ngoại sang Âu châu, làm việc tại hãng xe hơi Renault của Pháp, rồi học tại Ba Lê và Bá Linh, Đức quốc. Chu Ân Lai là đảng viên sáng lập cộng đảng Trung hoa tại Âu châu.

Năm 1927 là một cái mốc lớn trong lịch sử Trung hoa. Chính năm đó Tưởng Giới Thạch từ Quảng Đông mở cuộc chinh phạt miền bắc, với sự hợp tác của phe cộng sản. Thực ra phe cộng sản Trung Hoa liên kết với Quốc dân đảng chỉ là giai đoạn tạm thời trong lúc phe cộng sản còn yếu kém, và họ luôn luôn tìm mọi cơ hội để khai thác và chiếm đoạt chiến thắng của phe Quốc dân đảng. Mục tiêu đầu tiên của cuộc Bắc phạt là Thượng Hải, và sau đó hy vọng sẽ là Bắc Kinh. Chu Ân Lai định cướp công của Quốc dân đảng bằng cách lén tới Thượng Hải trước, âm mưu tổ chức các cuộc nổi dậy của công nhân, đặt bước đầu cho các hoạt động của đảng cộng sản sau này. Hai cuộc nổi dậy đầu tiên của công nhân thất bại vì thiếu chuẩn bị. Đợt nổi dậy lần thứ ba thành công. Hàng trăm ngàn công nhân tiến ra đường, đoạt quyền chỉ huy thành

phố, và sửa soạn chào đón Tưởng Giới Thạch và quân đội Quốc dân đảng.

Nhưng biến cố buổi sáng ngày 12-4-1927 không phải là chiến thắng mà Chu Ân Lai và các lãnh tụ cộng sản mong đợi. Trong khi công nhân giăng biển ngữ “Hoan hô Quân đội Giải Phóng Quốc gia” và “Hoan hô Tưởng Giới Thạch” thì Tưởng Giới Thạch âm thầm liên kết với các bang hội, các nhóm anh chị của Hoàng Mạt Rỗ và Đỗ Nguyệt Thăng có biệt hiệu là Đổ Đại Nhĩ, để triệt hạ giới công nhân. Tưởng trông thấy âm mưu hót tay trên của Chu Ân Lai cho mục tiêu cộng sản sau này. Bề ngoài công nhân có vẻ ủng hộ đại quân của Tưởng, nhưng Tưởng biết rõ lý do của sự ủng hộ bất đắc dĩ này chỉ vì lực lượng cộng sản chưa đủ mạnh. Tưởng đã làm một điều cần thiết để tránh hậu họa. Trong khi đại quân của Tưởng án binh bất động, thì từng nhóm anh chị của các bố già Hoàng Mạt Rỗ và Đổ Đại Nhĩ xông ra, mặc sức “làm thịt” công nhân tại chỗ. Hàng ngàn công nhân bị các tay anh chị tàn nhẫn bắn giết, chặt đầu, hoặc bị quăng vào luộc sống trong những lò nước sôi. Tưởng treo giải thưởng 80 ngàn đô la cho ai bắt được hoặc giết được Chu Ân Lai. Các cơ sở của cộng sản tại Thượng Hải bị tàn phá, nhiều lãnh tụ bị bắt và bị giết.

Người ta đồn Chu Ân Lai đã bị quân của Tưởng bắt được, nhưng sau Chu Ân Lai phải mặc giả làm đàn bà mới trốn thoát. Nhưng thực ra Chu bị đệ nhị sư đoàn Quốc dân đảng bắt giữ trong khi sư đoàn này có nhiệm vụ tái lập trật tự và tước vũ khí của dân quân. Một số sĩ quan cao cấp trong đệ nhị sư đoàn đã biết Chu từ thời còn học tại trường võ bị Hoàng Phố, và họ có thiện cảm với Chu. Sau một hồi bàn cãi sôi nổi giữa các cấp chỉ huy sư đoàn, Chu được thả. Lập tức Chu tìm đường trốn về Vũ Hán. Giai thoại Chu Ân Lai phải mặc giả đàn bà để trốn bắt nguồn từ sự kiện Chu Ân Lai là người rất đẹp trai, và hồi còn học tại Thiên Tân, Chu Ân Lai hay đóng kịch, và thường phải đóng những vai giả làm con gái. Trong khi đó người yêu của Chu Ân Lai là Đặng Dĩnh Siêu thường phải đóng giả làm đàn ông, có lẽ tại Đặng Dĩnh Siêu thiếu nhan sắc.

Lúc đó phe cộng sản và Quốc dân đảng đang trong thời kỳ hợp tác với nhau, và đặt chính phủ tại Vũ Hán. Sự hợp tác Quốc Cộng là chủ trương của Tôn Dật Tiên. Tưởng Giới Thạch là một lãnh tụ chống cộng triệt để, và không chịu hợp tác với phe cộng. Sau biến cố đẫm máu đánh bại phe cộng sản tại Thượng Hải, Tưởng gạt bỏ những người cộng sản ra khỏi tổ chức Quốc dân đảng và chính phủ tại Vũ Hán. Liên sau đó là một cuộc đàn áp công nhân và nông dân tại Vũ Hán. Các lãnh tụ cộng sản phải bỏ trốn, đi vào con đường hoạt động bí mật. Tưởng Giới Thạch dời thủ đô về Nam Kinh. Việc khai trừ và đàn áp người cộng sản tại Vũ Hán của Tưởng Giới Thạch đã đẩy một số lãnh tụ cộng sản mở những cuộc nổi dậy, chiếm một số thành phố của Quốc dân đảng. Các cuộc nổi dậy này khởi sự vào mùa thu, vì thế được gọi là Những Cuộc Nổi Dậy Mùa Thu.

Các lãnh tụ cộng sản hy vọng dùng được một số đơn vị nhỏ của tướng Trương Phát Khuê cho mục tiêu đánh chiếm Nam Xương, rồi tiến về chiếm Quảng Châu ở phía nam. Trương Phát Khuê không phải là cộng sản, nhưng nhiều cấp chỉ huy dưới quyền của họ Trương lại là cộng sản, như Diệp Dĩnh, tư lệnh Nam Xương và sư đoàn 24, Diệp Kiếm Anh tham mưu trưởng quân đoàn 4, Hạ Long tư lệnh quân đoàn 20, và thiếu tướng Chu Đức là giám đốc sở công an Nam Xương. Với nhiều nhân sự nắm giữ những chức vụ quân sự quan trọng như thế, Nam Xương quả thực là một mục tiêu lý tưởng cho cộng sản.

*

Chu Ân Lai Và Cuộc Nổi Dậy Tại Nam Xương

Chu Ân Lai sinh năm 1899 tại tỉnh Hoài An, trong một gia đình quan lại. Thân phụ của Chu có một người em trai sắp chết mà chưa có con trai, và sợ rằng người em sau này không có

ai nổi dãi để tiếp tục việc thờ phụng, nên lúc Chu Ân Lai được bốn tuổi thì bị thân phụ đem cho người chú nuôi. Sau khi người chú chết rồi thì Chu vẫn tiếp tục ở nhà người chú với người mẹ nuôi là thím ruột của mình. Người thím của Chu là người hay chữ và thích đọc sách. Bà ta rất thích đọc những sách bị cấm hời đó, như những sách nói về những cuộc nổi loạn chống lại triều đình, và đưa cho Chu đọc. Chu rất say mê những sách này. Chu bắt đầu học tại nhà do một thầy đồ đến dạy. Khi Chu 14 tuổi thì được gia đình gửi tới Nam Khai Học Hiệu tại Thiên Tân, và hoàn toàn bị ảnh hưởng Quốc dân đảng của Tôn Dật Tiên. Năm 1917, Chu sang Nhật Bản và giao du với rất nhiều sinh viên cách mạng.

Đầu năm 1919, Chu trở về nước và học tại đại học Thiên Tân. Trong thời gian học tại Nam Khai Học Hiệu, Chu Ân Lai bị tù 5 tháng vì lãnh đạo học sinh trong Phong Trào Sinh Viên Ngũ Tứ. Gia đình tức giận không gửi tiền trợ giúp Chu nữa. Chu phải tự lo liệu bằng cách viết báo hoặc bằng học bổng, vì Chu là một học sinh xuất sắc. Trong thời gian này, Chu thành lập hội Thúc Tỉnh, bao gồm những phần tử quá khích. Trong số những hội viên của Hội Thúc Tỉnh, có một nữ sinh viên tên là Đặng Dĩnh Siêu. Năm 1925, Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu kết hôn với nhau, và cùng đi chung một con đường phục vụ cộng đảng Trung hoa. Đây là một cặp vợ chồng son sắt nhất trong cộng đảng Trung hoa; hai người yêu nhau, kính trọng nhau và sống bên nhau suốt đời, kể cả những lúc gian lao nhất trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, và mặc dù không có con. Khi Chu làm thủ tướng, nhiều người đề nghị Chu nên kết hôn với một người con gái trẻ khác để có con, nhưng Chu từ chối và nói: "Tôi không cần có con riêng. Tất cả trẻ con Trung Hoa đều là con tôi." Trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, vì không chịu đựng nổi những gian khổ, Đặng Dĩnh Siêu mắc bệnh lao phổi, và phải được chở đi bằng cáng. Sau đó Đặng Dĩnh Siêu phải lén trở lại Bắc Kinh để chữa bệnh phổi.

Hội Thúc Tỉnh của Chu Ân Lai tan rã vào năm 1920, khi Chu và Đặng Dĩnh Siêu được đi Pháp du học theo chương trình "Làm Việc Và Học Tập" do Trần Độc Tú tổ chức. Tại Pháp, Đức và Anh quốc, Chu Ân Lai làm đủ mọi thứ việc, như bồi bàn, thợ mỏ, thợ xe hơi để học, và thành lập chi bộ cộng đảng Trung hoa tại Âu Châu. Năm 1924 Chu Ân Lai trở về nước, và dừng lại tại Mạc Tư Khoa để tham dự một vài khóa huấn luyện đặc biệt. Tại Quảng Đông năm đó, Chu Ân Lai trở thành phụ tá cho Tưởng Giới Thạch, giảng dạy chính trị tại trường võ bị Hoàng Phố.

*

Một ngày cuối tháng 7 năm 1927, một thanh niên đẹp trai, dong dỏng cao, trong bộ âu phục màu xám, xách cặp da màu đen, bước vào Đại Khách Sạn tại Nam Xương, và thuê phòng số 25. Chàng thanh niên đó chính là Chu Ân Lai. Khách sạn này lúc đó hầu như không còn phòng trống nữa. Tướng Hạ Long cũng đã thuê phòng số 20. Lưu Bá Thừa có biệt danh là Độc Nhãn Long vì chột một bên mắt, thì chiếm phòng số 9. Lâm Bưu lúc đó chỉ là một trung đội trưởng nên không được dành phòng tại đây, kể cả Chu Đức lúc đó vẫn chưa chính thức gia nhập đảng cộng sản, và còn đang đứng trong hàng ngũ Quốc dân đảng và phụ trách ngành an ninh tại Nam Xương. Các lãnh tụ cộng sản cao cấp đang âm thầm kéo về Nam Xương trong một mưu toan lớn.

Chu Ân Lai là người được cộng đảng giao phó trọng trách tổ chức cuộc nổi dậy tại Nam Xương. Phe cộng sản có vẻ nắm chắc phần thắng tại đây, vì cộng quân tung vào cuộc nổi loạn 20 ngàn quân để chống lại 10 ngàn quân chính phủ. Tuy nhiên nếu Chu Ân Lai không cương quyết thì mọi kế hoạch của cộng sản đã không thể thi hành được. Stalin mới phái Lominadze, một đảng viên Nga sô mới 29 tuổi, sang làm cố vấn cho cộng đảng Trung hoa. Lominadze không hiểu biết gì về Trung hoa, nhưng được lòng Stalin. Khi tới Trung hoa, Lominadze ra lệnh ngưng cuộc nổi dậy tại Nam Xương. Lệnh của Lominadze đưa ra 25 giờ trước khi cuộc nổi dậy khởi sự. Trương Quốc Đào được lệnh tới Nam Xương để thuyết phục Chu Ân Lai bãi bỏ cuộc

nổi dậy. Họ Trương nhấn mạnh cuộc nổi dậy chỉ khởi sự nếu bảo đảm được chiến thắng, nếu không thì tốt hơn là rút những người cộng sản ra khỏi quân đội của Trương Phát Khuê, và tìm về lập một căn cứ tại nông thôn.

Chu Ân Lai và một số lãnh tụ khác bất tuân lệnh của Lominadze, có lẽ vì đã tập trung quá nhiều nỗ lực vào việc chuẩn bị. Tất cả tránh trường hợp căng thẳng chờ đợi để thăm dò Trương Phát Khuê. Một số người chủ trương rằng mũi tên đã đặt lên cung rồi thì phải được bắn đi. Chu Ân Lai quyết định cứ tiến hành cuộc nổi dậy như đã định, và cuộc nổi dậy Nam Xương bùng nổ sáng ngày 1-8-1927, do Hạ Long làm tư lệnh và Diệp Dĩnh làm phó tư lệnh. Lúc đó là đầu tháng 8, trời đẹp nhưng rất oi bức nên quân đội chính phủ phải ngủ ngay ngoài sân trại, và do đó rất chênh mảng việc bố phòng.

Cuộc tấn công xảy ra rất mau lẹ, và quân của Chu Ân Lai làm chủ được thành phố vào lúc hùng sáng. Trên 800 quân chính phủ tử trận. Số tổn thất của cộng quân nặng hơn gấp ba lần. Tuy nhiên quân cộng sản không thể chiếm giữ thành phố được lâu, vì đệ nhị quân đoàn của tướng Trương Phát Khuê lập tức tiến tới bao vây Nam Xương. Trong vòng ba ngày, quân cộng sản rút lui khỏi thành phố, tiến về phía nam. Ngày 6-8 Nam Xương lại thuộc về chính phủ Quốc dân đảng. Tuy cuộc nổi dậy Nam Xương thất bại, cộng quân chỉ làm chủ thành phố được ba ngày, nhưng đó là thành tích đầu tiên của cộng sản, và có hậu quả quan trọng cho công cuộc cách mạng cộng sản Trung hoa. Các lãnh tụ quan trọng nhất của phe cộng sản Trung hoa đều tham dự cuộc nổi dậy này, như Chu Ân Lai, Trần Nghị, Hạ Long, Lưu Bá Thừa, Lâm Bưu, Chu Đức... Kể từ đó, ngày quân lực của hồng quân Trung hoa được tổ chức hàng năm vào ngày 1-8, để tưởng niệm cuộc nổi dậy quan trọng đầu tiên của hồng quân tại Nam Xương.

Lực lượng nổi dậy tại Nam Xương phải ra đi ngày 3-8, và tiến về Quảng Đông với ý định đánh chiếm thành phố Quảng Châu. Đoàn quân rút lui khỏi Nam Xương đem theo tất cả vũ khí chiếm được và tiền bạc của ngân hàng Nam Xương. Nhưng khi toán quân 21 ngàn người này tới địa phận tỉnh Quảng Đông thì chỉ còn lại 8 ngàn người. Nhiều người đói đảo ngũ, người thì chết vì bệnh thời khí và đói khát. Với một quân số ít ỏi như vậy thì không đủ sức mạnh chiếm được Quảng Châu, các lãnh tụ cộng sản liền tạm chiếm hải cảng Sán Đầu, nhưng chỉ vài ngày sau thì bị một lực lượng Quốc dân đảng hùng hậu hơn đánh tan. Phần lớn các lãnh tụ cộng sản thất bại bỏ trốn sang Hương Cảng bằng thuyền nhỏ. Diệp Kiếm Anh và Diệp Dĩnh ở lại Hương Cảng một thời gian. Hạ Long trở lại nguyên quán và xây dựng một đội quân khác. Lưu Bá Thừa thì bỏ sang Nga để học quân sự. Trong nhóm các lãnh tụ cộng sản tham dự cuộc nổi dậy tại Nam Xương, chỉ một mình Chu Đức đã sống sót về mặt quân sự. Chu Đức dẫn được một lực lượng hai ngàn người đi theo một con đường khác, và sau này gia nhập với lực lượng của Mao Trạch Đông tại Tỉnh Cương Sơn.

Sau khi thất bại tại Sán Đầu, Chu Ân Lai ngã bệnh sốt rét. Ông nghỉ tại Hương Cảng một thời gian rồi lên trở lại Thượng Hải và hoạt động cho Trung ương đảng. Sau này trong một dịp nói chuyện với Hồng vệ binh, Chu Ân Lai phát biểu cảm tưởng về cuộc nổi dậy Nam Xương như sau: "Thực ra Trương Quốc Đào cũng đúng một phần và tôi sai khi chúng tôi tranh luận tại Nam Xương. Vào lúc đó, tham gia cuộc đấu tranh vũ trang là đúng. Nhưng vấn đề là đáng lẽ chúng ta phải đoàn kết với nông dân. Nếu như sau cuộc nổi dậy, chúng ta phân tán đi để xây dựng các cơ sở trong các vùng nông thôn tỉnh Giang Tây thì sức mạnh của chúng ta rất lớn. Trái lại, chúng ta lại tìm cách chiếm những thành phố bằng sức mạnh quân sự của chúng ta. Đó là một chính sách dựa vào quan điểm quân sự thuần túy. Chúng ta đi từ Giang Tây đến Quảng Đông, mục tiêu đầu tiên là chiếm Sán Đầu với mục đích nhận được viện trợ của Liên xô. Một mặt chúng ta muốn chiếm các thành phố, mặt khác, chúng ta muốn dựa vào viện trợ của ngoại quốc. Do ảnh hưởng của hai tư tưởng đó, chúng ta không đoàn kết với nông dân... Tôi bắt đầu

phạm sai lầm khi tôi 29 tuổi. Nay tôi đã 69 tuổi, nhưng vẫn phạm sai lầm.”

Sau những thất bại liên tiếp, Trần Độc Tú bị khiển trách và mất chức Tổng Bí Thư. Cù Thu Bạch được chọn lên thay thế. Trong dịp này Mao Trạch Đông được chỉ định tổ chức cuộc Nổi Dậy Mùa Thu tại Trường Sa.

*

Mao Trạch Đông Và Cuộc Nổi Dậy Mùa Thu Tại Trường Sa

Mao Trạch Đông không tham dự cuộc nổi dậy tại Nam Xương, vì lúc đó Mao còn bận tổ chức cuộc Nổi Dậy Mùa Thu tại Trường Sa, thủ phủ tỉnh Hồ Nam. Mao sinh năm 1893 trong một gia đình nông dân tại Thiều Sơn, cách Trường Sa 40 dặm. Thân phụ Mao là Mao Châu Thẩm, một nông dân vừa cần kiệm vừa tham lam. Ông nội của Mao bị chủ nợ xiết tất cả ruộng đất vì không trả nổi nợ. Về sau Mao Châu Thẩm cố gắng chuộc lại và mua thêm đất, và tài sản nhà họ Mao lên đến 3.7 mẫu ruộng. Hàng năm nhà họ Mao sản xuất được 7 tấn thóc và được coi là một địa chủ, vì có tá điền giúp việc. Thân phụ Mao rất nghiêm khắc với con cái, và thường hay đánh mắng con cái để duy trì sự tuyệt đối vâng lời và phục tùng. Ngay từ lúc 4 tuổi, Mao đã phải ra đồng làm việc như một nông dân. Thân phụ Mao hàng tháng cấp phát gạo và trứng cho tá điền, nhưng Mao chưa bao giờ được ăn trứng và thịt cá.

Thân phụ Mao quyết định phải cho con trưởng là Mao Trạch Đông đi học, không phải vì ông muốn cho con khá, mà là vì ông làm ăn phát đạt, bước sang ngành buôn gạo và cho vay lãi, nên cần một người con biết viết để giúp ông, và cũng vì ông vốn mù chữ. Nhờ thế Mao được đi học lúc 7 tuổi. Trường học của Mao theo lẽ lối giáo dục cổ điển, dùng nhục hình để bắt học sinh phải chăm học. Hành động phản kháng chống đối đầu tiên của Mao là tại trường học. Hồi Mao 10 tuổi, một hôm Mao bỏ trường để phản đối lối trừng phạt bằng roi vọt. Mao không dám về nhà vì sợ bị bố đánh. Nhưng cuối cùng gia đình cũng bắt được Mao đem về nhà. Nhưng một điều làm Mao ngạc nhiên là không bị thân phụ đánh mắng gì cả. Không những thế, từ đó trở đi thân phụ Mao đối xử với Mao dịu dàng hơn, và thầy giáo cũng không dám đánh Mao nữa.

Một ngày lúc Mao được 13 tuổi, thân phụ Mao mời một số khách lại chơi. Hai bố con bất đồng ý về một vấn đề, và Mao bị thân phụ mắng là “quân lười biếng vô dụng”. Mao vô cùng tức giận, cãi lại bố rồi vùng vằng bỏ nhà ra đi, hăm dọa sẽ tự tử. Bà mẹ vội vàng đuổi theo và năn nỉ Mao trở lại, nhưng cậu bé cứng đầu ngỗ nghịch cứ xăm xăm bước ra bờ ao, và có vẻ muốn nhảy xuống ao trầm mình. Mao kể lại cố sự này: “Bố tôi cũng đuổi theo tôi và bắt tôi phải quay về nhà. Ông nhất định bắt tôi phải khấu đầu tạ tội, một hình thức phục tùng. Tôi đồng ý chỉ quỳ một chân thôi, nếu bố tôi hứa từ đó không được đánh tôi nữa. Thế là cuộc xung đột giữa tôi và bố tôi chấm dứt. Từ kinh nghiệm này tôi học được một điều là khi nào tôi bảo vệ quyền lợi của tôi bằng cách nổi loạn chống lại thì bố tôi lui, nhưng nếu tôi cứ tiếp tục yếu đuối hàng phục thì bố tôi cứ chửi mắng và đánh đập tôi.” Bài học của đời sống gia đình đã dạy Mao tinh thần nổi loạn, và phải chống đối tất cả để trở thành lãnh tụ số một.

Mao Trạch Đông được học ngay tại trường làng, và trong năm năm, Mao đã đọc hết Tứ Thư Ngũ Kinh. Nhiều năm sau đó, Mao tỏ ra chê bai cái học của mình. Mao nói với một nhà báo Tây phương: “Tôi rất ghét Khổng Tử.” Nhưng thực ra Mao đã nghiền ngẫm và bắt chước các tác phẩm danh tiếng của nước Trung Hoa cổ, và trong các tác phẩm của mình, Mao thường hay trích dẫn những lời nói của Khổng Tử và Mạnh Tử. Trong những năm cuối cùng của đời mình, Mao đã thu thập rất nhiều tác phẩm cổ điển; các tư tưởng cổ điển ngày càng ăn sâu vào tâm trí Mao, đúng như Mao thường nói: “Hãy dùng quá khứ phục vụ hiện tại.”

Đúng ra Mao Trạch Đông đã áp dụng triết lý của Khổng Tử và Mạnh Tử vào đường lối suy tư của mình. Khổng Tử và Mạnh Tử tha thiết sửa đổi thực tế chứ không tìm cách chạy trốn

khởi thực tế. Đó cũng là căn bản tư tưởng chính trị của Mao. Mao rất thích câu nói của Mạnh Tử: “Nếu ý Trời muốn thiết lập hòa bình và trật tự khắp bốn phương thì còn ai ngoài ta thực hiện điều đó?” Mao say mê đọc các tiểu thuyết danh tiếng của Trung Hoa như Tam Quốc Chí, Thủy Hử, Tây Du và Hồng Lâu Mộng. Mao thuộc lòng nhiều đoạn trong Tam Quốc Chí và Thủy Hử, và nhiều đoạn trong lịch sử Trung Hoa, đặc biệt là những cổ sự về tranh dành quyền lực giữa những nhân vật chính trị. Mao đã áp dụng tất cả những sách vở đã đọc vào chiến thuật du kích của mình. Khi các kẻ thù của Mao lên án Mao chiến đấu tại Tỉnh Cương Sơn và trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh đúng theo những gì Mao đã đọc trong cuốn Thủy Hử, thì quả thực họ đã khen ngợi Mao một cách chính xác nhất. Mao không bao giờ phủ nhận điều đó. Mao còn dùng cuốn Binh Thư của Tôn Tử như một cuốn sách gối đầu giường. Mao đặt cuộc cách mạng Trung Hoa trên căn bản hoàn toàn Trung Hoa.

Khi Mao Trạch Đông được 14 tuổi thì bị cha mẹ bắt lấy vợ, và cưới cho Mao một cô gái 20 tuổi, hơn Mao 6 tuổi. Mao rất bất mãn việc bắt buộc phải lấy vợ do cha mẹ chọn mà không có sự đồng ý của Mao, và không bao giờ Mao công nhận người con gái do cha mẹ cưới hỏi là vợ mình. Mao cũng không bao giờ gần gũi người con gái ấy. Mao biết mùi vị tình dục rất sớm. Ngay từ năm 12 tuổi, Mao đã thành công dụ dỗ một cô gái xinh đẹp trong làng làm tình với mình. Cô gái ấy cũng bằng tuổi Mao.

Tuy Mao có vẻ bất hiếu ngỗ nghịch với thân phụ, nhưng Mao lại hết lòng yêu mến và vâng lời mẹ. Mao chịu ảnh hưởng của bà mẹ trong những năm niên thiếu. Thân mẫu Mao tên là Vương Kim Muội, một người đàn bà siêng năng, tốt bụng và hiểu biết. Bà thường giúp đỡ những người bần cùng. Vào những lúc đói kém, bà thường lén chõng lấy gạo cho các nông dân nghèo đói. Bà rất sùng đạo Phật, và chính vì bà, Mao trở thành một Phật tử lúc còn trẻ. Khi mẹ bị bệnh, Mao cầu nguyện Đức Phật cho mẹ chóng bình phục, và lúc 15 tuổi, Mao đã đi hành hương tại ngôi chùa trên núi Hằng Sơn, cách xa Thiều Sơn trên 100 dặm. Hằng Sơn là một trong năm ngọn núi thiêng của Trung hoa.

Khi mẹ chết năm 1919, Mao Trạch Đông liền từ bỏ đạo Phật, nhưng tư tưởng Phật giáo vẫn còn dấu vết trong cách suy tư của Mao. Lý Thụy, một học giả từng làm bí thư cho Mao trước khi bị Mao bỏ tù và bị đi đày 20 năm, nhận xét rằng tư tưởng Phật giáo đã khiến Mao quan niệm rằng sự cải tạo trước hết cần phải phá hủy trước khi xây dựng lại. Mao đã viết: “Sự hủy diệt thế giới không phải là sự hủy diệt cuối cùng. Sau ngày tận thế nhất định là sự thành công. Đây là một sự hiển nhiên. Chúng ta hằng say mong đợi ngày tận thế của thế giới cũ. Sự hủy diệt thế giới cũ sẽ dẫn tới sự thiết lập một thế giới mới.”

Thân phụ Mao không muốn cho Mao học nhiều, mà chỉ muốn Mao học đủ để làm việc với một lái buôn gạo tại làng bên cạnh. Lúc này nhà họ Mao cũng đã khá giả hơn trước nhiều, nhà cửa khang trang nhất trong làng, bên cạnh nhà có kho đựng thóc và một ao nuôi cá chép cùng vịt ngỗng. Nhưng Mao đòi thân phụ cho được tiếp tục học thêm, và cuối cùng đến đầu năm 1910, Mao được vào trường Đông Sơn. Tại đây Mao học khoa học, Anh ngữ, và cổ văn Trung hoa. Mao tỏ ra có tài viết văn và nói trước công chúng. Tuy Mao ghét học môn Anh văn, nhưng Mao rất khâm phục tổng thống Washington của Hoa Kỳ. Mao thường nói với bạn bè: “Trung hoa cần phải có những vĩ nhân như Washington.”

Đây chính là thời gian Mao Trạch Đông được đọc những tác phẩm của hai nhà cải cách quan trọng của Trung hoa là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu. Hai học giả này đã nổi bật nhất trong thời gian Trung Hoa bị quân Nhật đánh bại lần đầu tiên, và trong thời gian có loạn Quyền Phỉ. Nhưng lúc Mao biết và đọc Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu thì ảnh hưởng của hai người này đang ở vào thời kỳ suy tàn. Vào thời đó, tin tức bên ngoài tới vùng quê Hồ Nam rất chậm trễ. Phải hai năm sau Mao mới được tin thái hậu Từ Hy từ trần. Tuy nhiên bước tiến của Mao

rất mau. Sau một thời gian đọc sách và suy ngẫm, Mao tìm đến thủ phủ Trường Sa đúng lúc cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911 của Tôn Dật Tiên bắt đầu. Mao lập tức cắt bỏ mái tóc đuôi sam, một hình thức chống lại chế độ quân chủ của nhà Thanh, và lao vào cuộc cách mạng. Mao nhiệt liệt hô hào thành lập một chính phủ do Tôn Dật Tiên làm tổng thống, Khang hữu Vi làm thủ tướng và Lương Khải Siêu làm ngoại trưởng. Thực ra Mao không hiểu rằng quan điểm của Tôn Dật Tiên và của hai họ Khang, Lương rất xa cách nhau. Rồi Mao gia nhập quân đội cách mạng tại Trường Sa.

Sáu tháng sau, ông vua cuối cùng của nhà Mãn Thanh là Phổ Nghi phải thoái vị, và Mao cho rằng cuộc cách mạng đã thành công. Thế là Mao lập tức rời bỏ quân đội để tìm đường học thêm. Lúc đầu Mao quyết định tự học trong thư viện. Mao say mê đọc các tác phẩm chính trị, kinh tế và khoa học của tây phương, và thơ văn của Trung Hoa và Hy Lạp. Năm 1913, Mao thi vào trường sư phạm Trường Sa để trở thành giáo viên. Trong kỳ thi này, bài luận của Mao được chấm điểm cao nhất. Tại trường sư phạm, Mao thọ giáo với giáo sư Dương Xương Tế, một vị giáo sư khả kính, được mệnh danh là “Khổng Tử của Trường Sa”.

Mao học tại trường sư phạm trên 5 năm, và nhiều sinh viên tại đây sau này theo Mao vào đảng cộng sản. Năm 1918, Mao tốt nghiệp hạng ba. Các bạn cùng khóa bầu Mao là sinh viên xuất sắc nhất lớp, nhưng các giáo sư chê Mao là người quá độc lập, quá tự kiêu, một người rất dễ đập phá luật lệ. Năm đó Mao được 25 tuổi và tự nhận là một thi sĩ, một người ái quốc và một triết gia. Mao chủ trương Trung hoa cần phải thay đổi, và Mao tự nhận có sứ mạng lãnh đạo sự thay đổi đó.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, Mao Trạch Đông quyết định không đi theo nghề dạy học. Mao tìm đường lên Bắc Kinh để học hỏi thêm và tìm cách tiến thân. Tại Bắc Kinh, Mao gặp lại giáo sư Dương Xương Tế, người thầy cũ tại Trường Sa và hiện là giáo sư đại học Bắc Kinh. Thoạt đầu Mao không có tiền nên cuộc sống hết sức thiếu thốn. Mao phải ở chung với cả chục người thuê một gian phòng nhỏ chỉ có một chiếc giường gạch. Ban đêm tất cả nằm chen chúc trên chiếc giường ấy. Khi một người muốn trở mình thì phải lên tiếng báo động trước cho hai người nằm hai bên.

Nhưng ít lâu sau, Dương Xương Tế nhờ Lý Đại Chiêu tìm cho Mao một công việc tại thư viện trường đại học Bắc Kinh. Lý Đại Chiêu là một trong những nhà lãnh đạo trí thức nổi tiếng của thời Cộng Hòa đầu tiên. Vào khoảng năm 1920, Lý Đại Chiêu đi theo chủ nghĩa cộng sản. Nhưng khi một đảng viên cộng sản Nga sang Trung Hoa ngỏ ý muốn giúp Lý Đại Chiêu thành lập đảng cộng sản Trung Hoa thì họ Lý từ chối, và giới thiệu người Nga ấy cho Trần Độc Tú. Tuy vậy Lý Đại Chiêu vẫn giúp Trần Độc Tú chuẩn bị đại hội đảng lần thứ nhất. Lý Đại Chiêu là bạn của Tôn Dật Tiên. Ông hoạt động cho chủ nghĩa cộng sản, nhưng vẫn chủ trương Quốc Cộng nên hợp tác với nhau. Năm 1927, sứ quân Trương Tác Lâm chiếm Bắc Kinh. Lý Đại Chiêu phải trốn vào ty nạn trong tòa đại sứ Nga và tiếp tục hoạt động cho cộng đảng tại đây. Thấy Tưởng Giới Thạch tấn công phe cộng sản tại Thượng Hải và Vũ Hán, Trương Tác Lâm liền tấn công tòa đại sứ Nga, bắt Lý Đại Chiêu và những người cộng sản ty nạn tại đây. Nhiều người có cảm tình với Lý Đại Chiêu đã can thiệp, xin Trương Tác Lâm thả ông, nhưng ngày 28-4-1927, Trương Tác Lâm ra lệnh xiết cổ Lý Đại Chiêu thật chậm, một cách xử tử dã man, làm cho nạn nhân đau đớn và chết từ từ. Người con gái Lý Đại Chiêu và 19 cộng sự viên của ông cũng chịu chung một số phận.

Người ta nghĩ rằng Mao Trạch Đông sẽ mang ơn Lý Đại Chiêu, vì Lý Đại Chiêu đã giúp công ăn việc làm cho Mao trong những ngày khốn đốn tại Bắc Kinh. Nhưng Mao đã trả ơn Lý Đại Chiêu một cách khác thường. Khi cuộc Cách mạng Văn hóa của Mao phát động vào giữa thập niên 1960, Hồng vệ binh của Mao và Giang Thanh đã hành hạ con trai của Lý Đại Chiêu là

Lý Bảo Hoa. Lý Bảo Hoa là một trong những lãnh tụ đầu tiên của cộng đảng Trung hoa, và là một Ủy viên Trung ương. Lúc ấy Lý Bảo Hoa là bí thư thứ nhất của tỉnh ủy An Huy. Ngày 3-1-1967, Hồng vệ binh bắt Lý Bảo Hoa đưa về Bắc Kinh để đấu tố; một tuần sau Lý Bảo Hoa phải đội mũ lừa và bị đưa đi diễu trước quần chúng để sỉ nhục.

Công việc của Mao tại thư viện cũng không khá lắm, nhưng lương tháng cũng dư thừa cho Mao một cuộc sống vật chất ung dung, đủ cho tinh thần được thoải mái để Mao tiếp tục đọc sách học hỏi thêm. Hàng ngày, Mao chỉ ngồi ghi tên những người đến mượn sách của thư viện. Khi gặp một người nổi tiếng, Mao thường tìm cách lân la làm quen, nhưng lúc đó ít ai để ý tới một nhân viên thư viện tầm thường như Mao. Từ ngày có tiền bạc, và áo quần thơm mát, Mao thường lui tới nhà riêng của giáo sư Dương Xương Tế, một phần vì lòng biết ơn sự giúp đỡ của Dương Xương Tế, một phần khác thì vì nhan sắc của Dương Khai Tuệ, con gái của Dương Xương Tế. Mao thường lưu lại dùng cơm tối tại nhà họ Dương. Dương Xương Tế là một người tân tiến phóng khoáng vì đã từng du học tại Anh quốc, nên thường cho con gái ra ngồi nói chuyện và ngồi ăn cùng bàn với Mao.

Mao Trạch Đông thành công gieo những tư tưởng quá khích vào tâm trí Dương Khai Tuệ. Lâu dần hai người yêu nhau, và kết hôn với nhau năm 1920, lúc đó Dương Khai Tuệ 20 tuổi và Mao 27 tuổi. Đây là cuộc hôn nhân thứ hai của Mao, nhưng là cuộc hôn nhân do chính Mao chọn lựa. Hai người sống bên cạnh nhau được gần 10 năm, và sinh được hai con trai là Mao Ngạn Anh và Mao Ngạn Thanh. Sau khi Mao phát động cuộc Nổi Dậy Mùa Thu tại Trường Sa và thất bại phải bỏ trốn vào núi, thì quân đội Quốc dân đảng bắt ba mẹ con Dương Khai Tuệ và em gái của Mao là Mao Trạch Oanh. Năm 1930 quân đội chính phủ cho Dương Khai Tuệ hai lựa chọn: hoặc bị xử tử hoặc từ bỏ Mao Trạch Đông và đảng cộng sản. Dương Khai Tuệ từ chối không chịu từ bỏ Mao và đảng cộng sản, nên cả Dương Khai Tuệ và Mao Trạch Oanh bị xử tử. Hai đứa con trai của Mao lâm vào cảnh bơ vơ, nhiều khi phải đi ăn xin để sống, cho tới năm 1937 thì Chu Ân Lai tìm được chúng và gửi về Diên An cho Mao.

Cuộc Nổi Dậy Mùa Thu tại Trường Sa của Mao Trạch Đông khởi sự ngày 8-9-1927. Mao dùng một lá cờ mới cho cuộc nổi dậy. Đây là một tác phẩm của Mao, và lá cờ có hình một cái búa và một cái liềm nằm trong một ngôi sao đỏ. Mao là một trong những lãnh tụ soạn thảo kế hoạch, nhưng sau khi tới Hồ Nam, Mao đã phải giảm bớt nhiều mục tiêu và đưa ra những thay đổi quan trọng. Mao giới hạn mục tiêu của cuộc nổi dậy vào việc chiếm thủ phủ Trường Sa, xây dựng một quân đội và dùng quân đội này cho mục tiêu của cuộc nổi dậy, thay vì chỉ dựa vào quần chúng nông dân. Vào đầu tháng 9, Mao đã có sẵn 4 đơn vị quân đội: một trung đoàn từ Vũ Hryn dự định dùng vào cuộc nổi dậy tại Nam Xương, một lực lượng chấp vá gồm những phần tử Quốc dân đảng chạy theo hồng quân, một đơn vị gồm các tay đầu trộm đuôi cướp được trang bị bằng giáo mác, và một lực lượng hỗn hợp gồm những thợ mỏ thất nghiệp và những nông dân của tỉnh Giang Tây.

Mao dự định đánh chiếm hai thị trấn phụ cận của Trường Sa trong một cuộc hành quân dự định vào ngày 11-9, và sẽ tấn công Trường Sa vào ngày 15-9. Nhưng kế hoạch của Mao đã bị tiết lộ, và lực lượng của Mao mất đi yếu tố bất ngờ. Một cố vấn Nga tại mặt trận Hồ Nam cho biết các cuộc hành quân tại Trường Sa rất là rối loạn và đi sai kế hoạch. Mao bị cảnh sát địa phương bắt ngay khi rời Trường Sa. Mặc dầu Mao đã tẩu thoát được, nhưng Mao đã vắng mặt trong suốt giai đoạn hành quân. Lực lượng quân Quốc dân đảng đầu hàng đi theo cộng sản giành giật với trung đoàn Vũ Hán được trang bị đầy đủ, đã phục kích để chiếm lấy súng ống của trung đoàn này. Lực lượng nông dân thành công chiếm được các đồn binh quanh Trường Sa và đoạt được nhiều vũ khí đạn dược, nhưng họ không biết sử dụng súng, và đã vô tình bắn chết đồng đội. Trong khi đó lực lượng chính phủ tại Trường Sa biết trước kế hoạch của cộng quân,

đã bố trí phục kích trên các khu đất cao, và đã đánh bại được lực lượng tấn công của hồng quân. Chỉ có trung đoàn hỗn hợp công nhân và nông dân khởi sự đúng giờ, chiếm và kiểm soát được một thị trấn phụ cận một thời gian, nhưng không có sự hỗ trợ của các lực lượng khác. Cuối cùng trung đoàn này bị bao vây và bị tiêu diệt. Khi Mao trốn thoát được sự bắt giữ của cảnh sát, và trở lại chiến trường thì Mao chỉ còn đủ thời giờ thu thập tàn quân và trốn lên núi.

Cuộc nổi dậy bị dẹp tan ngày 19-9. Mao dẫn một nhóm tàn quân chừng một ngàn người tiến về một làng nhỏ ven rặng núi Tĩnh Cương Sơn. Tại đây Mao hỏi đám tàn quân:

“Chúng ta có dám tiếp tục cuộc cách mạng nữa không?”

Tất cả thủ hạ của Mao đều đồng thanh hô to: “Chúng tôi quyết chí tiếp tục!”

Rặng núi Tĩnh Cương Sơn nằm giữa hai tỉnh Giang Tây và Hồ Nam. Khu vực hoang vu này là một nơi lý tưởng để lập chiến khu vì núi non trùng điệp, rừng cây rậm rạp và không có đường lộ gì cả. Mao tạm thời dùng Tĩnh Cương Sơn làm nơi dung thân để bồi dưỡng sức mạnh. Tĩnh Cương Sơn là một vùng núi non hiểm trở, quanh năm mây phủ với những sườn dốc mọc đầy tre và nứa.

Khu vực Tĩnh Cương Sơn nằm ngoài vòng kiểm soát của chính phủ. Lúc đó có hai nhóm thảo khấu đang liên kết với nhau làm chủ vùng núi non này. Một nhóm tự nhận là Đại Kiểm Bang do thủ lĩnh Viên Văn Tài làm chủ tướng, và đặt căn cứ tại thị trấn Mao Bình dưới chân núi. Nhóm cướp thứ hai do tướng cướp Vương Tá thống lĩnh và đặt căn cứ trên núi. Hai tướng cướp này cũng có trình độ khá. Đầu năm 1927, chúng từng cho phép quân cộng sản được đi qua lãnh thổ của chúng trên đường tiến về Thượng Hải. Chúng cũng tham dự một trận đánh vào quận lỵ để giải cứu một số quân cộng sản đang bị giam giữ. Mao thấy rằng nếu thu phục được hai bọn cường đạo này thì chúng cũng có thể giúp Mao một tay, ít nhất là không cản trở hoạt động của cộng sản. Nếu cả hai tướng cướp cùng chống lại Mao thì Mao cũng khó có thể đặt căn cứ ở đây an toàn và lâu dài được.

Nông dân quanh khu vực Tĩnh Cương Sơn rất nghèo, không thể giúp đỡ quân của Mao về lương thực được, vì đất đai quá khô cằn không sản xuất được nhiều. Dân chúng trong vùng rất mê tín và tin các thầy phong thủy địa lý. Các thầy phong thủy địa lý có quyền lực rất lớn. Chính họ là người quyết định cặp vợ chồng nào có thể lấy được nhau, và cặp nào không thể lấy được nhau. Người dân còn tin các thầy có thể giúp đàn bà sinh được con trai, đặt nhà cho đúng hướng, chữa bệnh cho người đau, và đặt bùa trừ tà ma hoặc hãm hại kẻ thù. Ít người dám mạo hiểm đi vào núi Tĩnh Cương Sơn, và cũng chẳng ai vào mà trở về được. Trình độ dân trí rất thấp và ngu độn. Tại các thị trấn gần đó chỉ có vài thầy lang chữa bệnh bằng thuốc lá. Không có trường học, không có sách báo nhưng đầy rẫy những bất công, bệnh tật, dĩ điểm... Làng này thù hằn giao chiến với làng kia mà không biết nguyên nhân bắt đầu từ bao giờ.

Trong một địa bàn hoạt động như thế, các cố vấn Nga rất dễ dàng chỉ trích Mao đã đi ngược lại chính sách và tôn chỉ của cách mạng vô sản thế giới, đặt căn bản vào các công nhân bị bóc lột tại thành phố. Theo các cố vấn Nga thì Mao phải tấn công vào các thành phố, chứ không nên thành lập quân cách mạng bằng những đám ăn mày, trộm cắp, dĩ điểm, những phần tử xã hội muốn bỏ quên như cái đám dân rách rưới ngu dốt tại vùng Tĩnh Cương Sơn. Các cố vấn Nga nhận xét Mao cũng chẳng khác gì một tên tướng cướp, chỉ biết cầm súng mà không biết gì về các tư tưởng trong cuốn Tư Bản Luận của Karl Marx cả.

Thực ra trước khi Mao rút quân về Tĩnh Cương Sơn thì Mao cũng đã từng bị đảng chỉ trích, bị trừng phạt. Bây giờ Mao bị khiển trách thêm vì tội thất bại trong cuộc Nổi Dậy Mùa Thu, không chiếm được Trường Sa. Mao bị loại ra khỏi Ủy Ban Trung Ương và bị khai trừ ra khỏi chi bộ Hồ Nam. Tuy nhiên lệnh trục xuất Mao ra khỏi đảng cộng sản phải hàng tháng mới

tới được vùng núi non hoang dã này. Mao rất say mê đọc truyện Thủy Hử, và chính tại rừng núi Tỉnh Cương Sơn, Mao muốn thực hiện một căn cứ du kích, theo đúng đường lối của các anh hùng Lương Sơn Bạc ngày xưa.

Công việc của Mao cũng không dễ dàng gì. Nhưng Mao vốn từng quen với nhiều nghịch cảnh. Mấy tuần trước đó, chính Mao cũng đã bị quân chính phủ bắt được, trong lúc đi kêu gọi dân chúng nổi dậy trong cuộc Nổi Dậy Mùa Thu tại Trường Sa. Mao bị dẫn về trại quân để hành quyết. Quân chính phủ mê tín, sợ hồn ma của Mao theo dõi họ, nên đã cẩn thận tháo giày của Mao vất đi. Mao tìm cách vay tiền của vài bạn đồng tù để hối lộ cho lính thả mình ra, nhưng việc không thành. Mao phải chui vào một bụi rậm, nằm chờ đến đêm tối rồi trốn đi. Ngày hôm sau, Mao dùng tiền vay được mua giày, một cây dù, ít lương khô và bỏ trốn về căn cứ của mình. Ngay cả lúc Mao tiến vào rừng Tỉnh Cương Sơn, một số sĩ quan của Mao cũng âm mưu ám sát Mao nộp cho chính phủ để lấy thưởng.

Mao chọn lựa một ngọn núi và dùng một pháo đài có 5 địa điểm phòng thủ chính. Mỗi địa điểm đều có những khối đá khổng lồ làm chướng ngại vật. Mao đặt súng máy sau những khối đá. Mao đặt bàn doanh ngay tại một thị trấn bình nguyên, và bắt đầu tổ chức một khu vực sô-viết, giảng dạy lý thuyết cộng sản, tuyển mộ thêm lính cho các đơn vị hồng quân, và phát triển căn cứ.

Điều tiên quyết Mao phải đạt được là giải quyết hai tên tướng cướp Viên Văn Tài và Vương TỠ. Hai tên cướp này hùng cứ tại đây từ năm 1921. Mỗi đảng cướp có ít nhất ba trăm bộ hạ và dăm chục khẩu súng. Trước hết Mao giải quyết tướng cướp Viên Văn Tài. Họ Viên rất lo ngại Mao. Giống như tất cả những người sống trong những khu vực hẻo lánh, họ Viên rất nghi ngờ những người xa lạ như Mao. Dân chúng trong vùng thoát đầu đều tìm cách xa lánh Mao, nhưng dần dần cách đối xử thân thiện của Mao làm họ bớt lo ngại. Mao trông có vẻ giống một người thiếu số hơn là một người Hán, vì mái tóc của Mao để dài và buông xõa sau lưng. Mao có tài kết thân với nông dân. Gặp ai bao giờ Mao cũng tươi cười thân mật, hỏi thăm tên tuổi của họ. Dần dần sự sợ hãi giảm đi, nhưng Viên Văn Tài vẫn thận trọng. Viên sợ rằng Mao có thể diệt hãn và chiếm lấy đảng cướp của hãn.

Ngày 6-10-1927, Mao gặp Viên Văn Tài tại một làng nhỏ trong thị trấn Mao Bình. Mao giải thích Mao là một người cộng sản, và quân đội của Mao sẽ không can thiệp đến hoạt động của họ Viên, mà chỉ có nhiệm vụ làm việc với quần chúng thôi. Cuối cùng Viên Văn Tài đồng ý hỗ trợ và hợp tác với Mao, với điều kiện Mao phải cung cấp cho Viên 100 khẩu súng. Viên Văn Tài cũng phải trả cho Mao một số bạc và đồng ý thiết lập một bệnh viện nhỏ tại một trường học bỏ hoang tại Mao Bình, nơi Mao đang đặt bàn doanh.

Mao Bình là một thị trấn khá đẹp, có một trăm gia đình với khoảng 700 dân. Mao chọn một căn nhà thật đẹp, có hoa viên, làm nơi cư ngụ. Chính tại căn nhà này Mao viết hai tập tài liệu “Tại Sao Lực Lượng Chính Trị Đỏ Có Thể Tồn Tại Ở Trung Hoa” và “Cuộc Chiến Đấu Tại Tỉnh Cương Sơn”. Đây là một nỗ lực của Mao nhằm giải thích lý thuyết xử dụng quân đội nhân dân và xây dựng các căn cứ cách mạng.

Việc giải quyết tướng cướp Vương Tá khó khăn hơn. Mao tiến tới đồi Chu Sơn ngày 23-10 và gặp người đại diện của Vương Tá. Họ Vương đồng ý gặp Mao ngày hôm sau tại làng Đại Tỉnh, ngay gần đỉnh núi. Rừng núi này có tên là Tỉnh Cương Sơn hoặc Ngũ Tỉnh Sơn là vì có năm làng trên núi. Đó là các làng Đại Tỉnh, Tiểu Tỉnh, Trung Tỉnh, Thượng Tỉnh và Hạ Tỉnh. Cả năm làng đều có núi đá bao bọc, và từ trên cao nhìn xuống, năm làng này trông giống như năm cái giếng lớn. Vương Tá là một tướng cướp tài giỏi và kiêu ngạo. Mao sai một thủ hạ thân tín là Hà Trung Công đến thuyết phục Vương Tá cho Mao được dùng căn cứ Tỉnh Cương Sơn. Hà Trung

Công khám phá rằng Vương Tá đang gặp khó khăn kinh chống với một tướng cướp khác tên là Yên Giảo Kỳ. Yên Giảo Kỳ đang kiểm soát ba quận thuộc Giang Châu. Vương Tá đề nghị nếu Mao giúp hắn loại được Yên Giảo Kỳ thì hắn sẽ gia nhập đảng cộng sản. Hà Trung Công lập tức dẫn hai đơn vị cộng quân và một số thủ hạ của Vương Tá đi phục kích, và bắt được tướng cướp Yên Giảo Kỳ. Thủ hạ của Vương Tá mừng quá, chặt ngay đầu của Yên Giảo Kỳ mang về nộp cho chủ tướng. Vương Tá rất vui mừng và đem tất cả thủ hạ gia nhập hàng ngũ cộng sản. Vương Tá được nhận vào đảng cộng sản năm 1928.

Tỉnh Cương Sơn không phải chỉ gồm có những chuyện cường đạo và hành quyết nhau như thế mà thôi. Chính tại đây ngày 4-5-1928, tại thị trấn Ninh Giang, Chu Đức đã đem toàn lực lượng của mình gia nhập lực lượng của Mao, và hai người tuyên bố thành lập Đệ Tứ Quân Đoàn Công Nhân và Nông Dân. Trần Nghị cũng đem quân tới cùng với Chu Đức. Mao Trạch Đông và Chu Đức gặp nhau tại khoảng đất trống bên bờ sông Long Giang. Hai người cùng nhau thảo luận kế hoạch thành lập một quân đội mà sau này được gọi là đoàn quân Chu Mao. Chính lực lượng này về sau trở thành nòng cốt cho cuộc cách mạng cộng sản tại Trung Hoa. Quân số của Chu Đức có vào khoảng một ngàn người, với hơn một ngàn của Mao, đã mở rộng khu vực Tỉnh Cương Sơn, tràn xuống Giang Tây làm thành căn cứ sơ khởi đầu tiên tại Trung Hoa. Chu Đức là một cấp chỉ huy quân sự có nhiều kinh nghiệm, và quân đội của Chu Đức là một lực lượng quân sự chuyên nghiệp hơn đám quân của Mao. Khi đệ tứ quân đoàn được thành lập thì Chu Đức làm tư lệnh, Mao là chính ủy, và Trần Nghị phụ trách phòng chính trị. Lâm Bưu lúc đó mới có 21 tuổi và là một cấp chỉ huy dưới quyền Chu Đức.

Mao Trạch Đông là một người rất dâm dật, không thể sống mà không có đàn bà. Ngay cả trong lúc đang bị bệnh sốt rét hành hạ, và trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh đầy gian lao vất vả, lúc nào Mao cũng cần phải có một người đàn bà bên cạnh. Mao đã làm bài thơ “Những Người Bất Tử” để tưởng nhớ người vợ thứ nhất là Dương Khai Tuệ bị Quốc dân đảng xử tử, trong đó Mao tha thiết gọi Dương Khai Tuệ là “nàng là cây dương liễu hãnh của ta”. Tuy nhiên không nên nghĩ rằng Mao là một người đàn ông chung tình, theo chế độ một vợ một chồng, hoặc coi chủ nghĩa cộng sản là một tôn giáo. Dương Khai Tuệ chết năm 1930, nhưng ngay từ năm 1928 Mao đã chung sống với một người đàn bà khác tại Tỉnh Cương Sơn rồi.

Một sĩ quan trẻ trong hàng ngũ của Chu Đức về hợp tác với Mao đã nhận xét về thái độ của Mao đối với phụ nữ. Trong một buổi đi thăm công cuộc huấn luyện quân sự, Mao trông thấy có những phụ nữ trong hàng ngũ quân của Chu Đức. Mao hỏi viên sĩ quan nghĩ gì về các người đồng chí phụ nữ, thì viên sĩ quan trả lời rằng họ cũng là những đồng chí cách mạng, và trong đơn vị có nhiều việc phải làm, và tình cảm yêu đương giữa nam và nữ chưa hề xảy ra. Mao cười và bảo viên sĩ quan rằng anh ta còn quá trẻ nên chưa thấy sự hấp dẫn của phụ nữ. Mao thích thú cho biết người đàn ông không thể trông thấy sắc đẹp của phụ nữ mà không liên cảm tới những khoái lạc của dục tình.

Sau đó ít lâu, Mao tìm được một đồng chí xinh đẹp là Hạ Tử Trân. Hạ Tử Trân không phải là một đồng chí trong hồng quân, mà là một nữ sinh trung học trong một thị trấn trong khu vực. Hạ Tử Trân là một thiếu nữ xinh đẹp. Mao gặp Hạ Tử Trân khi cô ta đang là bí thư chi đoàn thanh niên cộng sản địa phương. Sau một buổi họp, Mao giữ Hạ Tử Trân lại, với lý do Mao có những vấn đề thảo luận với nàng. Ngày hôm sau nàng đến giúp việc với tư cách là thư ký riêng cho Mao, và đêm đó nàng không trở về nhà. Kể từ đó về sau, Hạ Tử Trân ở hẳn với Mao. Lấy một người yêu là một đồng chí cách mạng là việc thường xảy ra đối với các lãnh tụ cộng sản. Năm 1929 Chu Đức cũng đã kết hôn với một đồng chí nông dân trẻ tuổi, chỉ huy một đơn vị du kích là Khang Khắc Thanh. Nhưng Chu Đức chỉ lấy Khang Khắc Thanh sau khi vợ cả của Chu Đức bị Quốc dân đảng giết năm 1928. Trường hợp Mao Trạch Đông thì khác hẳn. Mao đã

sống hai năm với một người vợ hai trước khi người vợ cả Dương Khai Tuệ chết.

Những ngày đầu tại Tỉnh Cương Sơn tương đối an ninh, vì lúc ấy các sứ quân còn mãi tranh dành quyền lợi riêng, nên không để ý những gì đang xảy ra trong rặng núi Tỉnh Cương Sơn. Nhưng dần dần, các sứ quân nhận ra được sự nguy hiểm của hồng quân, và bắt đầu gây khó khăn cho hồng quân.

Sứ quân họ Lý của Giang Tây và sứ quân họ Đường tại Hồ Nam liên kết với nhau đem quân tiêu trừ “quân cướp đồ” tại Tỉnh Cương Sơn. Một vấn đề khó khăn nữa của hồng quân là quân đội Chu-Mao bành trướng quá lớn, không đủ chỗ sinh hoạt trong khu vực Tỉnh Cương Sơn nhỏ hẹp. Đệ Tứ Quân Đoàn bây giờ có trên 4 ngàn tay súng, và Đệ Ngũ quân đoàn có khoảng tám trăm người. Các cấp lãnh đạo thấy rằng Tỉnh Cương Sơn không có khả năng cung cấp thực phẩm cho một quân số lớn như vậy. Họ bắt đầu ra đi thiết lập một căn cứ mới.

Ngày 14-1-1929, đại quân Chu-Mao bắt đầu rời khỏi Tỉnh Cương Sơn, chỉ lưu Bành Đức Hoài và Đặng Đại Nguyên ở lại chỉ huy đệ ngũ quân đoàn. Cả hai được lệnh phải phòng vệ căn cứ Tỉnh Cương Sơn lâu được chừng nào tốt chừng ấy, rồi sau đó sẽ rút lui nhập với đại quân Chu-Mao. Giai đoạn cầm cự này rất ngắn ngủi. Đệ ngũ quân đoàn tan vỡ trước sức tấn công của hai sứ quân Giang Tây và Hồ Nam. Hai sứ quân họ Lý và họ Đường chiếm trọn vẹn khu vực Tỉnh Cương Sơn. Tháng 3-1929, một ngàn dân chúng trong khu vực Tỉnh Cương Sơn bị hai sứ quân hạ lệnh chém đầu, và toàn thể khu vực bị đốt cháy bình địa.

Khi đại quân Chu-Mao rút lui khỏi Tỉnh Cương Sơn thì hai tướng cướp Vương Tá và Viên Văn Tài trở lại nghề lạc thảo như cũ. Theo lời Mao thì hai tướng cướp này tiếp tục cướp bóc, giết tróc dân chúng như trước. Mao quyết định sai Bành Đức Hoài thủ tiêu hai tên tướng cướp này. Ngày 25-2, hai tướng cướp được mời đến dự một buổi họp đặc biệt. Cả hai tướng cướp đồng ý đến, và mang theo một số thủ hạ thân tín để hộ vệ. Cả Vương Tá và Viên Văn Tài cùng quân hộ vệ nghỉ đêm trong một khách điểm. Đến nửa đêm, đội hành quyết của hồng quân bao vây khách điểm, và nổi lửa đốt khách điểm và giết chết được Viên Văn Tài. Vương Tá nhảy qua cửa sổ, leo lên mình ngựa và phóng chạy vào đêm tối. Chẳng may ngựa của Vương Tá nhảy lao xuống sông, và hắn bị chết đuối. Như vậy hai tướng cướp tin lời Mao và giúp Mao lúc Mao xa cơ lỡ vận đều bị Mao tiêu diệt. Đây là hai nạn nhân đầu tiên của Mao bị Mao giết vì từng cộng tác với Mao. Trong suốt cuộc đời Mao, Mao đã tận diệt rất nhiều người đã từng giúp Mao qua những hoàn cảnh khốn quẫn.

Những thủ hạ của hai tướng cướp bị giải tán, một số được thu nhận vào hồng quân. Nhưng một số khác bỏ trốn trở về Tỉnh Cương Sơn với tướng cướp Vương Văn Long, em ruột của Vương Tá. Bọn cướp do Vương Văn Long làm thủ lĩnh tiếp tục kiểm soát rặng núi Tỉnh Cương Sơn. Trong suốt hai mươi năm sau đó, không một quân đội nào, hoặc của các sứ quân hay của hồng quân, có thể xâm nhập vào được rặng Tỉnh Cương Sơn. Cho mãi tới khi hồng quân chiếm trọn Hoa lục thì bọn cướp tại Tỉnh Cương Sơn mới chịu đầu hàng. Lúc đó con trai của Vương Văn Long làm thủ lĩnh trên Tỉnh Cương Sơn. Hắn bị hồng quân bắt được và xử tử. Kể từ đó, Tỉnh Cương Sơn trở nên một di tích lịch sử của hồng quân Trung hoa.

Trong lúc người cộng sản hăng say thiết lập và mở mang các khu vực sô viết thì Tưởng Giới Thạch đang bận rộn với công cuộc Bắc phạt. Trong lúc phe “trắng” mãi mê giết nhau thì phe “đỏ” bị bỏ quên trong rừng núi, và vì thế phe “đỏ” rảnh tay xây dựng các căn cứ và tăng cường lực lượng vũ trang của họ mà không bị quấy phá tấn công. Tỉnh Cương Sơn chỉ là một trong số nhiều căn cứ được xây dựng tại miền Tây Nam, Trung, Tây Bắc Trung hoa trong những năm mà sự hợp tác giữa cộng sản và Quốc dân đảng tan vỡ. Từ Hương Tiễn thành lập được một căn cứ sô viết tại vùng giáp giới giữa các tỉnh An Huy, Hồ Bắc và Hà Nam. Tại khu

vực sô viết Hồ Nam và Hồ Bắc, tướng Hạ Long đã tạo dựng được một lực lượng quân sự khá vững mạnh là quân đoàn 20, do Chu Nghi Xuân làm chính ủy.

Hạ Long là một tướng tài của phe cộng, và có kinh nghiệm quân sự từ lúc còn rất trẻ. Đã một thời Hạ Long làm tướng cướp. Năm 1912, khi nạn đói hoành hành ở miền tây Hồ Nam, nông dân đã vùng dậy làm một cuộc khởi nghĩa. Trong vụ khởi nghĩa này, Hạ Long tự vũ trang bằng dao mác, giết một quan chức của chính phủ rồi trốn lên núi. Lúc đó Hạ Long mới có 16 tuổi, và chỉ có một số ít người đi theo. Nhưng thân phụ Hạ Long là một người có ảnh hưởng trong một tổ chức bí mật rộng lớn khắp nơi, gọi là Ca-lão-hội. Nhiều người trong hội này đứng về phía Hạ Long. Tuy còn trẻ, nhưng Hạ Long tỏ ra là một người có khả năng lãnh đạo. Khi ông được 20 tuổi thì đảng cướp của ông lên tới vài ngàn người, và kiểm soát được tám quận trong khu vực giáp giới giữa Hồ Nam, Hồ Bắc và Tứ Xuyên. Đôi khi quân của Hạ Long đánh phá tới tận tỉnh Quý Châu. Năm 1918, vì không tiêu diệt nổi Hạ Long, chính quyền Hồ Nam đã phải nhìn nhận và phong chức cho Hạ Long, và giao cho Hạ Long nhiệm vụ chỉ huy một khu vực mà các xe chở thuốc phiện phải đi qua. Nhờ vào thuế thuốc phiện, Hạ Long đã có thể sống một cuộc đời rất thoải mái, như các tay hảo hán Lương Sơn Bạc ngày xưa. Khi cuộc Bắc Phạt của Tưởng Giới Thạch khởi sự thì Hạ Long liền phản lại chính quyền Quốc dân đảng.

Hạ Long gia nhập phe cộng sản, và đã tạo được nhiều kỳ công. Sau này ông trở thành một trong mười thống chế của hồng quân Trung hoa. Tuy nhiên, trong cuộc Cách mạng Văn hóa do Mao Trạch Đông lãnh đạo vào giữa thập niên 1960, Hạ Long đã bị đấu tố và chết nhục nhã, mặc dầu Chu Ân Lai hết sức cứu giúp che chở cho ông mà không được.

Xây Dựng Sô Viết Giang Tây

Sau khi rời căn cứ Tỉnh Cương Sơn, quân đội Chu-Mao đụng phải một sư đoàn quốc quân trong một trận đánh ác liệt vào tháng 1-1929. Trong trận này hồng quân đã tiêu diệt hoàn toàn cả sư đoàn quốc quân, nhưng lực lượng hồng quân cũng bị thiệt hại nặng nề. Phần nửa lực lượng hồng quân bị loại ra khỏi vòng chiến. Sau chiến thắng khá đắt giá đó, Mao dẫn hồng quân tiến về vùng Đông Cổ – Hưng Quốc, thuộc vùng trung nam tỉnh Giang Tây. Đây là căn cứ của Lý Văn Linh và Đoàn Lương Tất. Lý Văn Linh và Đoàn Lương Tất cũng tham dự cuộc nổi dậy Nam Xương. Nhưng khi cuộc nổi dậy thất bại, hai người không đi theo Chu Ân Lai xuống tấn công Quảng Đông; họ dẫn lực lượng riêng quay trở lại Giang Tây, và thành lập một căn cứ du kích tại đây. Một năm trước Lý Văn Linh và Đoàn Lương Tất cũng tới giúp Mao Trạch Đông, và bây giờ họ mời Mao Trạch Đông vào khu vực do họ đã thành lập được. Lý Văn Linh và Đoàn Lương Tất ngây thơ tin rằng Mao cũng là người cộng sản, cùng theo đuổi một mục đích như mình, thì Mao sẽ không hãm hại mình mà còn giúp căn cứ hùng mạnh thêm. Nhưng kết quả không như thế. Lý Văn Linh và Đoàn Lương Tất đã phải trả một giá rất đắt cho sự nhầm lẫn của họ.

Sau một thời gian ngắn cho binh sĩ nghỉ ngơi và bổ xung lực lượng, Mao và Chu Đức tiến về miền đông, tới vùng biên giới Giang Tây – Phúc Kiến, và thành công chiếm được thị trấn Trường Định.

Trong lúc Mao và Chu Đức tấn công và chiếm đất tại Phúc Kiến thì Bành Đức Hoài phải bỏ chạy khỏi Tỉnh Cương Sơn, trước áp lực quá mạnh của hai sứ quân họ Đường và họ Lý. Bành Đức Hoài là một danh tướng của Trung cộng, chỉ đứng sau Chu Đức trong tổng số mười vị thống chế của Trung cộng. Họ Bành sinh năm 1898 tại huyện Tương Đàm, tỉnh Hồ Nam, cùng quê với Mao. Thuở nhỏ nhà nghèo, Bành phải làm nghề chăn trâu. Lớn lên Bành đi lính cho chính phủ, và tỏ ra có tài năng đặc biệt về quân sự. Sau này Bành đi theo phe cộng, và tạo được nhiều chiến công hiển hách. Bành là người nóng tính, và tự nhận là Trương Phi của thời đại. Cái “ngai vàng” của Mao một phần do công hãn mã của Bành Đức Hoài, nhưng Mao đã trả ơn Bành Đức Hoài bằng một cái chết nhục nhã. Trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, Bành Đức Hoài hoàn toàn ủng hộ Mao Trạch Đông, trong khi nhiều tướng lĩnh khác, như Chu Đức, ngả theo Trương Quốc Đào.

Trong thời kỳ chống Nhật, Bành Đức Hoài là tư lệnh phó của Bát lộ quân. Kỳ đại hội đảng lần thứ 7, năm 1945, Bành trở thành Ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Trung Hoa. Từ sau năm 1946, Bành là tư lệnh quân Giải phóng nhân dân vùng Tây Bắc. Sau khi nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được thành lập, Bành được cử làm phó chủ tịch Ủy ban Quân sự cách mạng nhân dân, kiêm chủ tịch Ủy ban Quân Chính Tây Bắc. Trong thời kỳ chiến tranh Triều Tiên, Bành là tổng tư lệnh Chí nguyện quân Trung Hoa tại Triều Tiên. Năm 1954, Bành lên tới tột đỉnh danh vọng khi được bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị đảng cộng sản Trung Hoa, kiêm nhiệm chức phó thủ tướng và bộ trưởng quốc phòng.

Bành Đức Hoài bị Mao tước đoạt tất cả quyền hành vào năm 1959. Năm đó trong đại hội đảng tại Lư Sơn, Bành Đức Hoài chân thành phê phán đường lối Đại Nhảy Vọt và Công Xã Nhân Dân của Mao Trạch Đông. Mặc dù Bành thận trọng lời nói, khen ngợi Mao rất nhiều và chỉ nhắc tới một vài sai lầm chính yếu, nhưng Mao cũng nổi giận, và ép buộc đại hội đảng phải

thông qua một nghị quyết buộc tội Bành chống lại đảng. Bành bị cách chức bộ trưởng quốc phòng. Khi cuộc Cách mạng Văn hóa do Mao phát động năm 1966 xảy ra, Bành bị đưa từ Thành Đô, Tứ Xuyên về Bắc Kinh cho Hồng vệ binh đấu tố. Bành tên thật là Bành Đắc Hoa. Chính cái tên ấy đã trở thành đầu đề đấu tố của Hồng vệ binh. Các Hồng vệ binh cho rằng Bành có tham vọng làm chủ cả Trung hoa lục địa với cái tên Đắc Hoa (có nghĩa là được cả Trung hoa). Bành bị đánh dã man nhiều lần, gãy cả xương sườn. Sau đó Bành bị bỏ mặc chết vào tháng 10-1971. Năm 1978 Ban Chấp hành Trung Ương đảng cộng sản Trung hoa đã phục hồi danh dự cho Bành Đức Hoài.

Năm 1929, trong lúc rời bỏ Tỉnh Cương Sơn đi tìm kiếm Mao và Chu Đức, Bành Đức Hoài đánh chiếm thị trấn Thụy Kim thuộc Giang Tây. Thụy Kim sau đó trở thành thủ đô của nước cộng hòa xô viết Trung hoa đầu tiên. Khi nghe tin Bành Đức Hoài chiếm được Thụy Kim, Mao và Chu Đức quay trở lại nhập với Bành Đức Hoài. Khi trở về Thụy Kim, Mao nhận được một bản tin quan trọng từ Trung ương Đảng ở Thượng Hải, cho biết cộng đảng Trung hoa mới bầu một ban lãnh đạo mới tại Mạc tư khoa vào mùa hè năm 1928.

Đảng cộng sản Trung hoa đã mở đại hội đảng lần thứ 6 tại Mạc tư khoa. Trong đại hội này, Mao Trạch Đông được bầu vắng mặt vào ban Chấp hành Trung ương, nhưng Mao vẫn chưa được chọn vào Bộ Chính trị, cơ quan đầu não của cộng đảng. Lúc đó Bộ Chính trị gồm có Cù Thu Bạch, Chu Ân Lai, Trương Quốc Đào, Lý Lập Tam, Thái Hòa Sâm, Hạng Anh, và Hường Trung Phát. Việc khó khăn lúc đó là giải quyết vấn đề ai sẽ giữ chức Tổng thư ký. Cù Thu Bạch và Chu Ân Lai đã phạm phải những lỗi lầm. Trương Quốc Đào bị chỉ trích theo cơ hội chủ nghĩa. Cuối cùng Hường Trung Phát, một công nhân gốc vô sản được chọn. Tuy nhiên Hường Trung Phát không phải là một người có khả năng lãnh đạo, vì thế chỉ ít lâu sau, Bộ Chính trị bị Lý Lập Tam chi phối kiểm soát.

Lý Lập Tam và những đảng viên cộng sản từ Mạc tư khoa trở về Trung hoa để đương đầu với một hoàn cảnh bất lợi, sau khi bị Quốc dân đảng đàn áp mạnh mẽ. Con số đảng viên bị tiêu diệt rất nhiều, và số còn lại phải phân tán trốn tránh. Nhiều tổ chức cộng sản tại thành phố phải ngưng hoạt động. Sức mạnh duy nhất của đảng cộng sản lúc đó là những căn cứ tại nông thôn và những đội quân du kích. Quốc tế Cộng sản tại Mạc tư khoa cũng nhận thấy điều ấy, và đã ra nghị quyết phải phát triển cuộc cách mạng Trung hoa bằng cách củng cố Đảng, nghĩa là phải cấp bách tăng gia số đảng viên, tăng cường sự tiếp xúc giữa Trung ương Đảng và các tổ chức địa phương. Đại hội đảng lần thứ 6 đã khẳng định rằng nhiệm vụ quan trọng nhất của Đảng là phát triển quân đội cách mạng chính quy, gồm có công nhân và nông dân. Các đảng viên theo xu hướng Nga xô như Lý Lập Tam, thì đặt chủ yếu vào công nhân thành thị, hơn là nông dân. Trong khi đó, Mao Trạch Đông thì nhấn mạnh vai trò quan trọng hàng đầu của nông dân, vì tại Trung hoa, giai cấp nông dân đông đảo hơn gấp bội giai cấp công nhân thành thị. Do đó đã có sự bất đồng chính kiến giữa Mao và Lý Lập Tam.

Mao và Lý Lập Tam đã từng quen biết nhau từ những ngày còn học tại Trường Sa, nhưng hai người chưa bao giờ thực sự là bạn của nhau. Sau thời gian học chung tại Trường Sa, hai người đi theo hai con đường khác nhau. Lý Lập Tam sang Pháp du học, trong khi Mao ở lại Trung hoa. Lý Lập Tam chuyên tổ chức công nhân thành phố, và được Mạc tư khoa chú ý rồi nổi lên địa vị lãnh đạo. Lý Lập Tam không tin tưởng ở nông dân. Họ Lý cho rằng nông dân có những ảo tưởng tiểu tư sản; người nông dân thích chủ nghĩa cộng sản chỉ vì họ muốn làm chủ ruộng đất, và đòi lấy đất của địa chủ chia đồng đều cho họ. Trái lại Mao Trạch Đông để hết tâm trí vào việc tổ chức nông dân, và coi nông dân là nòng cốt cho cuộc cách mạng Trung hoa. Đó là sự khác biệt giữa Mao và Lý Lập Tam, và sự khác biệt này nhất định đưa tới sự xung đột giữa Mao và Lý Lập Tam.

Cuộc xung đột giữa Lý Lập Tam và Mao bắt đầu ngay khi họ Lý trở về Trung hoa, với nhiệm vụ khôi phục lại đảng cộng sản. Trước đó, hồi năm 1928, Mao đã gửi một báo cáo cho ban Chấp hành Trung ương, than phiền Trung ương đã ra lệnh cho Mao phải phát triển chiến tranh du kích trong một phạm vi quá rộng lớn, có thể vì Trung ương đã đánh giá quá cao sức mạnh của lực lượng Chu-Mao. Mao nêu lên sự khác biệt giữa hồng quân và du kích. Theo Mao thì sức mạnh của hồng quân là tập trung trong khi du kích thì phải phân tán. Kinh nghiệm cho Mao biết việc phân tán lực lượng thường đưa tới thất bại, trong khi tập trung lực lượng để tấn công một kẻ địch ít hơn thì thường dễ chiến thắng. Trong bản báo cáo này, Mao hoàn toàn bất đồng với quan điểm của ban Chấp hành Trung ương.

Nhưng Lý Lập Tam không chấp nhận các luận cứ của Mao. Trái lại Lý Lập Tam gửi một thư cho Mao, nhấn mạnh hơn nữa về các chỉ thị cũ của ban Chấp hành Trung ương. Lý Lập Tam ra lệnh cho Mao và Chu Đức phải phân chia quân đội thành những đơn vị nhỏ, và phân tán về khắp nông thôn. Lý Lập Tam cũng ra lệnh cho cả Mao và Chu Đức phải rút lui ra khỏi quân đội. Dĩ nhiên Mao không bao giờ chấp nhận chỉ thị của Lý Lập Tam. Trước hết Mao không muốn rời bỏ quân đội để trở về thành thị, như thế Mao sẽ mất sức mạnh hậu thuẫn của mình. Mao cũng không đồng ý đặt cuộc cách mạng tại nông thôn vào vai trò phụ thuộc cho cuộc cách mạng ở thành thị. Mao giải thích rằng việc phân tán quân đội thành những đơn vị nhỏ sẽ làm cho sự lãnh đạo yếu đi, và những đơn vị nhỏ như thế sẽ bị tiêu diệt một cách dễ dàng. Không những thế, việc phân tán lực lượng như vậy sẽ không thể bảo vệ được một căn cứ nào cả.

Mao còn chỉ trích Lý Lập Tam đã không hiểu biết gì về nông dân. Mao viết: “Sự lãnh đạo của giai cấp vô sản là chìa khóa duy nhất để đi đến thắng lợi, nhưng đồng thời những tiền đề chủ yếu giúp cuộc đấu tranh ở thành thị và làm cho ngọn sóng cách mạng dâng lên mau chóng lại chính là sự phát triển của cuộc đấu tranh ở nông thôn, việc thành lập những chính quyền đỏ trong những khu vực nhỏ và việc xây dựng và phát triển hồng quân. Do đó, từ bỏ cuộc đấu tranh tại thành thị là một điều sai lầm, nhưng sợ sự phát triển sức mạnh của nông dân vì ngại rằng sức mạnh của nông dân sẽ vượt sức mạnh của công nhân, và làm hại công cuộc cách mạng thì cũng là một sai lầm. Trong một cuộc cách mạng ở một quốc gia bán thuộc địa như Trung hoa, cuộc đấu tranh của nông dân sẽ luôn luôn thất bại nếu không có sự lãnh đạo của công nhân, nhưng cách mạng không bao giờ bị thiệt hại nếu cuộc đấu tranh của nông dân vượt hơn lực lượng của công nhân.”

Sự việc Mao Trạch Đông bác bỏ mệnh lệnh của Trung ương Đảng vào tháng 4-1929 đánh dấu sự khởi đầu của một giai đoạn Mao đạt được nhiều thành quả trong việc xây dựng và mở rộng căn cứ sở viết Giang Tây. Mao không chịu đến Trung ương Đảng để tránh rơi vào vòng kiểm soát của Lý Lập Tam, vì Mao biết Lý Lập Tam là người sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn để tiêu diệt những phần tử đối lập trong đảng. Mao cũng cố gắng không cho Lý Lập Tam vươn tới được khu vực kiểm soát của mình, vì Mao sợ bàn tay phá hoại của Lý Lập Tam. Không ai hiểu và sợ Lý Lập Tam bằng Mao vì chính Mao cũng là một con người đáng sợ như Lý Lập Tam. Mao là một người say mê quyền lực, và dùng mọi cách để giữ vững quyền lực của mình. Chính vì thế Mao đối xử tàn ác với những người cộng sản không phải là thủ hạ của Mao. Cùng một lúc, Mao cố gắng bành trướng quyền lực của mình, và dùng các phương pháp khủng bố và thủ tiêu những người cộng sản không đi theo mình.

Ngay những người từng giúp Mao mà về sau không theo Mao cũng bị Mao thủ tiêu. Đó là trường hợp của chính Lý Văn Linh và Đoàn Lương Tất đã ngây thơ cho Mao vào căn cứ của họ. Mao đã tổ chức lại đoàn quân du kích của Lý Văn Linh và Đoàn Lương Tất, đặt quân du kích thành Quân đoàn thứ 3, trực thuộc quyền chỉ huy của Bành Đức Hoài. Mao vào ẩn náu trong căn cứ của Lý Văn Linh và Đoàn Lương Tất, rồi tìm cách tước đoạt quyền chỉ huy độc lập của

họ. Mao đã biến Lý Văn Linh và Đoàn Lương Tất thành những kẻ tử thù. Nhưng Mao không quan tâm đến phản ứng của người khác, miễn là Mao có lợi là đủ rồi. Chu Đức không hoàn toàn đồng ý với cung cách chiếm quyền của Mao, và đổ hết trách nhiệm cho Mao trong những cuộc thanh trừng đẫm máu trong nội bộ đảng cộng sản tại Giang Tây.

Năm 1929, Mao trở lại Phúc Kiến vài lần, với nỗ lực bắt căn cứ sơ viết rộng lớn tại Trường Định phải sáp nhập với căn cứ Giang Tây. Mao tập trung quân du kích tại Phúc Kiến thành Quân đoàn thứ 12, và do thủ hạ thân tín của Mao chỉ huy. Mao đã làm việc ngày đêm để chiếm trọn vẹn căn cứ do những người cộng sản khác đã xây dựng được. Chính tại đây Mao đã nhiễm phải thói quen làm việc ban đêm. Kết quả là Mao bị bệnh nặng, nhưng may được bác sĩ Nelson Fu của một bệnh viện Thiên chúa giáo chữa khỏi.

Cuối năm 1929 Mao triệu tập một cuộc hội nghị đại biểu Đảng của Quân đoàn 4. Trong hội nghị, Mao đã chính thức tấn công lập trường của Lý Lập Tam và những người ủng hộ họ Lý. Mao cũng đưa ra những quan điểm riêng về chiến lược cách mạng, và xác định ưu thế tuyệt đối về quyền lãnh đạo chính trị của Mao so với quyền chỉ huy quân sự của Chu Đức. Thoạt đầu khi Mao và Chu Đức kết hợp với nhau trong lúc Mao đang ở vào tình trạng thất thế thì hai người bình đẳng với nhau, mặc dù quân của Chu Đức mạnh hơn quân của Mao. Nhưng đó chỉ là tạm thời. Mao bao giờ cũng chờ cơ hội để tìm cách vượt lên trên người khác. Thực ra ngay từ những ngày đầu mới hợp tác, Mao và Chu Đức thường hoạt động tách rời nhau, vì không người nào chịu dưới quyền người nào. Khi có những va chạm về vấn đề chỉ huy, Chu Đức chỉ muốn coi đó là vấn đề quân sự để không bị Mao khống chế, trong khi Mao thì lại lên án Chu Đức đã không chịu xét các vấn đề quân sự với nội dung chính trị rộng rãi hơn.

Mao từng chỉ trích thái độ thuần túy quân sự của các cấp chỉ huy hồng quân. Mao viết: "Quan điểm thuần túy quân sự phát triển rất cao ở một số đồng chí trong hồng quân. Những đồng chí này coi những công việc quân sự và chính trị đối lập nhau, và không chịu nhận rằng những hoạt động quân sự chỉ là một phương tiện để hoàn thành những nhiệm vụ chính trị. Họ nghĩ rằng nhiệm vụ của hồng quân, giống như nhiệm vụ của quân Quốc dân đảng, chỉ là chiến đấu. Họ không hiểu rằng nhiệm vụ của hồng quân Trung hoa chỉ là một tổ chức vũ trang để thực hiện những nhiệm vụ chính trị của cách mạng. Hồng quân chiến đấu không phải chỉ là để chiến đấu, mà là thực hiện tuyên truyền trong quần chúng, tổ chức quần chúng, vũ trang quần chúng, và giúp quần chúng thiết lập chính quyền cách mạng. Không có những mục tiêu này, việc chiến đấu sẽ mất ý nghĩa của nó và hồng quân không còn lý do tồn tại."

Khi chống Lý Lập Tam, Mao khẳng định rằng người cộng sản không thể đẩy mạnh cao trào cách mạng bằng những hoạt động du kích. Trái lại, người cộng sản phải xây dựng các căn cứ, xây dựng một hệ thống chính quyền, đưa cuộc cách mạng ruộng đất đi vào chiều sâu, mở rộng lực lượng vũ trang bằng một quá trình xây dựng các đội hồng vệ binh tại các đô thị, những đội hồng vệ binh ở nông thôn và tất cả đều có mục đích cuối cùng là xây dựng hồng quân chính quy từ những hồng vệ binh này. Chỉ có làm như vậy mới có thể tạo dựng được một Hồng quân làm vũ khí chủ yếu cho cuộc cách mạng trong tương lai.

Mao chấp nhận một sự thực là người cộng sản Trung hoa không thể tiến hành một cuộc nội chiến thông thường để thắng Quốc dân đảng được. Cuộc chiến của người cộng sản chỉ tiến hành thành công nếu kiểm soát được một lãnh thổ được quy định rõ ràng và một dân số lớn. Mao tỏ ra hiểu rõ sự khác nhau chính yếu giữa nội chiến thông thường và nội chiến cách mạng. Một cuộc nội chiến thông thường sẽ có sự phân công giữa quân đội ngoài chiến trường làm nhiệm vụ chiến đấu, và giai cấp lãnh đạo chính trị tại Trung ương sẽ chỉ đạo đường lối chiến lược và làm công tác tuyên truyền dân chúng thuộc cả hai phía. Nhưng một cuộc nội chiến cách mạng sẽ coi khối óc và trái tim là những mục tiêu quan trọng hơn là đất đai lãnh thổ, bởi vì phe

cách mạng chiến đấu nhằm mục đích tạo khả năng liên hệ được với quần chúng, gây ảnh hưởng và tổ chức nhân dân. Nội chiến cách mạng phải sử dụng và phối hợp tất cả những phương tiện có khả năng thuyết phục quần chúng.

Đó là sự khác biệt về lãnh đạo cuộc cách mạng giữa Mao và Lý Lập Tam. Tháng 1-1930, Lý Lập Tam tổ chức đại hội các đại biểu từ các khu vực sô viết, và mời Mao Trạch Đông tới dự. Nhưng Mao không bao giờ dám tới dự, vì sợ Lý Lập Tam có thể dùng thủ đoạn bắt Mao ra khỏi căn cứ quyền lực của Mao. Lý Lập Tam đành phải tiến hành đại hội mà không có Mao. Trong đại hội này, Lý Lập Tam công bố kế hoạch đánh chiếm các tỉnh thuộc miền Hoa Trung. Lý Lập Tam cho rằng thời gian đã chín mùi để mở một cuộc khởi nghĩa tổng tấn công Quốc dân đảng. Theo kế hoạch của Lý Lập Tam thì bên trong các thành phố lớn, công nhân sẽ nổi dậy và hồng quân sẽ hỗ trợ từ bên ngoài, trong khi quân đội Quốc dân đảng được khích lệ và mua chuộc để phản loạn và giết những cấp chỉ huy Quốc dân đảng.

Bộ Chính Trị đã chấp thuận kế hoạch tổng khởi nghĩa của Lý Lập Tam, và quy định việc thành lập các quân đoàn hồng quân. Các quân đoàn này sẽ đặt dưới quyền chỉ huy tối cao của Chu Đức với Mao Trạch Đông làm chính ủy. Tất cả vũ khí đều tập trung vào hồng quân, như vậy các lực lượng du kích vũ trang sẽ hòa nhập vào hồng quân. Quân đoàn 1 sẽ do Chu Đức trực tiếp chỉ huy với Mao là chính ủy, sẽ chiếm Nam Xương rồi tiến về Vũ Hán qua Cửu Giang. Quân đội của Hạ Long sẽ là quân đoàn 2, và quân đội của Từ Hướng Tiền được gọi là quân đoàn 4. Hai quân đoàn 2 và quân đoàn 4 cũng có nhiệm vụ tiến về Vũ Hán. Bành Đức Hoài chỉ huy quân đoàn 3 với nhiệm vụ chiếm Trường Sa và sau đó Bành Đức Hoài cũng phải dẫn quân về tổng tấn công Vũ Hán. Các cuộc tấn công này sẽ được phối hợp với những cuộc nổi dậy của công nhân thành thị và nông dân tại nông thôn. Lý Lập Tam hy vọng rằng quân đội Quốc dân đảng sẽ bị tê liệt vì các cuộc phản loạn của chính quân sĩ Quốc dân đảng.

Mao Trạch Đông và Chu Đức bắt buộc phải tham gia kế hoạch tổng tấn công của Lý Lập Tam, vì Mao và Chu Đức được cử giữ chức vụ cao nhất trong lực lượng hỗn hợp mới được thành lập, nhất là khi các tư lệnh các quân đoàn khác đều chấp nhận thi hành kế hoạch. Tuy nhiên kế hoạch tổng tấn công của Lý Lập Tam đã thất bại ngay từ lúc khởi sự.

Ngày 28-7, Bành Đức Hoài thành công chiếm được Trường Sa và thành lập một chính phủ sô viết với Lý Lập Tam là chủ tịch vắng mặt. Nhưng sau 10 ngày chiếm giữ thành phố, quân đoàn 3 của Bành Đức Hoài đã bắt buộc phải rút lui trước áp lực mạnh mẽ của Quốc dân đảng. Quân đoàn 1 của Mao và Chu Đức tấn công Nam Xương ngày 1-8. Cũng chính ngày này ba năm trước cuộc nổi dậy chiếm Nam Xương của Chu Ân Lai đã bị thảm bại. Lần này Mao và Chu Đức cũng không may mắn hơn. Quân đoàn 1 chỉ duy trì cuộc tấn công được 24 giờ rồi cũng phải rút lui.

Các quân đoàn 2 và 4 của Hạ Long và Từ Hướng Tiền thất bại không tiến vào được thành phố Vũ Hán. Mặc dầu đã có những cuộc biểu dương lực lượng nhỏ của công nhân trong một số thành phố, nhưng công nhân không tạo được một cuộc nổi dậy nào đủ mạnh, và cũng không có một sự phản loạn nào của quân sĩ Quốc dân đảng chống lại cấp chỉ huy. Lý Lập Tam thấy kế hoạch thất bại, và địa vị chính trị của mình có thể bị lâm nguy, nên vội làm một cố gắng cứu vãn cuối cùng bằng cách trở lại tấn công Trường Sa lần thứ hai. Lần này Mao và Chu Đức phối hợp với Bành Đức Hoài thực hiện cuộc tấn công kéo dài từ ngày 1-9 đến ngày 13-9. Cuộc tấn công không đem lại kết quả như ý muốn. Mao Trạch Đông thuyết phục Chu Đức và Bành Đức Hoài bỏ cuộc, và cùng quay trở về căn cứ Giang Tây. Trung ương Đảng đành phải bãi bỏ cuộc tấn công vào Vũ Hán và chấm dứt cố gắng của Lý Lập Tam, nhằm tiến hành một cuộc nổi dậy trên toàn lãnh thổ Trung Hoa. Chính trong dịp tổng tấn công thất bại này mà vợ của Mao là Dương Khai Tuệ và em gái của Mao là Mao Trạch Oanh bị quốc quân xử tử.

Sau thất bại này, Lý Lập Tam bị khai trừ ra khỏi những địa vị trong Ban chấp hành Trung ương Đảng vào tháng 11. Cuối tháng 12-1930, Lý Lập Tam đã phải trình diện tại Mạc tư khoa để trả lời về những sai lầm vừa qua của Lý tại Trung hoa. Sau đó Lý Lập Tam sống một đời lưu vong tại Nga sô kéo dài 15 năm. Sau sự thất bại của Lý Lập Tam, quyền lãnh đạo cộng đảng Trung hoa rơi vào tay “Nhóm 28 Bôn-sê-vích”, gồm 28 thanh niên Trung hoa được đào tạo tại Nga sô. Ba người nổi tiếng nhất trong nhóm thân Nga là Trần Thiệu Vũ, bí danh là Vương Minh. Hai người kia là Tần Bang Hiến, bí danh Bác Cổ, và Trương Văn Thiên, bí danh Lạc Phủ, một người đã từng học tại đại học Berkerly, California. Lạc Phủ lúc đó trên 30, trong khi Vương Minh và Bác Cổ chỉ mới ngoài 20. Tuy vậy Hướng Trung Phát vẫn giữ chức tổng thư ký, cho tới lúc bị Quốc dân đảng giết chết.

Khi Lý Lập Tam bị mất chức, Mao Trạch Đông bắt đầu ra tay trừng phạt những người ủng hộ Lý Lập Tam trong bộ máy Đảng thuộc tỉnh Giang Tây. Mao nghĩ rằng những người theo Lý Lập Tam sẽ không còn được Trung ương che chở nữa. Những người bị Mao bắt giữ là những ủy viên chủ chốt của ban chấp hành đặc khu tây nam Giang Tây. Từ lâu, ban chấp hành đặc khu tây nam Giang Tây là một cái gai đâm vào sườn Mao, vì họ chống lại cả đường lối và cá nhân Mao. Họ đã công khai chống lại Mao về vấn đề chiến lược quân sự và chính sách ruộng đất của Mao. Tổng bí thư của ủy ban hành động Giang Tây này chính là Đoàn Lương Tất và Lý Văn Linh, hai người đã mở cửa căn cứ của họ cho Mao vào, và cứu mang Mao trong những ngày thất thế. Dần dần Mao đã tước đoạt quyền kiểm soát những đội du kích mà chính Đoàn Lương Tất và Lý Văn Linh đã xây dựng nên.

Tổng hành dinh của Đoàn Lương Tất và Lý Văn Linh đặt tại thị trấn Phù Tiên vào lúc Mao Trạch Đông ra lệnh bắt những ủy viên chủ chốt của Ủy ban hành động tỉnh Giang Tây. Vì vậy cuộc tàn sát đồng đội của Mao Trạch Đông sau này được gọi là Sự Kiện Phù Tiên. Trước hết Mao ra lệnh bắt giam chính ủy của quân đoàn 20, vì sợ quân đoàn 20 sẽ bảo vệ Đoàn Lương Tất và Lý Văn Linh. Phần đông các sĩ quan thuộc quân đoàn 20 là người cùng quê quán với Đoàn Lương Tất và Lý Văn Linh. Một tiểu đoàn của quân đoàn 20 đã dẫn quân từ Đông Cổ tới Phù Tiên giải thoát cho viên chính ủy. Tất cả những người này rút lui về một khu vực bên ngoài quyền kiểm soát của Mao, và họ tuyên bố tiếp tục trung thành với Chu Đức và Bành Đức Hoài. Họ hy vọng Chu Đức và Bành Đức Hoài ủng hộ họ chống lại Mao. Tuy nhiên trong một bức thư ngỏ công bố ngày 17-12, Chu Đức và Bành Đức Hoài tuyên bố tiếp tục ủng hộ Mao. Phe chống đối Mao tại Giang Tây tiếp tục được hai tháng trước khi bị tiêu diệt hoàn toàn.

Để biện bạch cho việc bắt giữ những người lãnh đạo đảng tại Giang Tây, Mao buộc tội họ theo chủ nghĩa thủ tiêu và là tay sai của Quốc dân đảng. Mao tiết lộ hơn 4,400 binh sĩ hồng quân đã bị bắt trong vụ này, và nhiều người đã cung khai và nhận tội. Mao đã ra lệnh thủ tiêu những đảng viên cộng sản chống lại Mao. Người được Mao giao phó nhiệm vụ thủ tiêu là Trần Nghị. Trần Nghị không được Mao tin dùng, và bị Mao cách chức chính ủy trong quân đội của Chu Đức. Mao tỏ ra là một người quỷ quyết khi giao phó cho Trần Nghị nhiệm vụ thủ tiêu những người cộng sản không đồng chính kiến với Mao. Sau khi thi hành nhiệm vụ, Trần Nghị sẽ trở thành một người đứng trong hàng ngũ Mao, vì tay đã dính máu cho mục đích của Mao. Mỗi khi cần người thi hành một việc làm ô uế đến tột, Mao thường sai một người không hoàn toàn theo mình, để sau khi thi hành xong nhiệm vụ, người đó sẽ phải trung thành với Mao, vì tay đã nhúng chàm, không thể đi theo nhóm khác.

Trong suốt năm 1931, Mao vẫn tiếp tục tiến hành cuộc thanh trừng, thủ tiêu những địch thủ thực sự hoặc tưởng tượng trong đảng. Những người bị tình nghi chống đối Mao bị bắt, bị tra tấn dã man cho đến lúc phải thú nhận tội theo ý Mao, hoặc tố cáo thêm những người khác. Cuộc thanh trừng của Mao đã giết hại rất nhiều đảng viên, cấp chỉ huy và cán bộ cộng sản

vô tội. Trong khi Mao mãi mê tìm giết những kẻ thù tưởng tượng trong đảng, thì Chu Đức đảm trách công việc chỉ huy quân đội chống lại các cuộc tấn công của Tưởng Giới Thạch.

Năm 1930 Tưởng thành công đánh bại cuộc liên minh của các sứ quân chống lại Tưởng. Năm đó, Phùng Ngọc Tường, Diêm Tích Sơn, Lý Tông Nhân, Bạch Sùng Hy, Trương Phát Khuê cùng với sự cổ vũ của Uông Tinh Vệ, đã kết hợp với nhau thành một liên minh nhằm giành lại quyền lãnh đạo Trung hoa ra khỏi tay Tưởng Giới Thạch. Nhưng Tưởng đã thành công đánh bại liên minh này. Bây giờ Tưởng hoàn toàn rảnh tay đối phó với kẻ thù chính yếu của Tưởng là phe cộng sản. Sau những cuộc tấn công non của Lý Lập Tam vào một số thành phố, Tưởng cảnh giác trước mối đe dọa càng ngày càng lớn của phe cộng sản. Đây là thời gian Tưởng tung hết sức mạnh vào chiến dịch diệt trừ “Quân Cướp Đỏ” tại khu vực Giang Tây.

Những Đợt Tấn Công Vào Sô Viết Giang Tây

Những cuộc tấn công đầu tiên của Quốc dân đảng vào căn cứ sô viết Giang Tây bắt đầu vào cuối năm 1930, và thất bại vào đầu năm 1931. Vào mùa xuân 1931, Tưởng Giới Thạch nhận thức rằng cái nguy hiểm chính bắt nguồn từ Thượng Hải, nơi Trung ương đảng cộng sản hoạt động. Tưởng bắt đầu gia tăng hoạt động tình báo và mật vụ, nhằm truy lùng giới lãnh đạo cộng sản. Mật vụ của Tưởng Giới Thạch đã mau lẹ đạt được một thành tích đáng kể. Một đơn vị mật vụ của Tưởng đã bắt được Cố Thuận Chương, người chỉ huy một đơn vị đặc nhiệm tại Thượng Hải. Cố Thuận Chương không chịu nổi sự tra tấn, nên đã phải báo cho mật vụ tên và địa chỉ của giới lãnh đạo cộng sản tại Thượng Hải. Sau đó mật vụ của Tưởng bắt được Hường Trung Phát, tổng bí thư của đảng. Hường Trung Phát bị xử tử ngay. Nhưng phần lớn giới lãnh đạo cộng sản đã kịp thời trốn thoát.

Cố Thuận Chương hoạt động dưới quyền của Chu Ân Lai, nên chính Chu Ân Lai đứng ra xử tội phản bội của Cố Thuận Chương. Chu Ân Lai đích thân đứng giám sát việc hành quyết toàn gia Cố Thuận Chương. Chu Ân Lai có cái dáng vẻ bề ngoài ung dung, lúc nào cũng niềm nở tươi cười. Nhưng cái bề ngoài thiện cảm đó che dấu một con người cực kỳ tàn ác. Sau khi Hường Trung Phát bị Quốc dân đảng giết, Vương Minh đảm nhiệm quyền lãnh đạo Trung ương đảng một thời gian. Khi Vương Minh được cử sang làm đại diện cho cộng đảng Trung hoa tại Quốc tế Cộng sản thì Tần Bang Hiến, tức Bác Cổ, lên thay thế. Trung ương Đảng bây giờ hoạt động trong một tình trạng càng ngày càng nguy hiểm hơn. Cuối cùng Bác Cổ đi đến một quyết định mới: thu hẹp tổng hành dinh tại Thượng Hải thành một Trung ương cục, và giao cho Lưu Thiếu Kỳ phụ trách, còn Trung ương Đảng thì di chuyển vào căn cứ Giang Tây của Mao. Trung ương Đảng vào căn cứ đúng lúc có một cuộc hội nghị các sô viết toàn quốc Trung hoa. Hội nghị họp tại Thụy Kim ngày 7-11-1931. Tại hội nghị này, chính phủ Trung ương lâm thời của chế độ Cộng hòa Sô Viết Trung hoa được thành lập, và Mao Trạch Đông được bầu làm chủ tịch chính phủ.

Được bầu làm chủ tịch chính phủ, Mao có vẻ đạt được một địa vị cao nhất, nhưng sự thực thì quyền hạn của Mao bị giảm đi rất nhiều, vì các sô viết phân tán về địa lý, mỗi sô viết là một căn cứ tự lập, và chính phủ trung ương tại Giang Tây không thể kiểm soát hoạt động của các sô viết khác. Hơn nữa, đảng đứng trên và có quyền quyết định chính sách của chính quyền dân sự cũng như của quân đội. Bây giờ đảng di chuyển vào khu sô viết Giang Tây thì mọi việc sẽ do đảng giải quyết, chứ không còn do một mình Mao quyết định như trước nữa.

Các căn cứ sô viết hoạt động thành công được, phần lớn không phải do sức lực của người cộng sản, mà do một yếu tố bên ngoài trợ giúp một phần lớn. Sở dĩ Tưởng Giới Thạch không thể tận diệt được phe cộng ngay là vì còn mãi lo đối phó với sự gây hấn mỗi lúc một gia tăng của quân phiệt Nhật. Đúng ra quân xâm lăng Nhật là cứu tinh của phe cộng sản Trung hoa. Trong lúc Tưởng mãi mê đối phó với Quân đoàn Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu thì các khu vực cộng sản bị bỏ quên. Không phải Tưởng không nhớ tới mối hiểm họa cộng sản, nhưng Tưởng không thể làm hai việc cùng một lúc. Năm 1931, các đại biểu cộng sản đã có thể họp tại Thụy Kim mà không phải lo ngại một cuộc tấn công của Tưởng. Trong hai đợt tấn công căn cứ sô viết Giang Tây, Tưởng chỉ có thể tung vào cuộc chiến những lực lượng hỗn hợp, và cả hai

lần, các lực lượng của Tưởng đều bị thảm bại.

Đến lần tấn công thứ ba, Tưởng tung vào cuộc chiến một số sư đoàn thiện chiến của Quốc dân đảng, và đích thân Tưởng chỉ huy cuộc tấn công. Lực lượng của Tưởng lần này tiến mạnh như vũ bão, và phe cộng sản không thể ngăn chặn được quân của Tưởng, và thủ đô cộng sản Thụy Kim chắc chắn sẽ bị Quốc dân đảng chiếm đóng. Nhưng đúng lúc quân Quốc dân đảng gần đạt được chiến thắng thì đêm 18-9-1931, Quân đoàn Quan Đông của Nhật gây hấn và chiếm Phụng Thiên. Phụng Thiên là thủ phủ và cũng là thành phố quan trọng nhất của Mãn châu. Trước tình thế đó, Tưởng đành phải chấm dứt chiến dịch tấn công Thụy Kim, để đối phó với tình hình nghiêm trọng tại vùng Đông Bắc.

Thực tâm Tưởng muốn tránh né một cuộc chiến với quân phiệt Nhật, để thanh toán cho xong cái ung nhọt cộng sản bên trong. Tưởng ra lệnh cho thống chế Trương Học Lương, con trai và là người thừa kế của sứ quân Trương Tác Lâm, phải thi hành một chính sách không chống lại quân Nhật. Tưởng hy vọng rằng quân đội Nhật sẽ không xâm lấn thêm nữa. Nhưng hy vọng của Tưởng tỏ ra là một ảo vọng. Trương Học Lương tuân lệnh Tưởng không giao chiến với quân Nhật. Trương Học Lương đã bảo toàn được quân lực của mình, nhưng toàn thể Mãn Châu đã mau lẹ lọt vào vòng kiểm soát của Quân đoàn Quan Đông của Nhật.

Tưởng vẫn duy trì chính sách không kháng cự, ngay cả vào đầu tháng giêng năm 1932, khi mà thủy quân lục chiến Nhật đổ bộ lên Thượng Hải. Tuy nhiên Lộ quân 19 dưới quyền chỉ huy của tướng Thái Đình Khải đã bất tuân lệnh của Tưởng, đứng lên anh dũng chống lại quân xâm lăng Nhật. Hai sư đoàn ái quốc của Tưởng, bất phục tùng lệnh của Tưởng, kết hợp với Lộ quân của Thái Đình Khải, và đương đầu mạnh mẽ với thủy quân lục chiến Nhật. Quân Trung hoa tại Thượng Hải bị tổn thất nặng nề, nhưng họ đã gây được một phong trào ái quốc kháng Nhật sôi nổi khắp Trung hoa, và cũng nhờ vậy quân Nhật bị chặn lại; hai phe Hoa Nhật đã ký một thỏa hiệp chấm dứt cuộc xung đột tại Thượng Hải.

Trong lúc các trận đánh dữ dội tiếp diễn tại Thượng Hải, thì Mãn Châu tuyên bố độc lập, tách khỏi Trung hoa, do sự giật dây của người Nhật. Phổ Nghi được người Nhật đưa ra làm quốc trưởng bù nhìn của cái gọi là Mãn châu quốc. Phổ Nghi lập một chính phủ, gồm có các bộ trưởng là người Mãn. Mỗi bộ trưởng người Mãn có một thứ trưởng người Nhật, và quyền hành thực sự nằm trong tay những thứ trưởng người Nhật. Chính sách tách Mãn Châu khỏi Trung hoa của người Nhật cho thấy người Nhật chưa có ý định mở rộng cuộc chiến vào lãnh thổ Trung hoa. Việc người Nhật sẵn sàng chấm dứt cuộc chiến tại Thượng Hải đã xác quyết thêm điều đó. Như vậy Tưởng Giới Thạch bây giờ rảnh tay tấn công phe cộng sản. Đối với Tưởng thì cái họa cộng sản mới là mối lo tâm phúc, vì Tưởng không nghĩ rằng quân Nhật có thể chinh phục được một nước Trung hoa mệnh mông và hiểm trở và có một tiềm lực nhân sự khổng lồ.

Trong lúc quân phiệt Nhật và Quốc dân đảng quần thảo nhau tại Phụng Thiên và Thượng Hải, người cộng sản Trung hoa không bỏ lỡ cơ hội bành trướng các khu sở viết. Bây giờ khu vực của phe cộng bao gồm nhiều quận huyện và với một tổng số dân lên tới hai triệu rưỡi người. Các khu vực của Mao, Hạ Long, Từ Hướng Tiền và Trương Quốc Đào chạy đua tăng cường quân lực, và cuối cùng hồng quân đã có một lực lượng đáng kể, gồm hai trăm ngàn tay súng.

Các chiến thắng của phe cộng đánh bại ba cuộc tấn công của Quốc dân đảng, cùng với sự phân tâm lo lắng của Tưởng trong hoàn cảnh lưỡng đầu thọ địch, và cuộc xâm lăng của quân Nhật đã khiến cho các nhà lãnh đạo cộng sản tin rằng thời kỳ đánh du kích của hồng quân đã qua rồi. Bây giờ hồng quân đủ mạnh để giao chiến trực diện với quân Quốc dân đảng. Các lãnh tụ cộng sản bắt đầu dự tính mở những cuộc tấn công chiếm những thị trấn và các trung tâm

đồng dân cư. Ngày 1-1-1932, các lãnh tụ cộng sản kêu gọi phải chiến thắng tại thành phố.

Các căn cứ sô viết khắp nơi bắt đầu một chiến pháp mới. Quân của Hạ Long tiến ra uy hiếp miền tây Hồ Bắc. Thành phố Vũ Hán bỗng dung bị kẹt vào giữa gọng kìm của Hạ Long và lực lượng của Từ Hướng Tiền, trong khi Trương Quốc Đào hoạt động mạnh tại khu vực giữa Hồ Bắc – Hà Nam – An Huy. Mao Trạch Đông cực lực chống lại chiến lược tấn công các thành phố như thế, nhưng quan điểm của Mao bị gạt bỏ, và các cuộc tấn công vào thành phố vẫn tiếp diễn. Tháng 3-1932, Lâm Bưu được giao chỉ huy Phương diện quân miền Đông, bao gồm lực lượng cơ bản của Lâm và quân đoàn 5. Mùa xuân năm 1932, Lâm Bưu mở một cuộc tấn công vào tỉnh Phúc Kiến. Lâm Bưu thành công dẫn quân cộng sản mau lẹ tiến thẳng tới Trường châu, và gần như tiến tới hải cảng Hạ Môn.

Tướng Giới Thạch có phản ứng ngay. Tháng 6-1932, Tưởng mở chiến dịch tấn công vào các căn cứ sô viết lần thứ 4. Thoạt tiên Tưởng giải nguy cho Vũ Hán, một thành phố chiến lược quan trọng. Quân của Tưởng đã đánh bại quân của Hạ Long, khiến Hạ Long phải rút lui ra các vùng ngoại biên hẻo lánh. Đạo quân của Từ Hướng Tiền và Trương Quốc Đào cũng phải rút lui vào Tứ Xuyên. Giải quyết xong áp lực vào Vũ Hán, Tưởng bắt đầu chuyển sức mạnh vào căn cứ Giang Tây. Đối với Tưởng, việc tiến chiếm Thụy Kim trong căn cứ sô viết Giang Tây không phải là việc làm cấp bách, nhưng lại là mục tiêu quan trọng nhất.

Trước cuộc đại tấn công sắp tới của Tưởng, các lãnh tụ Đảng, quân đội và chính quyền của Giang Tây đã họp tại Ninh Đô để bàn kế hoạch đối phó. Lúc đó Chu Ân Lai là chủ tịch Ủy ban quân sự, và Lưu Bá Thừa là tham mưu trưởng. Cả hai người đều chủ trương phải chặn đánh địch quân ngay từ bên ngoài khu vực sô viết. Trái lại Mao Trạch Đông đề nghị nên theo chiến lược đã từng áp dụng và đã từng chiến thắng, là cứ lừa cho quân của Tưởng vào bên trong khu vực sô viết rồi mới tập kích. Mao Trạch Đông luôn luôn nghĩ rằng phe cộng mặc dù thua kém quân địch về quân số, nhưng vẫn có thể chiến thắng bằng cách tập trung lực lượng cộng quân đông hơn để tấn công những đơn vị lẻ tẻ, ít quân hơn của Quốc dân đảng. Mao đã từng viết: “Chiến lược của địch là lấy một đánh mười trong khi chiến thuật của ta là lấy mười đánh một – đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của ta trong việc giành ưu thế với địch quân.”

Mao Trạch Đông lập luận rằng chiến lược và chiến thuật trên đây có thể áp dụng thành công, đặc biệt là tại những nơi mà quân cộng sản đã biết rõ địa hình địa vật, biết mọi ngõ ngách của chiến trường và được quần chúng hậu thuẫn, và bảo đảm sự di chuyển của hồng quân được hoàn toàn bí mật. Quần chúng cũng sẽ là tai mắt giúp cho hồng quân biết được mọi hoạt động của địch quân. Mao tin rằng khi chiến đấu ngay tại hậu phương của mình thì hồng quân sẽ có cái ưu thế của một con nhện trên màng lưới nhện, vì biết rõ được mọi mắt lưới và mau lẹ biết được nên hướng về phía nào để bắt con mồi đã sa vào cái bẫy đã giăng sẵn.

Chu Ân Lai và Lưu Bá Thừa dường như không tin vào các lập luận của Mao. Họ cho rằng chiến lược của Mao chỉ hiệu nghiệm khi phải chống lại những lực lượng hỗn hợp trong hai chiến dịch đầu tiên, nhưng đã tỏ ra bất lợi khi phải đương cự với những sư đoàn thiện chiến của Tưởng trong đợt tấn công lần thứ ba. Hơn nữa nếu cứ để chiến cuộc tiếp diễn trong khu vực sô viết thì căn cứ bị tàn phá, gây thiệt hại nhiều về nhân mạng và tài sản. Khi phe cộng cứ để cho quân Quốc dân đảng tiến vào khu vực sô viết mãi như thế thì có thể quần chúng sẽ mất tin tưởng vào sức mạnh của đảng và chính quyền cộng sản, không đủ khả năng bảo vệ nhân dân. Và một lý do mạnh mẽ nhất là các tư lệnh hồng quân cho biết đã nắm được các kế hoạch hành quân của Tưởng Giới Thạch. Vì thế các tư lệnh hồng quân tin rằng họ có thể đánh bại được quân của Tưởng ở bên ngoài căn cứ.

Phe cộng sản đã bắt được một số máy vô tuyến của Quốc dân đảng trong cuộc bao vây tấn công năm 1930. Năm 1931, Mao và Chu Đức thành lập một đơn vị vô tuyến đặc biệt, với nhiệm vụ giải mã những điện tín của quân Quốc dân đảng. Đơn vị vô tuyến đã có những tiến bộ đáng kể. Năm 1932, họ đã có thể giải mã những điện văn vô tuyến của Hội đồng quân sự trong chính quyền Nam Kinh. Từ đó các tư lệnh hồng quân biết được hành tung của địch, các kế hoạch của địch quân và quân số tại mỗi địa điểm chiến lược.

Chiến lược của Chu Ân Lai và Lưu Bá Thừa muốn đánh bại quân Quốc dân đảng ngay từ bên ngoài căn cứ, dựa trên nhiều lý do khác nữa, ngoài sự biết trước được những kế hoạch hành quân của địch. Chiến lược này cũng phù hợp với đường lối tiến công đã được nhóm lãnh đạo thân Nga chấp thuận. Khi Mao phản đối chiến lược này thì Trương Văn Thiên, một trong 28 lãnh tụ thân Nga, đã kịch liệt chỉ trích Mao và đòi khai trừ Mao ra khỏi đảng. Nhưng Mao được Chu Ân Lai và Chu Đức bênh vực bảo vệ nên thoát cảnh bị khai trừ.

Sau hội nghị Ninh Đô, Mao đi Trường Định thuộc Phúc Kiến. Mao bị bệnh và phải vào một bệnh viện Phúc Âm của Thiên chúa giáo. Mao được bác sĩ Nelson Fu chữa trị. Bệnh của Mao là do làm việc quá nhiều rồi bị kiệt sức, và cũng vì phải trải qua nhiều căng thẳng trong cuộc đấu tranh với nhóm lãnh đạo thân Nga vừa qua, và cũng do sự thất vọng và chán nản vì kết quả của hội nghị. Mao rất ưu tư về sự thất thế trong một đảng do những người thân Nga đang lãnh đạo. Mao phải nằm bệnh viện mất bốn tháng. Tuy nhiên Mao đã thành công khuyến dụ được bác sĩ Nelson Fu di chuyển bệnh viện tới Thụy Kim, và đổi tên là Bệnh Viện Đỏ Trung Ương.

Cuộc tấn công lần thứ tư của Tưởng vào căn cứ sơ viết Giang Tây cũng lại thất bại như các lần trước. Ngay từ lúc khởi đầu cuộc tiến công, toàn bộ hai sư đoàn Quốc dân đảng đã bị hồng quân phục kích tiêu diệt hoàn toàn trong một đêm. Một tháng sau, Tưởng mở một cuộc tấn công nữa, nhưng vẫn bị những tổn thất nặng nề. Cuối cùng Tưởng phải lui quân, chấm dứt đợt tấn công lần thứ tư.

Tuy nhiên tại các vùng khác, như tại Phúc Kiến và Quảng Đông, hồng quân không tuân theo kế hoạch tấn công địch quân bên ngoài các căn cứ, mà vẫn theo chiến lược của Mao, dụ cho địch quân vào bên trong rồi mới tấn công. Tại Phúc Kiến, viên bí thư Lỗ Minh đã di tản dân tại một số thành phố để có thể áp dụng chiến thuật của Mao. Trung ương Đảng nghiêm khắc trừng phạt Lỗ Minh. Lỗ Minh bị cách chức bí thư. Không những thế, trung ương còn phát động một cuộc đấu tranh nhằm phê phán cái gọi là “đường lối Lỗ Minh”, và trừng trị những người ủng hộ đường lối này. Sau hội nghị Ninh Đô, Mao không còn nắm quyền lãnh đạo quân sự nữa. Nhưng cuộc đấu tranh chống lại “đường lối Lỗ Minh” của các lãnh tụ thân Nga có mục đích tiêu diệt ảnh hưởng còn lại của Mao trong quân đội. Người bí thư riêng của Mao đã bị khai trừ khỏi đảng trong cuộc đấu tranh này. Người ta không bao giờ gặp lại viên bí thư ấy nữa, không hiểu ông ta đã bỏ trốn ra vùng “trắng” hay là đã bị thủ tiêu. Người bí thư ấy cũng đóng một vai trò quan trọng trong vụ “Sự kiện Phù Tiên”, trong đó nhiều ngàn đảng viên cộng sản không thuộc phe Mao đã bị Mao ra lệnh tàn sát. Sự kiện Phù Tiên là một vết nhơ của đảng cộng sản Trung Hoa mà nhiều lãnh tụ thân Nga không thể nào quên và tha thứ cho Mao được. Trong số những người bị chỉ trích trong cuộc đấu tranh này có em trai của Mao, là Mao Trạch Đàm, và ba người nữa sau này trở thành những nhân vật quan trọng trong đảng, đó là Đặng Tiểu Bình được coi là người cùng phe với Mao, Đàm Chấn Lâm, tư lệnh tỉnh đội Phúc Kiến, và Tiêu Cảnh Quang, tư lệnh biên khu Phúc Kiến và Giang Tây. Sau cuộc đấu tranh chống lại “đường lối Lỗ Minh”, Chu Ân Lai trở thành nhân vật quan trọng nhất, nắm chức vụ chính ủy hồng quân, một chức vị nhiều quyền lực trước kia vốn là của Mao.

Vào mùa thu năm 1933, phe cộng sản đã lỡ một cơ hội lợi dụng cuộc nổi dậy tại Phúc

Kiến của Lộ quân 19, dưới quyền chỉ huy của Thái Đình Khải. Trong tháng 2-1933, Quân đoàn Quan Đông của Nhật mở rộng cuộc xâm lăng, chiếm tỉnh Nhiệt Hà ở Nội Mông. Đến tháng 4 thì quân Nhật tràn qua Vạn Lý Trường Thành, tiến sâu vào lãnh thổ chính thống của Trung Hoa. Tưởng Giới Thạch vẫn chủ trương không kháng cự lại quân Nhật, và tháng 5-1933, Tưởng đồng ý ký một hiệp ước đình chiến tại Đan Cố. Theo hiệp ước này thì một khu vực từ Bắc Kinh cho tới Vạn Lý Trường Thành trở thành vùng phi quân sự. Sự nhượng bộ mới của Tưởng trước áp lực của Nhật đã gây một làn sóng căm phẫn khắp Trung Hoa. Những người ái quốc Trung Hoa đau lòng thấy rằng mỗi một cuộc xâm lấn của Nhật lại đưa tới một thỏa hiệp nhục nhã, và mỗi thỏa hiệp lại dẫn tới một cuộc xâm lấn khác của Nhật.

Làn sóng chống lại Tưởng ngày một lan rộng, và những đối thủ chính trị của Tưởng đã liên kết với tướng Thái Đình Khải, tư lệnh Lộ quân anh hùng đã chiến đấu chống quân xâm lăng Nhật tại Thượng Hải. Khi cuộc chiến tại Thượng Hải chấm dứt, Lộ quân 19 của Thái Đình Khải được lệnh của Tưởng, tiến về Phúc Kiến để tấn công quân cộng sản. Từ đầu năm 1933, những người chống lại Tưởng đã hợp tác với Thái Đình Khải tìm cách liên lạc với phe cộng sản, và đến tháng 10 thì hai bên đạt được một thỏa hiệp đầu tiên về một liên minh, nhằm mục đích chống lại Tưởng và kêu gọi kháng chiến chống Nhật. Một tháng sau, các phe chống Tưởng thành lập một chính phủ cách mạng nhân dân tại Phúc Châu, nhưng ngay sau đó phe cộng sản ra tuyên cáo không công nhận chính phủ cách mạng nhân dân Phúc Châu. Khi Tưởng mở chiến dịch tấn công Lộ quân 19 tại Phúc Châu, phe cộng sản lúng túng không biết nên phản ứng thế nào, và cuối cùng quyết định án binh bất động, để mặc Tưởng đánh bại Lộ quân 19 trong vài tuần lễ. Đây là một lỗi lầm quan trọng của phe cộng sản mà sau này các lãnh tụ Trung cộng tìm cách đổ lỗi cho nhau.

Sau khi giải trừ được Lộ quân 19, Tưởng lập tức bắt đầu cuộc tấn công lần thứ năm vào căn cứ sở viết Giang Tây vào đầu năm 1934. Trong lần tấn công thứ năm và cũng là lần tấn công cuối cùng, Tưởng được một danh tướng người Đức là Hans von Seeckt làm cố vấn. Hans von Seeckt thi hành một chiến lược phong tỏa, được thực hiện với một lực lượng rất hùng mạnh, gồm khoảng 700 ngàn quân. Hàng ngàn công sự được thiết lập, và khoảng cách giữa những công sự được bảo vệ bằng súng máy. Nhiều công trình như vậy, cùng với đường xá cần thiết được xây dựng để tiến dần dần vào khu vực sở viết theo một vòng tròn đồng tâm. Cuộc bao vây quân sự này tiến từ từ nhưng rất chắc chắn, càng ngày càng xiết chặt thêm. Sự phong tỏa về kinh tế cũng gây khốn quẫn cho phe cộng sản. Ngay muối là món ăn rẻ tiền nhưng rất cần thiết cho dân chúng cũng trở nên cực kỳ khan hiếm.

Trước kia hồng quân dựa vào khả năng giải mã các mật hiệu của Quốc dân đảng, nhưng nay trước chiến dịch bao vây từ từ này, khả năng đó trở thành vô hiệu. Ngay cả chiến lược của Mao lừa cho quân địch tiến sâu vào nội địa để tấn công cũng tỏ ra thất bại. Bởi vì lực lượng của Tưởng lần này tiến quân không theo từng mũi quân, mà tiến vào đồng loạt trên một trận tuyến vòng tròn khắp nơi, khiến cho hồng quân bắt buộc phải chiến đấu theo kiểu trận địa chiến. Hồng quân không quen và không đủ sức đánh trực diện trận địa chiến với một địch quân quá đông đảo và có hỏa lực quá mạnh mẽ. Cứ như thế, quân của Tưởng cứ từ từ tiến vào, rất có kỷ luật và được pháo binh yểm trợ và hai bên sườn được bảo vệ tối đa. Trong hoàn cảnh đó, phe cộng sản chỉ còn hai lựa chọn: một là chịu thất bại bằng cách chiến đấu để bảo vệ căn cứ và nhân dân; hai là từ bỏ nhân dân và căn cứ với hy vọng sống sót bằng một cuộc rút lui bỏ chạy.

Năm 1936, khi bàn về thời kỳ này, Mao Trạch Đông viết: “Vào thời gian của sự kiện Phúc Kiến, hai tháng sau khi chiến dịch phản công lần thứ 5 của ta bắt đầu, những lực lượng chủ yếu của hồng quân đáng lẽ phải thọc sâu vào vùng Giang Tô – Triết Giang – An Huy – Giang Tây, với Triết Giang là trung tâm, và quét sạch một vùng rộng lớn giữa Hàng Châu, Tô Châu,

Nam Kinh, Ngũ Hồ, Nam Xương và Phúc Châu, biến thể phòng ngự chiến lược của ta thành thể tấn công chiến lược, uy hiếp những trung tâm trọng yếu của địch, và tìm những trận đánh tại những vùng rộng lớn không có các công sự của địch. Bằng cách như vậy, ta có thể buộc quân địch đang tiến công vào phía nam Giang Tây và phía tây Phúc Kiến, phải quay trở về bảo vệ những trung tâm trọng yếu của chúng. Chúng ta có thể phá vỡ cuộc tấn công của chúng vào căn cứ Giang Tây và trợ giúp được cho chính phủ cách mạng nhân dân tại Phúc Châu. Bởi vì kế hoạch này bị bác bỏ, cho nên Chiến dịch “bao vây và tiêu diệt” lần thứ 5 của địch đã không bị đánh bại, và chính phủ cách mạng nhân dân tại Phúc Kiến đã sụp đổ một cách không thể tránh khỏi.”

Kế hoạch không được thực hiện trên đây của Mao Trạch Đông chỉ là một cuộc mạo hiểm mà chính Mao đã phản đối năm 1930, vào lúc mà những hoàn cảnh còn tương đối thuận lợi hơn. Lúc đó Tưởng đang bị tấn công nhiều mặt cùng một lúc, và các lực lượng của Hạ Long và Từ Hướng Tiền vẫn còn ở Hoa Trung, và có thể tham gia cuộc tấn công của hồng quân. Năm 1934, hoàn cảnh của phe cộng yếu hơn nhiều, khi mà Hạ Long và Từ Hướng Tiền phải bỏ chạy xa vào các vùng hẻo lánh, không còn là những đe dọa cho Tưởng nữa, và cũng không thể tiếp sức cho lực lượng của Mao. Hơn nữa nếu tập trung toàn thể sức mạnh của hồng quân để tấn công các trung tâm lớn của Quốc dân đảng thì lại đi ngược với lời cảnh cáo trước kia của chính Mao, cho rằng làm như thế thì địch quân sẽ chiếm căn cứ ngay tức khắc.

Bây giờ khi ủng hộ một chiến dịch như vậy vào lúc có cuộc nổi dậy của Thái Đình Khải tại Phúc Kiến, Mao ngầm ngụ ý rằng Mao thông hiểu những hậu quả nghiêm trọng nếu phe cộng sản không hỗ trợ quân sự cho chính phủ cách mạng nhân dân tại Phúc châu. Nhưng Mao có vẻ mâu thuẫn với những tài liệu đã được ghi nhận. Ngày 13-1-1934, khi chiều hướng có vẻ bất lợi cho Lộ quân 19 của Thái Đình Khải, phe cộng sản đã gửi cho phe Thái Đình Khải một điện văn thúc giục họ vũ trang cho quần chúng để bảo vệ Phúc Châu, và cho đó là lựa chọn duy nhất của phe Thái Đình Khải. Bề ngoài thì phe cộng sản có vẻ như hỗ trợ quân sự cho phe Thái Đình Khải, nhưng trong bức điện còn có một đoạn viết: “Cần thông báo cho Lộ quân 19 biết rằng con đường duy nhất đánh bại Nhật và Tưởng là phải hợp tác toàn diện với chính phủ cộng sản và hồng quân xô viết, được hỗ trợ bằng một hành động quân sự phối hợp.” Bức điện do chính phủ trung ương lâm thời của Cộng hòa Xô viết Trung hoa do Mao làm chủ tịch, và tên của Mao được ghi vào cuối bức điện văn. Ngoài ra trong một thời gian ngắn sau đó, Mao tuyên bố rằng chính quyền cách mạng nhân dân Phúc Châu chỉ đại diện cho một bộ phận của giai cấp cầm quyền phản động. Giai cấp đó coi người cộng sản là kẻ thù và coi Quốc dân đảng là một bè lũ thối nát. Để tự cứu, họ đã thành lập chính phủ cách mạng nhân dân Phúc châu, với mục đích đánh lừa, làm cho quần chúng tin rằng quần chúng còn có một con đường thứ ba, giữa con đường của Quốc dân đảng và chủ nghĩa cộng sản.

Lập luận của Mao vào năm 1936, sau khi đã đạt được địa vị lãnh đạo đảng, chỉ là một sự bào chữa cho những lỗi lầm của phe cộng sản, không khai thác được cuộc nổi dậy Phúc Kiến cho ích lợi của phe cộng sản. Bây giờ Mao chỉ trích phe Thái Đình Khải đã thất bại vì đã “không vận động được quần chúng nổi dậy đấu tranh”, và cho rằng Lộ quân 19 của Thái Đình Khải đã đại diện cho những lợi ích giai cấp của những phần tử trong giai cấp tư sản và địa chủ.

Đúng ra những người thuộc phe Thái Đình Khải coi cộng sản là kẻ thù của họ, nhưng vì lòng ái quốc, họ đã không tấn công phe cộng sản khi mà quân Nhật còn xâm lăng Trung Hoa. Chắc chắn Lộ quân 19 và hồng quân không thể phối hợp để chống Tưởng một cách thành công được, vì cả hai bên đều không có thiện cảm với nhau. Phe cộng sản không bao giờ giao quân đội của mình cho chính phủ nổi dậy Phúc Kiến sử dụng. Không những thế, phe cộng sản còn muốn lôi cuốn Lộ quân 19 vào quyền kiểm soát của hồng quân nữa. Dẫu sao phe cộng sản cũng chịu

hậu quả nặng nề sau khi Lộ quân 19 bị Tưởng đánh bại. Nếu còn Lộ quân 19, hoặc phe cộng sản hợp tác hoặc trợ giúp Lộ quân 19 thì hai lực lượng sẽ tựa vào nhau để chống lại kẻ thù chung là Tưởng Giới Thạch. Nếu còn Lộ quân 19, thì phe cộng sản sẽ được bảo vệ sườn phía tây, và có thể lui tới các hải cảng và thị trường của chính quyền Phúc Kiến. Người cộng sản vì ích kỷ không trợ giúp Thái Đình Khải, nhưng khi Lộ quân 19 thiện chiến và có tinh thần cao bị loại ra khỏi vòng chiến rồi thì phe cộng sản bị bao vây tứ phía và bị quân của Tưởng phong tỏa, gây khốn quẫn, và cuối cùng bị đánh bại và phải bỏ căn cứ, làm một cuộc bỏ chạy gian nan nhất trong lịch sử.

Tháng 8 năm 1934, Mao bị bệnh sốt rét, và hầu như mất hết quyền hành chính trị. Mao dường như phải sống trong tình trạng quản thúc tại gia. Mao phải rời Thụy Kim về sống tại Vu Đô, một thị trấn nhỏ của Giang Tây. Mao đã bị hạ tầng công tác vì lỗi lầm tại Phúc Kiến. Khi Tưởng tấn công Phúc Kiến, Chu Ân Lai, Bác Cổ và Trương Văn Thiên chủ trương điều động hai đạo quân tiến sang Phúc Kiến hỗ trợ cho Lộ quân 19, nhưng Mao cực lực phản đối, và nhấn mạnh chỉ trợ giúp Lộ quân 19 khi nào Lộ quân này chứng tỏ họ muốn chiến đấu thực sự. Nhưng Lộ quân 19 đã bị đánh bại quá nhanh đến nỗi hồng quân không còn cơ hội trợ giúp nữa. Và bây giờ Mao lãnh hậu quả của sự thất bại này.

Một tháng trước khi Mao di chuyển tới Vu Đô, phe cộng đã ra lệnh cho quân đoàn do Phương Chí Mẫn và Túc Dự chỉ huy phải chọc thủng vòng vây của quốc quân về phía Bắc, để làm một cuộc tấn công nghi binh. Quân đoàn này đã thành công chọc thủng được phòng tuyến của quốc quân, nhưng không giải tỏa được khu trung ương. Sau đó quân đoàn đã bị quốc quân đánh bại, Phương Chí Mẫn bị bắt, phần còn lại phải hoạt động du kích dưới quyền của Túc Dự. Tháng 8, một quân đoàn khác, do Tiêu Khắc, Vương Chấn và Nhiệm Bất Thời chỉ huy, đã phá vỡ được vòng vây và tiến về phía tây, nhằm hướng biên giới của hai tỉnh Hồ Nam và Quý Châu. Cuộc tấn công của Tiêu Khắc đã thành công, và đến tháng 10, lực lượng của Tiêu Khắc đã liên lạc được với lực lượng của Hạ Long.

Tháng 10-1934, khu sơ viết trung ương chỉ còn là một bộ phận nhỏ so với trước kia. Bây giờ phe cộng sản phải nhận chân rằng họ không thể bảo toàn được lực lượng nếu còn ở lại căn cứ Giang Tây. Kết luận này đưa họ tới những quyết định tàn nhẫn: trên hai mươi ngàn thương binh phải bỏ lại, binh sĩ không được mang theo vợ con, chỉ có 35 phụ nữ được di tản theo 85 ngàn binh sĩ. Nhiều người thuộc phe của Mao cũng không được đi theo, như em trai của Mao là Mao Trạch Đàm. Ngay Cù Thu Bạch, cựu tổng bí thư, cũng bị bỏ lại vì mắc bệnh lao phổi nặng. Phe cộng sản còn làm một cuộc thanh trừng những sĩ quan và cán bộ bị nghi ngờ là giao động hoặc phản động. Tất cả bị đem đi quản thúc, và bị thủ tiêu trước khi cuộc Vạn Lý Trường Chinh bắt đầu.

Đợt tấn công lần thứ 5 của Tưởng đã thành công, và người cộng sản phải làm một cuộc đào tẩu đắt giá. Sau khi chiếm Thụy Kim, quốc quân đã giết chết Mao Trạch Đàm và Cù Thu Bạch, và tàn phá căn cứ sơ viết. Dân chúng bắt buộc phải di chuyển tới các vùng khác. Trong khi đại quân cộng sản bỏ ra đi, du kích quân cộng sản do Trần Nghị và Hạng Anh lãnh đạo vẫn tiếp tục cuộc chiến một cách hữu hiệu, từ những nơi ẩn nấp bí mật trong rừng sâu và núi non hiểm trở.

Âm Mưu Từ Những Chiếc Cánh

Thoạt đầu hồng quân thực hiện cuộc đào tẩu vĩ đại bằng cách ngày nghỉ đêm đi, để giữ bí mật và tránh bị quốc quân truy kích. Sau một đêm dài lặn lội qua những đường rừng núi cheo leo khúc khuỷu, ban ngày hồng quân nằm dài ra nghỉ mệt, hoặc chui vào các bụi rậm lùm cây mà ngủ. Đoàn người chạy trốn chỉ chọn những con đường mòn, và tránh những con lộ lớn. Họ muốn chạy thật nhanh, thật xa đại quân của Tưởng Giới Thạch.

Đi bộ ban đêm không phải luôn luôn là khổ cực khó khăn, nhất là vào những đêm trăng thanh gió mát. Trong những ngày đầu, hồng quân chưa thấm mệt và chưa bị tổn thất nhiều, nên tinh thần vẫn còn cao và ca hát suốt lộ trình. Vào những đêm không trăng sao, hồng quân phải đốt đuốc hoặc dùng những ống tre đổ dầu vào bên trong rồi thắp sáng lên để soi đường đi. Từ chân núi nhìn lên, đoàn quân chạy trốn trông giống như một con rắn lửa, trườn mình từ chân núi, lượn khúc lên đến đỉnh rồi bò xuống bên kia núi. Tuy vậy không phải bao giờ cũng dễ dàng và đẹp dễ như thế. Vào những đêm mưa tối đen không đốt lửa lên được, hồng quân phải thắt khăn mặt trắng vào sau lưng, giúp cho người đi sau trông thấy để khỏi lạc nhau. Có những lúc họ phải nắm lấy vai nhau khi đi qua những đường mòn nhỏ hẹp. Gặp lúc trời mưa đường trơn ướt, một người té thì kéo cả nhóm lao đao theo.

Nhưng nói chung thì tinh thần của hồng quân trong những ngày đầu rất cao. Các cán bộ tuyên truyền khích động lòng hăng say của họ. Người lính hồng quân chưa biết rõ sự thực là họ đang là kẻ bại trận, và cũng không biết họ đang trên đường chạy trốn, một cuộc chạy trốn thật xa và thập phần nguy hiểm.

Cuộc chuyển quân của hồng quân theo một đội hình lạ lùng. Tướng Độc Nhãn Long Lưu Bá Thừa ví cuộc tiến quân giống như một chiếc ngai vàng. Có hai quân đoàn dẫn đầu là đệ nhất và đệ tam quân đoàn. Toán trung ương bao gồm các cấp lãnh đạo đầu não, cùng với hơn năm ngàn phu khuân vác và rất nhiều lừa ngựa, chở theo rất nhiều dụng cụ và đồ đạc công kênh.

Hệ thống lãnh đạo được tổ chức rất chặt chẽ. Ngay dưới tam đầu chế Lý Đức, Bác Cổ và Chu Ân Lai là tư lệnh phó quân đội Chu Đức, giám đốc bộ chính trị Vương Gia Tường và tham mưu trưởng Lưu Bá Thừa. Toán trung ương được phân làm hai lộ quân. Lộ quân thứ nhất do chủ tịch Ủy ban Quân Sự Diệp Kiếm Anh lãnh đạo. Về sau Diệp Kiếm Anh được phong chức thống chế và làm đến bộ trưởng quốc phòng. Lộ quân thứ hai do Lý Quế Nhân và Đặng Phát chỉ huy.

Ngay sau khi cuộc Vạn Lý Trường Chinh khởi đầu, mỗi đơn vị dùng một mặt hiệu riêng. Đệ nhất lộ quân được gọi là Hồng Ân, Đệ nhị lộ quân là Hồng Giang, đệ tam quân đoàn là Nam Xương và đệ tứ quân đoàn là Phúc Châu.

Quyền hành quân sự tại lộ quân trung ương được chia làm bốn đẳng cấp. Đứng đầu là Lý Đức, Bác Cổ, Chu Ân Lai, Chu Đức và Lưu Bá Thừa. Nhóm này do Đặng Yến Phong dẫn đầu. Nhóm thứ hai là quân nhu đạn dược. Nhóm thứ ba là các tiểu đoàn công binh, các đơn vị pháo binh và một quân y viện. Nhóm thứ tư là trung đoàn cán bộ do Trần Cương lãnh đạo. Về tổ chức, lộ quân trung ương cũng được phân thành bốn ban chuyên môn: thứ nhất là ban huấn luyện; ban thứ hai phụ trách liên lạc, tiếp tế và khuân vác. Ban thứ ba là một bệnh viện do Hồ Chương điều khiển. Ban thứ tư gồm các cán bộ và các nhân viên bí thư đảng và một trung đoàn an ninh.

Lộ quân trung ương được bảo vệ cẩn mật và không một ai bị thương tích trong những ngày đầu, nhưng lộ quân này không di chuyển mau lẹ bằng các đơn vị tác chiến như Đệ nhất và Đệ tam quân đoàn. Vì mang nhiều đồ nặng nề nên lộ quân trung ương di chuyển rất chậm chạp. Trong lộ quân lại có những người già cả bệnh tật, như Mao Trạch Đông và Hồ Diệu Bang thì bị bệnh sốt rét, Vương Gia Tường thì bị bệnh đau bao tử. Ngoài ra còn có thêm trên 30 phụ nữ, vừa là đảng viên vừa là vợ các lãnh tụ cao cấp. Càng ngày nhóm người trung ương càng tỏ ra cản trở bước tiến của hồng quân. Trong những ngày đầu tiên sinh tử của cuộc Vạn Lý Trường Chinh, điều kiện thiết yếu nhất là tốc độ: phải chạy cho thật nhanh trước khi quốc quân tung ra những cuộc truy kích. Chính vì thế nhiều đồ nặng đã phải bỏ lại. Hàng ngàn khẩu súng máy, nhiều đạn dược, và ngay cả vàng bạc cũng phải đem chôn dấu, dự định sau này có cơ hội sẽ đào lên dùng.

Trong khi hồng quân đã lên đường rồi mà quốc quân vẫn chưa khám phá được cuộc đào tẩu của hồng quân, và chưa bắt đầu cuộc truy kích. Tại thành phố Nam Xương, Tưởng Giới Thạch vẫn yên trí quân cướp đỏ sắp bị tận diệt đến nơi và không còn cách nào thoát được vòng vây của quốc quân.

Ngày 21-10, hồng quân vượt qua vòng vây đầu tiên của quốc quân tại vùng cực nam của Giang Tây, ngay tại con sông Đào. Tại đây họ gặp một sức kháng cự rất yếu ớt của quốc quân. Có lẽ quốc quân không phòng thủ mạnh vì không tin hồng quân có thể tiến tới đó. Hồng quân tiến vào địa phận tỉnh Quảng Đông, và vẫn tiến thẳng về hướng tây nam. Một số người ngạc nhiên trước hướng tiến quân này, vì mục tiêu chính của hồng quân là tiến về vùng tây bắc Trung Hoa để nhập với đệ nhị và đệ lục quân đoàn. Tuy nhiên mọi người đều phấn khởi vì cuộc Vạn Lý Trường Chinh khởi đầu bằng một điềm lành: đó là trận chiến thắng đầu tiên phá vỡ được vòng vây thứ nhất. Được đà, hồng quân phá vỡ luôn vòng vây thứ hai một cách mau lẹ ngày 3-11.

Trong những ngày đầu, các đơn vị tiền phương của hồng quân tiến như vũ bão. Thực ra chiến thắng đầu tiên của hồng quân không phải là tình cờ. Chu Ân Lai đã bí mật thỏa hiệp với sứ quân Quảng Đông để cho hồng quân đi thoát mà không phải giao tranh. Trong suốt cuộc Vạn Lý Trường Chinh, việc liên lạc giữa các tư lệnh quốc quân và hồng quân thường xảy ra. Có lẽ đó là truyền thống quân sự của người Trung Hoa. Các tư lệnh quốc quân Trung Hoa rất nhạy cảm và tin rằng không cần phải đổ máu nếu có thể thu xếp được một phương cách khác. Hơn nữa các tướng tư lệnh của hai bên đều đã từng chiến đấu cùng một chiến tuyến dưới ngọn cờ của Tôn Dật Tiên, và hồng quân và quốc quân đã có một thời hợp tác với nhau. Tinh thần thiếu trách nhiệm và cầu an của các tướng tư lệnh quốc quân đã đồng lõa giúp cho đám hồng quân bại trận trốn thoát được cảnh tiêu diệt để chờ thời và bồi dưỡng sức mạnh. Chỉ mấy năm sau, các tướng tư lệnh quốc quân cầu an này bị chính hồng quân quay lại tiêu diệt.

Trong bàn cờ chính trị phức tạp của Trung Hoa trong thập niên 1930, Tưởng Giới Thạch không phải là một lãnh tụ lúc nào cũng hùng mạnh nhất. Họ Tưởng phải đương đầu với sự thay đổi đồng minh liên tục của các sứ quân. Sự liên kết giữa các sứ quân và Tưởng cứ tiếp tục thay đổi, nay là bạn mai là thù, rồi sau đó là bạn trở lại. Thực ra các sứ quân không tin tưởng vào thiện chí của Tưởng Giới Thạch. Họ e sợ rằng nếu Tưởng mà mạnh hẳn thì chính họ cũng bị Tưởng tiêu diệt như quân cộng sản vậy. Họ không muốn Tưởng hoặc cộng sản quá mạnh. Họ không ngần ngại thỏa hiệp với cộng sản nếu họ có lợi riêng. Một số sứ quân cũng thực tình muốn có sự đoàn kết giữa mọi phe phái khác nhau, để cùng chống lại kẻ thù chung là quân xâm lăng Nhật Bản.

Những sự kiện này đã thúc đẩy sứ quân Quảng Đông gửi cho Chu Ân Lai một tín hiệu bí mật vào tháng 9-1934, đề nghị hai người nói chuyện với nhau. Lý Đức thì cho rằng sứ quân

Quảng Đông sợ quốc quân diệt xong hồng quân sẽ tiến tới biên giới Quảng Đông. Không biết lý do nào đúng, nhưng sứ quân Quảng Đông phái một sứ giả đến gặp Chu Ân Lai. Chu Ân Lai chụp ngay cơ hội và dùng sứ quân Quảng Đông chống lại Tưởng Giới Thạch. Chu sai hai cộng sự viên thân tín của mình tới một làng nhỏ tại miền bắc Quảng Đông, và hai bên đi đến một thỏa hiệp là hồng quân và quân Quảng Đông sẽ không chống lại nhau. Hơn thế nữa, cả hai bên sẽ còn hợp tác trao đổi tin tức tình báo cho nhau. Sứ quân Quảng Đông còn cung cấp cả dụng cụ y tế cho hồng quân. Khi cuộc Vạn Lý Trường Chinh xảy ra, hồng quân tiến qua địa phận Quảng Đông dễ dàng như đi dạo mát, trong lúc quân của sứ quân Quảng Đông ngoảnh mặt nhìn đi chỗ khác.

Tướng Dương Hồ Thành, tư lệnh một sư đoàn quốc quân, cũng cung cấp các dụng cụ truyền tin vô cùng thiết yếu cho hồng quân. Những dụng cụ truyền tin này đã giúp hồng quân rất nhiều trên đường chạy trốn, và ngay cả sau này khi đã thành lập được chiến khu tại Tứ Xuyên. Không những thế, hồng quân còn đọc được mật mã của quốc quân, nhờ lấy được hệ thống mật mã của quốc quân. Hồng quân đã thiết lập được phương pháp theo dõi hệ thống truyền tin của quốc quân mà không bị quốc quân nghi ngờ. Hồng quân xử dụng các máy truyền tin rất thận trọng, chỉ dùng cho cấp quân đoàn nên quốc quân không hề ngờ rằng hồng quân cũng có hệ thống truyền tin. Tướng Dương Hồ Thành về sau tham dự cuộc bắt cóc Tưởng Giới Thạch tại Tây An năm 1936 cùng với thống chế Trương Học Lương. Sau đó Dương Hồ Thành bị Tưởng bắt giam cùng với Trương Học Lương. Khi hồng quân sắp sửa chiếm trọn Hoa Lục thì Tưởng Giới Thạch ra lệnh hành quyết Dương Hồ Thành, và di chuyển Trương Học Lương ra Đài Loan để tiếp tục làm tù nhân trong tay Tưởng.

Sau khi thoát vòng vây thứ hai, hồng quân bắt đầu tiến quân ban ngày. Mỗi buổi sáng, hồng quân xuất phát vào lúc 6 giờ sáng. Sĩ quan và binh sĩ phải dậy từ 5 giờ sáng, nhổ trại, ăn sáng trước khi lên đường. Các lãnh tụ cao cấp thì dậy lúc 9 giờ sáng. Các đầu bếp và vệ sĩ đã đi trước để sắp sẵn bếp lửa và dọn điểm tâm chờ đón trước trên đường đi của các lãnh tụ. Các lãnh tụ lớn được binh sĩ dùng cáng khiêng đi, và họ ngủ ngon lành như những trẻ sơ sinh trong nôi. Cáng của họ được hai vệ sĩ khỏe mạnh vừa khiêng vừa đưa đẩy cho họ dễ ngủ.

Mãi đến cuối tháng 10, phe Quốc dân đảng mới biết hồng quân đã trốn thoát cuộc bao vây. Nhưng phải vài tháng sau họ mới biết được những gì đang xảy ra. Điều này được chứng tỏ trên báo chí trong khu vực Quốc dân đảng. Ngày 18-10, tờ Nam Xương Báo chào mừng chiến thắng của quốc quân. Đến ngày 27-10, tờ báo loan tin cộng quân toan tính trốn về phía nam, tấn công An quận, nhưng bị đẩy lui, và hàng chục ngàn cộng quân tử trận. Ngày 31-10, tờ báo loan tải hồng quân bị đẩy lui về vị trí cũ, và căn cứ của hồng quân bị san thành bình địa.

Phe Quốc dân đảng tiếp tục được ru ngủ bằng những bài báo loan tin chiến thắng thất thiệt. Ngày 8-11, một tờ báo khác trong vùng Quốc dân đảng loan tin cộng quân đang bị thảm bại, tuy nhiên cộng quân tỏ ra rất gan dạ nên phải vài tháng nữa quốc quân mới hoàn toàn tiêu diệt được “quân cướp đỏ”. Ngày 1-12, một tờ báo lớn nhất tại Nam Xương công bố số tổn thất của hồng quân lên tới mười ngàn người, và quốc quân bắt được bốn ngàn tù binh. Một cuộc biểu tình vĩ đại được tổ chức tại Nam Xương để ăn mừng chiến thắng, và ca ngợi công lao của Tưởng Giới Thạch.

Thực ra quốc quân đã bị một thất bại nặng nề về tình báo. Có lẽ Tưởng Giới Thạch bận việc không có mặt tại Nam Xương, và một phần tướng Hans von Seeckt quá cẩn thận, không dám cho quốc quân tiến sâu vào khu vực cộng sản, sợ bị đánh phục kích. Vì thế trong những ngày đầu tiên, hồng quân không gặp sức kháng cự mạnh mẽ của quốc quân và không bị không quân của Tưởng oanh kích. Mãi đến ngày 28-11, khi hồng quân tới bờ sông Tây Giang thì quốc quân mới phái một phi đội lớn, khoảng 200 phi cơ, đuổi theo tấn công.

Sự thất bại về tình báo của Tưởng Giới Thạch thật là lạ lùng, nhưng cũng không lạ lùng hơn tình báo thế giới. Báo chí quốc tế hầu như không nhắc nhở đăng tải một tin gì về cuộc tấn công của quốc quân và cuộc rút lui của hồng quân vào tháng 10-1934. Các tin thế giới lớn nhất của tờ New York Times chỉ nhắc đến Hitler, thế vận hội Bá Linh, và cuộc khủng hoảng tại Tây Ban Nha.

Mãi đến ngày 9-11, tờ Times mới đăng tin 40 ngàn cộng quân bị bao vây từ nhiều tháng đã thoát vòng vây và chạy trốn khỏi Giang Tây và Phúc Kiến; cộng quân đang tiến về phía tây, vừa đi vừa cướp bóc dọc đường, suốt một giải đất dài hàng trăm dặm và rộng trên mười dặm. Đó là tin đầu tiên của báo chí tây phương về cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Ba tuần sau đó, tờ Times trấn an độc giả rằng cộng quân đã bị quốc quân đánh bại tại Quảng Tây.

*

Kể từ khi vượt qua con sông Vu Giang, Mao Trạch Đông làm một cuộc hành trình trên cáng do các binh sĩ lực lưỡng khiêng. Mao Trạch Đông phải nằm cáng không phải vì Mao không biết đi bộ qua các miền hoang dã. Thực ra không một lãnh tụ cộng sản Trung Hoa nào biết nhiều về đất nước Trung Hoa bằng Mao. Ngay từ hồi còn ít tuổi, Mao đã đi bộ khắp các miền quê của tỉnh Hồ Nam. Mao không đem theo tiền bạc gì cả, và sống nhờ vào sự bố thí giúp đỡ của các nông dân. Năm 1927, Mao cũng lui về miền quê và nghiên cứu phân tích đời sống của người nông dân. Mao đã nhìn thấy sức mạnh của người nông dân, và tuyên bố: “Chẳng bao lâu nữa, hàng trăm triệu nông dân sẽ vùng lên mạnh như một trận cuồng phong, một sức mạnh mau lẹ và dữ dội mà không một quyền lực nào có thể ngăn cản được.” Mao tin tưởng người nông dân Trung Hoa sẽ quét sạch đế quốc, các sứ quân, các viên chức tham nhũng, và cường hào ác bá. Mao cho rằng mọi cuộc cách mạng phải cần đến sự thay đổi tại miền quê, và cách mạng là một công việc không nhẹ nhàng thư thái như là dự một bữa tiệc, làm một bài thơ hoặc vẽ một bức họa; trái lại cách mạng là bạo động tàn sát. Mao đã từng tuyên bố với một ký giả Mỹ: “Bất cứ ai thắng được nông dân sẽ thắng được Trung Hoa và ai giải quyết được vấn đề cải cách ruộng đất sẽ thắng được nông dân.”

Nhưng vào lúc cuộc Vạn Lý Trường Chinh khởi sự thì sức khỏe của Mao gần như kiệt quệ sau một cơn bệnh sốt rét lâu dài. Thuốc ký ninh đã giúp diệt trừ mầm mống bệnh sốt rét trong người Mao, nhưng không đủ lấy lại sức khỏe cho Mao. Bác sĩ Nelson Fu, bác sĩ riêng của Mao, khuyên Mao phải ăn nhiều hơn, và mỗi tối ông dọn cho Mao một tô cháo gà. Cáng của Mao nằm có một cái đòn rất dài, để giúp hai người khiêng có thể nhìn thấy đường đi của họ trên những con đường cheo leo nhỏ hẹp. Cáng còn được phủ giấy dầu để che mưa nắng. Mao bình yên ngủ, kể cả những lúc mưa to gió lớn. Một người nữa cũng nằm cáng suốt cuộc Vạn Lý Trường Chinh là Đặng Dĩnh Siêu, vợ của Chu Ân Lai. Đặng Dĩnh Siêu bị bệnh lao phổi ngay khi cuộc Trường Hành bắt đầu.

Những cái cáng trên con đường vạn lý là trung tâm của những buổi họp, bàn luận và âm mưu đưa Mao Trạch Đông trở lại quyền lãnh đạo đảng cộng sản Trung Hoa, và quyền điều khiển cuộc Vạn Lý Trường Chinh đến thành công. Những cái cáng chở Mao và Vương Gia Tường đi song song với nhau tại những nơi đường rộng rãi, và đó là cơ hội cho Mao rủ rỉ trò tài thuyết phục Vương Gia Tường đứng về phía mình. Ban đêm khi cắm trại, hai người vẫn tiếp tục nói chuyện, trao đổi quan điểm. Vương Gia Tường cũng là con một địa chủ như Mao. Vương thích đọc sách và đến Thượng Hải để học thêm. Tại đây Vương gia nhập nhóm cộng sản đầu tiên và được cử sang Nga sơ học tập. Vương là một trong nhóm 28 đảng viên bên sê vích đào tạo tại Nga và thân Nga, dưới quyền lãnh đạo của Vương Minh. Vương Gia Tường là một người rất gầy yếu, và có tài nói chuyện khuyến dụ người khác. Những sách mà Vương Gia Tường mê say đọc nhất là bộ Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, và các tác phẩm Nga của Gorky và

Tolstoi.

Chính tại những lúc cắm trại bên nhau mà Mao và Vương Gia Tường hiểu biết nhau nhiều hơn. Hai người phân tích những gì xảy ra tại Giang Tây, nhất là trận đánh Quảng Xương và cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Mao nói về những lỗi lầm chiến thuật mà giới lãnh đạo đương thời mắc phải. Càng ngày lý luận của Mao càng trở nên hợp lý và hấp dẫn đối với Vương Gia Tường. Trong vòng một tháng, Mao đã thành công lôi kéo được Vương đứng hẳn vào phe của Mao. Trong những tháng sau đó, chính Vương Gia Tường đã góp công lớn giúp Mao loại bỏ được cả Lý Đức và Bác Cổ, để Mao trở thành người lãnh đạo tối cao của hồng quân Trung Hoa.

Nhiều lãnh tụ khác cũng không ưa Bác Cổ, và thường hay công kích những lỗi lầm của Bác Cổ. Nhưng Lý Đức luôn luôn ra công thuyết phục mọi người phải hợp tác với Bác Cổ. Một đồng minh nữa của Mao là Lạc Phủ, một cựu chủ bút báo tại San Francisco. Lạc Phủ viết những bài báo kêu gọi người cộng sản Trung Hoa không những phải chiến đấu chống lại Tưởng Giới Thạch, mà còn phải chống lại những kẻ chỉ chiến đấu cho quyền lợi của Nga xô. Các bài luận thuyết này nhắm thẳng vào Bác Cổ, Lý Đức và các lãnh tụ cộng sản được huấn luyện tại Nga xô. Lý Đức không hiểu nhiều tiếng Trung Hoa, nhưng cũng cảm thấy sự bất lợi nên nhiều lần đã khuyên Lạc Phủ phải hợp tác với Bác Cổ vì cả hai người đều được huấn luyện tại Nga xô. Nhưng Lý Đức không thành công lôi kéo Lạc Phủ trở về với phe thân Nga xô. Càng ngày Lạc Phủ càng xa cách Bác Cổ.

Cuối cùng Mao, Lạc Phủ, và Vương Gia Tường đồng ý gặp lúc thuận tiện sẽ đòi hỏi Bác Cổ, Lý Đức phải tổ chức một cuộc đại hội để giải quyết quyền lãnh đạo quân đội. Khi họ đạt được điều đó thì Bác Cổ và Lý Đức kể như bị loại bỏ. Lý Đức không biết gì về những âm mưu chống đối của nhóm người nằm cán, nhưng Lý Đức cũng biết Mao đang tận dụng tài thuyết phục của mình và điều đó chẳng có lợi gì cho Lý Đức cả. Về sau trong một cuốn hồi ký, Lý Đức than phiền Mao lần la nay nói chuyện với tư lệnh này, mai thì thăm với tư lệnh khác, và sau những cuộc thì thăm của Mao là hàng loạt những lời than phiền chống lại Bác Cổ và Lý Đức. Lý Đức gọi bộ ba Mao, Lạc Phủ và Vương Gia Tường là “Trung Ương Tam Hung”. Dù bị gọi là gì thì ba người này đang tiến tới chỗ nắm quyền chỉ huy cuộc Vạn Lý Trường Chinh.

Các cố vấn Nga và các lãnh tụ thân Nga thường gọi Mao Trạch Đông là một trái bí ngô què mùa. Sự coi thường Mao là một lỗi lầm lớn nhất của họ, vì Mao là một đối thủ chính trị nguy hiểm có nhiều thủ đoạn hiểm độc, và đã từng chứng tỏ có khả năng sinh tồn siêu việt trong những hoàn cảnh rất khó khăn. Ngay khi cuộc Vạn Lý Trường Chinh bắt đầu thì Mao cũng đang ở trong tình trạng thất thế, nhưng Mao không chịu thua hoàn cảnh, và đang ngấm ngấm tung đòn độc quật ngược lại đối thủ. Phần lớn các lãnh tụ thân Nga đều còn rất trẻ, chỉ khoảng ngoài 20 và được nhồi sọ tại Mạc tư khoa. Mao già hơn các lãnh tụ thân Nga một thế hệ. Năm 1934, Vương Gia Tường mới có 27 tuổi. Bác Cổ trẻ hơn, mới có 26, và từng học tại Nga xô 4 năm, từ 18 đến 22 tuổi. Vương Minh, thủ lĩnh của nhóm, cũng chỉ mới 28 tuổi. Lạc Phủ 35 tuổi được coi là già nhất trong nhóm thân Nga. Tất cả các lãnh tụ thân Nga trẻ tuổi này không thể là đối thủ của Mao Trạch Đông, vì họ thiếu sự thâm trầm, tâm địa quỷ quyệt và lòng dạ tàn ác đến lạnh lùng của Mao Trạch Đông.

Mao chưa hề du học tại ngoại quốc. Mao không sang Âu châu sau đệ nhất thế chiến như Chu Ân Lai và Chu Đức. Mao cũng chưa từng được đứng cúi đầu trước bàn thờ tổ cộng sản tại Mạc tư khoa. Các người bên sê vích Trung Hoa đều xuất thân từ giới trung lưu trí thức thành thị, và hầu như không biết gì đến 80% dân chúng Trung Hoa sống tại miền quê. Trái lại Mao là một sản phẩm pha trộn một số tư tưởng Mác xít với triết lý Trung Hoa, cộng với tinh thần chậm tiến và bảo thủ của người nông dân Trung Hoa. Mao đã chứng tỏ là một người không bao giờ chịu nhượng bước trước bất cứ đối thủ nào, một khi đã quyết tâm theo đuổi mục tiêu, dù

kẻ địch là ai cũng vậy. Mao nhất quyết lật đổ giới lãnh đạo thân Nga và lấy nông dân làm căn bản cho cuộc cách mạng vô sản Trung Hoa. Chỉ trong điều kiện đó Mao mới bảo đảm.

Những Người Đàn Bà Trên Đường Vạn Lý

Kỷ luật trong các đơn vị hồng quân không cho vợ chồng được gần gũi nhau nhiều. Mỗi người phục vụ trong một đơn vị khác nhau, và chỉ được phép gặp nhau vào tối thứ bảy. Hạ Tử Trân, vợ Mao Trạch Đông, cũng không đi bên cạnh chồng trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Trong lộ quân trung ương chỉ có 30 nữ cán bộ và một số ít ỏi nữ y tá và liên lạc viên. Nhưng đề tứ quân đoàn có tới hai ngàn phụ nữ. Đây là một trung đoàn nữ quân chiến đấu rất dữ dằn, đã từng đánh những trận đẫm máu.

Tuy nhiên cũng có một trường hợp ngoại lệ. Đó là Chu Đức và cô vợ trẻ 23 tuổi tên là Khang Khắc Thanh. Hai người này không hề xa nhau lấy một ngày trong suốt cuộc hành trình dài. Khang Khắc Thanh là một nữ chiến sĩ gan dạ và cũng là một tay thiện xạ, lúc nào cũng giắt hai khẩu súng bên lưng và trên vai còn đeo thêm vài khẩu súng trường nữa, đeo dùm cho những người lính quá mệt mỏi, và cũng là để nêu gương cho người khác noi theo.

Khang Khắc Thanh là một thôn nữ lực lưỡng khỏe mạnh, con gái một người đánh cá. Nàng được coi là người khỏe mạnh nhất của hồng quân, và đi bộ suốt cuộc Trường Hành. Nàng kết hôn với Chu Đức tại Tỉnh Cương Sơn năm 1929, ngay trước khi Chu Đức cùng Mao Trạch Đông tiến từ Tỉnh Cương Sơn xuống khu sô viết Giang Tây. Lúc đó Khang Khắc Thanh mới có 17 tuổi và Chu Đức đã 43 tuổi rồi. Vợ lớn của Chu Đức cũng là một đảng viên cộng sản và bị Quốc dân đảng xử tử năm 1928. Khang Khắc Thanh đã từng cầm súng chiến đấu trong núi từ năm 15 tuổi.

Cũng như các phụ nữ khác, Khang Khắc Thanh được phát cho một con ngựa, nhưng nàng rất ít khi dùng ngựa. Cô gái đang say men chiến đấu này thường đi bộ bên cạnh các binh sĩ khác, và mang dùm súng cho họ, nhường ngựa cho người khác cưỡi, những người ốm yếu bệnh hoạn hoặc bị thương. Nàng tuyên bố cuộc Vạn Lý Trường Chinh không có gì đáng kể, chỉ là một chuyến đi dạo mát. Năm 1984 khi về già, Khang Khắc Thanh cũng không thay đổi thái độ về cuộc Trường Chinh. Bà kể lại, "Tôi là một người cưỡi ngựa và đi bộ giỏi. Tôi luôn luôn dẫn đầu và đi trước nhóm của tôi một quãng. Tôi đi nhanh hơn cả bà Thái Xương, một phụ nữ gương mẫu trong đoàn phụ nữ trường chinh, và cũng đi nhanh hơn cả những đảng viên khác đã từng được huấn luyện ở ngoại quốc. Những người này lúc nào cũng ca hát, cười đùa và nói chuyện về kinh nghiệm ngoại quốc của họ. Sự hiện diện của họ thúc đẩy chúng tôi thêm hăng hái."

Về sau Khang Khắc Thanh là một lãnh tụ nhiệt thành và đầy tin tưởng trong cộng đảng Trung Hoa. Trong nhiều năm trời, bà luôn luôn lãnh đạo các hoạt động của nữ giới, tham dự việc soạn thảo kế hoạch nhà nước, diễn thuyết trước quần chúng và là một chính khách tận tụy, không những cho các vấn đề quân sự, mà cả những vấn đề xã hội và chính trị quan trọng nữa. Tuy nhiên không có nhiều người chia sẻ quan niệm của Khang Khắc Thanh, cho rằng cuộc Vạn Lý Trường Chinh chỉ là một chuyến đi dạo mát. Đối với hầu hết mọi người thì Vạn Lý Trường Chinh là một cuộc di tản khó khăn nguy hiểm, từ lúc khởi đầu cho đến lúc tới được bến an toàn.

Vì có chữa nên Hạ Tử Trân được đi theo đoàn dưỡng nhân. Nàng và Mao chỉ gặp nhau

vào những dịp cuối tuần, hoặc vào những lúc đoàn quân cắm trại nghỉ ngơi vài ngày. Tuy nhiên Hạ Tử Trân và Mao gặp nhau thường hơn những cặp vợ chồng khác. Luật “Tối Thứ Bảy” được áp dụng khắt khe kể từ khi hồng quân còn ở Tỉnh Cương Sơn. Cũng có những trường hợp ngoại lệ khi người chồng bị đau ốm thì vợ được ở gần để săn sóc. Các cán bộ y tế kể lại không có nhiều rắc rối về vấn đề tình dục trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Binh sĩ không có nhiều liên lạc với phụ nữ. Tuy vậy Chu Đức phân nản trong những ngày đầu, những vụ hiếp dâm xảy ra hơi nhiều, nhưng khi kỷ luật được cải tiến thì tệ nạn hiếp dâm giảm đi rõ rệt. Những người bị bắt về tội hiếp dâm thường bị đưa ra tòa án xét xử ngay, và bị xử tử để làm gương cho người khác. Nhưng khi hồng quân tới Thiểm Tây thì bệnh giang mai bành trướng một cách đáng sợ.

Trong quân đội cộng sản lúc đầu có một tinh thần thanh tịnh về tình dục, mặc dầu các lãnh tụ là những người hủ hoá, hay vi phạm luật lệ nhất. Chỉ thiết thời cho giai cấp binh sĩ và cán bộ cấp nhỏ. Họ không được phép cưới vợ nếu không được đảng cho phép. Ngay cả sau khi cuộc Vạn Lý Trường Chinh chấm dứt, nhiều binh sĩ cũng không được phép cưới vợ. Các sĩ quan và các cán bộ cao cấp thì được chấp thuận cho lấy vợ dễ dãi hơn, nhưng cũng không nhiều lắm. Nhiều năm sau, khi Mao Trạch Đông xin đảng cho ly dị Hạ Tử Trân để lấy Giang Thanh, Mao cũng gặp khó khăn và cộng đảng đã phải họp nhiều lần trước khi thỏa mãn lời yêu cầu của Mao.

Phần nhiều binh sĩ hồng quân lúc đầu đều rất trẻ, chưa có kinh nghiệm về đàn bà. 54% binh sĩ dưới 24 tuổi và 90% chưa hề được nếm mùi vị tình dục. Một hôm khi lội qua một con sông nhỏ, một phụ nữ phải vén cao váy lên cho khỏi ướt, thì một binh sĩ trẻ tuổi đi sau hốt hoảng kêu lên, “Đồng chí bị thương đấy à?” Anh chàng này không biết rằng đàn bà mỗi tháng phải có kinh nguyệt, và tưởng người phụ nữ đi trước mình bị thương. Nhiều bạn bè của anh ta cũng không biết gì như anh ta vậy. Chính sự khờ khạo ngây thơ này đã tạo ra một tinh thần đồng đội tốt đẹp giữa binh sĩ nam nữ. Lưu Đính, một cô gái nhỏ bé trước khi kết hôn với Lạc Phủ, xác nhận đàn ông đàn bà hoạt động bên nhau mà không hề nghĩ tới tình dục. Lưu Đính nói, “Đôi khi chúng tôi sống cùng nhau và ngủ cùng với nhau trong suốt gần một năm trời. Chúng tôi không bao giờ cởi quần áo ra. Địch quân lúc nào cũng ở gần, và chúng tôi thì mệt mỏi. Chúng tôi mệt mỏi nhào xuống ổ rơm và ngủ ngay lập tức.”

Chính vì tinh thần thanh tịnh về tình dục mà năm 1933 các nhà lãnh đạo cao cấp của đảng rất khó nghĩ trước các đòi hỏi về đàn bà của Otto Braun, tức Lý Đức, tư lệnh hồng quân Trung hoa. Lý Đức tưởng rằng hồng quân Trung hoa cũng giống như các quân đội tây phương, và hy vọng được cung cấp gái hộ lý. Nhưng không có gái điểm trong các căn cứ sơ viết đầu tiên, nên các nhà lãnh đạo Trung cộng đã phải nỗ lực lắm mới giải quyết được vấn đề sinh lý cho Lý Đức. Tìm được một người bạn chăn gối cho Lý Đức không phải là một việc dễ dàng. Các người đàn bà Trung Hoa được yêu cầu bầu bạn với Lý Đức đều quyết liệt từ chối ngay lập tức. Họ đều cho biết lý do là Lý Đức to con quá, có vẻ thô bạo. Họ sợ Lý Đức sẽ làm họ đau đớn về thể xác.

Nơi cư ngụ đầu tiên của Lý Đức rất gần với trụ sở của đoàn Thanh Niên Cộng sản. Một trong các lãnh tụ thanh niên có một người vợ rất đẹp. Lý Đức rất mê người đàn bà ấy và muốn “gần gũi” bà ta. Lý Đức bắt đầu tặng quà cho người đàn bà ấy và lân la làm quen. Nhưng Lý Đức không được khéo léo nên người chồng tình nghi, theo dõi và biết được ý đồ của Lý Đức. Một số trong tổ chức vội giăng hòa và tìm cho Lý Đức một người đàn bà nhà quê rất lực lưỡng. Đó là Xảo Yến Hoa, lúc đó đang làm việc dưới quyền của Hồ Diệu Bang.

Xảo Yến Hoa không có nhan sắc, nhưng rất vui tính và to con mạnh khỏe, rất thích hợp làm người bạn chăn gối với Lý Đức. Hai người sống với nhau cho tới lúc khởi đầu cuộc Vạn Lý Trường Chinh thì Xảo Yến Hoa được chuyển vào đoàn dưỡng nhàn. Chính từ đó rắc rối xảy ra. Cả hai không bận tâm tới hoàn cảnh đặc biệt của cuộc di tản, và cãi vã nhau khi không được thỏa mãn. Rồi Xảo Yến Hoa gây sự với các phụ nữ đồng hành. Đặng Dĩnh Siêu và Khang Khắc

Thanh đã phải dùng rất nhiều thời giờ để làm dịu hoàn cảnh cho Lý Đức và Xảo Yến Hoa.

Năm mươi năm sau, Khang Khắc Thanh kể lại, “Làm thế nào cho hai người đó hợp với nhau được? Lý Đức thì không biết một chữ Trung Hoa, trong khi Xảo Yến Hoa chỉ biết nói tiếng Trung Hoa thôi. Chuyện riêng của họ thì ai mà nhảy vào thông dịch cho họ được. Tôi thực tình không biết được ý tứ của Xảo Yến Hoa ra sao thì làm sao người khác biết được, và làm sao Lý Đức hiểu được. Hai người không có tiếng nói chung để thông cảm được nhau. Tuy vậy Xảo Yến Hoa vẫn cố gắng hòa hợp được với Lý Đức phần nào. Người ta thường nói lấy chồng thì phải theo chồng.”

Đinh Linh, một nhà văn nữ nổi tiếng của Trung Hoa, bên vực Lý Đức và chê trách Xảo Yến Hoa chỉ là một cô gái quê mộc mạc, đã từng làm người hầu cho bác sĩ Nelson Fu, và chẳng có một tài năng gì. Hồng quân phải có bốn phận săn sóc Lý Đức. Nếu Lý Đức cần một người đàn bà thì hồng quân phải tìm cho ông ta một người vừa ý. Xảo Yến Hoa cũng tới được Diên An với Lý Đức, và sinh được một con trai cho Lý Đức. Da đứa con trai này đen chứ không trắng trẻo như da Lý Đức. Mao Trạch Đông thường lấy việc này để nhạo báng chủ thuyết cho rằng giống da trắng mạnh hơn giống da vàng. Về sau Xảo Yến Hoa kiện Lý Đức và được ly dị. Xảo Yến Hoa về làm việc tại Trường Sa mãi đến năm 1983 thì từ trần. Chính Hồ Diệu Bang ra lệnh phủ quan tài của Xảo Yến Hoa bằng quốc kỳ Trung cộng.

Phần lớn các bà vợ trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh không phải là những người nội trợ giỏi. Khang Khắc Thanh tuyên bố không bao giờ săn sóc cho Chu Đức. Chu Đức có vệ sĩ nấu ăn và may vá. Các vệ sĩ này nấu ăn cho cả Khang Khắc Thanh nữa. Thực ra Khang Khắc Thanh không có một tuổi trẻ tốt đẹp để có thể học tập được những bốn phận của một người nội trợ. Khang Khắc Thanh là con một người đánh cá nghèo nàn đến nỗi không nuôi nổi con, phải đem nàng cho người khác nuôi khi nàng mới có một tháng. Khang Khắc Thanh phải làm việc như một kẻ nô lệ cho đến năm 15 tuổi thì nàng trốn đi, gia nhập hồng quân. Chu Đức cũng có một nguồn gốc tương tự. Năm trẻ sơ sinh trong gia đình Chu Đức đã bị chìm nước cho chết vì cha mẹ Chu Đức không có gì để nuôi con. Riêng Chu Đức thì được đem cho một người bà con không có con. Nhờ đó Chu Đức được gửi đi học. Nếu Chu Đức là con gái thì đã bị nhấn nước cho chết rồi. Có lẽ vì nguồn gốc giống nhau nên Chu Đức và Khang Khắc Thanh thân cận và thương nhau.

Lúc đầu Khang Khắc Thanh chỉ là một binh sĩ thường, nhưng kể từ khi kết hôn với Chu Đức, tư lệnh phó hồng quân Trung Hoa, thì Khang Khắc Thanh được nâng đỡ sang hoạt động về chính trị. Ngay trước khi cuộc Vạn Lý Trường Chinh bắt đầu, thì Khang Khắc Thanh tình cờ chiến đấu trong một tiểu đoàn có tám trăm binh sĩ. Viên tiểu đoàn trưởng bị tử trận trong một cuộc phục kích, nên các binh sĩ trong tiểu đoàn đề nghị nàng lên nắm quyền chỉ huy tiểu đoàn. Ngay sau đó tiểu đoàn dưới quyền của Khang Khắc Thanh may mắn thắng trận đánh, và Khang Khắc Thanh chính thức trở thành một nữ tiểu đoàn trưởng đầu tiên của hồng quân. Khang Khắc Thanh không có ý định buông súng để sinh con cái. Nàng tuyên bố, “Tôi rất thích con nít, nhưng tôi không muốn có con. Tôi muốn lúc nào cũng gọn gàng để phục vụ quân đội.” Khi cuộc Vạn Lý Trường Chinh chấm dứt, Khang Khắc Thanh say mê học hỏi văn hóa, với hy vọng trở thành một sĩ quan cao cấp.

*

Hạ Tử Trân thì khác hẳn với Khang Khắc Thanh. Hạ Tử Trân ưa thích được săn sóc hầu hạ Mao Trạch Đông. Vốn là một người khéo nấu ăn, nàng làm cho Mao những món ăn Hồ Nam mà Mao ưa thích. Mao rất thích ăn ớt thật cay và đặc biệt là món cháo ớt cay do Hạ Tử Trân nấu. Mao thường nói đùa với Lý Đức rằng một người không thể là một nhà cách mạng tốt nếu

không biết ăn cháo ột, một món mà Lý Đức rất sợ. Mỗi khi nghe Mao nói đùa như vậy thì Lý Đức tức giận lắm.

Hạ Tử Trân là một người có nhan sắc mặn mà, tính tình rất thùy mị và cũng là một đảng viên cộng sản nhiệt thành. Nàng vốn là một cô giáo, rồi trở thành thư ký riêng cho Mao trước khi chính thức kết hôn với Mao năm 1930. Nhưng ngay từ năm 1928, Mao đã sống chung với Hạ Tử Trân như vợ chồng bán chính thức. Sở dĩ hai người chưa chính thức làm hôn lễ vì Dương Khai Tuệ, vợ cả của Mao, chưa bị Quốc dân đảng xử tử. Lúc khởi đầu cuộc Vạn Lý Trường Chinh thì nàng mới có 24 tuổi, và nàng kết hôn với Mao tại Tỉnh Cương Sơn lúc mới có 17 tuổi. Hạ Tử Trân không phải là người vợ đầu tiên của Mao. Hồi 14 tuổi, Mao bị thân phụ bắt ép phải lấy một cô gái quê lớn hơn Mao tới 6 tuổi. Mao cũng ngoan ngoãn tuân theo các lễ nghi cưới hỏi, nhưng không bao giờ đụng tới người con gái ấy. Hạ Tử Trân cũng không phải là người yêu đầu tiên của Mao. Người tình đầu tiên của Mao là Dương Khai Tuệ, con gái Dương Xương Tế, sư phụ của Mao. Tại Bắc Kinh Mao say mê chủ nghĩa Mác-xít, và Dương Khai Tuệ trẻ tuổi hơn Mao và cũng đang dốc thân phục vụ cho một nước Trung hoa mới. Hai người ý hợp tâm đầu, cùng nắm tay nhau hoạt động cách mạng. Dương Khai Tuệ sinh được hai con trai: Mao Ngạn Anh sinh năm 1922, là một thanh niên đẹp trai, thông minh và có tài, và tử trận tại Cao Ly năm 1950. Người con trai thứ hai là Mao Ngạn Thanh sinh năm 1923 và hiện còn sống tại Bắc Kinh.

Mao ra đi phát động cuộc Nổi dậy Mùa Thu năm 1927, và để Dương Khai Tuệ ở lại Trường Sa một mình với các con. Kể từ đó hai người không bao giờ gặp lại nhau nữa. Năm 1930, Quốc dân đảng bắt mẹ con Dương Khai Tuệ và Mao Trạch Oanh. Dương Khai Tuệ và Mao Trạch Oanh bị tra tấn hành hạ khi hai người không chịu từ bỏ Mao và đảng cộng sản. Ngày 14-11-1930, Dương Khai Tuệ và Mao Trạch Oanh bị xử tử bên ngoài nhà tù. Một người y tá đưa hai đứa con nhỏ của Dương Khai Tuệ về nuôi. Cái chết của Dương Khai Tuệ là hậu quả của cuộc nổi dậy bất thành do Lý Lập Tam chủ trương và Mao thi hành. Hai con trai của Mao lưu lạc từ tay người tù tâm này tới người tù tâm khác, và cuối cùng phải sống ngoài vỉa hè Thượng Hải bằng nghề ăn xin. Về sau Mao nhờ Chu Ân Lai tìm kiếm dùm hai đứa trẻ thất lạc và đưa về Diên An. Những năm cuối cùng trước khi xa nhau, Mao và Dương Khai Tuệ ít khi được gặp nhau, vì hai người công tác trong hai đơn vị khác nhau. Tuy nhiên tình yêu dành cho Dương Khai Tuệ không lúc nào nguôi trong lòng Mao. Mao đã làm một bài thơ để tưởng nhớ Dương Khai Tuệ, bài “Những Người Bất Tử” với những câu:

“Ta mất đi cây dương muôn vàn yêu quý

Nước mắt này tuôn tràn như mưa vì đâu”

Mao và Hạ Tử Trân gặp nhau tại Tỉnh Cương Sơn năm 1927. Hạ Tử Trân vừa tốt nghiệp một trường Tin Lành, và là một cán bộ cộng sản nhiệt thành. Người nữ sinh mảnh khảnh nhưng hăng say đó lao mình vào cuộc cách mạng. Nàng gia nhập đảng cộng sản lúc mới có 16 tuổi, và đã từng chiến đấu tại địa phương trước khi gia nhập đám tàn quân của Mao. Tất cả mọi người trong gia đình nàng đều đi theo cộng sản vì sự thúc đẩy của thân phụ nàng, một chủ tiệm trà. Khi hồng quân bỏ Giang Tây và bắt đầu cuộc Vạn Lý Trường Chinh thì thân phụ Hạ Tử Trân là người đầu tiên ở lại bị quốc quân xử tử. Bốn người anh của Hạ Tử Trân cũng tham gia hoạt động cộng sản. Hạ Diệp, em gái Hạ Tử Trân, cũng gia nhập đảng cộng sản năm 1927, và kết hôn với Mao Trạch Đàm, em trai Mao Trạch Đông. Năm 1950, Hạ Diệp chết vì tai nạn xe hơi trong lúc đi tìm kiếm những đứa con thất lạc của Hạ Tử Trân tại Phúc Kiến.

Cha mẹ Hạ Tử Trân đặt tên nàng là Hạ Long Nhãn, nhưng về sau nàng tự đổi tên lại là Hạ Tử Trân, vì nàng cho rằng cái tên Hạ Long Nhãn yếu quá. Hạ Tử Trân là một thiếu nữ đẹp, da trắng như tuyết, và đôi mắt trong sáng thông minh. Tuy rất say mê văn thơ cổ điển, nhưng

Hạ Tử Trân là nữ sinh đầu tiên trong trường cổ vũ cách mạng. Chính nàng kêu gọi các bạn gái cắt tóc ngắn và lật đổ tượng Phật trong chùa. Vì có giọng nói rất trong và ấm, Hạ Tử Trân là người hùng biện nhất trong vùng. Nàng là người đầu tiên trong quận bị ghi vào danh sách tầm nã của Quốc dân đảng. Nàng đã đích thân chỉ huy một cuộc tấn công quận lỵ để cứu 28 cán bộ cộng sản đang bị giam giữ, trong số đó có cả anh nàng.

Hạ Tử Trân phải lãnh nhiệm vụ nguy hiểm khi gia nhập lực lượng của Mao tại Tỉnh Cương Sơn. Có lần nàng phải giả vờ là một bệnh nhân sắp chết để tránh bị quốc quân bắt. Lần khác trong nhiệm vụ tình báo, Hạ Tử Trân đã cứu Mao và Chu Đức thoát chết trong một trận phục kích. Từ chỗ ẩn nấp, Hạ Tử Trân liều lĩnh nhảy lên ngựa, phóng ra và chạy thẳng về một hướng khác, để đánh lạc hướng quốc quân đang phục kích. Quốc quân vội đuổi theo Hạ Tử Trân, và nhờ đó Mao và Chu Đức có đủ thời giờ để tẩu thoát. Vì những thành tích ấy, Hạ Tử Trân nổi tiếng trong hàng ngũ du kích.

Mao và Hạ Tử Trân bắt đầu sống chung với nhau tại Tỉnh Cương Sơn, ngay sau khi hai người gặp nhau năm 1927. Nhưng mãi đến năm 1930 hôn lễ của hai người mới chính thức cử hành sau khi Dương Khai Tuệ đã chết. Đứa con gái đầu lòng của hai người sinh tại Phúc Kiến năm 1929 trong lúc Mao đang lui về núi để chữa bệnh sốt rét. Chiến khu của Mao tại biên giới Phúc Kiến và Giang Tây chưa đủ mạnh lắm, và khi hết bệnh sốt rét, Mao lại phải di chuyển đi nơi khác, nên đứa con gái phải đem gửi nông dân địa phương nuôi dùm. Năm 1932, Mao quay lại tìm đứa con gái nhưng không có kết quả. Một đứa con trai nữa sinh tại Thụy Kim năm 1932 và phải để lại khi cuộc Vạn Lý Trường Chinh bắt đầu. Năm 1933, Hạ Tử Trân sinh một đứa con trai nữa, nhưng đứa bé chết ngay.

Bây giờ khi bắt đầu cuộc di tản thì Hạ Tử Trân lại có thai gần đến ngày sinh. Mao đã cố gắng hết sức để giúp cho vợ tránh khỏi những cực nhọc của cuộc hành trình vất vả. Sau khi hồng quân phá vỡ vòng vây thứ hai, Mao phái hai vệ sĩ giỏi nhất của mình đi hộ vệ Hạ Tử Trân. Mao không được phép đi cùng với vợ, mặc dù hai người đi không cách xa nhau lắm, Mao trong đoàn cán bộ, và Hạ Tử Trân trong đoàn dưỡng nhân.

Ngay từ lúc là một sinh viên quá khích, Mao luôn luôn đòi hỏi quyền lợi và sự bình đẳng cho phụ nữ. Mao thường nói, “Đàn bà chiếm một nửa chỗ trên thiên đàng.” Tuy nhiên bây giờ Mao không có quyền hành gì trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, và đời sống của 30 cán bộ phụ nữ trong đoàn dưỡng nhân thật là tồi tệ. Người lãnh đạo toàn phụ nữ đã làm cho hoàn cảnh khó khăn thêm. Lúc nào cũng có sự cãi vã giữa các phụ nữ và đàn ông. Mọi rắc rối đều bắt nguồn ở sự phân phối và chuyên chở lương thực, chẳng hạn như ai vác gạo, ai nấu ăn và nấu bao nhiêu. Phần lớn 30 phụ nữ này đều còn trẻ, nhưng không phải ai cũng mạnh mẽ như Khang Khắc Thanh. Đi bộ suốt ngày hoặc suốt đêm, lên cao một ngàn thước rồi lại đi xuống một ngàn thước, rồi lại xuyên qua những đường đèo chênh vênh đầy hầm hố chông gai, hết ngày này qua ngày khác, thì quả thực quá sức chịu đựng của phụ nữ vốn chân yếu tay mềm.

Lưu Chung Tiên, vợ của Bác Cổ, nghĩ rằng kinh nghiệm của mình thực là tiêu biểu cho số phận các phụ nữ trong đoàn dưỡng nhân. Năm đó nàng vừa đúng 27 tuổi, và vốn là một người thuộc giai cấp thợ thuyền, có ông bố làm nghề hốt phân để bán cho nông dân. Lúc còn bé nàng bị bán cho một kỹ sư. Ông kỹ sư muốn mua nàng để làm vợ cho con trai sau này. Nhưng lúc 14 tuổi thì nàng bỏ trốn khỏi nhà ông kỹ sư, và tìm được việc làm trong một xưởng thợ. Nàng phải làm việc sáu ngày một tuần và mỗi ngày làm 16 giờ. Nàng gia nhập đảng cộng sản trước cuộc tàn sát tại Thượng Hải, và được gửi sang Nga học tập bốn năm. Tại Nga sô nàng gặp và kết hôn với Bác Cổ.

Lưu Chung Tiên có hai con, một trai sinh tại Mạc tư khoa, và một gái sinh tại Thượng

Hải. Khi nàng có thai đứa con thứ ba thì một mảnh đạn trúng đầu nàng trong một trận oanh kích của Quốc dân đảng, một tháng trước cuộc Vạn Lý Trường Chinh, và nàng bị xảy thai. Nàng chưa được bình phục hẳn thì đã phải bắt đầu cuộc di tản. Nàng kể lại, “Trong những ngày đầu thì chẳng có gì tốt đẹp cả. Đi bộ tại những nơi hoang dã thì thật là khó khăn. Chân tôi sưng lên và đau lắm. Tôi phải rửa chân bằng nước nóng mỗi ngày.”

Vì không được tổ chức chặt chẽ nên các phụ nữ không có đủ lương thực. Họ lúc nào cũng đói. Trong khi đó thì đàn ông than phiền phụ nữ được ưu đãi, và không phải vác gạo nhiều như họ. Chính vì thế thường có sự cãi vã ganh tị giữa đàn ông và phụ nữ. Người ta phải tổ chức lại, và phụ nữ được tách ra thành một đơn vị riêng, do Lưu Chung Tiên lãnh đạo. Kỷ luật được thi hành gắt gao nên cũng có kết quả phần nào. Tuy vậy nhiều phụ nữ cũng than phiền, “Bây giờ phụ nữ cực khổ hơn trước. Ngày nào cũng gặp khó khăn.”

Lưu Đính được phái đi với ban 3, tức là ban quân nhu. Trong ban này có năm ngàn phu khuân vác những đồ nặng như máy in, dụng cụ in tiền và dụng cụ chế tạo súng đạn. Những người trong ban quân nhu thường là những người mới được tuyển mộ. Công việc của họ thực là nặng nhọc, mặc dầu nhiều máy móc đã được tháo gỡ ra làm nhiều mảnh do nhiều người khuân vác. Đường đi nhiều chỗ chật hẹp, không đủ cho hai người đi, và thường là đi ban đêm. Mỗi khi mưa xuống thì đường trơn và bùn dính chặt chân. Đêm tuy đen tối mà nhiều khi không dám đốt đuốc, vì sợ địch quân biết được vị trí. Nhiều phu khuân vác đã té xuống từ những mỏm đá cao hàng ngàn thước và chết mất xác.

Trong những ngày đầu, có nhiều phu khuân vác bỏ trốn quay trở lại quê nhà. Họ rất chán nản khi thấy càng ngày họ càng đi sâu vào những khu vực núi non xa lạ và nguy hiểm. Họ sợ rồi ra không tìm thấy đường trở về Giang Tây nữa. Vì thế khi màn đêm buông xuống, nhiều người lặng lẽ bỏ trốn. Đó là một sự “xuất huyết” nguy hiểm mà Lưu Đính và một số cán bộ khác cần phải tìm biện pháp chấm dứt. Nhưng các cán bộ đã tỏ ra bất lực, không ngăn cản được những người bỏ cuộc.

Đồ khuân vác thì nặng mà đường đi lại quanh co khó khăn, đến nỗi mỗi đêm phu khuân vác chỉ đi được hai hoặc ba cây số. Vì thế ban quân nhu càng ngày càng thụt lùi lại. Các đơn vị tác chiến phải bảo vệ phu khuân vác trong khi quân của Tưởng mỗi lúc một đuổi gần tới hơn. Lưu Đính có bốn phận phải khuyến khích và nâng cao tinh thần phu khuân vác. Nàng phải gieo sự hăng say của cách mạng vào những con người mệt mỏi, nhớ nhà, đói ăn và nhiều khi ngơ ngác hoảng sợ. Nàng kể lại, “Thật là khó tuyển mộ hoặc thuê được phu khuân vác. Chỉ sau một thời gian, nhiều người lại bị đau lưng đau vai, rồi bị mất sức và bệnh hoạn. Họ còn sợ rằng đi theo cộng sản thì gia đình họ ở lại sẽ bị quốc quân khủng bố.” Sự cố gắng của Lưu Đính dường như không đem lại kết quả mong muốn. Nhiều đồ đạc nặng đã phải bỏ lại.

*

Không một người nào trong số 30 phụ nữ chết trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Tuy nhiên không ai chia sẻ quan niệm của một số người cho rằng 30 phụ nữ này chẳng giúp ích gì cho cuộc di tản. Lý Bộ Giao, vợ của tướng Dương Thượng Côn, có sự đánh giá đúng mức hơn. Lý Bộ Giao cũng là một trong 30 phụ nữ trường chinh, và sau này lúc 73 tuổi, bà nói về những người phụ nữ khác trong cuộc di tản mà bà coi là những nữ anh hùng của cuộc cách mạng Trung cộng.

Lý Bộ Giao nói về Thái Xương, con gái của một gia đình danh tiếng Trung hoa. Thái Xương thuộc dòng dõi tướng Tăng Quốc Phiến, người đã đánh bại cuộc khởi loạn của Hồng Tú Toàn, và tàn sát 100 ngàn loạn quân tại Nam Kinh ngày 1-6-1949. Thân mẫu của Thái Xương là một người phụ nữ đã làm một quyết định đặc biệt về nhân cách và chính trị. Lúc được 50 tuổi,

bà ly dị chồng là một thương gia giàu có, và hoàn tất việc giáo dục của bà tại một trường tiểu học. Bà đã mạnh mẽ thúc đẩy con cái trở thành công sản. Trong suốt cuộc Vạn Lý Trường Chinh, lúc nào Thái Xướng cũng mang trong mình tấm ảnh cũ kỹ của thân mẫu.

Không có gia đình nào dẫn thân mạnh mẽ cho chủ nghĩa cộng sản tại Trung Hoa bằng gia đình Thái Xướng. Thái Xướng đã theo học trường nữ sư phạm được sự tài trợ của Chu Giang Phàm, một sứ quân giàu có. Vị sứ quân này rất cấp tiến và cúng nhiều nhà cửa và vườn đất cho nhà trường sử dụng. Con gái của Chu Giang Phàm là Chu Chung Ly sau này kết hôn với Vương Gia Tường và một người con gái khác của ông ta kết hôn với Tiêu Kính Quang, một trong những tướng tư lệnh đầu tiên của Trung cộng.

Tháng 3-1919, Thái Xướng và người em trai du học tại Ba Lê theo chương trình “Học Tập và Làm Việc” do Mao và Thái Hòa Sâm tổ chức. Thái Hòa Sâm là anh ruột của Thái Xướng. Chương trình này chủ trương “hăng say đọc và hăng say dịch thuật”. Thân mẫu của Thái Xướng cũng đi theo các con. Bà kêu gọi được một người bà con giúp cho một số tiền 600 đô la, để dùng làm lộ phí. Thái Hòa Sâm chịu ảnh hưởng của đảng cộng sản Pháp. Chính Thái Hòa Sâm và Chu Ân Lai đã thành lập chi bộ cộng đảng Trung hoa tại Âu Châu. Thái Xướng gia nhập chi bộ này năm 1923. Thái Hòa Sâm rất có ảnh hưởng đối với Mao Trạch Đông, vì hai người cùng quê Hồ Nam và cùng học một trường với nhau. Mao và Thái Hòa Sâm giữ liên lạc chặt chẽ với Thái Xướng tại Âu Châu. Thái Xướng và ông anh Thái Hòa Sâm là bạn rất thân của Mao. Cả ba người đã có lần thề sẽ không bao giờ lập gia đình, nhưng chẳng người nào giữ được lời thề này. Thái Xướng gặp và kết hôn với Lý Phú Xuân tại Pháp. Sau này Lý Phú Xuân là chủ tịch cộng đảng tại Cam Túc và Ninh Hạ.

Năm 1937, ba người trong gia đình Thái Xướng bị Quốc dân đảng hành quyết và hai người khác bị cầm tù. Thái Xướng phải nhận lãnh những nhiệm vụ tình báo trong khu vực Quốc dân đảng; hoàn cảnh của nàng rất nguy hiểm, vì nếu bị khám phá thì chắc chắn sẽ bị xử tử ngay. Nàng lúc nào cũng có vẻ tươi vui, và giọng nói mang ảnh hưởng tiếng Pháp, nhưng nếu nhìn kỹ vào mắt nàng thì người ta sẽ nhận ra một nỗi sầu buồn u uẩn. Thái Xướng, cũng như Mao Trạch Đông, đã mất quá nhiều người thân cho công cuộc chiến đấu của cộng đảng Trung Hoa.

Trong suốt cuộc Vạn Lý Trường Chinh, Thái Xướng không hề than phiền một điều gì. Nàng có một ý chí thực mạnh mẽ. Nàng ít khi cưỡi ngựa cấp phát cho nàng, và nhường ngựa cho những người bị thương hoặc đau ốm mà nàng nghĩ là cần ngựa hơn nàng. Lúc đó Thái Xướng mới chỉ có 24 tuổi và đáng người mảnh khảnh, nhưng nàng lạng lẹ vượt qua những đoạn đường khó khăn, như phải trèo núi cao và dốc. Thái Xướng và Lưu Đỉnh luôn đi cạnh nhau và lúc nào cũng cố gắng nâng cao tinh thần các bạn đồng hành. Khang Khắc Thanh thường nhắc nhở đến tấm gương của Thái Xướng như là những “món ăn tinh thần” để khuyến khích binh sĩ. Thái Xướng đã tạo được sự kính trọng và lòng thương yêu của mọi người chung quanh. Nàng là một tấm gương đầy nghị lực cho cả nam và nữ trong cuộc Trường Chinh.

Những người phụ nữ trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, tuy ít ỏi, đã đóng góp rất nhiều cho sự thành công của cuộc di tản này. Sự hiện diện của họ đã khích lệ và thúc đẩy binh sĩ can đảm và cố gắng hơn. Theo văn hào Pháp Anatole France thì người nam sẽ can đảm và anh hùng hơn nếu có bóng dáng của phụ nữ. Những người phụ nữ Trường Chinh còn giúp cho cuộc đời của các lãnh tụ cao cấp một chút nắng ấm khi các lãnh tụ này cảm thấy cô đơn và có những khao khát về tình dục. Hầu hết 30 phụ nữ Trường Chinh đã là vợ hoặc sẽ là vợ của những lãnh tụ cộng sản cao cấp trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh.

Trận Đánh Lớn Tại Sông Tây Giang

Hồng quân thắng liên tiếp ba trận đầu trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh một cách dễ dàng, và vượt được ba phòng tuyến của Tưởng Giới Thạch. Các phòng tuyến này có nhiệm vụ bao vây không cho hồng quân tẩu thoát khỏi Giang Tây. Các chiến lược gia sau này phân tích cho thấy cuộc Vạn Lý Trường Chinh không phải chỉ gồm có súng đạn mà thôi. Thực ra hồng quân phải chiến đấu ba mặt trận cùng một lúc: chiến đấu chống lại đại quân của Tưởng Giới Thạch, chiến đấu chống lại sự khắc nghiệt của thiên nhiên, và quan trọng nhất là cuộc chiến đấu bên trong đảng cộng sản, lãnh tụ chống lại lãnh tụ và chính sách này chống lại chính sách kia.

Người ta chưa biết rõ mặt trận nào là yếu tố quyết định đưa tới chiến thắng hoặc thất bại. Cho đến ngày nay vấn đề vẫn chưa hoàn toàn sáng tỏ. Trong suốt cuộc di tản, không một lúc nào núi cao, đèo sâu sông rộng, mưa tuyết, sương mù, sa mạc nóng cháy, đầm lầy, đói khát, hoặc những chuyến đi bộ vô tận, gây nguy hiểm cho hồng quân nhiều hơn sự truy kích của quốc quân. Và trong những giờ phút sinh tử đó, các binh sĩ vẫn cảm thấy một cuộc chiến quyết liệt sinh tử khác giữa các lãnh tụ cao cấp trong đảng. Các lãnh tụ cộng sản, khi thì âm thầm khi thì công khai, hạ độc thủ nhau để bảo vệ chính sách của mình, để chiếm quyền lợi địa vị cho mình, và cũng vì xung khắc cá tính với nhau.

Các tư lệnh hồng quân là những cấp chỉ huy có khả năng và kinh nghiệm. Họ đã trải qua nhiều năm chiến đấu du kích, chiến đấu bên nhau hết chiến dịch này đến chiến dịch khác. Họ hiểu rõ địa hình chiến trường và cũng hiểu rõ quần chúng. Họ cũng hiểu rõ địch quân và biết được ưu điểm và nhược điểm của chính họ. Trải qua nhiều năm chiến đấu, mỗi đơn vị tạo được sở trường riêng. Đệ nhất quân đoàn của Lâm Bưu thì xuất sắc về phục kích và tấn công bất ngờ. Không ai vượt qua được Bành Đức Hoài và đệ tam quân đoàn về kỹ thuật tấn công trực diện, và đánh cận chiến. Họ đã học hỏi được xảo thuật nghi binh và lừa dối để đương đầu với một địch quân hùng mạnh hơn nhiều. Họ tiến rất nhanh, xuất hiện tại chiến trường tức khắc trong lúc địch quân tưởng họ vẫn còn ở xa. Họ di chuyển dễ dàng mau lẹ và biết cách tự túc lương thực ngay tại những nơi họ đi qua, thường là áp lực dân chúng phải cung cấp cho họ. Phần lớn hồng quân là những binh sĩ rất trẻ, và thường là những nông dân rất lực lưỡng mạnh mẽ. Họ có thể đi bộ suốt ngày và đến nửa đêm, và chỉ sau vài giờ ngủ, hoặc đôi khi không được ngủ, họ vẫn có thể lâm trận và chiến thắng.

Hoàn cảnh xã hội quá phong kiến của Trung Hoa đã là một chất xúc tác, nâng cao tinh thần của các đơn vị hồng quân có nhiều tuổi đảng. Họ chiến đấu một cách nhiệt thành và chấp nhận mọi nguy hiểm bất trắc. Tuy nhiên các phần tử tân tuyển ngay trước khi cuộc Vạn Lý Trường Chinh bắt đầu thì khác hẳn. Vì hoàn cảnh cấp bách, các binh sĩ tân tuyển chưa được huấn luyện quân sự đầy đủ và cũng chưa được học tập chính trị. Họ không biết họ đang đi đâu và sẽ làm gì, một phần cũng vì chính các lãnh tụ cao cấp cũng chưa tin tưởng vào con đường hồng quân đang đi.

Dù lý do nào đúng thì hồng quân cũng phải trả giá cho sự thiếu sót này. Những binh sĩ tân tuyển chưa được nhồi sọ thành những con người máy, chỉ biết nhắc lại những giáo điều cộng sản, nên bắt đầu thụt lùi ngay khi cuộc di tản bắt đầu. Một số khác thì đi uể oải vô trật tự,

không đuổi kịp các đơn vị nòng cốt. Phần lớn đã bỏ phiếu bằng chân như các binh sĩ Nga gốc nông dân trong hồng quân Nga đã rời bỏ quân đội ngay đêm cách mạng 1917. Các binh sĩ trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh cũng vậy; nhiều người bắt đầu quay trở về khi họ thấy rằng nếu đi xa nữa thì sẽ không hy vọng tìm được đường trở về cố quận.

Ngay lúc bắt đầu cuộc di tản, hồng quân được trang bị vũ khí rất đầy đủ. Hồng quân có tới 33,243 khẩu súng đủ loại, trong đó có 651 súng hạng nặng. Ngoài ra hồng quân có tới 38 khẩu moọc-chê được tháo rời ngay từ đầu. Hồng quân chở theo gần hai triệu băng đạn, gần ba ngàn đạn moọc-chê và gần 80 ngàn lựu đạn. Đối với thời đó thì đây là một lực lượng vũ trang đáng sợ. Tuy nhiên quân đội Quốc dân đảng hùng mạnh hơn nhiều. Tưởng Giới Thạch đã huy động được 100 trung đoàn, gồm khoảng từ 300 tới 400 ngàn quân để săn đuổi 90 ngàn quân chạy trốn.

Ngay khi biết được cuộc di chuyển của hồng quân thì Tưởng Giới Thạch tức khắc ra lệnh truy kích. Ngày 30-10, Tưởng ra lệnh cho hai viên tướng thiện chiến là Sử Du và Chu Hùng Viện phải đem bốn sư đoàn truy kích hồng quân, và liên kết với các sư quân Quảng Đông và quân miền tây của sư quân Hồ Nam. Hai tuần sau Tưởng bổ túc thêm kế hoạch truy kích cộng quân. Tưởng phong sư quân Hồ Giản của tỉnh Hồ Nam làm tổng tư lệnh lực lượng truy kích, và yêu cầu Hồ Giản kết hợp với Sử Du và Chu Hùng Viện bao vây và phục kích hồng quân tại sông Tây Giang, một con sông chảy từ miền nam lên miền bắc qua Giang Tây, vào địa phận tỉnh Hồ Nam. Ba viên tướng truy kích có trong tay 15 sư đoàn, tức khoảng 70 trung đoàn. Tưởng yêu cầu các sư quân Quảng Tây và Quảng Đông góp thêm 30 trung đoàn nữa để giúp diệt cộng quân tại vùng tam giác sắt, ngay tại sông Tây Giang.

Đây là một kế hoạch rất tinh vi và quỷ quyệt của Tưởng, vì Tưởng nhắm một đòn đánh hạ được hai con mồi. Nếu các sư quân giao chiến với hồng quân mà bị tiêu hao bớt sức mạnh thì Tưởng sẽ có cơ hội thôn tóm luôn các sư quân. Hồng quân không còn cách nào trốn tránh một địch quân đông đảo đang chờ đợi mình, nên bắt buộc phải vượt con sông Tây Giang, con đường duy nhất để tiến về phía bắc và gia nhập với đạo quân của tướng Hạ Long và đệ nhị quân đoàn tại miền tây Hồ Nam.

Với một lực lượng quốc quân truy kích hùng mạnh như thế, hồng quân phen này có triển vọng bị tiêu diệt trên bờ sông Tây Giang. Sau những trận đụng độ nhẹ trong ba lần phá vòng vây, hồng quân đóng quân trên những ngọn đồi để nghỉ ngơi và dự định sẽ vượt sông Tây Giang bằng cầu nổi trong đêm tối. Dường như có một sự bất thường trong hàng ngũ quốc quân, nên trong những ngày đầu tất cả các đơn vị hồng quân tưởng chừng sẽ vượt qua được sông Tây Giang một cách dễ dàng.

Vòng vây thứ tư nằm ngay tại sông Tây Giang, trong địa phận tỉnh Quảng Tây của Bạch Sùng Hy. Bạch sứ quân là một người rất thù ghét cộng sản. Đáng lẽ Bạch Sùng Hy sẽ tung hết sức mạnh tiêu diệt đám tàn quân cộng sản, nhưng viên sứ quân khôn lỏi này đặt ưu tiên tự vệ mình trước hết. Bạch sứ quân cũng hiểu được thâm ý của Tưởng muốn mình kiệt quệ rồi sẽ ra tay tiêu diệt mình, sau khi cộng sản bị đánh bại. Chính vì thế Bạch Sùng Hy cố gắng bảo tồn sức mạnh của Quảng Tây bằng cách để ngỏ một hành lang rộng 13 dặm tại Quan Châu, ngay trên bờ sông Tây Giang, và để mặc đám tàn quân cộng sản qua sông Tây Giang trên đường tiến tới rặng núi Ngũ Lĩnh Sơn, nằm giữa biên giới Quảng Tây và Hồ Nam. Người ta tin rằng đã có sự đồng ý ngầm giữa Bạch Sùng Hy và các lãnh tụ cộng sản, vì quân cộng sản chiếm giữ những điểm vượt sông trong suốt một tuần lễ mà không thấy quân Quảng Tây xuất hiện. Người ta sẽ thấy sự thành công của hồng quân trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh một phần lớn nhờ sự phản bội của các lãnh tụ hoặc tư lệnh quốc quân, vì tư lợi hoặc bị hồng quân mua chuộc.

Hồ Giản nhận chức tư lệnh quốc quân ngày 14-11-1934 với nhiệm vụ truy kích quốc quân. Sử Du tiến quân nhằm phía sườn phải và phía bắc của hồng quân. Từ phía sau, Chu Hùng Viện có nhiệm vụ tấn công hậu quân của đoàn quân đang chạy trốn. Hồng quân vội vã tiến gấp rút về hướng sông Tây Giang, vẫn theo đội hình thường lệ. Lâm Bưu và Bành Đức Hoài dẫn đệ nhất và đệ tam quân đoàn đi tiên phong. Đệ cửu quân đoàn mở đường cho lộ quân trung ương. Lộ quân trung ương lúc này có vẻ nhẹ nhàng hơn trước vì rất nhiều đồ đạc nặng đã phải vất bỏ lại, và hầu hết phu khuân vác đã bỏ trốn. Đệ bát quân đoàn gồm thành phần tân tuyển bảo vệ cánh trái của Ủy Ban Quân Sự Trung Ương, trong đó có các nhân vật then chốt như Bác Cổ, Lý Đức, Chu Ân Lai, Chu Đức, Lạc Phủ và Mao Trạch Đông.

Đằng sau lộ quân trung ương là một nhóm phu khuân vác, gồm có một số binh sĩ bị phạt kỷ luật, một số sĩ quan bị giáng cấp và một số tù binh. Cuối cùng là đệ ngũ quân đoàn có nhiệm vụ đoạn hậu. Càng lúc quốc quân càng quấy rối gây khó khăn cho hồng quân. Bốn sư đoàn quốc quân tiến lên chặn đầu hồng quân tại Quan Châu ở phía bắc sông Tây Giang. Quan Châu là một tòa cổ thành có tường bao bọc nằm giữa biên giới Quảng Tây và Hồ Nam. Khi các toán tiền thám của hồng quân tới chân thành Quan Châu, họ trông thấy quân của Hồ Giản đã chiếm được thành này rồi. Bộ tư lệnh hồng quân bắt buộc phải lựa chọn một quyết định: phải tấn công Quan Châu, hoặc đổi hướng tiến về phía nam để vượt sông Tây Giang tại một địa điểm khác.

Các đơn vị hồng quân đã được lệnh gặp nhau tại khu tam giác sắt trên bờ sông Tây Giang. Hồng quân không biết rằng họ đang tiến vào một cái bẫy do Tưởng đặt ra để tiêu diệt họ. Vùng tam giác mà Tưởng muốn đặt bẫy làm thịt hồng quân bắt đầu từ Quế Lâm, một khu vực nổi tiếng là một thắng cảnh với những ngọn núi đá chồng lên nhau lẫn trong sương mờ, và những dòng sông trong vắt lượn quanh những ngọn đồi thơ mộng. Đa số họa sĩ và thi nhân Trung Hoa đều say mê khung cảnh khác lạ của Quế Lâm. Thung lũng Tây Giang là con đường giao thông quan trọng giữa Quảng Tây và Hồ Nam. Con sông đào đã được khơi tại đây dưới thời Tần Thủy Hoàng, để nối liền sông Tây Giang và sông Ly Giang. Trận đánh đẫm máu nhất giữa hồng quân và quốc quân xảy ra ngay tại đệ nhất thắng cảnh của Trung Hoa.

Mặc dầu hồng quân thất bại không thể tiến tới Quan Châu trước quốc quân, nhưng các đơn vị đầu tiên của hồng quân cũng qua được sông Tây Giang ngày 25-11 tại phía nam Quan Châu. Một số đơn vị của đệ nhất và đệ tam quân đoàn cũng bắt đầu qua sông ngày 26-11. Chính lúc đó Bạch Sùng Hy chuyển quân từ phía nam với mục đích bảo vệ Quế Lâm, nhưng thực ra họ Bạch cố tình bỏ ngỏ một hành lang cho hồng quân đi qua. Ngày 27-11, các đơn vị của đệ nhất và đệ tam quân đoàn vượt qua sông mà chỉ gặp sức kháng cự yếu ớt của quốc quân. Sau đó các bộ phận chính yếu của hồng quân, gồm cả lộ quân trung ương, bắt đầu qua sông. Nước sông cạn đến nỗi phần lớn binh sĩ lội qua sông mà không cần cầu hoặc thuyền. Đúng ra hồng quân có thể qua sông trong vòng hai hoặc ba ngày, và chỉ bị thiệt hại tượng trưng mà thôi. Nhưng sự chậm trễ của phu khuân vác và sự vụng về của các binh sĩ tân tuyển đã thay đổi hẳn kết quả.

Kế hoạch vượt sông Tây Giang của hồng quân đã tiến hành rất tốt đẹp trong vài ngày đầu, nhưng ngay sau đó, hồng quân bắt đầu gặp bất lợi. Trong lúc tạm nghỉ tại một quận lỵ phía tây sông Giao thì trung đoàn 4 của đệ nhất quân đoàn nhận được khẩu lệnh phải tiến quân cấp tốc, và phải chiếm được Đào quận trước quốc quân. Là một địa điểm trên sông Giao, Đào quận kiểm soát một cái đèo quan trọng trước khi tới sông Tây Giang. Sáng hôm sau, bằng mọi giá, trung đoàn 4 phải lên đường ngay. Trên đường tiến quân, trung đoàn 4 gặp một toán nông dân và được nông dân cho biết có một cây cầu nổi vượt qua sông Giao tại Đào quận. Cầu nổi này do nhiều thuyền đánh cá ghép lại với nhau.

Khi còn cách Đào quận khoảng 8 cây số về phía nam, trung đoàn 4 trông thấy ba phi cơ

quốc quân xuất hiện. Tất cả trung đoàn phải nhào xuống nấp và may mắn không bị các phi cơ này khám phá. Đến chiều tối trung đoàn 4 tới được bên ngoài Đào quận. Đào quận được hào sâu và tường cao bảo vệ. Đến nửa đêm, một trung đội được lệnh bơi qua sông và mau lẹ chiếm được các thuyền của quốc quân, và đến sáng thì họ tiến được vào thị trấn. Các toán tuyên truyền bắt đầu tổ chức một cuộc biểu tình, và phân phát một phần các thực phẩm quần áo cướp được của nhà giàu cho dân chúng để lấy cảm tình.

Ngay đêm đó, trung đoàn 4 bỏ Đào quận và mau lẹ vượt qua sông Tây Giang. Binh sĩ trung đoàn 4 lên tinh thần vì họ qua sông một cách dễ dàng, quá sự mong đợi của họ. Nhưng chính lúc hồng quân đang hồ hởi qua sông thì một trận đánh đẫm máu nhất đang chờ đợi họ. Tình hình bỗng trở nên khẩn trương cho hồng quân. Từng đoàn phi cơ quốc quân xuất hiện và nhào xuống oanh kích hồng quân. Rồi hàng trăm ngàn truyền đơn từ phi cơ thả xuống với những lời lẽ hăm dọa: “Hỡi quân cướp cộng sản! Chúng ta được lệnh chờ đợi các ngươi. Chúng ta đang chờ đợi. Mau lên! Chúng ta đã sắp đặt một cái bẫy nhỏ cho các ngươi!”

Hồng quân biết rằng một trận đánh đẫm máu sắp xảy ra và địch quân đang chiếm ưu thế. Đệ bát quân đoàn được lệnh phải tiến gấp tới sông Tây Giang, còn cách khoảng 8 dặm về phía bắc, trong lúc phi cơ quốc quân pháo kích như mưa. Đệ bát quân đoàn vẫn cố gắng tiến lên, và vào lúc trời tối thì tới được một thị trấn ngay tại chân núi Quế Lâm. Theo sau đệ bát quân đoàn là sư đoàn 34. Sư đoàn này càng lúc càng khốn quẫn. Các đơn vị tiền phương tung nỗ lực phá vỡ vòng vây của quốc quân đã bố trí sẵn sàng trong các pháo đài. Các pháo đài của quốc quân xây cất rất kiên cố bằng xi măng cốt sắt, trong khi vị trí cố thủ của hồng quân chỉ làm bằng tường đất, nhưng được tăng cường bằng các hào sâu cắm đầy chướng ngại vật chung quanh.

Để chặn đứng hỏa lực từ các pháo đài quốc quân, hồng quân phải leo lên tường và ném lựu đạn vào các lỗ châu mai. Nhiệm vụ của các đơn vị tiền phương là vô hiệu hóa hỏa lực của các pháo đài địch để các đơn vị khác qua sông. Mặt trận tại sông Tây Giang những ngày đầu tương đối nhẹ. Tại các nhánh sông, sông Tây Giang chỉ rộng chừng ba trăm bộ và chỉ sâu tới thất lạng. Nước sông lạnh và chảy siết, nhưng hồng quân vẫn cố gắng qua được.

Tại phía hậu quân, các binh sĩ đệ bát quân đoàn tiến lên nhưng vẫn nghe tiếng súng nổ dữ dội từ phía sư đoàn 34 đang cố gắng bảo vệ thị trấn dưới chân núi Quế Lâm. Khi lực lượng chính của đệ bát quân đoàn vượt qua sông Tây Giang, quốc quân bắt đầu pháo kích dữ dội, trong khi đó hỏa lực từ phía sư đoàn 34 vẫn liên tục không ngừng. Đó là lần cuối cùng người ta nghe thấy âm thanh của sư đoàn 34. Sư đoàn này bị tiêu diệt hoàn toàn, trừ vợ chồng viên sư đoàn trưởng trốn thoát được.

Trong một lúc, đệ bát quân đoàn tiến quân và qua sông trong một sự yên lặng lạ lùng. Bỗng từng tràng súng máy xé tan sự im lặng đó. Viên tư lệnh chết gục ngay trong loạt đạn đầu tiên. Quốc quân đang mai phục bao vây trong các khu rừng rậm và trên những ngọn đồi ở cả hai bên sườn hồng quân. Đệ cửu quân đoàn may mắn vừa đi ngang qua mà không bị quốc quân tấn công. Thực ra quân Quảng Tây cũng vừa mới tới khoảng một giờ trước, đúng lúc đệ bát quân đoàn đi vào ổ phục kích. Rồi từng đoàn phi cơ quốc quân ào tới, và từng loạt súng máy từ phi cơ quạt vào đám quân đang tuyệt vọng chạy tới bờ sông. Đêm tối đến và hồng quân mệt mỏi; nhiều người mệt quá đến phải gục xuống ngủ. Đến gần sáng thì hồng quân tiến tới được một con đê dọc theo sông Tây Giang.

Chiến trường về phía hồng quân thật là thảm hại. Sách vở, giấy tờ, và các bản đồ quân sự nằm rải rác vung vãi khắp nơi. Đây là thư viện của hồng quân do phu khuân vác đem theo bị trúng bom. Nếu nhìn kỹ, người ta có thể trông thấy những vỏ kịch của Lý Bộ Giao. Lý Bộ Giao

phải bỏ lại một số sách vở và kích bản cho nhẹ để kịp vượt qua sông Tây Giang. Lý Bộ Giao qua sông một cách vất vả hơn người khác, vì nàng vốn nhỏ bé không thể lội qua sông được. Cuối cùng Lưu Bá Thừa có một con lừa và cho phép Lý Bộ Giao nắm vào đuôi con lừa; nhờ thế nàng qua sông an toàn, nhưng phải một phen sợ hãi.

Đến đây hồng quân vừa đói vừa mệt, và không ngủ được mà vẫn phải tiến tới. Khoảng 8 giờ sáng phi cơ quốc quân lại xuất hiện. Quốc quân di chuyển bộ tư lệnh về phía trước 100 dặm để chặn đường hồng quân, và tung ra những đợt tấn công liên tục. Hồng quân không còn một lựa chọn nào khác hơn là cứ tiếp tục tiến dưới làn mưa đạn của quốc quân. Nếu họ dừng lại thì họ sẽ không thể nào vượt qua sông đúng thời hạn, và sẽ bị quốc quân tiêu diệt. Họ biết rằng đằng nào cũng chết, bây giờ hoặc vài ngày nữa, vì thế họ đành tiến bước. Không có gì khó khăn hơn là cứ phải tiến vào tầm đạn pháo kích của phi cơ. Hàng loạt hồng quân ngã gục.

Hồng quân bỏ mặc những người bị thương, và cố gắng chạy tới bờ sông một cách tuyệt vọng. Nhưng khi tới bờ sông Tây Giang, thì họ không được phép qua sông nữa. Đúng lúc đó hồng quân lâm vào một tình trạng nguy hiểm nhất, vì phải đối phó với một trận tấn công khủng khiếp của một địch quân đông đảo có hỏa lực mạnh mẽ đang chờ đợi họ. Đây là những ngày nguy hiểm của hồng quân, những ngày từ 30-11 đến 1-12-1934.

Các đơn vị tinh nhuệ của đệ nhất và đệ tam quân đoàn đã qua sông Tây Giang rồi, nhưng các đơn vị khác, gồm những người bị thương, đàn bà và các đơn vị hậu vệ vẫn còn ở bên này sông. Sự rút lui đúng lúc của Bạch Sùng Hy đã mở một sinh lộ cho hồng quân, nhưng bây giờ tình thế đã thay đổi. Hồ Giản đã đưa được bốn sư đoàn vào mở cuộc tấn công vào sườn phía bắc của hồng quân. Và nguy hiểm nhất là đúng lúc đó Bạch Sùng Hy quay lại tấn công hồng quân, để chứng tỏ cho Tưởng Giới Thạch biết quân đội Quảng Tây của Bạch Sùng Hy cũng thi hành trách nhiệm của mình.

Hồng quân đang ở vào tình thế hiểm nghèo nhất vì lực lượng bị chia hai, một nửa đã qua sông và một nửa còn kẹt lại bên này sông. Cuộc tấn công của Hồ Giản bắt đầu ngày 28-11. Trận chiến trong ba ngày sau đó là một trận đánh ác liệt nhất trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Hai trung đoàn 4 và 5 của hồng quân được lệnh đương cự mặt phía bắc để bảo vệ lộ quân trung ương. Về mặt nam, quốc quân cũng mở một mặt trận nữa dọc theo con đường nằm giữa Hồ Nam và Quý Châu. Hồng quân bố trí hai bên đường, mỗi bên một tiểu đoàn. Ngay sau đó viên tư lệnh hồng quân bị trúng đạn vào đầu gối và bị loại ra ngoài vòng chiến.

Trong suốt ngày 30-11, cuộc chiến mỗi lúc một thêm ác liệt. Hồng quân phải rút lui tới điểm phòng thủ thứ hai. Lâm Bưu và các tư lệnh nghiên cứu tình hình và đêm đó gửi một điện tín cho Ủy ban Quân sự Trung ương như sau:

“Kính gửi Chủ tịch Chu Đức.

“Nếu ngày mai địch quân tiếp tục tấn công nữa với vị trí thuận lợi của chúng thì chúng tôi không thể đảm bảo có thể cầm cự được với điều kiện vũ khí đạn dược và số binh sĩ còn lại của chúng tôi. Ủy ban Quân sự Trung ương phải di chuyển quân bên phía đông ngạn sông Tây Giang ngày hôm nay. Sư đoàn 1 và sư đoàn 2 sẽ tiếp tục cầm cự với địch quân ngày mai.”

Vào lúc 3:30 sáng ngày 1-12, Lâm Bưu nhận được một điện văn trả lời, yêu cầu đệ nhất quân đoàn phải tiếp tục chống trả cuộc tấn công của quốc quân:

“Trận đánh ngày 1-12 sẽ ảnh hưởng đến toàn thể quân đội ta. Tiến được về miền tây sẽ mở đường cho sự phát triển tương lai của ta. Bất cứ một sự chậm trễ nào cũng làm cho quân đội ta bị địch cắt ra từng mảnh. Các tư lệnh đệ nhất và đệ tam quân đoàn phải xuống chiến đấu tại cấp bậc tiểu đoàn để gây tinh thần chiến đấu cho binh sĩ. Hãy cho các binh sĩ và cấp chỉ huy

hiếu ý nghĩa của trận chiến ngày hôm nay: chúng ta hoặc chiến thắng hoặc bị tiêu diệt...”

Đệ nhất quân đoàn cố thủ trong suốt trận chiến dữ dội ngày 1-12. Khoảng gần trưa thì quân đoàn nhận được tin đại quân và lộ quân trung ương đã qua được sông Tây Giang. Chưa bao giờ đệ nhất quân đoàn phải đương đầu với một trường hợp hiểm nghèo như vậy. Lần đầu tiên bộ tư lệnh của đệ nhất quân đoàn bị tấn công. Lúc đó bộ tư lệnh đặt tại một sườn núi. Bất chợt một binh sĩ tiến vào báo cáo quốc quân đang tiến lại gần. Viên chính ủy Nhiếp Vĩnh Trăn không tin báo cáo và chạy ra quan sát. Nhiếp Vĩnh Trăn kinh hoàng trông thấy một toán quốc quân chĩa súng cầm lưỡi lê đang tiến lên núi. Nhiếp Vĩnh Trăn vội ra lệnh cho đơn vị truyền tin tháo rời máy truyền tin và di chuyển đi nơi khác, và huy động mọi người trong bộ tư lệnh ra chiến đấu ngăn chặn toán quốc quân đang tiến lên núi.

Đệ nhất quân đoàn có bốn phận phải bảo vệ cho lộ quân trung ương, một đơn vị di chuyển rất chậm chạp. Đệ nhất quân đoàn cũng phải bảo vệ các đơn vị mới thành lập khác, như đệ bát và đệ cửu quân đoàn. Đây cũng là nhiệm vụ khó khăn mà nhiều đơn vị khác cũng phải chia xẻ. Chẳng hạn đệ bát quân đoàn phải dừng lại tại đông ngạn sông Tây Giang để lãnh nhiệm vụ đoạn hậu cho sư đoàn 34, nhưng sư đoàn này đã đi theo một con đường khác và bị tiêu diệt trọn vẹn. Đệ bát quân đoàn còn phải chờ đợi bên bờ sông Tây Giang cho đến khi tất cả các đơn vị khác qua được bên kia sông. Cho đến lúc đó thì đệ bát quân đoàn đã chịu những tổn thất quá nặng nề.

Chiều tối ngày 1-12, một sĩ quan của đệ bát quân đoàn còn mắc kẹt tại đông ngạn sông Tây Giang, kêu gọi Nhiếp Vĩnh Trăn nhờ tiếp cứu. Nhiếp Vĩnh Trăn cho biết không còn cách gì cứu được toán quân mắc kẹt ấy, vì đêm tối quá. Ngày 2-12 Nhiếp Vĩnh Trăn được tin sư đoàn thanh niên cộng sản do Tiêu Hoa chỉ huy cũng mắc kẹt bên kia sông, và phái một đơn vị tiếp cứu nhưng thất bại. Lý do thất bại của hồng quân là vì hồng quân di chuyển quá chậm chạp trong khi quốc quân có thể tiến tới chiến trường một cách mau lẹ. Sư đoàn thanh niên cộng sản cũng chịu chung số phận như sư đoàn 34, bị quốc quân tiêu diệt hoàn toàn. Ngoài ra trung đoàn 18 của đệ tam quân đoàn và phần lớn đệ bát quân đoàn cũng bị tiêu diệt. Sư đoàn 1 có 2800 binh sĩ lúc khởi đầu cuộc Trường Chinh, nhưng khi qua sông Tây Giang chỉ còn lại 1400 người.

Trận đánh sông Tây Giang kéo dài một tuần lễ, từ ngày 25-11 đến ngày 3-12, và là một thất bại to lớn cho hồng quân. Lưu Bá Thừa tuyên bố: “Mặc dầu hồng quân vượt qua được sông Tây Giang, nhưng phải trả một giá quá đắt. Hơn phân nửa hồng quân bị tiêu diệt.” Người ta không được rõ sự tổn thất của hồng quân tại các vòng vây của quốc quân, nhưng sự tổn thất tai hại nhất của hồng quân là trong trận đánh tại sông Tây Giang. Khi hồng quân tới được Tuân Nghĩa một tháng sau đó thì số 90 ngàn hồng quân lúc ban đầu chỉ còn lại 30 ngàn người. Rất nhiều dụng cụ như máy chiếu điện, súng lớn, máy phát điện phải ném xuống sông Tây Giang. Chính vì thế sau trận này, hồng quân nhẹ nhàng hơn và tiến mau lẹ hơn.

Trong cuốn hồi ký, Bành Đức Hoài kể lẽ đệ tam quân đoàn của mình phải đương đầu với lực lượng Quảng Tây mạnh hơn, so với đệ nhất quân đoàn chống đỡ mặt phải của trận tuyến với quân đội của Hồ Nam yếu kém hơn. Thực ra người ta kể khác nhau về trận đánh này, với lý do bào chữa sự thất bại của mình hoặc đề cao chiến thắng của mình. Dầu sao thì trận đánh tại sông Tây Giang là một thất bại nặng nề cho hồng quân, mặc dù Bạch Sùng Hy đã phản bội lệnh của Tưởng Giới Thạch, cố tình bỏ ngỏ cho hồng quân chạy thoát những đợt đầu tiên. Các nhà sử học bất đồng ý về số quân cộng sản bị tiêu diệt tại sông Tây Giang và số quân đào ngũ. Người ta chỉ phỏng đoán rằng trong mười tuần lễ đầu tiên, hồng quân bị tiêu diệt từ 40 đến 50 ngàn quân, và ít nhất 15 ngàn bị loại trong trận đánh tại sông Tây Giang.

Những thiệt hại nặng nhất là của những đơn vị tân tuyển. Ngay trước khi cuộc Trường Chinh khởi đầu, hồng quân tuyển mộ được khoảng 50 ngàn binh sĩ mới. Lý Đức tính rằng khi tiến qua địa phận Quý Châu, thì lực lượng cộng sản thiệt hại phân nửa số lính tân tuyển, và 75% phu khuân vác và lực lượng trừ bị. Hai sư đoàn 21 và 23 của đệ bát quân đoàn và sư đoàn 20 của đệ cửu quân đoàn bị quốc quân quét sạch một cách ngoạn mục. Tuy nhiên những tổn thất tại những đơn vị cũ, như đệ nhất quân đoàn của Lâm Bưu và đệ tam quân đoàn của Bành Đức Hoài tương đối rất nhẹ.

Sau trận đánh sông Tây Giang thì quyền kiểm soát quân đội của Lý Đức suy giảm rõ rệt. Chu Ân Lai đảm trách thêm nhiều nhiệm vụ của Lý Đức, nhưng Lý Đức không dễ dàng chịu từ bỏ quyền lực của mình. Chu Dĩ Khâm, tư lệnh sư đoàn 34 trốn thoát được vòng vây của quốc quân và lẩn mò về tới bộ tư lệnh. Lý Đức gọi Chu Dĩ Khâm ra trình diện và sỉ vả nặng nề: tại sao Chu Dĩ Khâm trốn thoát được trong khi tất cả binh sĩ của mình bị tiêu diệt hết? Tại sao Chu Dĩ Khâm không thi hành đúng mệnh lệnh của cấp trên? Tại sao vợ của Chu Dĩ Khâm vẫn còn đi theo chồng được trong khi cả sư đoàn không còn nữa?

Lý Đức tuyên bố phải đưa Chu Dĩ Khâm ra tòa án quân sự và bắn bỏ. Lý Đức ra lệnh cho một vệ sĩ trói Chu Dĩ Khâm lại và dẫn Chu Dĩ Khâm ra tòa án quân sự. Các vệ sĩ của Lý Đức từ chối không tuân lệnh của Lý Đức. Có thể các vệ sĩ bất phục vì Lý Đức là người ngoại quốc mà hành hạ mắng nhiếc Chu Dĩ Khâm là người Trung Hoa như họ. Lúc đó Bác Cổ cũng ngồi trong phòng họp, nhưng im lặng không lên tiếng. Mao Trạch Đông cũng hiện diện. Khi Lý Đức nổi cơn lôi đình thịnh nộ thì Mao tiến lên và dẫn Chu Dĩ Khâm ra khỏi phòng, và nói với mọi người: “Để tôi giải quyết vấn đề này.” Mao đang cần những người chống lại Lý Đức và Bác Cổ. Chu Dĩ Khâm sẽ là một người sống chết với Mao vì ơn cứu tử này.

Trong cuốn hồi ký, Lý Đức nói rất ít về trận đánh tại sông Tây Giang. Lý Đức cho rằng mặc dầu hồng quân bị thất trận nhưng cũng nhờ trận này mà hồng quân mạnh hơn và khả năng chiến đấu tiến hơn trước. Lý Đức đổ lỗi cho Chu Ân Lai vì Chu Ân Lai là người soạn thảo kế hoạch rút lui, và quyết định mang theo nhiều đồ đạc nặng, do đó làm chậm trễ bước tiến của hồng quân khiến quốc quân đuổi kịp. Tuy nhiên Lý Đức và Bác Cổ có quyền phủ quyết các quyết định của Chu Ân Lai, nhưng hai người đã không làm như vậy, và hiển nhiên chấp thuận kế hoạch của Chu Ân Lai.

Các tướng lãnh hồng quân sau thảm bại tại sông Tây Giang trở nên bất mãn tức giận, và mong muốn một sự thay đổi quyền lãnh đạo. Họ đang muốn tìm một vật tế thần để che dấu sự thất bại yếu kém của chính họ. Chính trong bối cảnh đó, Mao hoạt động tích cực để tìm cách dành lại quyền lãnh đạo đảng và loại trừ Bác Cổ và Lý Đức. Hàng chục ngàn hồng quân bỏ xác bên bờ sông Tây Giang là một thất bại lớn lao cho phe cộng sản, nhưng lại là một cơ hội lý tưởng cho Mao đoạt lại quyền hành.

Chuyển Hướng Về Quý Châu

Trận đánh kéo dài năm ngày tại sông Tây Giang là một trận đụng độ dữ dội và đẫm máu nhất của hồng quân trong suốt cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Trên 50 ngàn hồng quân bị tiêu diệt, và như vậy lực lượng của hồng quân bị thiệt hại quá một nửa trong một trận đánh. Tuy nhiên thất bại to lớn này trở thành một chuyển hướng có lợi cho hồng quân. Kể từ khi rời bỏ căn cứ Giang Tây, hồng quân đã đi được tám trăm dặm trong sáu tuần lễ. Nhưng hồng quân rút lui mà không có một mục tiêu chính trị rõ rệt. Họ chỉ mong ước liên lạc được với lực lượng 30 ngàn quân của Hạ Long tại vùng tây bắc Hồ Nam. Sự lãnh đạo của nhóm 28 lãnh tụ cộng sản thân Nga, do Bác Cổ đứng đầu, chứng tỏ đã thất bại và cuộc rút lui gần như tan rã. Sự việc này mở đường cho Mao Trạch Đông đứng lên giành quyền lãnh đạo cuộc rút lui của hồng quân.

Sau trận đánh tại sông Tây Giang, hồng quân mất tinh thần và phải đổi lộ trình để tránh đụng độ với đại quân của Tưởng Giới Thạch một lần nữa. Thay vì tiến thẳng 250 dặm nữa về phía bắc, vượt qua tỉnh Hồ Nam là tới được căn cứ của tướng Hạ Long, thì hồng quân bây giờ bắt buộc phải chuyển hướng về một căn cứ an toàn khác, xa hơn nhiều nhưng bảo đảm được sự sống còn của hồng quân. Đó là căn cứ của Trương Quốc Đào tại phía bắc Tứ Xuyên. Sau này Lưu Bá Thừa xác nhận sự thay đổi con đường di tản là công của Mao Trạch Đông. Theo Lưu Bá Thừa thì sự bất mãn chống đối quyền lãnh đạo quân sự của Bác Cổ và Lý Đức lên tới cực điểm sau trận đánh sông Tây Giang, và đúng lúc đó Mao Trạch Đông tiến ra trình bày một kế hoạch mới để cứu vãn hồng quân. Mao đòi hỏi phải thay đổi đường lối để bảo tồn 30 ngàn hồng quân còn lại khỏi bị tiêu diệt hoàn toàn.

Mao đề nghị loại bỏ kế hoạch cũ và hồng quân phải chuyển hướng tiến qua địa hạt Quý Châu, tại đó sự phòng thủ của quốc quân rất yếu. Đề nghị của Mao được đa số cấp lãnh đạo quân sự chấp thuận. Không những thế, Mao đòi đốt bỏ những tài liệu văn khố nặng nề đang mang theo, những máy móc công kênh và những vũ khí thặng dư phải đem chôn dấu trong những hang núi, và những đồ đạc phải khiêng vác mà không cần thiết thì liệng xuống sông Tây Giang. Số hồng quân sống sót chuyển biến thành một lực lượng nhẹ nhàng, hoạt động mau lẹ, tiến quân và chiến đấu linh động hơn. Đây là một chuyển hướng quan trọng cho sự thành công của cuộc Vạn Lý Trường Chinh.

Tuy căn cứ của Trương Quốc Đào tại Tứ Xuyên xa gấp hai lần căn cứ của tướng Hạ Long, nhưng hồng quân có nhiều hy vọng tránh né được những cuộc truy kích khốc liệt của đại quân Quốc dân đảng. Con đường duy nhất tới được căn cứ này là đi đường vòng quanh các lực lượng quốc quân tại hai tỉnh Hồ Nam và Tứ Xuyên, qua một vùng phòng thủ rất yếu ớt tại tỉnh Quý Châu, và sau đó sẽ vượt sông Dương Tử. Vì thế đoàn quân cộng sản toi tả và ít ỏi còn lại phải tiến về phía tây bắc, và bắt đầu đi theo một đường vòng cung với mục đích tới được bến an toàn tại Ba Châu, thủ đô của căn cứ Trương Quốc Đào tại vùng núi non giữa biên giới Tứ Xuyên và Sơn Tây. Hồng quân không biết rằng con đường vòng cung này sẽ dẫn họ trải qua những cơn ác mộng kinh hoàng.

Trương Quốc Đào trước kia là chính ủy của đệ tứ quân đoàn, gồm phần lớn quân đội của các tỉnh Hồ Bắc, Hà Nam và An Huy, vì thế chiến khu của Trương Quốc Đào được gọi tắt là Hồ-Hà-An. Chiến khu này nằm giữa Vũ Hán và Nam Kinh. Năm 1931, khi Ủy ban Trung ương cộng đảng Trung hoa bắt buộc phải rời bỏ Thượng Hải, cộng quân có thể lựa chọn chiến khu

Hồ-Hà-An làm căn cứ chính, vì chiến khu này rộng lớn và gần con sông Dương Tử, tương đối gần Thượng Hải, Vũ Hán và Nam Kinh là những vùng kỹ nghệ lớn và có đường xe lửa, hơn là chạy về chiến khu sô viết Giang Tây nằm 400 dặm về phía nam. Các lãnh tụ của chiến khu Hồ-Hà-An cũng trung thành với Ủy ban Trung ương hơn. Nhưng cũng chính vì lý do này, Ủy ban Trung ương thấy cần phải phái những tay cự phách trong Ủy ban Trung ương xuống căn cứ Giang Tây, để gia tăng sự kiểm chế Mao Trạch Đông, một lãnh tụ được coi là cứng đầu, không phục tùng Ủy ban Trung ương.

Vào lúc mạnh nhất trong những tháng đầu năm 1932, căn cứ Hồ-Hà-An có tới 60 ngàn quân, một nhà bưu điện, một nhà đúc tiền, những nhà máy dệt và nông trường tập thể. Nhưng vị trí của căn cứ Hồ-Hà-An có vẻ bất lợi, vì quá gần các trung tâm kỹ nghệ và giao thông của Vũ Hán, nên chắc chắn sẽ bị quốc quân tấn công và bị bao vây kinh tế do kế hoạch của tướng Hans von Seeckt. Đến cuối năm 1932, đệ tứ quân đoàn bắt buộc phải bỏ chiến khu Hồ-Hà-An, cũng giống như Ủy ban Trung ương phải bắt buộc rời bỏ căn cứ sô viết Giang Tây năm 1934 vậy. Hồ Hải Tùng được giao phó trọng trách ở lại điều khiển hậu quân, trong khi Trương Quốc Đào dẫn lực lượng chính của đệ tứ quân đoàn tiến về phía tây, qua biên giới của tỉnh Hồ Bắc và Hà Nam, rồi vượt tới phía nam của Sơn Tây để tới một vùng đồi núi của Tứ Xuyên, tại đó vào mùa xuân 1933, một căn cứ sô viết mới được thiết lập với thủ đô là Ba Châu. Và chính Ba Châu là nơi cuộc Vạn Lý Trường Chinh đang nhắm tới.

Một điều may mắn cho Trương Quốc Đào là lúc đó các sứ quân Tứ Xuyên còn mải đánh giết lẫn nhau, và nỗ lực của Quốc dân đảng thúc đẩy sự phòng thủ của các tỉnh chống lại lực lượng của Trương Quốc Đào cũng bị suy giảm; hơn nữa lực lượng của tướng Hạ Long cũng đang hoạt động tại phía đông nam Tứ Xuyên. Các sứ quân của Tứ Xuyên gặp cảnh lương đầu thọt địch. Chính vào lúc đó, hồng quân bắt buộc phải bỏ căn cứ Giang Tây và bắt đầu cuộc Vạn Lý Trường Chinh.

Để tiến về Quý Châu, hồng quân phải chọn con đường khó khăn nhất là vượt qua rặng núi Lão Sơn. Những thử thách khó khăn nhất của hồng quân là lúc phải vượt qua những đường núi nhỏ hẹp và nguy hiểm, những đường đèo hiểm trở, những cây cầu cheo leo hiểm nghèo và phải bơi qua những dòng nước lạnh buốt. Lúc vượt núi, tiền quân tiến rất chậm còn hậu quân thì nhích được một bước lại phải ngừng lại một lúc lâu. Hồng quân không tiến lên được mà cũng không thể ngồi xuống để nghỉ, vì đường núi nhiều chỗ quá nhỏ hẹp, chỉ đủ cho một người lách đi. Nhiều người mệt mỏi và buồn ngủ đến nỗi phải ôm núi để ngủ đứng.

Cuộc hành trình gian nan của hồng quân cứ tiếp tục trèo lên cao tám dặm rồi lại tụt xuống ba dặm. Có những lúc hồng quân đi qua những trận bão, gió mưa cuồng nộ quất mạnh vào người. Trong những hoàn cảnh đó, hồng quân không những không thể dừng lại được, mà tiếp tục thì đường trơn như bôi mỡ, rất nguy hiểm. Đôi khi một đêm họ chỉ đi được một dặm, và trong lúc ướt đầm nước mưa mà vẫn phải cắm trại ngay ngoài khoảng trống.

Rặng Lão Sơn bắt đầu từ Quảng Tây và núi dốc đến nỗi khi trèo lên núi, người đi sau có thể trông thấy lòng bàn chân của người đi trước. Người ta phải đục vào đá làm những chỗ đặt chân cho dễ trèo. Mọi người phải vật lộn với núi đá để trèo lên được từng quãng ngắn, và trường hợp người bệnh và bị thương thì khổn khó vô cùng. Một buổi tối, nhóm tiền phương của hồng quân đụng phải một khối đá dựng đứng trước mặt, và không có cách gì dẫn ngựa qua được. Một số người và ngựa đã rơi xuống khe núi mất tăm. Hồng quân đành phải dừng lại, ngủ ngay tại chỗ, chờ sáng hôm sau sẽ tiếp tục.

Ngủ tại đường núi cũng không dễ dàng gì. Lối đi chỗ rộng nhất cũng chỉ khoảng hơn nửa thước. Ngay khi một người có thể nằm xuống được thì người đó cũng không thể nào xoay

mình mà không bị lăn xuống núi. Chỗ nào cũng có những khối đá nhô ra, và trên đường thì phủ đầy những mảnh đá nhọn hoắt. Vì không còn cách nào khác, hồng quân phải đành gấp mền, đặt bên dưới và cố gắng nằm cuộn tròn trên đường đi. Phần lớn mệt đến nỗi ngủ thiếp đi. Ban đêm thỉnh thoảng những cơn gió lạnh buốt đánh thức họ dậy. Nhiều người quấn mền quanh mình, cuộn người lại cho ấm mà vẫn không thể nào ngủ được. Đêm thì tối đen như mực, và bên trên là những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời tối thẫm, trông giống những viên ngọc trên một tấm thảm nhung. Những vách đá đen sì chung quanh trông như những người khổng lồ đứng hăm dọa. Nhiều người có cảm tưởng như đang nằm dưới đáy một cái giếng thật sâu.

Khắp nơi chợt hiện lên những ánh lửa nhỏ bé; những người không ngủ được vì lạnh quá phải đốt lửa lên. Họ ngồi chụm lại với nhau và nói chuyện rì rầm. Dù họ nói rất nhỏ, nhưng trong cái sự im lặng ghê rợn này, những lời nói của họ nghe khá rõ. Tiếng nói của họ lúc gần lúc xa, lúc to lúc nhỏ, có lúc nghe như tiếng tầm ăn dâu, vắng lại như tiếng than vãn của suối rừng, rồi lại giống như tiếng thì thầm rất xa của đại dương.

Sáng hôm sau, hồng quân bắt buộc phải vượt qua được khối đá chặn đường đêm trước. Người ta gọi khối đá đó là Lôi Công Thạch, một khối đá nhô ra khoảng 90 độ. Nhiều chỗ bước chân không rộng hơn một tấc, và không có chỗ vịn tay. Sau trận đánh sông Tây Giang, hồng quân có nhiều thương binh hơn trước. Nhiều người được chở bằng cáng. Nhưng khi tới khối Lôi Công Thạch thì dù bị thương nặng đến thế nào, họ cũng bắt buộc phải rời cáng, rồi họ sẽ bò qua hoặc bị đẩy qua khối đá, hoặc bị lôi qua bằng giây thừng. Nhiều người không qua nổi và rơi xuống khe núi. Đối với hồng quân thì ngọn Lão Sơn là ngọn núi khó khăn nhất mà họ phải vượt qua.

Sau khi vượt qua rặng Lão Sơn, hồng quân bắt đầu tiến qua tỉnh Quý Châu ở phía đông để tiến tới Tứ Xuyên, vừa đi vừa giao chiến với quân của các sứ quân Quý Châu. Binh sĩ hồng quân vốn thuộc thành phần nông dân nghèo khó, nhưng chưa bao giờ họ được chứng kiến cảnh nghèo khó đến thế, sau khi vượt qua rặng Lão Sơn và tiến vào địa hạt Quý Châu. Khu vực này không có người Hán cư ngụ, mà chỉ có dân chúng thuộc bộ lạc Miêu tộc. Người Miêu nghèo đến nỗi đàn bà không dám bước ra khỏi lều vì không có quần áo mặc. Đàn bà thường ngồi trần truồng bên cạnh bếp lửa đốt bằng rơm rạ. Người ta thấy những cô gái 17, 18 tuổi trần truồng làm việc ngoài đồng. Nhiều gia đình chỉ có được một chiếc quần cho ba hoặc bốn người đàn ông chia nhau mặc. Khi thấy hồng quân tới, người Miêu hoảng sợ, bỏ chạy vào lều hoặc trốn vào núi. Đối với họ, quân đội có nghĩa là cướp của, hãm hiếp, giết người và đốt nhà.

Đây là xứ của thuốc phiện. Hầu hết mọi người từ 15 tuổi trở lên đều hút thuốc phiện. Họ ngồi hút ngay ngoài cửa lều, đàn ông, đàn bà và trẻ con. Đàn ông thanh niên thường đóng khổ, nhưng đối với đàn bà thì một mảnh vải làm khổ cũng là một thứ xa xỉ. Manh khổ là tài sản đáng giá nhất của người dân; chính vì thế mỗi khi họ không trả được nợ cho địa chủ thì địa chủ thường xiết khổ của họ. Trong lều của người Miêu thì thuốc phiện chất thành đống như phân bò phơi khô. Người nông dân không có trâu để cày ruộng như trong khu vực người Hán. Người nông dân thường tự mình kéo chiếc cày bằng gỗ, hoặc đôi khi họ dùng những con bò gầy trơ xương. Dân chúng tất cả đều nghèo như nhau và sống trong những túp lều bằng đất bùn và mái lợp rơm. Những nhà khá giả hơn thì có nhà cất bằng gỗ và mái lợp ngói. Thuốc phiện đã phá hoại mọi sinh khí của người dân và làm bạc nhược quân đội. Quân đội của sứ quân Quý Châu được mệnh danh là quân đội có hai súng: một khẩu súng thiết và một cây tẩu thuốc phiện mang theo. Chính vì sự bạc nhược của quân đội Quý Châu mà các lãnh tụ cộng sản chọn lựa con đường đi qua Quý Châu.

Quý Châu nổi tiếng là một tỉnh đặc biệt có nhiều sự so sánh với số 3. Người ta thường nói tại Quý Châu, cứ ba dặm thì có một ngọn núi, cứ ba ngày thì thế nào cũng có mưa, và không

ai có nhiều hơn ba quan tiền. Câu nói này rất đúng. Người dân không phải là nô lệ theo đúng nghĩa, nhưng trên thực tế thì số phận họ còn tệ hơn một người nô lệ. Họ không có đất tư hữu. Họ mang nợ địa chủ từ lúc mới sinh ra cho tới lúc chết. Họ không có cách gì trốn thoát được cảnh khốn cùng ấy. Họ sẵn sàng bán con nếu có ai bằng lòng mua. Họ bóp mũi trẻ sơ sinh gái cho chết đi hoặc dìm xuống nước cho ngạt thở mà chết. Đôi khi trẻ sơ sinh trai cũng bị giết nếu không có thị trường cho chúng. Giá bán trẻ con thay đổi bất thường. Năm 1983, một người dân Quý Châu từ ngoại quốc trở về nơi sinh quán. Lúc lên 7 tuổi thì người này được cha mẹ bán cho một lái buôn trẻ con với giá 5 quan tiền. Người lái buôn xuất cảng cậu bé về Hương Cảng, và tại đó cậu bé khốn nạn này bị buôn đi bán lại bốn lần nữa. Cuối cùng cậu bé trốn thoát và tìm đường sang Hoa Kỳ, sinh sống tại đó cho đến năm 75 tuổi mới tìm đường quay về cố hương.

Mức tử xuất của trẻ sơ sinh tại Quý Châu là 50%. Chính vì tử xuất cao như thế nên khi sinh con, người ta không ăn mừng ngay, mà phải chờ ít nhất một tháng sau. Đời sống một người trung bình chỉ có 30 năm. Sự nghèo khó ghê gớm đến nỗi không có sự khác biệt nhiều giữa địa chủ và người nông dân nghèo. Hầu hết dân chúng đều mù chữ. Chu Đức giữ một cuốn nhật ký, và khi đi ngang qua Quý Châu, Chu Đức đã ghi lại: “Thực phẩm của phần đông người Quý Châu là bắp và một chút rau cải. Nông dân nghèo quá không được ăn gạo. Nông dân tự gọi là những “người khô”, những người bị hút đi hết mọi thứ... Tại đây có ba loại muối: muối trắng cho người giàu, muối vàng cho giới trung lưu và muối đen cho người nghèo... Khắp nơi người ta thấy những túp nhà mái dột, cửa làm bằng thân cây bắp hoặc bằng tre, chỉ có nhà giàu tại thành phố mới có nền đất... Dân chúng bới tìm thóc dưới trại nuôi gà vịt cũ của địa chủ. Các nhà sư gọi thóc tìm được này là “lúa thiêng”, một món lộc của Trời cho.”

Kể từ sau sông Tây Giang, hồng quân thoát được áp lực nặng nề của quốc quân. Quân đội các sứ quân Quảng Đông và Quảng Tây đã quay về sau khi biết chắc rằng cộng quân không tiến vào khu vực trách nhiệm của họ. Quân đội Quốc dân đảng dưới quyền của tướng Sử Du vẫn tiếp tục tiến quân song hành với hồng quân, nhưng cũng mỗi mệt và không muốn giao chiến nữa. Quân đội của Hồ Nam thì cũng bằng lòng với nhiệm vụ đột kích tập hậu lai rai.

Tuy nhiên tại khu vực người Miêu có một sự kiện kỳ lạ khó giải thích. Một hôm vào nửa đêm, người vệ sĩ của Chu Ân Lai chợt giật mình thức giấc khi nghe tiếng kêu “Lửa Cháy!” Hắn trông thấy ngọn lửa liếm qua đầu giường của hắn. Hắn vội vàng vùng dậy trợ giúp dẫn Chu Ân Lai chạy ra khỏi căn nhà đang cháy. Người ta đổ xô ra đường. Vụ hỏa hoạn có thể là do rủi ro bất cẩn. Ba người bị bắt và bị hành quyết ngay tại chỗ. Nhưng những vụ hỏa hoạn bí ẩn này cứ tiếp tục xảy ra hết đêm này tới đêm khác trong thị trấn của người Miêu, nơi hồng quân đang tạm trú. Người ta không biết được ai đã gây ra những vụ hỏa hoạn như thế. Hồng quân và quốc quân tuyên truyền đổ lỗi cho nhau hành động phá hoại này.

Đến giữa tháng 12 thì hồng quân qua được biên giới Quý Châu và chiếm được Đông Đào. Ngày 14-12 hồng quân chiếm được thị trấn Lập Bình tại miền cực tây Hồ Nam, và dừng lại tại đó để cho Ủy ban Trung ương hội họp. Lập Bình là một thị trấn đông dân cư và trù mật. Chính tại đây sau một thời gian dài, lần đầu tiên hồng quân được ăn uống no đủ. Người ta không được biết nhiều về cuộc họp của Ủy ban Trung ương tại Lập Bình, nhưng ai cũng cảm thấy sự căng thẳng gia tăng giữa phe Bác Cổ – Lý Đức và phe thân Mao Trạch Đông. Mao lúc này đã có được một địa vị trong Ủy ban Trung ương. Các tướng tư lệnh hồng quân thảo luận với Mao thường hơn. Bộ ba Mao, Vương Gia Tường và Lạc Phủ đồng ý phải tổ chức một buổi đại hội để giải quyết quyền lãnh đạo quân đội. Hồng quân quyết định đi thẳng tới Tuân Nghĩa, một thị trấn nằm tại vùng cực bắc của Quý Châu, và cũng là thị trấn cuối cùng trước khi tiến vào vùng đồng bằng nổi tiếng là vựa lúa của Tứ Xuyên. Trong một buổi thuyết trình, Lâm Bưu cho biết: “Chính sách hiện tại của hồng quân là trước hết phải tiến thẳng tới phía bắc của Quý Châu,

rồi bắt ngờ đánh chiếm Thuận Nghĩa và Đông Từ, để kết hợp quần chúng và thiết lập một căn cứ mới chống lại quân Nhật.”

Để đánh lừa quân đoàn thiện chiến của sứ quân Hồ Uyển, một lực lượng hồng quân giả vờ tấn công Quế Dương, thủ phủ của Quý Châu. Lập tức Hồ Uyển dẫn toàn lực tới giải vây cho Quế Dương, trong lúc hồng quân tiến về hướng bắc, đè bẹp lực lượng yếu ớt của Hồ Chính Tân. Hồng quân vượt qua được sông Thanh Thủy và tới khu vực Thủy Viên, từ đó hồng quân có vẻ tiến về phía bắc để gia nhập với lực lượng của Hạ Long, cách xa khoảng 230 dặm. Nhưng hồng quân vẫn tiếp tục tiến về phía tây bắc để tới bến phà sông Ngô Giang. Nhiều người thắc mắc tại sao hồng quân không tiến thẳng mà lại chuyển hướng khi không cần thiết. Về sau chính Mao Trạch Đông bị hạch hỏi tạo sao bỏ lỡ cơ hội tiến về phía bắc để nhập với lực lượng của Hạ Long.

Thực ra nếu hồng quân cứ tiếp tục theo kế hoạch cũ tiến về phía bắc qua Hồ Nam thì 30 ngàn quân cộng sản còn lại sẽ phải đương đầu với một lực lượng hùng hậu 250 ngàn quân Quốc dân đảng, trong đó 100 ngàn quân đang sẵn sàng chờ đợi hồng quân tại Hồ Nam. Nhờ đọc được mật mã của quốc quân, hồng quân biết rằng Tưởng Giới Thạch đang đặt một cái bẫy thứ hai nhằm tiêu diệt hồng quân nếu hồng quân đi qua Hồ Nam. Hồng quân đành phải chọn một con đường khác, dài hơn nhưng an toàn hơn. Tuy nhiên nếu tránh được súng đạn nguy hiểm của quốc quân thì hồng quân lại phải đương đầu với những khó khăn khác của thiên nhiên, núi cao sông rộng, sức người kiệt quệ, sự thiếu thốn thực phẩm và sự nghi kỵ của các bộ lạc thiểu số khi hồng quân chọn con đường mới.

Lỗ Bình Huy, chỉ huy hậu quân, mô tả tại sao lực lượng hùng mạnh của quốc quân bị lừa trong chiến dịch Quý Châu. “Khi chúng tôi bị bao vây ba mặt, chúng tôi phản công tại phía trước, và để một lực lượng anh dũng cầm chân địch quân trong lúc đại quân rút lui mau lẹ và đánh bọc hậu địch quân. Khi chúng tôi tiến sát phòng tuyến của hậu quân địch thì bên địch không có gì, chỉ để lại một lực lượng nhỏ. Dĩ nhiên chiến công này rất cần đến tinh thần hy sinh cao cả của đơn vị đã liều chết ở lại cầm chân địch quân.”

Trong một trường hợp khác tại Quý Châu, khi quốc quân quá đông đảo thì viên tư lệnh hồng quân đặt một tiểu đoàn tại hai đỉnh núi và ra lệnh cho họ cứ đi vòng tròn cho địch quân tưởng hồng quân là một lực lượng đông đảo, và cũng để lôi cuốn sự chú ý của quốc quân vào một đối tượng không quan trọng trong khi lực lượng chính tấn công hậu quân của quốc quân. Lỗ Bình Huy kể lại: “Chúng tôi giữ vị trí đó trong hai ngày, đủ để cứu lực lượng chính của chúng tôi ở nơi khác trong khi quốc quân đánh điện khoe khoang đã cầm giữ được chúng tôi. Địa hình thì đầy núi và rừng rậm. Trong lúc hồng quân ngồi nghỉ ngơi ngoài khoảng đất trống thì phi cơ quan sát của quốc quân lại tưởng rằng chúng tôi đông đảo đến nỗi rừng cây không đủ chỗ cho chúng tôi ẩn nấp, mà phải đứng cả ra ngoài. Tất cả chiến dịch Quý Châu chỉ là nghi binh và đánh lừa quốc quân.”

Cuộc tiến quân về hướng tây phải đi qua rừng núi Vũ Minh, một vùng đầy những thung lũng và núi bắt nguồn từ Vân Nam cho mãi tới tận phía tây Quý Châu và miền nam Tứ Xuyên. Hồng quân sẽ phải vượt qua Ngô Giang, con sông lớn nhất của Quý Châu. Vào ngày đầu năm 1935, hồng quân tới bờ đông nam sông Ngô Giang, và thấy một dòng sông rất rộng, ít nhất cũng rộng 250 thước và lòng sông đầy những mỏm đá nhọn. Núi đá mọc nhô ra từ hai bên bờ, che khuất cả mặt trời. Tại đây có một cái phà chở khách qua lại. Phà phải đi lách qua những khối đá nhọn và đi chệch về phía xuôi. Bên kia bờ sông có ba trung đoàn quốc quân canh giữ và hai chiếc phà phía bên bờ quốc quân đã bị đánh chìm. Quốc quân còn lập những pháo đài phòng thủ về phía bờ tây bắc, và lực lượng quốc quân đuổi theo hồng quân chỉ còn cách khoảng 20 dặm.

Đệ nhị sư đoàn của đệ nhất quân đoàn cố gắng vượt qua sông ngay đêm đầu tiên. Hồng quân dùng những chiếc mảng tre và đóng một chiếc cầu, dự định sẽ kéo bắc ngang qua sông một khi đã chiếm được một vị trí làm đầu cầu bên kia sông. Phần lớn hồng quân không biết bơi, vì sinh trưởng ở nơi nội địa. Một số binh sĩ biết bơi được tuyển chọn trong trung đoàn 4. Nhóm người này sẽ bơi qua sông trong đêm tối để phá hủy hệ thống báo động của quốc quân. Tất cả cởi trần, đeo súng lục Mauser, và nhảy xuống dòng nước lạnh như băng giá ngay lúc trời vừa tối. Trong lúc đó hồng quân pháo kích mãnh liệt vào các vị trí quốc quân bên kia sông, nhằm đánh lạc hướng, để che chở cho toán quân bơi qua sông. Tuy nhiên dòng nước chảy xiết quá nên họ không thể kéo được giây thừng để đưa chiếc cầu sang bên kia bờ. Người ta phải dùng một chiếc mảng tre để kéo giây thừng qua, nhưng đến giữa dòng sông thì chiếc mảng bị quốc quân bắn chìm. Toán hồng quân bơi qua sông thấy rằng ở lại bên bờ cũng vô ích nên bơi trở lại bên này bờ, và một người chết vì lạnh quá.

Ngày hôm sau hồng quân tận lực đóng những chiếc mảng mới có hai tầng, dự định đến đêm sẽ xử dụng một lần nữa. Vào lúc trời tối, hai chiếc mảng khởi sự qua sông, và sẽ báo hiệu cho quân nhà biết bằng cách đốt lửa khi đã sang tới bờ bên kia. Chiếc mảng đầu tiên đi được gần một dặm rồi bị trôi dạt về. Chiếc mảng thứ hai do đại úy Mao Trấn Hòa điều khiển cùng với bốn binh sĩ vũ trang bằng súng máy thì không thấy quay lại, và cũng không thấy nổi lửa báo hiệu. Chiếc mảng thứ ba cũng phải quay trở lại vì sóng đánh mạnh quá.

Sau hai đêm thất bại, viên tư lệnh hồng quân quyết định sẽ tiến qua sông vào ban ngày, và các mảng sẽ được cắm sào chống đỡ lại những nơi luồng nước chảy xiết. Ngay sau lúc hừng sáng, những chiếc mảng có binh sĩ vũ trang nhẹ bắt đầu vượt qua sông trong lúc đại bác pháo kích sang bên kia sông ồ ạt. Khi chỉ còn cách bờ bên kia 50 thước, các binh sĩ trên các mảng nghe thấy tiếng súng máy vang dội, nhưng súng máy không nhắm vào mảng của họ, mà nhắm vào địch quân trên bờ. Đó chính là toán của Mao Trấn Hòa đã sang được bờ bên kia từ đêm hôm đầu tiên. Đêm hôm trước nhóm của Mao Trấn Hòa sang được bờ bên kia, và khi trèo lên bờ sông, họ nhận thấy đang đứng vào ngay một vị trí của địch quân. Mao Trấn Hòa không dám nổi lửa báo hiệu vì sợ bị địch quân quét sạch. Mao Trấn Hòa và 4 binh sĩ nấp thật kỹ, chờ đến lúc trông thấy những mảng của hồng quân đang qua sông, liền dùng súng máy bảo vệ cho các mảng này vượt qua được khoảng đường còn lại.

Các đơn vị tăng cường của quốc quân tới đúng lúc đó, trong khi nhiều mảng khác của hồng quân cũng bắt đầu qua sông. Cuộc phản công của quốc quân dọc theo bờ sông gần như thành công thì bất chợt quốc quân nghe thấy hỏa lực bất ngờ từ phía sườn. Một đơn vị hồng quân đã trèo lên được một ghềnh đá thẳng dốc, đánh vào ngang sườn của quốc quân và làm đảo lộn thế quân bình vào đúng lúc nguy kịch nhất. Thế là quốc quân bỏ chạy, và đệ nhất quân đoàn vượt qua sông Ngô Giang bằng những chiếc thuyền đặc biệt làm bằng tre của bộ lạc Miêu tại địa phương. Bây giờ thì hồng quân có thể tiến tới Tuân Nghĩa để đặt kế hoạch vượt qua con sông Dương Tử hùng mạnh.

Hai trung đoàn 4 và 6 được lệnh gấp rút tiến quân để xuất kỳ bất ý đánh chiếm Tuân Nghĩa. Các trung đoàn trưởng họ Chu và họ Vương quyết định tiến quân bằng ngựa để giữ được yếu tố bất ngờ. Quân chính phủ tại Tuân Nghĩa có khoảng 3 ngàn người, trong khi đó trung đoàn 4 hồng quân chỉ có một ngàn quân. Trong một trận mưa lớn, trung đoàn 4 tấn công bất ngờ và bắt trọn được một tiểu đoàn quốc quân tại một làng cách Tuân Nghĩa 10 dặm. Không một quốc quân nào trốn thoát được để báo động cho Tuân Nghĩa. Hồng quân đã cắt đứt được đường giây liên lạc với quốc quân tại Tuân Nghĩa, và xử dụng những tù binh bắt được để lừa quốc quân tại Tuân Nghĩa. Trong tiểu đoàn quốc quân bị bắt, hồng quân chọn viên tiểu đoàn trưởng, một trung đội trưởng, và khoảng mười binh sĩ thuộc thành phần nghèo, và tra

hỏi họ về cách phòng thủ tại Tuân Nghĩa.

Hồng quân bắt đầu hỏi họ tên, sinh quán và gia thế của họ. Các người lính quốc quân quá sợ hãi nên trả lời mọi câu hỏi của hồng quân một cách thành thực và nghiêm chỉnh. Ngay cả viên tiểu đoàn trưởng cũng mất cả vẻ hống hách, và trả lời mà không dám nhìn thẳng vào mặt viên sĩ quan địch quân. Hồng quân kêu gọi các tù binh đứng về phía họ để chống lại quốc quân tại Tuân Nghĩa. Có thể vì tham sống sợ chết, hoặc bị lừa dối nên phần lớn các tù binh đồng ý hợp tác với hồng quân. Viên tiểu đoàn trưởng trình bày rất chi tiết về cách phòng thủ tại Tuân Nghĩa, rồi vẽ thành một bản đồ các vị trí đóng quân và quân số cùng hỏa lực tại mỗi vị trí.

Hồng quân dùng binh phục của các tù binh, mặc giả làm quốc quân, và tiến tới Tuân Nghĩa. Dĩ nhiên binh phục chỉ đủ dùng cho một tiểu đoàn, nên tiểu đoàn này đi trước, phần còn lại của trung đoàn 4 lạng lẽ tiến theo sau. Khoảng 9 giờ tối, hồng quân khởi sự lên đường dưới một trận mưa tầm tã. Trời tối đen và đường trơn trượt, và nhiều người bị té nhào nhiều lần. Bùn lầy đặc quánh đã giữ chặt lấy những đôi giày rơm của hồng quân nên nhiều hồng quân đành phải tiếp tục tiến lên bằng chân không. Sau hai giờ tiến quân thì trận mưa dịu dần, và hồng quân trông thấy ánh lửa trước mặt. Họ biết họ đang tới gần thành Tuân Nghĩa, và ánh sáng đó là ngọn đèn treo trước cổng thành. Hồng quân lập tức chạy rần rộ tới cổng thành, làm như bị địch đuổi từ phía sau vậy.

Lập tức có tiếng la giận dữ từ trên cổng thành, “Ai đó?”

“Đây là quân bạn”, các tù binh la to cho đúng với thổ âm địa phương.

“Đơn vị nào?”

Lần này chính viên tiểu đoàn trưởng bị bắt lên tiếng, đúng như hồng quân đã sắp xếp từ trước. Hắn nói to, “Đây là tiểu đoàn đóng tại ngoại vi thành phố. Hôm nay quân cướp cộng sản bao vây chúng tôi. Chúng tôi thất thủ phải rời khỏi làng. Ông tiểu đoàn trưởng bị tử trận. Chúng tôi là đại đội 1, và tôi chỉ huy phần còn lại của tiểu đoàn. Địch quân đang đuổi theo chúng tôi. Xin mở cổng cho chúng tôi vào.”

Có tiếng hỏi, “Cho biết tên tiểu đoàn trưởng của tiểu đoàn.”

Viên tiểu đoàn trưởng trả lời. Bên trong hoàn toàn im lặng. Hiển nhiên các binh sĩ trong cổng thành không ngờ việc này xảy ra nên lúng túng không biết nên hành động thế nào. Bên ngoài người ta nghe thấy tiếng bên trong thì thảo bàn bạc với nhau. Dĩ nhiên hồng quân không muốn bên trong có nhiều thì giờ để suy nghĩ cẩn thận, vì thế hồng quân bên ngoài la thật to, “Mở cổng mau lên, mau lên! Quân cướp đồ đuổi tới đây bây giờ!”

Bên trên có tiếng người quát xuống, “Không được la!” Có lẽ đó là một sĩ quan, và người ta nghe thấy hắn càu nhàu khi bị đánh thức dậy. Bên ngoài làm bộ như vâng lệnh viên sĩ quan nên im ngay. Bất chợt đèn bấm chiếu từ cổng thành xuống để quan sát nhận diện đám quân bên ngoài. Dĩ nhiên binh sĩ trên cổng thành nhìn xuống và tưởng hồng quân là quân bạn, vì hồng quân bên ngoài mặc quần áo Quốc dân đảng. Rồi có tiếng nói vọng xuống, “Được rồi, chờ một lát và đừng có cuống lên. Chúng tôi sẽ mở cổng.”

Bên ngoài hồng quân chuẩn bị sẵn sàng, cầm lưỡi lê vào súng và sẵn sàng tấn công khi cổng thành mở. Họ nghe rõ tiếng lách cách của ổ khoá và cổng thành được mở ra. Một binh sĩ bên trong lên tiếng hỏi, “Quân cướp cộng sản đã qua sông Ngô Giang rồi à? Chúng tiến mau quá nhỉ?”

Hồng quân tiến ào vào và la to trả lời, “Họ nhanh như vậy đấy, và bây giờ họ đang tiến vào thành Tuân Nghĩa đây! Các anh hãy nghe đây: Chúng tôi là quân đội Công Nông Trung

Hoa!” Rồi hồng quân chĩa súng vào đầu các binh sĩ quốc quân. Binh sĩ quốc quân hoảng sợ buông súng đầu hàng. Thế là không phải bắn một phát súng, hồng quân chiếm được Tuân Nghĩa và ồ ạt tiến vào thành. Hồng quân lập tức cắt đường dây liên lạc và tước vũ khí của toán quân canh giữ cổng thành. Kèn thúc quân vang lên và hồng quân mau lẹ tràn khắp thành phố. Tiếng kèn tiến quân hòa lẫn với tiếng súng máy gây ra một cảnh hoảng hốt hỗn độn cho quân dân trong thành. Quốc quân hoàn toàn bị bất ngờ. Nhiều người còn đang ngủ, chỉ kịp choàng dậy, chưa kịp mặc quần áo đã bị kiềm chế rồi. Một số lớn thấy tình thế tuyệt vọng liền bỏ trốn qua cổng thành phía bắc.

Sau khi chiếm được Tuân Nghĩa, hồng quân ở vào thế thượng phong tại Tứ Xuyên. Với Trương Quốc Đào ở mặt bắc, Mao và Chu Đức ở mặt nam, và Hạ Long ở giữa, hồng quân ở vào thế có thể đe dọa bao vây Tứ Xuyên. Đây là lần đầu tiên trong nhiều năm, hồng quân tạm đạt được một thế mạnh, dù chỉ là trong một thời gian ngắn. Các lãnh tụ cộng sản cảm thấy đủ an toàn để nghỉ ngơi tại Tuân Nghĩa một thời gian, trước khi tiếp tục cuộc Trường Hành. Các lãnh tụ cao cấp chiếm một căn nhà đẹp nhất và tiện nghi nhất thành phố của họ Bạch, một thương gia rất giàu. Khi nghe tin hồng quân tới gần, thương gia họ Bạch đã bỏ trốn. Chu Ân Lai và bà vợ Đặng Dĩnh Siêu chiếm một phòng rất đẹp ở lầu hai. Đặng Dĩnh Siêu vẫn đang bị bệnh lao phổi hành hạ và vẫn ho ra máu, nhưng tại Tuân Nghĩa, Đặng Dĩnh Siêu được hưởng những giây phút êm đềm với chồng. Chu Đức và Khang Khắc Thanh cũng chiếm một phòng tại đây.

Mao Trạch Đông cư ngụ trong nhà một sứ quân khác. Cùng cư ngụ tại đây với Mao còn có Vương Gia Tường và Lạc Phủ. Hạ Tử Trân ở trong một trường trung học với đoàn dưỡng nhân. Lý Đức và Bác Cổ không ở chung với phe thân Mao, và sống riêng biệt trong một căn nhà tầm thường. Bộ ba Mao, Vương Gia Tường và Lạc Phủ cho rằng đây đúng là thời điểm đẹp nhất để mở một cuộc đại hội của Ủy ban Trung ương, và đặt lại vấn đề lãnh đạo đảng và quân đội. Các quý khách của Mao bắt đầu ngay từ lúc cuộc Trường Chinh khởi đầu nay đang có kết quả tốt đẹp, nhất là nhờ vào những thất bại nặng nề của hồng quân trong thời gian vừa qua. Mao thấy cần phải thực hiện một cuộc truất phế Lý Đức và Bác Cổ ngay lập tức. Chưa bao giờ giấc mơ của Mao trở thành lãnh tụ tối cao của cộng đảng Trung Hoa lại hứa hẹn thành đạt như tại Tuân Nghĩa. Đại hội Tuân Nghĩa đã mở đường và xác nhận quyền lực tột đỉnh của Mao trong nước Trung Hoa cộng sản.

Đại Hội Tuân Nghĩa

Khi hồng quân chiếm được Tuân Nghĩa vào đầu tháng giêng năm 1935, việc đầu tiên của hồng quân là củng cố các vị trí quân sự. Các quân đoàn đệ nhất và đệ tam bảo vệ khu vực quanh Tuân Nghĩa, với nỗ lực sửa soạn thiết lập một khu vực sơ viết mới. Sau đó các lãnh tụ đảng và quân đội có thể ngồi lại để thẩm định hoàn cảnh và chính sách của họ, mà không sợ áp lực của quốc quân. Chu Đức đã có dịp nói chuyện trước một cuộc biểu tình lớn ngày 15-1. Hồng quân dừng lại trong thành phố mười hai ngày để nghỉ ngơi, bồi dưỡng và tuyển mộ thêm quân.

Bộ Chính Trị của Ủy ban Trung ương đã bắt buộc phải triệu tập một cuộc đại hội mở rộng, và trong đại hội này, quyền lãnh đạo đảng và quân đội của Bác Cổ bị chống đối một cách quyết liệt. Nhóm của Bác Cổ cảm thấy sự chống đối bất lợi nên bác bỏ ý kiến triệu tập đại hội, với lý do không đủ nhân viên Bộ Chính Trị, và không cần thiết. Nhưng phe Bác Cổ bị thiếu số nên đại hội vẫn tiến hành, và trở thành một cuộc họp quan trọng nhất trong lịch sử cộng đảng Trung Hoa. Chính đại hội Tuân Nghĩa đã thay đổi hẳn chính sách của đảng, và sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo có lợi cho tương lai chính trị của Mao Trạch Đông. Sau đại hội Tuân Nghĩa, Mao Trạch Đông đã trở thành một nhân vật uy thế nhất, và đã dẫn cộng đảng đến thành công mười lăm năm sau.

Quyết nghị của đại hội Tuân Nghĩa được chấp thuận ngày 8-1-1935 là một tài liệu quan trọng nhất trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Toàn bộ quyết định này được in trong tập Tác Phẩm Chọn Lọc của Mao Trạch Đông trong khu vực kháng chiến năm 1948, dưới quyền chỉ huy của một số cấp lãnh đạo trung thành với Mao như Bành Đức Hoài, Lưu Bá Thừa và Đặng Tiểu Bình. Tuy nhiên ấn bản này không được lưu hành rộng rãi lắm, và được biết rất ít tại nước ngoài. Tài liệu này cũng không được in lại trong những ấn bản Tác Phẩm Chọn Lọc khác của Mao.

Năm 1957, tài liệu về các quyết nghị Tuân Nghĩa lại xuất hiện trong cuốn Lịch Sử Của Cuộc Cách Mạng Trung Hoa, một cuốn sách do Đại học Nhân dân Bắc Kinh xuất bản, nhưng không được một học giả ngoại quốc nào để ý đến. Phải mãi đến năm 1969, sự bí mật của Quyết Nghị tại Tuân Nghĩa mới được sáng tỏ. Năm đó trên tờ China Quarterly xuất bản tại Luân Đôn, một học giả Trung Hoa đã trình bày toàn bộ bản Quyết Nghị này, và giúp người ta hiểu rõ được đại hội Tuân Nghĩa mấy chục năm về trước.

Quyết Nghị được chấp thuận tại đại hội Tuân Nghĩa của Bộ Chính Trị ngày 8-1-1935 có tựa đề là “Tóm Lược Chiến Dịch Bao Vây Trừng Phạt Của Địch Quân Lần Thứ Năm”. Tài liệu được mở đầu bằng nhận xét: “Sau khi nghe bài tường trình của đồng chí XX về cuộc bao vây lần thứ năm và bản báo cáo bổ túc của đồng chí XXX, toàn thể hội nghị của Bộ Chính Trị cho rằng bản tường trình của đồng chí XX không đúng sự thực.”

Vị học giả Trung Hoa giải thích “đồng chí XX” chính là Bác Cổ, người lãnh đạo tối cao của đảng lúc đại hội khai mạc, và với tư cách Chủ tịch Ủy ban Quân sự thì đương nhiên là người được nói đầu tiên trước đại hội. Còn “đồng chí XXX” thì vị học giả đoán là Vương Gia Tường, phó Chủ tịch Ủy ban Quân sự, nhưng người ta cho rằng “đồng chí XXX” chính là Chu Ân Lai.

Mười bốn quyết nghị của Mao Trạch Đông được Bộ Chính Trị chấp thuận toàn bộ, đã được in lại đầy đủ trên tờ China Quarterly. Các quyết nghị này có mục đích lên án chính sách của Bác Cổ và Lý Đức được Bộ Chính Trị thi hành lúc đó. Bác Cổ bị kết án về những tội như đã

đưa cộng sản đến thất bại trước chiến dịch bao vây lần thứ năm của Quốc dân đảng, đã đánh giá quá thấp tinh thần của hồng quân, và đánh giá quá cao sức mạnh của địch quân. Dưới đây là phần tóm tắt các quyết nghị của Mao Trạch Đông.

“Vào giai đoạn này của cuộc nội chiến Trung hoa, khi mà chúng ta chưa có được sự hỗ trợ bằng những cuộc nổi dậy của giai cấp vô sản thành thị và cuộc nổi loạn của các đơn vị quốc quân, khi mà những khu vực sô viết của chúng ta chỉ là một phần hết sức nhỏ bé của Trung hoa, khi mà chúng ta chưa có phi cơ, pháo binh và các vũ khí tối tân khác, khi mà chúng ta vẫn chiến đấu sâu trong nội địa, và khi mà địch quân vẫn tấn công chúng ta, thì chiến lược của chúng ta là phải đánh những trận quyết định để phòng thủ. Chúng ta không nên giao chiến với địch quân trong những trận đánh quyết định mà chúng ta không tin chắc sẽ chiến thắng, bởi vì chúng ta chưa khám phá ra và cũng chưa tạo ra được nhược điểm của địch quân. Chúng ta chỉ nên sử dụng các lực lượng thứ yếu của chúng ta, chẳng hạn như các đơn vị du kích, quần chúng vũ trang, các tiểu đoàn và trung đoàn độc lập, và một phần của lực lượng chính quy của hồng quân, để gây hoang mang hoặc nhử mồi địch quân.

“Chúng ta phải ngăn chặn địch quân với một chiến thuật lưu động, trong lúc lực lượng chính của ta phải rút lui tới một khoảng cách thích ứng, hoặc chuyển lực lượng ấy đánh vào sườn hoặc hậu quân của địch. Lực lượng chính quy phải bí mật tập trung và chờ đợi cơ hội thuận lợi để tấn công địch. Khi chiến đấu tại nội địa, sự rút lui và ẩn nấp của hồng quân có thể làm địch quân mệt mỏi hoặc cảm thấy tự kiêu và thờ ơ, và từ đó dụ địch quân mắc phải những lỗi lầm và lộ ra nhược điểm.

“Chúng ta phải chờ đợi đến khi địch quân tiến tới một vị trí thích hợp trước khi bao vây và tiêu diệt địch, có nghĩa là ta phải dụ cho địch quân tiến sâu vào khu vực của chúng ta. Để chiến thắng, chúng ta không quản ngại bỏ một phần khu vực sô viết của chúng ta, và ngay cả rút lui tạm thời lực lượng chính yếu ra khỏi khu vực sô viết.”

Khẩu hiệu nổi tiếng của Bác Cổ “Không để mất một tấc đất của khu vực sô viết” đã là một khẩu hiệu chính trị đúng. Nhưng nếu đem khẩu hiệu đó áp dụng một cách máy móc vào các chiến dịch hành quân thì là “một lỗi lầm hoàn toàn”. Chính sách của Bác Cổ “phòng vệ thuần túy” có nghĩa là đặt lực lượng hồng quân chống lại sự tấn công của quốc quân từ mọi phía, có nghĩa là hồng quân sẽ không đủ mạnh để kháng cự tại bất cứ địa điểm nào, và giúp địch quân tiêu diệt hồng quân từng đơn vị một. Mao nêu ra những trận đánh thất bại tại Hán Khẩu, Thiên Ninh và Vạn Phong như những thí dụ điển hình của lỗi lầm này. Một lỗi lầm khác là không áp dụng chiến pháp lưu động, một sở trường đặc biệt của hồng quân.

Quyết nghị 9 của Mao kêu gọi: “Cần phải nhận thức rằng cuộc nội chiến tại Trung Hoa không phải là một cuộc chiến ngắn hạn, mà là một cuộc chiến trường kỳ”. Khi gặp thời cơ tốt đẹp, như trong bốn đợt bao vây đầu tiên và ngay cả đợt bao vây lần thứ năm cho tới trận đánh Quảng Xương, hồng quân cần phải nắm thế công. Nhưng khi trận chiến bắt đầu bất lợi, như trong giai đoạn cuối của đợt bao vây lần thứ năm, thì “chúng ta phải tạm thời rút lui để bảo toàn sức mạnh của chúng ta.”

Sự huấn luyện và bồi dưỡng của hồng quân cũng bị sao nhãng, và sự tổn thất nhân sự phải giữ ở mức tối thiểu. “Chúng ta phải biết rằng chỉ khi nào chúng ta bảo toàn được nhân sự của chúng ta thì chúng ta mới giữ được các căn cứ sô viết. Các căn cứ sô viết không thể tồn tại mà không có một lực lượng hồng quân mạnh. Với một hồng quân mạnh, các khu vực sô viết tạm thời có thể mất đi nhưng cuối cùng sẽ chiếm lại được. Hơn nữa, chúng ta chỉ có thể xây dựng được các căn cứ sô viết mới bằng sức mạnh của hồng quân.”

Một trong những lời buộc tội không được chính xác trong Quyết Nghị Tuân Nghĩa là sự

công kích quyền lãnh đạo của Bác Cổ, và phản ứng vung về trong vụ Lộ quân 19 của tướng Thái Đình Khái nổi loạn tại Phúc Kiến chống lại Tưởng Giới Thạch. Mao vẫn coi việc khai thác các sư đoàn quốc quân là quan trọng nhất trong cuộc bao vây lần thứ năm. Bác Cổ và các cộng sự bị lên án đã thất bại không khai thác được cuộc đình chiến với các lực lượng phản loạn tại Phúc Kiến. Một cơ hội bằng vàng đã để lỡ mất. Tuy nhiên sự buộc tội này có vẻ quá đáng. Người ta cho rằng chưa chắc Mao đã giải quyết tốt đẹp hơn, nếu xét về yêu sách chính trị của chính phủ Phúc Kiến muốn lập một mặt trận thống nhất giữa Quốc dân đảng và cộng sản để chống lại Nhật Bản. Chính lúc đó Mao đã bày tỏ ý kiến dè dặt về việc hợp tác với quân phản loạn Phúc Kiến.

Theo quyết nghị 11 thì một khi cuộc bao vây lần thứ năm của quốc quân bắt đầu tỏ ra thành công thì hồng quân đáng lẽ phải tính đến vấn đề rút lui ngay, ngay từ tháng năm, chứ không phải là đợi đến tháng tám. Sự chậm trễ này đã dẫn tới hoang mang và những tổn thất không cần thiết, khi cuối cùng bắt buộc phải di tản. Lý Đức đã đặc biệt bị chỉ trích như sau: “Theo ý đồng chí Lý Đức, sự phá vỡ vòng vây quả thực là một cuộc chạy trốn kinh hoàng, một cuộc hành quân dọn từng nhà, chứ không phải là một cuộc hành quân chiến đấu quả cảm.” Không có một cuộc thuyết trình đầy đủ cho đảng viên và sĩ quan khiến cho tinh thần binh sĩ lung lay. Rồi Mao lý luận: “Nếu đã có những quyết định quân sự sáng suốt hơn thì đã cứu vãn được khu vực sô viết trung ương, và có thể chiến thắng được cuộc bao vây lần thứ năm của quốc quân, thành lập được một căn cứ tại Hồ Nam và sức mạnh của hồng quân đã được bảo tồn.” Người ta nhận thấy những lời buộc tội của Mao Trạch Đông là quá đáng, nhưng Bác Cổ và Lý Đức không được các tư lệnh hồng quân hỗ trợ, vì chính họ là những cấp chỉ huy quân sự đã bị quốc quân đánh cho thảm bại, nên thấy cần phải đổ hết lỗi lầm cho Lý Đức và Bác Cổ để chạy tội của mình.

Hai thí dụ điển hình về những quyết định quân sự thiếu linh động được kể ra trong Quyết Nghị 11 là: khi hồng quân tới được biên giới Hồ Nam – Quý Châu thì được lệnh một cách máy móc phải tiến quân tới các khu vực dưới quyền kiểm soát của Hạ Long và Trương Quốc Đào; và khi tới sông Ngô Giang thì hồng quân được lệnh phải tiêu diệt những toán quân nhỏ của quân đội tỉnh Quý Châu và các toán cướp, thay vì phản công lại toán quân của Tưởng Giới Thạch đang đuổi theo tại biên giới Quý Châu và Tứ Xuyên.

Tất cả những lỗi lầm này được gọi là “cơ hội chủ nghĩa”, và Lý Đức bị buộc tội có khuynh hướng độc tài. Lý Đức bị kết án đã độc quyền tất cả công việc của Ủy ban Quân sự, và do đó quyền lãnh đạo tập thể đã trở thành trò hề. Các quan điểm khác nhau của các ủy viên khác trong Bộ Chính Trị đã bị bác bỏ và áp chế. Toàn thể các lãnh tụ đảng đã dùng phần lớn sinh lực vào việc tuyển mộ và tiếp tế, và để mặc cho bộ ba Lý Đức, Bác Cổ và Chu Ân Lai toàn quyền về chính sách và chiến thuật.

Bác Cổ là người lãnh đủ sự tấn công tàn sát của Mao Trạch Đông. Đối với Mao thì Bác Cổ là kẻ tử thù cần phải loại bỏ để Mao lên thay chức vụ của Bác Cổ. Bác Cổ bị nêu đích danh đã bỏ qua không sửa chữa những lỗi lầm của Chu Ân Lai trong việc điều khiển chiến tranh, đã thất bại không chấp nhận lỗi lầm của mình, và đã từ chối không chấp nhận sự phê bình của đại đa số trong đại hội. Chu Ân Lai khôn ngoan trở cờ đi theo nhóm thân Mao, nhưng Bác Cổ từ chối không nhượng bộ. Trong suốt cuộc tranh chấp trong cộng đảng Trung hoa sau đó, Chu Ân Lai là người luôn luôn ngả theo phái mạnh để bảo vệ được chỗ đứng của mình.

Theo ý Mao thì bước kế tiếp là sửa chữa những lỗi lầm này, và thiết lập một căn cứ sô viết mới tại vùng đất mênh mông của Vân Nam, Quý Châu và Tứ Xuyên, để đền bù lại những khu vực sô viết đã mất. Đại hội chấp nhận rằng sự mất khu vực sô viết trung ương chỉ là một bước thụt lùi trong toàn bộ công cuộc cách mạng. Đoạn cuối của Quyết Nghị Tuân Nghĩa tóm

lược tất cả sự chán nản chua chát của hồng quân lúc đó, cũng như sự can đảm của Mao đã một mình đứng ra cứu vãn tình thế: “Đại hội mở rộng của Bộ Chính Trị đã nêu ra những lỗi lầm về sự lãnh đạo quân sự của đảng trong quá khứ chỉ là một phần lỗi lầm của một nhóm trong đảng, và cũng không đủ tạo ra sự bi quan và tuyệt vọng. Đảng đã can đảm trình bày những lỗi lầm của mình. Đảng đã tự giáo dục qua những lỗi lầm ấy và học hỏi cách hướng dẫn cuộc chiến tranh cách mạng hữu hiệu hơn đến chiến thắng. Sau sự trình bày những thất bại, đảng thay vì yếu đi thì thực ra đã trở nên mạnh hơn.”

*

Mao Trạch Đông Năm Quyền Lãnh Đạo

Mao Trạch Đông ở trong tình trạng thất sủng từ trước khi bắt đầu rời bỏ Giang Tây, nhưng dần dần đã khuyến dụ được phần lớn các cộng sự bỏ phiếu cho mình trong đại hội Tuân Nghĩa, là một sự kiện đặc biệt của cuộc Vạn Lý Trường Chinh, và cũng là thành công lớn nhất trong cuộc đời chính trị của Mao. Người ta không có hồ sơ hoặc những cuốn hồi ký của những người tham dự đại hội Tuân Nghĩa để soi sáng cho sự thay đổi lòng trung thành của họ, và ngày nay người ta phải đi tìm hiểu biến cố đó như thể là một sự việc thuộc thời tiền sử. Hầu hết các diễn giả đều trình bày quan điểm của mình mà không có bản viết trước, và cũng không có thư ký ghi chép những diễn biến của đại hội.

Dĩ nhiên lúc đó Bộ Chính Trị không có mặt đầy đủ tại Tuân Nghĩa. Vương Minh, người thủ lĩnh của Bộ Chính Trị thì ở Mạc tư khoa. Lưu Thiếu Kỳ thì đang hoạt động kháng chiến trong khu vực Quốc dân đảng. Vào lúc cuộc Trường Chinh bắt đầu thì Lưu Thiếu Kỳ bắt đầu lên vào Thượng Hải và giả danh là Châu Khang Minh, đóng vai một giáo sư sử học từ Vân Nam. Còn một số nhân viên Bộ Chính Trị nữa đang hoạt động tại các nơi khác. Tại đại hội Tuân Nghĩa lúc đó chỉ có tám ủy viên trong Bộ Chính Trị, và gồm có: Trương Văn Thiên (tức Lạc Phủ), Chu Ân Lai, Chu Đức, Lương Bộ Tài, Mao Trạch Đông, Bác Cổ, Vương Gia Tường và Ngô Lương Bình.

Phần lớn tám ủy viên này đều coi mình thuộc nhóm Quốc tế thân Nga, trung thành với Vương Minh, như Trương Văn Thiên, Lương Bộ Tài, Bác Cổ, Vương Gia Tường và Ngô Lương Bình. Hơn nữa Chu Ân Lai và Chu Đức cũng ủng hộ nhóm Quốc Tế. Do đó Mao Trạch Đông là tiếng nói phản đối duy nhất trong Bộ Chính Trị. Tuy nhiên đại hội Tuân Nghĩa không phải chỉ có tám ủy viên Bộ Chính Trị mà thôi. Mao đòi hỏi các tư lệnh hồng quân được tham dự, do đó số người tham dự lên tới từ 34 tới 40 người. Dầu sao lúc đó người cộng sản Trung Hoa nhận thấy họ sẽ phải trải qua một cuộc chiến tranh trường kỳ, nên vai trò của các cấp chỉ huy quân sự được đề cao, và vấn đề quân sự sẽ là ưu tư lớn nhất của Bộ Chính Trị. Chính vì thế Bộ Chính Trị cần nghe những người biết rõ tình hình quân sự và tinh thần của binh sĩ.

Những nhân vật quân sự hàng đầu trong cuộc đại hội gồm có Lưu Bá Thừa, Lâm Bưu, Bành Đức Hoài, Dương Thượng Côn, Diệp Kiếm Anh và Lý Đức. Những người khác cũng được tham dự có thể là Đặng Tiểu Bình (chủ bút tờ Sao Đỏ), Đặng Phát (chỉ huy ngành an ninh), Đặng Thái Viên, chính ủy của đệ tam quân đoàn, Trần Vân, Hồ Kế Chuân (chính ủy đệ tứ quân đoàn) Lỗ Mai, Lý Phú Xuân, Vương Thiếu Bảo và Đồng Tất Vũ. Lương Bộ Tài không có mặt trong đại hội vì được cử đi công tác trong vùng Quốc dân đảng.

Như vậy Mao đã thắng bước đầu tại đại hội bằng cách thành công đòi hỏi cho các tướng tham dự đại hội. Mao không thể đạt được đa số nếu không có sự hậu thuẫn của các phát ngôn viên quân sự như Bành Đức Hoài và Lâm Bưu. (Sau này cả Bành Đức Hoài và Lâm Bưu đều chết vì tay Mao). Năm 1965-66, Mao lại xử dụng sự hậu thuẫn của quân đội một lần nữa để đánh bại những phe chống đối trong đảng. Tuy nhiên năm 1935, việc cho các tướng tham dự đại hội là chính đáng, vì lúc đó vấn đề chính của đảng là vấn đề quân sự: làm thế nào chạy thoát được lực

lượng hùng mạnh của Tướng Giới Thạch.

Chiến thắng của Mao tại Tuân Nghĩa là một chiến thắng quân sự hơn là chính trị, và quyền lãnh đạo đảng của Mao đã được củng cố chặt chẽ trong dịp này. Mao quả thực đã được sự ủng hộ của giới quân sự hơn là của giới chính trị trong đảng. Nhưng theo một nguồn tin của đảng cộng sản Nhật Bản thì Mao chỉ đạt được quyền lãnh đạo quân sự tại đại hội Tuân Nghĩa mà thôi. Vị học giả Trung hoa đã nêu ra những nghi vấn sau đây:

1. Tại đại hội Tuân Nghĩa, Mao không được bầu vào chức chủ tịch của Ủy Ban Trung Ương, bởi vì chức vụ đó mãi đến năm 1945 mới được đặt ra. Có lẽ lúc đó Mao chỉ được bầu vào chức chủ tịch Bộ Chính Trị.

2. Sự thách đố Mao Trạch Đông của Trương Quốc Đào trong đại hội của Bộ Chính Trị tại Lương Hà Khẩu có nghĩa là Mao không có quyền áp chế Trương. Trương Quốc Đào xác nhận rằng tại Tuân Nghĩa, Mao chỉ được bầu làm chủ tịch chính phủ chứ không phải là lãnh tụ đảng. Sau đại hội Tuân Nghĩa, Trương Quốc Đào trở thành đối thủ quan trọng nhất của Mao trong cộng đảng Trung Hoa.

3. Thắng lợi của Mao tại Tuân Nghĩa là kết quả hấp tấp của hai ngày cố gắng hàn gắn sự bất đồng trong Bộ Chính Trị, trước sự săn đuổi nguy hiểm của Quốc dân đảng. Lúc đó những người tham dự đại hội chỉ quan tâm đến vấn đề khó khăn quân sự. Các người tham dự đại hội có thể nghĩ rằng bộ máy đảng sẽ xác nhận một sự lãnh đạo mới khi những cuộc khủng hoảng quân sự đã được giải quyết. Nhưng sau đó, tại Diên An, Mao tung ra hết nỗ lực củng cố lợi điểm tạm thời của đại hội Tuân Nghĩa thành vĩnh viễn. Theo đài phát thanh Mạc tư khoa năm 1968 thì tại đại hội Tuân Nghĩa, Mao Trạch Đông chỉ trở thành một ủy viên trong bộ máy lãnh đạo trung ương, chứ không đạt được một địa vị tối cao trong đảng. Mãi sau này Mao mới thành công đạt được địa vị lãnh tụ tối cao.

*

Làm thế nào Mao đã đạt được sự hỗ trợ của phe quân sự tại Tuân Nghĩa? Trong giai đoạn đầu của cuộc Trường Chinh có hai phe quân sự: một phe thuộc nhóm quốc tế huấn luyện tại Nga xô, và một phe được huấn luyện tại trường Hoàng Phố. Tuy nhiên khi phải bỏ Giang Tây và chịu những tổn thất lớn lao trên đường chạy trốn thì cả hai phe đều mất tinh thần, và uy thế bị suy giảm.

Thoạt đầu phe Quốc tế có hai lợi điểm: họ được tổ chức cộng sản quốc tế hậu thuẫn và hiểu biết nhiều về lý thuyết Mác xít. Tuy nhiên trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, khi mà các bạn bè quốc tế bất lực không thể trợ giúp được, và khi họ mắc phải những lỗi lầm quân sự thì Mao có thể đập đổ được uy tín của họ, và chế nhạo nhóm Quốc tế chỉ là những người đi sao chép lại, theo đuổi sự hướng dẫn sai lầm của ngoại quốc mà không tìm kiếm được con đường riêng cho Trung Hoa. Nhưng thất bại nặng nề nhất của nhóm Quốc tế là họ không hề có một kinh nghiệm quân sự nào cả. Chính Bác Cổ chưa bao giờ tham gia một trận đánh trước khi tới lãnh đạo chiến khu Giang Tây. Họ cũng còn trẻ quá, dưới ba mươi tuổi, trong khi Mao đã trên bốn mươi. Khi hồng quân phải rút lui về các vùng quê hẻo lánh thì nhóm Quốc tế chỉ quen biết đời sống thành thị bỗng trở nên lạc lõng vô dụng. Sự đoàn kết trong nhóm Quốc tế cũng lỏng lẻo, và Mao đã lôi cuốn được một số đứng về phe mình, như Lạc Phủ và Vương Gia Tường.

Phe hồng quân gốc trường quân sự Hoàng Phố thường trung thành với Chu Ân Lai, vì Chu trước kia là giám đốc chính trị của trường. Diệp Kiếm Anh là một trong số những người thân phục Chu Ân Lai. Nhưng một sản phẩm nổi tiếng nhất của Hoàng Phố là Lâm Bưu thì liên kết với Mao Trạch Đông. Đứng ra nhóm Hoàng Phố không có sự đoàn kết bằng nhóm Quốc tế. Sự trung thành của nhóm cựu khóa sinh Hoàng Phố với Chu Ân Lai có thể bị soi mòn vì Chu

Đức là lãnh tụ quân sự, chứ không phải là Chu Ân Lai. Ngay cả thái độ của Chu Ân Lai tại đại hội Tuân Nghĩa cũng mập mờ, và đó là đặc tính của Chu Ân Lai mỗi khi gặp nguy hiểm.

Nhóm đàn em của Mao thì không nổi tiếng bằng các đàn em của Bác Cổ và Chu Ân Lai. Những đàn em của Mao gồm có Mao Trạch Dân, Lý Phú Xuân, Thái Xương, Hứa Tế Ly là những nhân vật không quan trọng của chi bộ Hồ Nam. Mao cũng được sự ủng hộ của Đặng Tiểu Bình và Lâm Bưu. Chu Đức từng cộng tác chặt chẽ với Mao hơn bất cứ ai trong hồng quân, nhưng trong nhiều buổi họp quan trọng, Chu Đức thường bỏ phiếu chống lại Mao.

Nhiều đảng viên và sĩ quan cao cấp khác đứng ngoài mọi cuộc tranh chấp phe nhóm và không đứng hẳn vào phe Bác Cổ, Chu Ân Lai hoặc Mao. Đó là những sĩ quan đứng tuổi, không học trường Hoàng Phố và bất mãn trước quyền lãnh đạo quân sự của Lý Đức, như Chu Đức, Bành Đức Hoài, Lưu Bá Thừa. Ngay trong cuộc tranh chấp tại Tuân Nghĩa, Bành Đức Hoài và Lưu Bá Thừa giữ thái độ trung lập. Nhóm này không quan tâm nhiều đến ý thức hệ do Bác Cổ hoặc Mao giảng dạy. Họ chỉ là những quân nhân thuần túy, quan tâm tới những bất công xã hội hơn là các lý thuyết cộng sản. Nhóm lãnh tụ này có vẻ ủng hộ Mao tại đại hội Tuân Nghĩa, vì Mao hứa hẹn một đường lối quân sự thực tế hơn trong những tháng thử thách sắp tới, chứ không phải họ tán đồng quan điểm chính trị của Mao, hoặc thất vọng vì quan điểm chính trị của Chu Ân Lai và Bác Cổ.

Chẳng hạn Lưu Bá Thừa, cũng còn được gọi là Lưu Tử Nhãn (chết một mắt) hoặc Độc Nhãn Long, là tướng cộng sản đầu tiên được huấn luyện quân sự chu đáo trong ba năm tại Viện Quân Sự Hồng quân Nga tại Mạc tư khoa. Lưu Bá Thừa đã giúp Chu Đức trong cuộc nổi dậy tại Nam Xương, và được Chu Ân Lai nâng đỡ trong thời kỳ sau đó, nhưng Lưu Bá Thừa cũng cảm thấy một mối ràng buộc với nhóm lãnh tụ thân Nga của Bác Cổ. Là một chiến thuật gia dũng cảm trong bộ tham mưu của Chu Đức, địa vị của Lưu Bá Thừa cũng ngang hàng với Lâm Bưu và Bành Đức Hoài. Tuy nhiên lúc nào Lưu Bá Thừa cũng giữ thái độ trung lập trong các cuộc tranh luận chính trị.

Sự cân bằng của phe cộng sản trong giai đoạn đầu của cuộc Trường Chinh có vẻ rất tế nhị, và chỉ cần một vài lãnh tụ cao cấp đối ý cũng đủ nghiêng cán cân về phía Mao. Tuy nhiên quyền lực mới của Mao sau đại hội Tuân Nghĩa cũng không vững chắc như nhiều người tưởng. Lúc đó Mao chỉ được coi như được giao phó trọng trách hướng dẫn hồng quân và đảng trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh mà thôi. Mao đã lợi dụng cơ hội hoàn cảnh quân sự khó khăn của hồng quân để lôi kéo được ngay cả những đối thủ hợp tác với mình, và dần dần thành công lôi cuốn họ đứng hẳn về phe mình.

Sự thay đổi lãnh đạo xảy ra tại Tuân Nghĩa có ba khía cạnh chính: Thứ nhất, Mao đại diện cho sự vươn lên của phe cộng sản trong nước sau mười bốn năm dưới quyền điều khiển của phe được huấn luyện tại Nga xô. Mao tượng trưng cho những người cộng sản Trung Hoa chưa từng được xuất ngoại, hoặc những người tương đối không thay đổi sau những chuyến xuất ngoại, những người coi chủ nghĩa cộng sản chỉ là một giải pháp cấp kỳ cho những vấn đề Trung Hoa. Chiến thắng của Mao tại Tuân Nghĩa là chiến thắng của giới xô viết nông thôn chống lại các đảng viên thành thị, của một người sống suốt đời với nông dân và các giai cấp thấp trong xã hội. Mao đã khôn ngoan không tấn công Chu Ân Lai và do đó tách được Chu Ân Lai ra khỏi Lý Đức. Người ta tin rằng đã có sự ngầm thỏa hiệp giữa Mao và Chu Ân Lai tại Tuân Nghĩa.

Thứ hai, Mao chiến thắng là nhờ sự trung thành của một nhóm tư lệnh hồng quân, và thông cảm được hoàn cảnh khó khăn của họ. Những người đào ngũ từ lúc rời bỏ Giang Tây là những thành phần tân tuyển của Chu Ân Lai, chứ không phải là thành phần nòng cốt của quân

đội đã theo Mao và Chu Đức từ Tỉnh Cương Sơn.

Cuối cùng, Mao quả thực là một kiểu mẫu lãnh đạo cần thiết cho phe cộng sản vào năm 1935, một cung cách lãnh đạo có thể lôi cuốn được cả tâm và trí quần chúng. Mao từng tỏ khả năng là người có thể lãnh đạo khi mà hoàn cảnh có vẻ tuyệt vọng, vì Mao biết bí quyết kêu gọi được bản năng sâu kín nhất của quần chúng và khích động được ý chí của họ để chiến đấu, chịu gian khổ và đương đầu với nghịch cảnh. Mao là một nhà cách mạng có khả năng chiến đấu và đã dẫn đảng cộng sản đến chiến thắng, nhưng Mao không phải là một nhà cai trị giỏi. Nước Trung hoa thời bình dưới quyền lãnh đạo của Mao đã đi từ lỗi lầm này đến lỗi lầm khác, và thụt lùi trong khi thế giới chung quanh tiến những bước vượt bậc.

Mao đã thành công lôi cuốn được sự yêu mến và trung thành của quân đội và nông dân. Tại chiến khu Diên An sau cuộc Trường Chinh, sự thần tượng Mao của quân đội và quần chúng đã lên tới cực điểm. Vì ăn ớt thường xuyên, nên Mao có bệnh táo bón kinh niên, và thường chỉ đi cầu một tuần một lần. Mỗi khi Mao đi cầu được thì binh sĩ vui mừng như một tin thắng trận, và truyền nhau mẩu tin: "Chủ tịch đã đại tiện được rồi!" Mao có khả năng trình bày những vấn đề phức tạp một cách rất dễ hiểu cho giới nông dân ít giáo dục. Khi nói chuyện với quần chúng, Mao dùng những từ ngữ rất bình dân mà mọi người có thể hiểu. Nt khi Mao nói lâu mà không dùng những thành ngữ bình dân quen thuộc đối với quần chúng. Chính vì thế quần chúng cảm thấy rất gần gũi Mao. Kỹ thuật chinh phục đối phương của Mao là không bao giờ tấn công đối thủ ào ạt. Mao thường tấn công chỗ này chỗ kia, bẻ gãy lý luận của đối phương từng điểm một, cho tới lúc đối thủ hoàn toàn bị bao vây và tan rã trước phát súng ân huệ cuối cùng. Tuy thế Mao có tâm hồn bình dị của người nông dân. Có lần được nghe kể về một cuốn phim của vua hề Charlot, Mao đã cười đến chảy cả nước mắt.

*

Theo một nguồn tin thì trong đại hội Tuân Nghĩa, Mao là người đầu tiên trình bày những lỗi lầm về chính trị và quân sự của Bộ Chính Trị trong những tháng trước đó. Chu Đức nói kế tiếp, chỉ trích cả Bộ Chính Trị và Lý Đức. Rồi Bác Cổ đứng lên bênh vực quan điểm của mình, lược trình hoạt động của phe cộng sản từ năm 1931, và nhấn mạnh đảng cộng sản đã thất bại không hiểu được ý nghĩa của việc xây dựng một mặt trận thống nhất chống đế quốc. Bác Cổ ám chỉ sự thiển cận của Mao trong phong trào nông dân. Theo Bác Cổ thì chính sách hiện tại của Bộ Chính Trị là đúng, nhưng đã có những sai lầm khi thi hành. Do đó thất bại là do người thừa hành chứ không phải lỗi của Bộ Chính Trị.

Chu Ân Lai là diễn giả thứ tư, xác nhận những lỗi lầm của Bộ Chính Trị và chính mình. Sự nhận lỗi của Chu Ân Lai được cử tọa hoan nghênh. Cuối cùng Chu Ân Lai xin từ chức khỏi Ủy ban Quân sự, và đề nghị Mao Trạch Đông lãnh đạo hồng quân. Bác Cổ và phe Quốc tế đành phải chấp nhận đề nghị của Chu Ân Lai. Kết quả là Mao được bầu làm chủ tịch Ủy ban Quân sự Cách mạng, và Ủy ban này được tổ chức lại. Tham mưu trưởng Diệp Kiếm Anh, người thuộc phe Chu Ân Lai, bị Lưu Bá Thừa thay thế. Đặng Phát, chỉ huy ngành an ninh, bị loại ra khỏi Ủy ban. Quyền hạn hành quân của Lý Đức bị bãi bỏ và thuộc quyền của Ủy ban Quân sự. Chu Đức vẫn tiếp tục giữ chức tư lệnh tối cao, và Vương Gia Tường vẫn giữ chức chính ủy. Chu Ân Lai chỉ còn là một thành viên của Ủy ban.

Bộ Chính Trị cũng được sắp xếp lại. Mao trở thành chủ tịch (chức vụ này trước đó không có) và Lạc Phủ (bí danh của Trương Văn Thiên) thay thế Bác Cổ trong chức Tổng thư ký. Lạc Phủ là một trong số 28 đảng viên thân Nga, nay trung thành với Mao, mặc dầu năm 1932 Lạc Phủ là người đề nghị trục xuất Mao ra khỏi đảng. Nhưng tại đại hội Tuân Nghĩa, Lạc Phủ đã đóng một vai trò hữu ích cho Mao.

Thực ra phe thân Nga nghĩ rằng sẽ có cơ hội quật khởi trở lại với sự hậu thuẫn của Nga, một khi vượt qua được những khó khăn quân sự hiện tại. Bác Cổ là người tính tình rất bướng bỉnh, và cũng vì là thủ lĩnh của nhóm thân Nga nên Bác Cổ bắt buộc phải ra đi. Còn những người khác thì nghĩ rằng nên tạm nhượng bộ chiến thắng của Mao tại Tuân Nghĩa để chờ cơ hội. Nt nhất họ cũng để cho Mao và Chu Đức cơ hội thử thách quyền lãnh đạo, và có lẽ họ cũng hy vọng rằng Mao sẽ thất bại.

Cặp Bài Trùng Mao Trạch Đông Và Chu Ân Lai

Sau đại hội Tuân Nghĩa, quyền chỉ đạo cuộc Vạn Lý Trường Chinh rơi vào tay Mao Trạch Đông, và tháng giêng năm 1935, hồng quân bắt đầu từ giã Tuân Nghĩa để tiếp tục cuộc chạy trốn. Chỉ sau ba tháng, kể từ lúc vượt qua con sông Vu Giang, hồng quân thiệt hại hết hai phần ba nhân số và mất hết các súng nặng. Lực lượng hồng quân tuy gồm có bốn quân đoàn, nhưng thực tế chỉ còn 16 trung đoàn chiến đấu và một trung đoàn cán bộ. Trong lúc dừng chân tại Tuân Nghĩa, hồng quân nỗ lực tuyển mộ thêm quân bổ sung, nhưng tổng số cũng chỉ có 35 ngàn.

Sau ba tháng đầu tiên, từ thất bại này đến thất bại khác, hồng quân càng lúc càng xa mục tiêu đặt ra lúc ban đầu, và càng ngày càng lạc lõng vào sâu nội địa, tới những vùng đất hẻo lánh hoang vu. Hồng quân sẽ phải vượt qua những vùng rừng núi đất đai hoang đại đến vô tận, đi qua những vùng đất chưa bao giờ được vẽ lên bản đồ. Hồng quân đã thoát được cái bẫy tiêu diệt của Tưởng Giới Thạch tại Giang Tây và sông Tây Giang. Tuy thế quân của Tưởng Giới Thạch vẫn tiếp tục đuổi theo hồng quân như hình với bóng. Tưởng hết sức bận rộn tại Trùng Khánh, huy động thêm quân, và không bao giờ ngừng hoạch định kế hoạch tiêu diệt “Quân Cướp Đỏ”. Trong tay Tưởng lúc đó có 400 ngàn quân, sẵn sàng ngăn chặn hồng quân. Dù hồng quân tiến về ngả nào cũng không thoát được những mũi súng chờ sẵn của quân Quốc dân đảng.

Nt có lãnh tụ quốc gia nào quyết liệt chống cộng đến như Tưởng. Trong hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng khi quân Nhật tấn chiếm nhiều tỉnh miền đông bắc, Tưởng vẫn chỉ hướng toàn lực về cộng quân, và chỉ coi cộng sản là kẻ đại thù của Trung Hoa. Khi cộng quân thoát được màng lưới bao vây tại Giang Tây và sông Tây Giang, Tưởng trông cậy Quý châu sẽ hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt đám tàn quân cộng sản. Khi nhận thấy sự bất lực của quân đội Quý Châu, Tưởng liền huy động quân đội của các tỉnh Tứ Xuyên, Vân Nam và Hồ Nam, và đại quân Quốc dân đảng chặn hồng quân trên đường tiến về sông Dương Tử.

Hồng quân đã bắt buộc phải thay đổi lộ trình hai lần. Thoạt đầu hồng quân hủy bỏ kế hoạch tiến tới biên giới Hồ Nam Hồ Bắc để nhập với quân của Hạ Long. Lần thứ hai hồng quân phải từ bỏ ý định thành lập một căn cứ quanh Tuân Nghĩa. Ngày 20-1-1935, Bộ Chính Trị nhóm họp và ấn định lộ trình mới: hồng quân sẽ tiến tới căn cứ của Trương Quốc Đào tại vùng tây bắc Tứ Xuyên. Lần chuyển hướng này cũng chỉ là một quyết định liều lĩnh, vì Mao và Bộ Chính Trị không biết gì về hiện tình tại căn cứ của Trương Quốc Đào. Mao tưởng rằng Trương Quốc Đào có một trăm ngàn quân và một căn cứ rất hùng mạnh tại tây bắc Tứ Xuyên. Mao không biết sự thực lúc đó lực lượng của Trương Quốc Đào bị áp lực mạnh của quốc quân đến nỗi phải rút lui tới tận biên giới Tây Tạng.

Hoàn cảnh của hồng quân trong cuộc Trường Chinh cũng không phải là đen tối lắm. Sau những tổn thất lớn lao về nhân sự, hồng quân bây giờ có đủ súng trường và súng máy. Tại Tuân Nghĩa hồng quân tịch thu được khá nhiều súng Mauser. Vào thời đó súng Mauser được coi là vũ khí phổ thông nhất, và được chính phủ Quốc dân đảng chế tạo. Quân Quốc dân đảng là nguồn cung cấp vũ khí chính cho hồng quân. Đám tàn quân còn lại dạn dày kinh nghiệm chiến trường, và có khả năng lưu động rất cao. Họ tiến quân rất nhanh, và mỗi ngày có thể đi bộ tới năm mươi dặm. Đôi khi họ chạy qua núi, vượt qua sông vài ngày liền. Con đường tây tiến của

hồng quân chỉ là núi, hết dãy núi này lại đến dãy núi khác, và giữa hai dãy núi họ thường phải vượt qua một con sông.

Hồng quân có vẻ lên tinh thần sau khi Mao đứng ra lãnh trọng trách thay thế Bác Cổ. Nt nhất họ cũng được biết tại sao họ phải ra đi và sẽ đi đâu. Phần lớn hồng quân đều nhỏ con nhưng rất rắn chắc. Vào lúc từ già Tuân Nghĩa, hồng quân có vẻ hồi phục sinh lực rất nhiều, sau khi được nghỉ ngơi trên mười ngày và được ăn uống no đủ. Khi hồng quân mới tới Tuân Nghĩa thì mỗi người được cấp phát hai quan tiền để tự do ăn uống tại các nhà hàng. Chỉ trong hai ngày, đám quân đói khát này đã ăn hết những món ngon nhất tại Tuân Nghĩa. Món khoái khẩu nhất của họ là khoai môn hấp với thịt cừu, cá, thịt gà và rau cải. Mọi người còn mua thêm được dép rơm mới, và một số có đủ tiền mua được dép da. Những túi gạo trên lưng họ đầy hơn, và thuốc men của đoàn cứu thương cũng dồi dào hơn.

Mao cũng cảm thấy lạc quan. Bây giờ hồng quân lại trở thành quân đội Chu-Mao ngày trước tại chiến khu Tỉnh Cương Sơn. Tại đó Mao đã làm một bài thơ 16 chữ chỉ đạo cho hồng quân:

Địch tiến ta lui

Địch dừng ta tiến

Địch mệt ta đánh

Địch lui ta đuổi.

Đây là chủ yếu của chiến tranh du kích và đã giúp đạo quân Chu-Mao phát triển. Bây giờ Mao có nhiệm vụ phải bảo vệ quân đội đó khỏi cảnh diệt vong. Sau Tuân Nghĩa là một sự đổi mới hoàn toàn. Không những Mao nắm quyền lãnh đạo mà hồng quân còn độc lập với quyền lãnh đạo của Mạc tư khoa. Chính bối cảnh này đã khai sinh một sự liên kết chính trị mới giữa Mao và Chu Ân Lai. Sự liên kết ấy đã kéo dài suốt cuộc đời chính trị của hai lãnh tụ này. Ngay trước đó, Chu Ân Lai là đối thủ của Mao. Chu Ân Lai đến chiến khu Giang Tây tháng 12-1931 để đoạt chức vụ bí thư đảng của Mao. Đến tháng 10-1934, Chu lại thay thế Mao trong chức vụ chính ủy.

Đúng ra Chu Ân Lai phản đối việc bãi chức của Mao, và đòi hỏi phục hồi chức vụ cho Mao, nhưng Chu tuân theo quyết định của Bộ Chính Trị, và tháng 5-1933, Chu trở thành chính ủy của toàn thể hồng quân. Chu đã trở thành một trong tam đầu chế lãnh đạo hồng quân, cùng với Bác Cổ và Lý Đức. Trong một thời gian, Mao đã thực sự bị loại ra khỏi hồng quân. Chu Ân Lai đã đứng về phe Bác Cổ và Lý Đức, bác bỏ chiến lược và các đề nghị của Mao. Đó là bản chất của Chu Ân Lai, bao giờ cũng đứng về phe nào mạnh. Nhiều năm sau, Chu Ân Lai buồn rầu thú nhận trong suốt thời gian từ năm 1932 cho tới lúc khởi đầu cuộc Trường Chinh, Chu không hề tham khảo bàn luận với Mao về một vấn đề gì.

Thái độ của Chu Ân Lai là do tinh thần kỷ luật của ông. Mặc dầu Chu chủ trương phải cho Mao tham dự các vấn đề quân sự, nhưng khi Bộ Chính Trị bãi chức của Mao thì Chu không phản đối quyết định này. Chu vẫn tỏ lòng kính trọng Mao. Sau buổi đại hội khi Mao bị loại khỏi quyền hành, Chu cưỡi ngựa sổng đôi với Mao, và bày tỏ ước vọng Mao sớm trở lại với hồng quân. Chu vẫn tự nhận mình chỉ là “quyền chính ủy”, ngầm ý rằng một ngày nào đó Mao sẽ trở lại với chức vụ chính ủy. Thỉnh thoảng Chu cũng chuyển tài liệu quan trọng cho Mao đọc. Vợ Chu Ân Lai là Đặng Dĩnh Siêu cũng có một thái độ dè dặt và khôn ngoan như chồng. Năm 1976, khi Chu Ân Lai chết và quần chúng biểu tình đông đảo tưởng niệm Chu tại công trường Thiên An Môn, và nhóm Tứ Nhân Bang chỉ trích cuộc biểu tình thì bà hoàn toàn im lặng, không dám lên tiếng. Bà cẩn thận chờ mãi đến khi Mao chết và nhóm Tứ Nhân Bang bị bắt rồi mới dám tỏ

bầy quan điểm.

Chu phản ứng khác với Mao trước những quyết định của đảng. Trong mọi quyết định, Mao đều lên tiếng và muốn quan điểm của mình phải thắng thế. Trước và sau khi nắm quyền lãnh đạo đảng cộng sản Trung Hoa, Mao thường bất đồng quan điểm với Stalin. Tuy thế trong những năm 1930, vì hoàn cảnh bắt buộc nên Mao thường nhượng bộ Stalin, đặt ưu tiên của Nga sô trước các vấn đề Trung Hoa, với mục đích gìn giữ Nga sô như là thành trì của cách mạng thế giới.

Nhưng khi đủ mạnh rồi thì Mao không tuân lệnh Stalin nữa. Sau đệ nhị thế chiến, Stalin phản đối cuộc chiến của Mao chống lại Tưởng Giới Thạch. Stalin yêu cầu Mao phải chấp nhận một chính phủ liên hiệp với Quốc dân đảng, nhưng Mao cực lực bác bỏ ý kiến này. Thực tâm Stalin cũng không muốn có một nước Trung Hoa thống nhất và mạnh vì quyền lợi riêng của Nga sô. Cuối năm 1948, khi Mao tiến quân vào tỉnh Hà Bắc, sửa soạn chiếm Bắc Kinh và tiến xuống miền nam, Stalin phái Mikoyan sang gặp Mao để yêu cầu Mao không được tiến xuống phía nam sông Dương Tử, và không được tấn công Tưởng Giới Thạch. Mao từ chối không nghe lời Stalin, và hết sức trình bày cho Mikoyan biết là việc nam tiến là cần thiết. Mao gửi trả Mikoyan về Mạc tư khoa, và ngày 1-1-1949 Mao viết một bài xã thuyết như để trả lời cho Stalin: “Hãy tiếp tục cuộc cách mạng tới cùng. Những kẻ khuyên nhân dân nên thương hại kẻ thù và bảo vệ lực lượng phản động chính là bạn của kẻ thù.”

Chu Ân Lai được coi là một người “ngoại quốc” trong đảng, vì Chu đã sống nhiều năm tại Pháp và Đức, và lưu lại khá lâu tại Mạc tư khoa. Ông là một người thành thị, và có lẽ ông thoải mái thích hợp với thành phố Ba Lê hơn là ở các vùng quê Trung Hoa. Chu sinh trưởng trong một gia đình quan lại sang trọng, chứ không lớn lên giữa những đồng phân bò như Mao Trạch Đông. Chu không biết xử dụng những thành ngữ nhà quê như Mao, và cũng không có trực giác về nông dân như Mao. Chu và vợ là hai người bạn trí thức, ý hợp tâm đầu, ràng buộc với nhau bằng những kinh nghiệm chung tại Âu Châu và trong các đô thị lớn của Trung Hoa. Đây là một mối tình vợ chồng bền chặt nhất trong cộng đảng Trung Hoa.

Chu nổi tiếng là một chính khách có tài ngoại giao, và cực kỳ trí thức. Chu cũng có nhiều kinh nghiệm về quân sự sau khi giữ chức giám đốc chính trị tại trường quân sự Hoàng Phố. Chu cũng đã học quân sự tại Nga sô và áp dụng bài học quân sự trong những ngày đẫm máu tại Thượng Hải và cuộc nổi dậy tại Nam Xương. Khi cuộc Trường Chinh bắt đầu, Chu đã chiến đấu trên ba năm tại miền nam Trung Hoa. Với những tài năng và kinh nghiệm đã có, Chu được coi là một lãnh tụ lớn của cộng đảng Trung Hoa. Sau đại hội Tuân Nghĩa, Chu ủng hộ Mao hết mình. Có thể Chu là một người trở cờ khôn ngoan, “phù thịnh” để giữ phần cho mình, và cũng có thể là Chu nhận thấy Mao có khả năng hơn Bác Cổ, và Mao có thể dẫn hồng quân tới chiến thắng. Không biết lý do nào đúng, nhưng trong suốt cuộc đời, Chu không bao giờ dám thách đố quyền lực của Mao. Người ta vẫn chưa biết rõ được những yếu tố phức tạp đưa Chu đến quyết định thần phục Mao và phò tá Mao hết lòng như thế. Trong bất cứ chức vụ gì của Chu sau Tuân Nghĩa, Chu quả thực chỉ là một tham mưu trưởng, một quân sư hay cố vấn cho Mao Trạch Đông. Sự hợp tác chặt chẽ giữa Mao và Chu rất ít có trong lịch sử chính trị Trung Hoa. Người ta cố tìm cách soi sáng những cảm nghĩ dấu kín của Chu Ân Lai, nhưng chưa có kết quả. Khi tướng Dương Thượng Côn hỏi Đặng Dĩnh Siêu về thái độ của Chu Ân Lai, thì bà trả lời: “Chồng tôi không bao giờ nói với tôi một điều gì mà chồng tôi nghĩ là tôi không nên nghe.”

Thực ra Mao và Chu là hai con người khác hẳn nhau, mà lại tâm đầu ý hợp như vậy. Đại sứ Vương Bình Nam gọi Mao là một người “nội hóa”, một người nhà quê lần mò tới bến tàu Thượng Hải tiễn biệt các bạn bè xuống tàu đi du học Pháp quốc, trong một chương trình “làm việc và học tập” mà Mao tham gia tận tình. Mao chỉ muốn ở lại trong nước. Người ta giải thích

Mao quay về là vì không đủ tiền hoặc gặp khó khăn không học được tiếng Pháp, hoặc Mao cảm thấy không được thoải mái bên cạnh những người bạn ăn mặc sang trọng và giàu có hơn. Nhưng sử gia Lý Giụ tin rằng Mao không hề có ý định xuất ngoại. Mao tin rằng bạn bè cần phải tham dự vào văn hóa tây phương và đem về những điều ích lợi cho Trung Hoa. Nhưng chỗ của Mao học hỏi và hoạt động phải là Trung Hoa. Lý Giụ cho rằng nếu Mao cũng xuất ngoại thì nhóm nòng cốt trong nước sẽ tan rã.

Lý Giụ nghĩ Mao tin rằng Trung Hoa cần phải cải cách và xây dựng lại, và chính mình là người thi hành sứ mạng đó. Mao cũng tin rằng mình phải là người lãnh đạo và cảm thấy trách nhiệm phải ở lại Trung Hoa. Mao không mấy quan tâm đến tây phương. Sự kiện này cũng đã gây nhiều xung đột giữa hai phe “ngoại hóa” và “nội hóa”. Nhiều người nghĩ rằng Mao lúc nào cũng ganh ghét vẻ thanh lịch cũng như sự nổi tiếng khắp thế giới của Chu Ân Lai. Tuy thế sự liên kết giữa hai người rất khác nhau này không bao giờ rạn nứt. Hai người khác nhau nhưng bổ túc cho nhau. Mao đóng vai một triết gia, một thi sĩ, một người mơ mộng không tưởng, một người có tài khai thác và xử dụng quần chúng, một người có tài biến kẻ thù thành đồng minh hữu dụng. Chu Ân Lai thành công trong vai trò một người thực tiễn, một nhà ngoại giao, một người điều khiển những vấn đề hàng ngày của guồng máy nhà nước.

Nhiều năm sau, khi Mao và Chu đã lên tới tột đỉnh quyền lực rồi, vào lúc Chu sống sót được cuộc Cách mạng Văn hóa điên cuồng bằng trí óc minh mẫn và bằng sự can đảm và ngôn ngữ tài tình, trong lúc Mao để mặc Chu phải đương đầu với khó khăn mà không hề ra tay cứu giúp Chu, thì Chu vẫn nhấn nhục tuyên bố: “Chúng ta chỉ là học trò của Mao chủ tịch, nhưng chúng ta không thể nào làm bằng Mao chủ tịch được.” Đây là một sự thần phục hoàn toàn. Nhưng cuộc cách mạng cuối cùng do Mao phát động đã làm đảo lộn Trung Hoa và xô đẩy Trung Hoa xuống vực thẳm. Nếu Mao còn sống sau những thất bại lớn lao như thế, liệu Mao có đáng khâm phục như Chu Ân Lai quan niệm không?

Nhiều quan sát viên ngoại quốc công nhận Chu Ân Lai là một người điều hành kế hoạch nhà nước xuất chúng, một nhà hành chánh thực tế đã hướng dẫn quốc gia vượt qua khỏi những cơn khủng hoảng hỗn loạn do chính Mao gây ra, như trong kế hoạch Đại Nhảy Vọt, và cuộc Cách mạng Văn hóa. Khi Chu chết năm 1976, quần chúng ngưỡng mộ ông, và ví ông như Gia Cát Lượng trong truyện Tam Quốc, và trí tưởng tượng của quần chúng đã thêm dệt nhiều huyền thoại về ông.

*

Ngày 5-2-1935 khi hồng quân rời bỏ Tuân Nghĩa và tiến tới một thị trấn nằm giữa biên giới Quý Châu, Vân Nam và Tứ Xuyên thì Lạc Phủ chính thức thay thế Bác Cổ trong chức vụ bí thư Ủy ban Trung ương. Mao được đề cử làm “phụ tá” cho Chu Ân Lai trong các vấn đề quân sự, cùng với Vương Gia Tường. Trong bộ ba mới này thì tiếng nói của Mao là tiếng nói quyết định.

Hành động đầu tiên của Mao là liên lạc với Nga sô và thông báo về sự thay đổi nhân sự tại Tuân Nghĩa. Lúc đó không có một phương tiện liên lạc nào, ngoài việc sai người đưa tin. Người đưa tin đầu tiên là Phan Hán Niên, một người chuyên trách những sứ mạng bí mật liên lạc với các sứ quân. Khi Phan Hán Niên tới Thượng Hải thì không tìm thấy một đơn vị cộng sản nào. Tất cả mọi cơ sở đã bị mật vụ Quốc dân đảng quét sạch.

Đến tháng 5-1935, một người thứ hai lãnh nhiệm vụ liên lạc là Trần Vân. Trần Vân cải trang thành một lái buôn và tới Thượng Hải gặp bà Tống Khánh Linh, góa phụ của Tôn Văn. Bà Khánh Linh tìm cách gửi nhóm Trần Vân đi tàu thủy của Nga sô tới Vladivostok. Tại Mạc tư khoa, Trần Vân viết và xuất bản một bài báo với nhan đề: “Cuộc Tây Tiến Oai Hùng”, nhưng không được ai để ý, và những gì xảy ra tại Tuân Nghĩa vẫn là một bí mật. Trần Vân không nói gì

về sự thay đổi quyền lãnh đạo quân sự và chính trị. Tháng 1-1935, Phan Hán Niên trở lại Thượng Hải, đem theo những mật mã mới để thiết lập sự liên lạc giữa Mạc tư khoa và hồng quân Trung Hoa. Người ta cho rằng một trụ sở liên lạc đặt tại nhà của Tống Khánh Linh, trên đường Molière trong khu tô giới Pháp. Nhưng nhiều bạn thân của Tống Khánh Linh phủ nhận điều này, viện lý rằng làm thế nào một máy truyền tin có thể hoạt động được trong lúc binh sĩ Quốc dân đảng canh gác bên ngoài nhà.

Tuy nhiên chính Phan Hán Niên đã được giao phó công tác liên lạc giữa Mạc tư khoa và bà Tống Khánh Linh bằng cách giả làm thư ký cho bà Khánh Linh. Phan Hán Niên là một người có khả năng xuất sắc, và đã trở thành một cộng sự viên thân tín của bà Tống Khánh Linh, cho mãi tới năm 1953 thì bị chính quyền Trung cộng bắt giam và bị buộc tội làm gián điệp cho người Nhật. Sau hai mươi năm bị giam giữ, Phan Hán Niên chết trong tù. Nhưng sau khi Mao chết, và nhóm Tứ Nhân Bang bị bắt, Phan Hán Niên được phục hồi danh dự.

*

Ngay lúc khởi đầu cuộc Trường Chinh, Đặng Tiểu Bình đang trải qua một giai đoạn đen tối. Đặng Tiểu Bình đã bị cách chức khỏi các chức vụ quân sự và chính trị, bị công khai buộc tội và bị giam giữ. Không những thế Đặng còn bị vợ ly dị. Đặng được cho đi theo cuộc Trường Chinh, nhưng bị xung vào toán lao công khuân vác cho phòng chính trị quân đội. Nhưng sau đại hội Tuân Nghĩa, số phận của Đặng bắt đầu sáng sủa. Đặng leo dần lên các bậc thang chính trị, và gia nhập nhóm của Mao. Vào lúc đó, Đặng mới có ba mươi tuổi, và là con của một viên chức chính phủ tại Tứ Xuyên, cách Trùng Khánh 60 dặm. Thân phụ Đặng là một người di cư từ miền bắc xuống Tứ Xuyên và là một sĩ quan trong quân lực. Đặng có người anh sau làm thị trưởng Vũ Hán và một em gái làm việc tại viện đại học Bắc Kinh. Thân mẫu Đặng chết sớm, và ba anh em họ Đặng được người kế mẫu nuôi dưỡng.

Đặng Tiểu Bình bỏ nhà ra đi xa rất sớm, và học trung học tại Trùng Khánh. Năm 16 tuổi, Đặng gia nhập một toán 92 sinh viên du học tại Pháp. Tại Ba Lê, thoát đầu Đặng làm việc cho hãng chế tạo xe hơi Renault, và sau đó làm việc cho một công ty xe lửa. Trong thời gian sống tại Pháp, Đặng rất nghèo và thường phải nhịn đói. Đặng kể với Dương Thượng Côn: “Tôi sung sướng mỗi khi có đủ tiền để mua một cái bánh Croissant và một ly sữa.” Đặng tin rằng thân hình nhỏ thó cao một thước rưỡi của mình là do thiếu ăn lúc nhỏ. Thời kỳ sống tại kinh thành Ba Lê đã để lại cho Đặng một sự thèm thuồng suốt đời được ăn cơm Tây, đặc biệt là bánh Croissant. Năm 1974, khi được phái sang New York để đại diện cho Trung Hoa tại hội nghị kinh tế Liên Hiệp Quốc, Đặng được cấp ba mươi quan tiền làm tiền tiêu vặt, trị giá khoảng 16 đô la. Đặng định đem hết số tiền này ra mua bánh Croissant ăn cho thỏa thích một bữa. Nhưng đại sứ Hoàng Hoa đề nghị nên chờ đến lúc về ghé qua Ba Lê hãy mua bánh Croissant, vì bánh Croissant tại Pháp ngon hơn. Đặng đồng ý, và khi ghé Ba Lê, Đặng mua một trăm ổ bánh Croissant, đem về chia cho Chu Ân Lai và các bạn học cũ vốn nghiện bánh Croissant từ những ngày còn lang thang trên vỉa hè của kinh đô ánh sáng. Thời gian Sihanouk lưu vong tại Bắc kinh, Sihanouk thường nấu cơm Tây và gửi đến mời Đặng.

Trong thời gian xuất ngoại du học, Đặng Tiểu Bình thường làm việc chứ không học hành mấy. Đặng đã học chủ nghĩa Mác xít từ các công nhân Pháp và gia nhập đảng cộng sản Pháp trước khi gia nhập chi nhánh cộng đảng Trung Hoa tại Âu Châu do Chu Ân Lai sáng lập. Đặng quen biết Chu Ân Lai trong dịp này và tích cực hoạt động trong Mặt Trận Thanh Niên Xã Hội của Chu Ân Lai. Năm 1926, Đặng trở về Trung Hoa, ghé lại Mạc tư khoa vài tháng và theo học viện đại học Tôn Dật Tiên cùng với Tưởng Kinh Quốc, con trai của Tưởng Giới Thạch. Tại Trung Hoa, Đặng làm việc một thời gian với sứ quân Phùng Ngọc Tường. Đặng giúp thành lập trường quân sự cho Phùng Ngọc Tường tại Tây An. Sau khi Tưởng Giới Thạch làm chủ Thượng

Hải, Đặng trở về Vũ Hán và sau đó trở lại Thượng Hải và hoạt động trong bóng tối. Đặng đã từng làm bí thư cho Ủy ban Trung ương. Đến năm 1929, Đặng được thăng lên làm chính ủy cho các quân đoàn đệ thất và đệ bát tại Giang Tây. Hai quân đoàn này chỉ có vài ngàn quân du kích và không phải là quân đội thực sự. Trong nhiệm vụ này, Đặng thường sang Việt nam luôn. Đệ bát quân đoàn hoạt động tại Long Châu, ngay tại biên giới Việt nam và Quảng Tây. Đặng thường đi tàu thủy tới Hương Cảng, rồi từ Hương Cảng đi Hải Phòng, và đi xe lửa ngược lên Long Châu.

Khi đến chiến khu Giang Tây năm 1931, Đặng Tiểu Bình được giao phó chức vụ bí thư đảng, nhưng không giữ được chức này lâu. Lúc đó Mao đang bị nhóm thân Nga tấn công nặc danh, và một số người thân Mao bị Bác Cổ hạ tầng công tác. Đặng bị chuyển tới trông coi sở Tuyên Truyền cho ủy ban đảng tại Giang Tây. Ngày 15-4, Lạc Phủ viết một bài báo chính thức tấn công Đặng Tiểu Bình, và lập tức Đặng bị cách chức. Khi cuộc Trường Chinh bắt đầu, Đặng bị giao cho một đơn vị “cải tạo”, và những người được cải tạo trong đơn vị này thường bị hành hạ thể xác. Một bài báo khác của Lỗ Mân đòi hỏi cần phải trừng phạt tàn ác không thương xót những người theo phe Mao, đặc biệt là Đặng Tiểu Bình. Đúng lúc đó vợ của Đặng ly dị chồng và kết hôn với Lỗ Mân, một người cao lớn đẹp trai hơn Đặng. Người ta nghi ngờ có thể vì yêu vợ của Đặng mà Lỗ Mân tìm cách hãm hại Đặng. Vợ Đặng Tiểu Bình là người Quảng Đông và rất tài hoa, đã từng giữ chức bí thư đảng. Vợ Đặng bỏ chồng kết hôn với Lỗ Mân và hai người đi hết cuộc Trường Chinh tới Diên An thì ly dị nhau.

Đặng Tiểu Bình bị kết tội đi theo “đường lối phú nông”, vì Đặng chủ trương không nên tấn công giới trung nông, mà chỉ tịch thu ruộng đất của giới địa chủ giàu có rồi chia cho nông dân nghèo mà thôi. Đặng cũng chủ trương chia quân đội thành từng vùng hơn là tập trung thống nhất dưới sự chỉ huy của trung ương. Đặng cũng ủng hộ chiến thuật của Mao để cho quân Quốc dân đảng xâm nhập vào khu sơ viết rồi đánh phục kích. Trong thời gian bị tổ cải tạo giam giữ, Đặng đã phải viết mấy bản tự kiểm thảo, thú nhận đã đánh giá quá thấp chiến thuật tấn công của hồng quân, nhưng vẫn không làm vừa lòng những người buộc tội Đặng. Đặng nổi giận la lên: “Tôi không thể nói hơn nữa. Điều tôi viết là đúng.”

Một hôm Đặng bị dẫn trở về phòng giam thì gặp Đường Dĩ Hiền, vợ của một phó thủ tướng. Đặng nói với Đường Dĩ Hiền: “Tôi đói quá. Tôi không có đủ để nhét đầy dạ dày của tôi.” Đường Dĩ Hiền tội nghiệp cho Đặng và bỏ tiền mua hai con gà, làm thịt rồi gọi lính gác dẫn Đặng tới nhà mình ăn tối. Đặng tới và ăn hết ngay một con gà, và ôm theo con kia về để dành sẽ ăn sau. Vì tội cho Đặng ăn thịt gà nên khi chọn người đi theo cuộc Trường Chinh, chỉ mình chồng Đường Dĩ Hiền được cho đi và sống sót, còn Đường Dĩ Hiền phải ở lại.

Cuộc đời của Đặng Tiểu Bình đầy những lúc lên voi xuống chó. Sau thời gian điều tra, Đặng bị hạ tầng công tác, và phải về lao động tại miền quê. Người ta không biết Đặng làm những gì trong thời gian bị “đi đầy” đó. Người ta chỉ biết khu vực Đặng bị phái tới là một vùng nguy hiểm, một vùng cộng quân và Quốc dân đảng thường xuyên quần thảo với nhau. Chính vì thế sau mười ngày, Đặng được gọi trở về khu vực sơ viết, vì Bộ Chính Trị sợ rằng Đặng có thể đầu thú Quốc dân đảng, và tiết lộ nhiều bí mật của đảng.

Trong cuộc Trường Chinh, Đặng Tiểu Bình được cử làm bí thư của sở chính trị, dưới quyền của Vương Gia Tường. Khoảng ba tháng sau, Đặng xin từ chức để trở thành chủ bút của tờ báo quân đội Sao Đỏ. Nhưng trong cuộc hành trình chạy trốn vất vả đó, người ta không thể xuất bản và in tờ báo Sao Đỏ được, vì thế công việc duy nhất của Đặng là cưỡi ngựa chạy theo đoàn quân đang mãi miết chạy trốn. Trong các cuộc đại hội quan trọng tại Lập Bình và Tuân Nghĩa, Đặng đều có tham dự với tư cách thư ký của đại hội, chăm chú ghi biên bản của đại hội, nhưng về sau các biên bản này cũng bị thất lạc.

Khi hồng quân tiến tới gần rặng núi Tuyết Sơn, Mao ra lệnh cho mọi người trong các đơn vị hỗ trợ cũng phải giữ những nhiệm vụ quân sự. Vì thế Đặng Tiểu Bình gia nhập đệ nhất quân đoàn để điều khiển ngành tuyên truyền chính trị. Vào lúc hồng quân tiến tới bắc Thiểm Tây thì Đặng bị bệnh sốt thương hàn nặng và không thể làm việc trong một thời gian dài.

Đặng Tiểu Bình thường hay bị Mao Trạch Đông trách mắng. Có lần Mao la mắng Đặng cố tình ngồi ở cuối phòng trong lúc Mao đang trình bày quan điểm. Mao cho rằng Đặng Tiểu Bình có bệnh tai nghễnh ngãng mà ngồi xa thế thì làm sao nghe được những điều Mao nói. Nhưng khi Chu Ân Lai bị bệnh ung thư gần chết, và Đặng đang bị thất sủng trong cuộc Cách mạng Văn hóa, thì Mao phục chức cho Đặng và khen Đặng là “một chiếc kim bọc trong bông gòn”, nghĩa là Đặng là một người rất sắc bén nhưng lại tế nhị. Mao nói về Đặng: “Tâm trí Đặng Tiểu Bình tròn nhưng hành động rất vuông.” Chính Mao đã cứu mạng sống cho Đặng Tiểu Bình trong cuộc Cách mạng Văn hóa.

Khi Mao lãnh đạo cuộc Trường Chinh thì Đặng Tiểu Bình không còn bị đầy đọa nữa. Đặng được Mao giao phó nhiều chức vụ quan trọng. Ngôi sao của Đặng ngày càng sáng chói trong lúc đó vai trò của Lý Đức, cựu tư lệnh hồng quân, ngày càng lu mờ thêm. Sau đại hội Tuân Nghĩa, Lý Đức biết rõ số phận mình nên yêu cầu Mao cho phép gia nhập đệ nhất quân đoàn của Lâm Bưu, để có dịp học hỏi những kinh nghiệm chiến thuật của Mao. Lý Đức thu thập đồ dùng riêng rồi lên ngựa vội vã tiến về hướng đệ nhất quân đoàn. Sau vài ngày lặn lội thì Lý Đức gặp được Lâm Bưu, nhưng Lâm Bưu rất lạnh nhạt với Lý Đức. Người thông ngôn trước kia phục vụ cho Lý Đức được bổ nhiệm vào một chức vụ khác. Kể từ đó, Lý Đức chỉ còn giữ vai trò một quan sát viên.

Đường Về Sông Dương Tử

Tình hình quân sự của cuộc Trường Chinh thay đổi rất nhiều sau Tuân Nghĩa. Thứ nhất vì quân số suy giảm đi rất nhiều so với quân số lúc khởi đầu. Bây giờ mục tiêu của Mao Trạch Đông là tiến vào Tứ Xuyên và thiết lập một khu vực sơ viết mới, để liên kết hỗ trợ cho khu vực của Trương Quốc Đào. Bản quyết nghị tại đại hội Tuân Nghĩa nhấn mạnh đến sự thành lập một khu vực cộng sản trong vùng biên giới của ba tỉnh Tứ Xuyên, Quý Châu và Vân Nam.

Quyết nghị này có vẻ hợp lý lắm. Ba tỉnh kể trên không thuộc quyền kiểm soát trực tiếp của chính phủ Quốc dân đảng tại Nam Kinh, vì thế kẻ thù quyết liệt nhất của cộng sản là Tưởng Giới Thạch không thể đương đầu với cộng sản hữu hiệu như tại Giang Tây. Sứ quân của Quý Châu rất độc lập với Nam Kinh, cũng như các sứ quân khác tại Tứ Xuyên. Các sứ quân Tứ Xuyên lại thường gây hấn với nhau. Kể từ cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911, có tất cả 478 trận đánh giữa các sứ quân Tứ Xuyên. Trong một bối cảnh chính trị bất ổn như thế, cộng với quần chúng lầm than vì bị đánh thuế quá cao, khu vực này là một địa bàn lý tưởng để cộng sản có thể hoạt động rất có hiệu quả. Các sứ quân thù nghịch nhau sẽ không bao giờ có thể đoàn kết để chống lại cộng sản.

Sau khi rời Tuân Nghĩa, hồng quân đi vào một vùng núi non có những cấu thể lạ lùng và được mệnh danh là Thiên Môn. Đây là một vùng đất kỳ bí, một vương quốc của thần thoại và thi ca. Tại đây có rất nhiều hang động lớn nhất thế giới. Có những động lớn chứa được vài chục ngàn người. Chính tại đây Trương Học Lương, người bắt cóc Tưởng Giới Thạch tại Tây An, được an trí như một tù nhân của Tưởng Giới Thạch. Viên thống chế bị cầm tù có dịp đi lang thang trong những hang động vô tận này. Sau đó Trương Học Lương bị giam lỏng trong một lâu đài nhỏ bên cạnh một cái hồ rất đẹp, được gọi là Tiểu Tây Hồ. Bên trong lâu đài, Trương Học Lương sống một mình cùng với một người nữ thư ký rất đẹp và tận tụy. Họ Trương lấp đầy những ngày trống rỗng của một tù nhân chính trị bằng cách hút thuốc phiện và nghiên cứu lịch sử đời nhà Minh bên cạnh một mỹ nhân. Rồi hai người yêu nhau và sống hết cuộc đời bên nhau. Khi Tưởng Giới Thạch thua cuộc, và phải bỏ lục địa chạy ra hải đảo Đài Loan, Tưởng bắt hai người đi theo. Tại Đài Loan, Trương Học Lương và người thư ký kết hôn năm 1964. Tưởng không muốn Trương Học Lương ở lại Hoa Lục để phe cộng trả ơn công trạng của Trương, đã bắt cóc Tưởng khiến Tưởng không thể tiếp tục công cuộc diệt cộng trong lúc phe cộng rất yếu kém sau cuộc Trường Chinh.

Mục tiêu bây giờ của Mao là tìm một con đường về phía bắc, để vượt qua con sông Dương Tử với mục đích kết hợp với lực lượng của Trương Quốc Đào. Nhưng Tưởng Giới Thạch cũng đoán biết được con đường sống của hồng quân là phải qua sông Dương Tử để tiến về vùng núi non miền bắc. Vì thế Tưởng ra lệnh bố phòng cẩn mật mọi con đường dẫn tới sông Dương Tử. Tưởng sợ rằng một khi hồng quân thoát lên được miền bắc thì công cuộc diệt trừ sẽ vô cùng khó khăn. Đối với Mao thì căn cứ của Trương Quốc Đào tại vùng bắc Tứ Xuyên quả thực là một cái bến an toàn cho một con thuyền đang điều đứng trong sóng gió không thương xót. Nhưng Trương Quốc Đào có xứng đáng cho niềm hy vọng của Mao không?

Vào lúc cực thịnh tháng 1-1935, căn cứ của Trương Quốc Đào có tới gần 100 ngàn quân, và chiếm một dải đất từ Bảo Ninh cho tới sông Chu Giang. Căn cứ của họ Trương liên lạc chặt chẽ với căn cứ của Hạ Long tại miền tây Hồ Nam. Tuy Hạ Long không thực sự kết hợp các chiến

dịch với Trương Quốc Đào, nhưng hai căn cứ này hỗ trợ cho nhau và là một hăm dọa thường xuyên cho Tứ Xuyên. Như vậy đối với Mao thì viễn tượng qua sông Dương Tử rồi lập căn cứ tại Tứ Xuyên có vẻ hấp dẫn hơn là tiếp tục cuộc Trường Chinh lên tận Thiểm Tây. Lúc đó lực lượng hồng quân tại Thiểm Tây của Cao Cương không có tới 10 ngàn quân, và đang phải đương đầu với tướng Dương Hồ Thành, một người đang thiên về Quốc dân đảng. Hơn nữa Thiểm Tây được coi là một khu vực đen tối chậm tiến nhất, dân chúng rất hủ lậu và khốn cùng. Chu Ân Lai kể lại khi dân chúng Giang Tây và Phúc Kiến đi theo hồng quân, họ mang theo quần áo và đồ dùng, trong khi dân chúng tại Thiểm Tây không có lấy một đôi đũa; họ quả thực sống ở mức tận cùng của nghèo khó. Trái lại vùng Tứ Xuyên thì giàu có, lương thực và khoáng sản rất nhiều. Hơn nữa hai tư lệnh cao cấp nhất của hồng quân là Chu Đức và Lưu Bá Thừa, cũng như Đặng Tiểu Bình, đều là người gốc Tứ Xuyên, và chắc chắn họ sẽ cố võ quyết định chọn Tứ Xuyên làm căn cứ sơ viết mới.

Nhưng vấn đề khó khăn của hồng quân là phải vượt qua con sông Dương Tử đang được quốc quân trấn giữ cẩn mật. Tưởng Giới Thạch đã tuyên bố: “Số phận quốc gia và Quốc dân đảng tùy thuộc vào việc ngăn chặn được quân cướp đả tại phía nam sông Dương Tử.” Với quyết tâm quét sạch cộng sản và đạt được sự kiểm soát tại các tỉnh tây nam, Tưởng đã ra nghiêm lệnh cho quân đội và các sứ quân Tứ Xuyên phải nỗ lực tiêu diệt đám tàn quân cộng sản. Tháng 8-1934, Tưởng đã khuyến dụ được sứ quân Lưu Hoàng nhận 200 cổ vấn quân sự Quốc dân đảng, cùng với sự trợ giúp tài chánh của Nam Kinh. Ngày 12-1-1935, trong lúc hồng quân còn đang ở trong thị trấn Tuân Nghĩa, tướng Quốc dân đảng Hồ Quốc Quang đã tới Trùng Khánh cùng một nhóm sĩ quan cao cấp để thi hành thỏa hiệp này; sau đó Hồ Quốc Quang bắt tay vào việc cải thiện và tổ chức lại quân đội tỉnh Tứ Xuyên, trong mục đích tiêu diệt cộng sản.

Trong khi đó quân đội Quốc dân đảng tại Thiểm Tây dưới quyền chỉ huy của tướng Hồ Tông Nam bắt đầu tiến quân tấn công căn cứ của Trương Quốc Đào tại vùng bắc Tứ Xuyên. Giữa tháng 1-1935, Trương Quốc Đào đã phải chấm dứt các cuộc hành quân ở phía nam để củng cố hậu quân. Vì thế các sứ quân Tứ Xuyên, dưới sự chỉ huy chuyên nghiệp của các tướng và sĩ quan Quốc dân đảng có nhiều kinh nghiệm đánh cộng sản, đã bắt đầu là một đe dọa nghiêm trọng cho chương trình của Mao muốn vượt qua sông Dương Tử tại miền nam Tứ Xuyên.

Mao phải tách hồng quân thành ba cánh quân, và sai Lâm Bưu dẫn một cánh quân tiến tới Y Bình, cách Trùng Khánh chừng 100 dặm, với nhiệm vụ tìm cách mở đường qua sông Dương Tử. Lúc đó Tưởng Giới Thạch đang có mặt tại Trùng Khánh, và đích thân điều động chiến dịch bao vây hồng quân tại khu vực giữa Quý Châu – Tứ Xuyên – Vân Nam. Mao dẫn một cánh quân thứ hai tiến về sông Hồng Giang và chờ cơ hội quay ngược về hướng bắc để theo cánh quân của Lâm Bưu, một khi Lâm Bưu đã thành công phá vỡ được vòng vây. Bành Đức Hoài dẫn một sư đoàn tiến về phía bắc của Mao. Quân số hồng quân còn ít, mà Mao phải phân chia làm ba cánh quân khác nhau là vì Mao muốn gây hoang mang cho Tưởng Giới Thạch, và cũng để tìm cách vượt qua sông Dương Tử tại một địa điểm thuận lợi nhất chưa được quốc quân bảo vệ.

Thoạt đầu Lâm Bưu chiến thắng dễ dàng tại thị trấn Tô Xương trên bờ sông Hồng Giang. Được đà Lâm Bưu tiến thẳng tới thị trấn Chí Hồi, cũng nằm trên sông Hồng Giang. Nhưng tại đây Lâm Bưu gặp phải một sự kháng cự mạnh mẽ. Nhiều đơn vị Quốc dân đảng tới tăng cường cho Chí Hồi. Cuối cùng sau một ngày một đêm chiến đấu ác liệt, Lâm Bưu phải lui quân và báo tin không may cho Mao. Về phần Mao cũng chẳng may mắn hơn. Suốt hai ngày, lực lượng của Mao bị quốc quân cầm chân, nhưng cuối cùng Mao cũng tiến tới được thị trấn Tô Xương và chờ đợi kết quả của Lâm Bưu. Ngay lập tức quân đội đông đảo của Tứ Xuyên quay trở

lại bao vây lực lượng của Mao. Quân đội Tứ Xuyên bây giờ nằm dưới quyền điều khiển của các cấp chỉ huy Quốc dân đảng có nhiều kinh nghiệm chiến trường, đã chiến đấu rất hữu hiệu. Trận đánh dữ dội bắt đầu xảy ra và Mao thiết lập bộ tư lệnh ngay tại làng Thanh Long Phố. Tình hình nghiêm trọng đến nỗi chính Mao, Chu Ân Lai và Chu Đức phải đích thân ra chỉ huy hồng quân.

Mao quyết định cầu cứu Lâm Bưu, và ra lệnh cho đệ nhất quân đoàn của Lâm Bưu phải quay về Thanh Long Phố tăng cường cho đệ tam quân đoàn, nhưng phải đến nửa đêm quân của Lâm Bưu mới có thể tới nơi. Khoảng 3 giờ chiều, trận chiến bùng nổ dữ dội, và hai bên đều tổn thất nặng nề. Khang Khắc Thanh, vợ của Chu Đức, phải bỏ chạy trước một trận mưa đạn tưởng như không bao giờ dứt. Hồng quân có thể bị tiêu diệt tại đây. Một cuộc họp quân sự diễn ra tại chỗ và các cán bộ mọi cấp và các lực lượng trừ bị được ném vào trận chiến. Nếu hồng quân không phá vỡ được vòng vây ngay thì địch quân có đủ thì giờ đưa thêm viện binh tới nữa. Đến gần tối thì hồng quân phá được vòng vây, nhưng chiến dịch tiến về phía bắc, nhằm tới được bờ sông Dương Tử phải hoãn lại. Bây giờ hồng quân bắt buộc phải lần trốn về Vân Nam.

Lâm Bưu tới nơi kịp thời và thiết lập những cầu nổi để qua sông Hồng Giang tại Tô Xương. Sáng sớm ngày 28-1, hồng quân vội vã qua sông Hồng Giang và khoảng 10 giờ sáng thì toàn thể hồng quân đã an toàn bên kia sông. Hồng quân kéo tất cả cầu nổi lên bờ và phá hủy, không để cho quốc quân xử dụng được. Hồng quân tiến về Vân Nam để tạm nghỉ một thời gian, và cũng để tuyển mộ thêm quân số và chờ cơ hội quay trở lại sông Dương Tử. Trong lúc hồng quân qua sông Hồng Giang thì Hạ Tử Trân lâm bồn. Lúc 9 giờ tối hôm đó, Hạ Tử Trân sinh đứa con thứ tư cho Mao Trạch Đông, và là con gái. Lúc đó không có cách gì săn sóc được cho đứa trẻ sơ sinh, và cũng không thể mang đứa trẻ đi theo được. Vài giờ sau khi sinh ra, đứa bé được lấy khỏi vòng tay của Hạ Tử Trân, và giao cho vợ chồng một nông dân nhờ nuôi dùm. Cũng không có ai kịp đặt tên cho đứa bé. Người ta chỉ kịp quấn đứa bé bằng một mảnh vải đen rồi đưa vội cho người nông dân cùng với một số tiền. Vợ chồng người nông dân hứa sẽ chăm sóc cho đứa nhỏ. Sáng sớm hôm sau, Mao, Hạ Tử Trân và hồng quân lại phải lên đường gấp rút, vì quốc quân đang truy kích tới nơi. Nhưng về sau này không ai tìm lại được tung tích đứa nhỏ bỏ lại.

Thảm cảnh của Hạ Tử Trân cũng là thảm cảnh chung của các phụ nữ trong cuộc Trường Chinh. Họ không có điều kiện để nuôi con trên đường chạy trốn lúc nào cũng đầy hung hiểm. Họ bắt buộc phải đem con cho người khác hoặc gửi con lại sau khi sinh con. Tuy hành động bỏ con như thế giúp cho người mẹ nhẹ gánh, nhưng không phải là không đau xót. Nhưng họ không còn một lựa chọn nào khác, và hoàn cảnh nguy hiểm không cho phép họ nghĩ tới tình cảm cá nhân. Hạ Tử Trân cũng không phải là người đàn bà duy nhất trải qua cảnh thương tâm phải bỏ con như thế. Trương Quý Phụ, chỉ huy trung đoàn phụ nữ và chồng là chính ủy, cũng sinh con và bỏ con lại dọc đường. Về sau Trương Quý Phụ làm bộ trưởng Vải Sợi và bị xử tử trong cuộc Cách mạng Văn hóa. Liễu Vi Giang, vợ của lãnh tụ thanh niên cộng sản, cũng phải gửi con cho nông dân. Thoạt đầu người nông dân không chịu nhận, đến khi người ta phải vừa hăm dọa vừa năn nỉ mới chịu nhận. Riêng vợ của tư lệnh đệ tứ quân đoàn thì sanh con khi hồng quân đang vượt qua Cánh Đồng Cổ Hoang gần Tây Tạng; nhưng chỉ hai ngày sau thì bà ta lại cưỡi ngựa được như thường. Hai mẹ con tới được Diên An an toàn. Đây là trường hợp duy nhất không phải bỏ con sơ sinh lại dọc đường.

Phần lớn những đứa trẻ bị bỏ lại gửi nông dân nuôi dùm đều chết hoặc mất tích. Một số bà mẹ tìm lại được con đem về nuôi, một số khác tìm được con nhưng con cái không chịu đi theo. Phần lớn phụ nữ Trường Chinh có chồng nhưng họ thường nói "con lừa quý hơn chồng", vì con lừa giúp họ được trong khi chồng không giúp được gì mà còn quấy nhiễu họ nữa. Đối với

các phụ nữ trường chinh thì có thai và sinh đẻ trong lúc chạy trốn thực là một tai họa lớn nhất. Đi bộ suốt ngày, hết ngày này sang ngày khác mà bụng chứa thì không có cảnh khổ nào bằng. Trường hợp có chứa mà cưỡi ngựa cũng rất khó khăn. Rồi đẻ xong thì mất con và lại tiếp tục công việc nặng nhọc hàng ngày.

Sau khi vượt qua sông Hồng Giang, hồng quân tiến về phía tây, và sẽ chờ cơ hội quay lại phía bắc tìm lối trở lại Tứ Xuyên. Nhưng khi được tin đại quân của Tưởng cũng tiến về phía tây, Mao đề nghị hồng quân quay trở lại Quý Châu, chiếm lại Tuân Nghĩa. Trong lúc đại quân cộng sản còn nghỉ ngơi tại Tuân Nghĩa, một toán quân tiền phương của hồng quân tiến về phía bắc, và chiếm được Lão Sơn Quan và Đông Tử. Tại biên giới Quý Châu và Tứ Xuyên, hồng quân đánh bại quân đội của tỉnh Tứ Xuyên. Đại quân của các sứ quân Hoàng Gia Liệt và Dư Quốc Thái lập tức bắc tiến về Tuân Nghĩa để trả thù và đuổi cộng quân ra khỏi Tuân Nghĩa. Quân của sứ quân Quảng Tây cũng quay trở lại hợp lực với quân của Tứ Xuyên, và chỉ cách Tuân Nghĩa 100 dặm. Một lần nữa, cuộc bao vây thành hình và thắt chặt lại.

Cũng như cuộc bao vây lần thứ năm tại Giang Tây có một mặt không đủ mạnh. Trong lần bao vây tại Tuân Nghĩa, đạo quân Tứ Xuyên tại phía tây rất yếu kém. Ngày 16-1, các công nhân tại thị trấn Chí Hối thuộc Quý Châu khởi loạn. Với sự trợ giúp của dân chúng bị áp bức, các công nhân đã tấn công quân đội Quý Châu. Quân đội Quý Châu vốn bạc nhược không muốn chiến đấu nên quyết định rút khỏi thành phố. Khi đội tiền phương của cộng sản tiến tới Chí Hối thì được công nhân và quần chúng căng biểu ngữ chào đón.

Các đơn vị hồng quân khác đã chiếm được Mao Đài và xâm nhập biên giới Tứ Xuyên gần Dương Minh. Mao Đài là nơi sản xuất rượu Mao Đài nổi tiếng của Trung hoa. Người Trung hoa khắp nơi có thói quen dùng rượu Mao Đài mời khách, cũng như người Anh dùng rượu Scotch và người Pháp dùng Sâm Banh vậy. Xưởng nấu rượu tại Mao Đài có hàng trăm bể chứa đầy rượu. Khi toán quân cộng sản đầu tiên tới xưởng làm rượu, họ tưởng cái chất lỏng màu trắng trong những bể rượu là nước để tắm rửa, và họ vội nhúng những bàn chân mệt mỏi vào để ngâm cho mát và sạch chân. Lý Đức nghe nói tìm được rượu Mao Đài lập tức mò đến xưởng rượu ngay và một số lớn hồng quân được một bữa say túy lúy vì thứ rượu nổi tiếng này. Vào lúc đơn vị hồng quân cuối cùng rời Mao Đài thì cả thành phố không còn lấy một giọt rượu.

Quân của Mao vượt qua sông Hồng Giang vào Tứ Xuyên ngày 6-1. Lưu Hoàng, sứ quân nổi tiếng nhất của Tứ Xuyên, bây giờ có sự cố vấn của các sĩ quan Quốc dân đảng, phái hai trung đoàn dưới quyền chỉ huy của Trương An Bình để đuổi theo hồng quân tại Chí Hối và Dương Minh. Một toán quân khác được lệnh tăng cường dọc theo bờ sông Dương Tử và phải giữ vững vùng phía nam sông Dương Tử. Một số đơn vị miền nam được gọi về tăng cường trấn giữ chiếc cầu chiến lược Quang Nghĩa. Trong khi đó, các gia đình phú hộ và các lãnh tụ nổi tiếng chống cộng tại Trùng Khánh phải bỏ chạy khỏi Trùng Khánh, vì sợ rằng hồng quân có thể tiến chiếm thành phố. Quân của Mao quả thực đã tiến vào khu vực sông Hồng Giang, và chiếm được một thành phố tại biên giới Vân Nam.

Nhưng hồng quân thấy đường ra sông Dương Tử cực kỳ khó khăn nguy hiểm vì sự phòng thủ mạnh mẽ của quốc quân. Hồng quân đành phải quay trở lại, vượt qua sông Hồng Giang vào đầu tháng 2 và chiếm lại Lão Sơn Quan sau trận đánh thắng quân đội của sứ quân Hoàng Gia Liệt. Hồng quân chiếm lại Tuân Nghĩa ngày 27-2 sau khi cố gắng suốt năm tuần lễ mà không vượt qua được sông Dương Tử. Hồng quân cũng thành công đẩy lui hai sư đoàn của sứ quân Quảng Tây gần Tuân Nghĩa. Một phần quân đội Quảng Tây bị kẹt giữa hai quân đoàn của Bành Đức Hoài và Lâm Bưu, và phải chạy thực mạng qua sông Ngô Giang.

Đây là trận đánh đầu tiên của Mao trong cuộc Trường Chinh. Trận chiến rộng 100 cây

số vuông trong một vùng núi non hiểm trở. Chiến đấu tại những địa hình núi non hiểm trở là sở trường của hồng quân. Tại một địa điểm, quân Quý Châu dưới quyền chỉ huy của tướng Ngô Quý Vệ quá yếu kém đã phải bỏ chạy đê lên nhau để thoát thân. Khi Ngô Quý Vệ thoát qua được bên kia sông bằng cầu nổi, hắn liền ra lệnh cắt giây phá vỡ cầu vì sợ hồng quân đuổi theo và dùng được cầu nổi. Ngô Quý Vệ không quan tâm đến mấy ngàn quân của mình vẫn còn bên kia sông. Hành động ích kỷ của Ngô Quý Vệ đã làm cho hàng ngàn quân Quý châu khác bị kẹt bên kia sông và bị hồng quân bắt làm tù binh. Một số lớn tù binh đã gia nhập hồng quân vì bị mua chuộc và hăm dọa. Tổng cộng trên mười trung đoàn quốc quân bị loại ra ngoài vòng chiến. Đây là trận chiến thắng đầu tiên của hồng quân kể từ khi bỏ chạy từ Giang Tây. Từ đó hồng quân kiểm soát được khu vực bắc Quý Châu. Mao rất hứng khởi và làm một bài thơ ca ngợi chiến công chiếm lại được Lão Sơn Quan.

Chính tại trận chiến này, Bành Đức Hoài có một chính ủy mới là Lưu Thiếu Kỳ. Lưu Thiếu Kỳ trẻ hơn Mao và cùng quê với Mao. Họ Lưu xuất thân từ một gia đình phú nông. Lúc còn trẻ, Lưu học tại trường sư phạm Trường Sa. Sau đó Lưu lên Bắc kinh và gặp Mao. Lúc đầu Lưu định xuất dương sang Pháp theo chương trình “học tập và làm việc”, nhưng không có đủ tiền nên Lưu tìm đường sang Mạc tư khoa năm 1919, và trở thành đảng viên cộng sản năm 1921. Lưu là một người rất hăng say, có tinh thần kỷ luật và là một diễn giả rất hấp dẫn lôi cuốn quần chúng. Tuy vậy Lưu rất ít nói trong đời sống gia đình. Sau cuộc Trường Chinh, Lưu được phái đi làm những nhiệm vụ rất nguy hiểm trong khu vực Quốc dân đảng. Sau khi cộng sản chiếm được Hoa Lục, Lưu trở thành vị tổng thống đầu tiên. Nhưng vì uy tín của Lưu mỗi ngày một lớn nên Mao lo sợ và mở cuộc Cách mạng Văn hóa để hạ bệ Lưu. Lưu bị Hồng vệ binh bắt giữ, tra tấn và chết trong ngục.

Những hy vọng của Mao vượt sông Dương Tử bỗng tan ra mây khói khi căn cứ của Trương Quốc Đào bị quân Quốc dân đảng tấn công nặng nề. Thoạt đầu Trương Quốc Đào thành công đẩy lui những đạo quân Quốc dân đảng của Thiểm Tây. Nhưng về sau quân của Tứ Xuyên dưới quyền chỉ huy của các sĩ quan Nam Kinh, mở những cuộc tấn công mãnh liệt và hữu hiệu và liên tục từ mặt nam, Trương Quốc Đào đành phải rời bỏ căn cứ tại phía bắc Tứ Xuyên và chạy về miền tây hoang vu gần Tây Tạng. Đây là một vùng núi non hoang dã ít người ở được, tuy an toàn hơn, vì quân đội Quốc dân đảng không muốn tiến vào một nơi hoang dã hiểm trở như thế, nhưng Trương Quốc Đào sẽ không thể trợ giúp Mao trong mục tiêu vượt sông Dương Tử được nữa.

Chính Trương Quốc Đào cũng không tự giúp nổi mình trước những đợt tấn công quyết liệt của Tưởng Giới Thạch. Mao và các đồng chí chán nản vô cùng. Cuộc bỏ chạy của Trương Quốc Đào đã giúp Lưu Hoàng tập trung lực lượng quốc quân tiến tới biên giới Quý Châu, và lực lượng của Hồ Uyển thuộc tỉnh Hồ Nam kết hợp lại để mở những cuộc tấn công mới. Mao rất căm hận sự thất bại của Trương Quốc Đào và gọi Trương là “tên đào tẩu”. Thực ra số phận Mao thì cũng chẳng hơn gì số phận của Trương Quốc Đào, cũng đang chạy thất điên bát đảo mà chưa thoát khỏi vòng vây hãm của Tưởng.

Tháng 3, quân của Mao lại tiến vào Tứ Xuyên một lần nữa, vượt qua sông Hồng Giang lần thứ ba. Lần tiến quân này có mục đích đánh lừa Quốc dân đảng chuyển quân tới sông Dương Tử ở vùng Tứ Xuyên. Nhưng hồng quân lại rút lui ngay, quay trở lại qua sông Hồng Giang lần thứ tư và cũng là lần cuối cùng, rồi tiến mạnh về hướng nam. Ngày 31-3-1935, hồng quân vượt qua sông Ngô Giang lần cuối cùng, ba tháng sau khi vượt qua lần đầu tiên và tiến về Quế Dương, thủ phủ tỉnh Quý Châu. Mao và Chu Đức có ý định gì khi tiến quân như vậy? Có phải họ dự định lập một vùng sô viết tại Vân Nam, tại đó sức kháng cự của quốc quân rất yếu kém không? Có phải họ dự định tiến qua sông Dương Tử một lần nữa tại một địa điểm xa hơn về

phía nam tại sông Kim Sa? Hoặc họ dự định tiến về Quảng Tây, hoặc ngay cả Quảng Đông để tìm cơ hội may mắn của họ tại đó?

Không ai bên phía Quốc dân đảng đoán được ý định của hồng quân. Ngay đa số các lãnh tụ cao cấp của hồng quân cũng chỉ phỏng đoán mục tiêu của Mao mà thôi. Mao không bao giờ từ bỏ dự định vượt qua sông Dương Tử, con đường sống còn duy nhất của hồng quân. Nhưng Mao không thể vượt qua sông Dương Tử nếu không dự cho lực lượng quốc quân đông đảo của Tưởng đi xa khỏi bờ sông. Tất cả những cuộc phối trí và chuyển quân của Mao trong những ngày kế tiếp chỉ là để đánh lạc hướng và bắt quốc quân phải đuổi theo hồng quân đi khắp nơi, rồi thừa lúc xuất kỳ bất ý hồng quân vượt qua sông. Nơi lý tưởng để vượt qua sông Dương Tử là sông Kim Sa, một chi nhánh của sông Dương Tử. Con sông Kim Sa là một chướng ngại thiên nhiên đáng kể. Con sông này có chỗ cao trên 8 ngàn phân bộ hơn mặt nước biển tại Tứ Xuyên và Tây Tạng, và cao khoảng 900 phân bộ tại Y Bình, nơi con sông Kim Sa nhập vào sông Dương Tử. Khoảng gần tới Y Bình, sông Kim Sa đổ xuống trung bình 18 phân bộ một dặm, khiến dòng sông chảy cuộn cuộn mãnh liệt và cực kỳ nguy hiểm cho thuyền bè trên sông. Đối với quân của Mao, nếu vượt qua sông Kim Sa thì phải mất nhiều ngày và do đó dễ làm mồi cho những cuộc tấn công bằng phi cơ và vũ khí nặng của quốc quân.

Bến phà chỗ hai con sông Đa Long và Kim Sa gặp nhau là một bến lớn, từ hàng ngàn năm vốn là nơi dừng chân của khách thương. Khách thương thường qua sông Kim Sa tại bến này bằng những thuyền của thổ dân địa phương làm bằng da. Dòng nước chảy xiết sẽ đánh vỡ mọi thuyền bè làm bằng gỗ ra từng mảnh trước khi thuyền ra tới giữa sông. Bình thường khách qua sông mỗi ngày không có nhiều lắm nên không có vấn đề khan hiếm thuyền làm bằng da. Nhưng nếu trên 30 ngàn hồng quân mà qua sông thì phải dùng đến phà, nhưng vì thời giờ quá cấp bách nên tìm đủ phà cho hồng quân thực là một vấn đề nan giải.

Đầu tháng 4, hồng quân tiến về phía nam để bao vây Quế Dương. Hồng quân bắt được một chiếc xe hơi trên đường tiến quân, trong chiếc xe hơi có đầy đủ các bản đồ của Vân Nam. Lúc đó Tưởng Giới Thạch đã bay tới Quế Dương để tự nắm quyền chỉ huy phòng vệ thành phố. Nhiều đơn vị hồng quân đã mở những trận tấn công thăm dò giả vờ vào thị trấn Hoàng Bình về phía đông Quế Dương. Mao phái một lực lượng bao vây Lũng Quận, ngay bên ngoài thủ đô Quế Dương. Lập tức Tưởng ra lệnh cho quân đội Vân Nam tới giải cứu. Khi quân đội Vân Nam tới, hồng quân bất thần chuyển hướng một lần nữa và nhắm hướng tây nam tiến về Vân Nam, mà không bị quốc quân ngăn cản, vì đại quân Vân Nam đang tiến về giải vây cho Lũng Quận.

Chính trong chiến dịch này báo chí đã đăng tin Chu Đức bị tử trận. Theo tin báo chí thì Chu Đức bị giết trong trận đánh tại Núi Đầu Heo trong lúc Chu Đức đang dẫn quân tới Quế Dương. Xác của Chu Đức không có quan tài, và được quẩn bằng lụa đỏ do các thuộc hạ thân tín khiêng đi. Chu đã bị thương nặng trước khi chết. Báo chí của Quốc dân đảng còn tiết lộ lực lượng hồng quân chỉ còn khoảng 10 ngàn người. Chính Chu Đức cũng được đọc bài báo đăng về cái chết của mình một cách chi tiết như vậy. Chu Đức từng được báo chí Quốc dân đảng tường thuật tử trận ít nhất mười lần.

Đường tiến quân của hồng quân đưa Chu Đức về qua sinh quán của mình, tại đó Chu Đức có một người vợ bé và một đứa con trai. Một tờ báo Quốc dân đảng loan tin quân đội Quốc dân đảng tấn công nhà vợ bé Chu Đức và tàn phá tất cả. Con trai Chu Đức, một sinh viên 19 tuổi đã trốn thoát và có lẽ đang tìm đường về với hồng quân. Thực ra Chu Đức không bao giờ hy vọng gặp lại vợ bé và đứa con trai vì Chu Đức biết hai người đã bị Quốc dân đảng giết rồi.

Hồng quân tiến qua Chí Hồi và Tràn Sơn, và sau đó vượt qua sông Bất Bản để tới An Long. Tại đây hồng quân tiến vào địa phận tỉnh Vân Nam bằng cách vượt qua con sông Bất

Bản, và chia làm hai cánh quân. Cả hai cánh quân đều tiến về phía bắc, hoặc tây bắc. Cánh quân chính tiến tới Mã Lung và Sùng Minh, có vẻ muốn tiến tới Côn Minh, thủ phủ tỉnh Vân Nam, cũng còn được gọi là Vân Nam Phủ. Tuy nhiên cánh quân thứ hai tiến về bên phà sông Kim Sa.

Một lần nữa hồng quân thành công lừa được quân Quốc dân đảng bằng những trận đánh giả, và lần này mục tiêu giả là Côn Minh. Các trận đánh giả này đã khiến quốc quân rời xa hẳn mục tiêu chính của hồng quân. Quốc quân tập trung tại phía bắc và phía đông Quý Châu. Quân Vân Nam cũng tiến về phía nam, bỏ ngỏ con đường tây tiến vào Vân Nam. Trước một lực lượng địch đông đảo và mạnh như vậy, hồng quân bỗng nhiên tiến về phía tây ngày 1-5, xuyên qua phía bắc của Vân Nam qua một khu vực núi non hiểm trở là nơi rất quen thuộc với Chu Đức, để tiến quân vượt qua sông Kim Sa giữa biên giới Tứ Xuyên và Vân Nam, trước khi các phi cơ địch khám phá được. Lâm Bưu được lệnh dẫn một sư đoàn giả vờ tấn công thủ đô Côn Minh, và lôi cuốn lực lượng quốc quân cùng với phi cơ oanh tạc quốc quân đuổi theo Lâm Bưu.

Trên đường tới Côn Minh, sư đoàn của Lâm Bưu bắt được một đoàn công vơ của quốc quân chở nhiều dụng cụ y tế và thuốc men đi Quý Châu. Khi sư đoàn của Lâm Bưu tới gần cổng thành Côn Minh thì các nhân vật quan trọng của Quốc dân đảng đang có mặt tại Côn Minh lật đật bỏ chạy. Trong lúc Lâm Bưu rầm rộ phô trương cuộc tấn công Côn Minh, và tướng Long Vân sẵn sàng sửa soạn một cuộc tấn công lại hồng quân thì vợ chồng Tưởng Giới Thạch hốt hoảng dùng xe lửa chạy trốn qua Việt nam. Trong lúc đó Lưu Bá Thừa thống lĩnh đại quân tiến về sông Kim Sa.

Không lực của quốc quân luôn luôn là một mối lo sợ cho hồng quân, nhất là hồng quân không có súng phòng không, và các phi cơ của Tưởng mặc sức hoành hành. Khi một bộ phận hồng quân tiến về Vân Nam trong âm mưu làm nghi binh, thì bị phi cơ quốc quân tiến tới oanh kích. Lúc đó Hạ Tử Trân đang đi theo một đơn vị thương binh. Hạ Tử Trân vội ra lệnh che dấu các thương binh còn nằm trên cáng. Nhưng ngay lúc đó các phi cơ quốc quân đã xà xuống và xả súng máy vào đám thương binh. Nhiều thương binh và phu khiêng cáng bị tử nạn ngay trong đợt đầu. Hạ Tử Trân trông thấy một thương binh cố ngồi nhồm dậy khỏi chiếc cáng mà không được. Khi phi cơ quốc quân quay lại tấn công lần thứ hai thì Hạ Tử Trân nhảy lên cáng, lấy thân mình che cho người thương binh. Một trái bom nổ rất gần và Hạ Tử Trân bị thương nặng, trên người có ít nhất 16 vết thương. Nàng bất tỉnh luôn mấy ngày. Khi hồi tỉnh, Hạ Tử Trân dặn y tá đừng cho Mao biết tin, sợ Mao lo lắng vô ích. Người ta phải đặt nàng lên cáng và khiêng đi theo. Đôi khi người ta phải cõng nàng khi đi qua những chỗ khó khăn.

Cuộc đời của Hạ Tử Trân chỉ là những thảm kịch. Vì bị thương nên khi tới Diên An sức khỏe của Hạ Tử Trân rất suy nhược, nhưng vẫn sinh được một con gái. Mao rất cần đàn bà. Trong lúc Hạ Tử Trân bệnh hoạn thì Mao bắt đầu tán tỉnh một cô đào Thượng Hải tên là Ngô Quảng Mỹ, còn có tên là Lily, nói rất giỏi tiếng Anh và là thông dịch viên cho nhà báo Mỹ Smedley tại Diên An. Lập tức Ngô Lily lọt vào cặp mắt thèm thuồng của Mao. Hạ Tử Trân thường hay cãi lộn với Mao mỗi khi Mao tán tỉnh Lily. Trong lúc lưu lại Diên An, Lily tham gia một ban kịch. Hạ Tử Trân giận dữ Smedley đến nỗi hăm dọa giết Smedley, vì Hạ Tử Trân nghĩ rằng Smedley mở đường cho Lily tán tỉnh Mao. Về sau để tránh rắc rối thêm, người ta phải gửi Ngô Lily đi khỏi Diên An theo một ban kịch lưu động, và Smedley cũng phải cắt ngắn thời gian làm việc tại Diên An.

Năm 1937 Hạ Tử Trân rời Diên An đi Tây An, hy vọng tìm đường về Thượng Hải để chữa những vết thương đang mang trên người, nhưng đúng lúc đó thì Nhật chiếm Thượng Hải. Mao và đảng gửi Hạ Tử Trân qua Mạc tư khoa chữa bệnh, tại đó Hạ Tử Trân sinh được một đứa con trai, đứa con thứ sáu của nàng với Mao và cũng là đứa con cuối cùng. Hạ Tử Trân vui vẻ trong chuyến đi chữa bệnh tại Nga xô. Mao rất cần vợ ra đi để có cơ hội tìm được một người

bầu bạn mới, mạnh khỏe hơn, đẹp hơn và vừa ý hơn. Hạ Tử Trân lâm vào cảnh đen tối khi đưa con trai chết vì bệnh sung phổi, trong lúc Nga sô chưa có thuốc trụ sinh để trị bệnh sung phổi. Nàng bắt đầu mắc bệnh tâm thần, nhưng vẫn ở lại Mạc tư khoa. Mao gửi đưa con gái của Hạ Tử Trân sang với nàng để giúp nàng khuây khỏa bớt cô đơn.

Mãi đến năm 1948 Hạ Tử Trân mới trở về Trung hoa để được biết rằng Mao đã được đảng cho phép ly dị với mình từ lâu rồi. Mao đã có người vợ mới là Giang Thanh. Giang Thanh rất thù ghét Hạ Tử Trân. Giang Thanh là một cô đào hát Thượng Hải, đã biết tính ham đàn bà của Mao và đã lợi dụng cơ hội Hạ Tử Trân ra đi để chinh phục Mao. Hạ Tử Trân muốn trở về Bắc Kinh, nhưng Giang Thanh ra lệnh cấm không cho Hạ Tử Trân được vào Bắc Kinh. Năm 1950 Hạ Tử Trân gặp Mao một lần tại Thượng Hải và một lần nữa tại đại hội đảng Lư Sơn. Nhưng Mao rất lạnh lùng với Hạ Tử Trân, không nghĩ tới tình nghĩa xưa kia khi hai người còn chia xẻ những gian nan của chiến trường, và những công ơn của Hạ Tử Trân đã làm cho Mao.

Một thời sức khoẻ của Hạ Tử Trân không tệ lắm, mặc dầu vẫn có những cơn xúc động tâm thần vì bị chồng ruồng bỏ và mất hết con cái; ngay con đẻ của nàng cũng bị Giang Thanh cướp về nuôi. Đôi khi nàng bị những chứng ảo tưởng và những cơn hoảng sợ. Tại Thượng Hải, Hạ Tử Trân sống trong một căn chung cư tầm thường. Lúc đó Trần Nghị làm thị trưởng Thượng Hải, và Trần Nghị đã tìm cách giúp đỡ Hạ Tử Trân. Khi rời Thượng Hải đi nhận chức vụ khác, Trần Nghị để lại cho Hạ Tử Trân căn nhà hai tầng lầu mà Trần Nghị đã ở, nhưng Hạ Tử Trân vẫn sống một cuộc đời ẩn dật. Hạ Tử Trân đang bị cái bóng lớn của Giang Thanh đè nặng lên đời sống. Đã có thời Giang Thanh thành công tách rời hai mẹ con Hạ Tử Trân, và cấm các đồng chí cũ đến thăm Hạ Tử Trân.

Khi Mao chết năm 1976, Hạ Tử Trân được mời tới Bắc Kinh và được phép nhìn Mao trong quan tài bằng kiếng. Rồi Giang Thanh và nhóm Tứ Nhân Bang bị bắt. Từ đó các đồng chí cũ đến thăm Hạ Tử Trân trong bệnh viện quân đội. Hạ Tử Trân ngồi trên xe lăn, chảy nước mắt tiếp bạn cũ. Năm 1979, Hạ Tử Trân được bầu vào một chức vụ quan trọng và tên tuổi bắt đầu xuất hiện trên báo chí. Ngày 29-4-1984, Hạ Tử Trân mất tại Thượng Hải vì bị đứt gân máu. Hạ Tử Trân được các bạn trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh ca ngợi là một người đàn bà can đảm, và hết lòng với Mao. Nhưng tình yêu và lòng hy sinh của Hạ Tử Trân chỉ được đáp lại bằng một sự phản bội, một sự phụ tình cay đắng.

Qua Sông Kim Sa

Con đường sống còn duy nhất của hồng quân là phải vượt qua sông Dương Tử để tiến lên miền bắc. Tướng Giới Thạch cũng biết được ý đồ định vượt sông Dương Tử của hồng quân nên bố trí quốc quân dọc sông Dương Tử rất nghiêm mật, không cho hồng quân thực hiện được cuộc đào tẩu. Trong hoàn cảnh của một con chim mắc lưới, Mao đã đặt kế hoạch vượt qua sông Dương Tử một cách vô cùng thận trọng bằng cách đánh lừa Tướng Giới Thạch. Trước hết hồng quân từ Quý Châu tiến về Vân Nam bằng ba nhóm tách biệt, một phần là để tránh tướng Sử Du, một viên tướng cừ khôi và đáng sợ nhất của Quốc dân đảng. Sử Du đang hờm quân chờ đợi hồng quân tại phía tây Quý Châu.

Sứ quân của Vân Nam là tướng Long Vân, người nhỏ thó nhưng rất quý quyết, đã làm giàu bằng độc quyền thuốc phiện. Tướng Long Vân cũng không trung thành với Tưởng lắm, và lúc nào cũng để tâm đề phòng Tưởng, không kém gì phải đề phòng cộng sản. Long Vân tuy đứng về phe Tưởng nhưng lúc nào cũng sợ Tưởng ra tay hại mình. Mỗi khi Tưởng muốn họp bàn với Long Vân và muốn Long Vân về Nam Kinh thì trước khi Long Vân đi Nam Kinh thì bà Tống Mỹ Linh, vợ của Tưởng, phải tới Vân Nam trước làm con tin. Khi nào Long Vân đi họp trở về bình an thì Tống Mỹ Linh mới được trở về Nam Kinh.

Khi hồng quân đã vào đến địa phận Quý Châu, Mao thành công lừa được Tưởng Giới Thạch bằng những cuộc chuyển quân loạn xạ, từ bắc xuống nam, rồi từ đông sang tây, hoặc ngược lại. Ngay các tướng của hồng quân cũng phải bối rối, không hiểu được ý định của Mao. Tướng Long Vân trong thành Côn Minh cũng rất hoảng sợ trước áp lực của hồng quân đổ dồn vào Vân Nam, vì Long Vân đã gửi đoàn quân thiện chiến nhất của Vân Nam đi giải vây Quế Dương, và trong tay Long Vân bây giờ chỉ còn một số địa phương quân, chưa quen đánh những trận lớn. Mao đã thành công lừa được quốc quân bỏ xa sông Dương Tử để Mao bắt thành linh quay trở lại con sông này. Thoạt đầu Tưởng cho rằng sự chuyển quân hỗn loạn của hồng quân là một dấu hiệu địch quân đang nao núng, và chẳng mấy chốc sẽ thảm bại.

Khi quân Vân Nam bị Mao lừa đi giải vây cho Quế Dương thì lập tức hồng quân quay ngược về hướng tây của tỉnh Vân Nam một cách dễ dàng bình yên như chỗ không người, vì Vân Nam không còn quân phòng thủ nữa. Ba lộ quân cộng sản tiến như bay về sông Dương Tử tại một khúc được gọi là sông Kim Sa, nhưng thực ra sông Dương Tử và sông Kim Sa là một.

Thoạt đầu hồng quân tiến về Long Khai. Nhưng thuyền bè tại đây đã bị đốt hết theo lệnh của Tưởng. Các phi công của Nam Kinh báo cáo đội tiền phương hồng quân đang xây một cây cầu tre qua sông. Được tin đó, Tưởng hết sức phấn khởi vì phải mất nhiều tuần lễ mới dựng xong được cây cầu, và Tưởng có đủ thời giờ chuyển quân tới bao vây và tiêu diệt hồng quân tại đó. Nhưng vào một buổi tối, tiểu đoàn hồng quân đang có nhiệm vụ thiết lập cây cầu, được lệnh di chuyển tới một địa điểm khác. Chỉ trong một ngày và một đêm, hồng quân đã làm một cuộc tiến quân dài 85 dặm và tới được Chu Bình Trấn. Mặc giả làm quân Quốc dân đảng, tiểu đoàn hồng quân tiến vào thị trấn lúc chập tối mà không gây một nghi ngờ nào, và lặng lẽ tước khí giới của toán quốc quân phòng thủ.

Các phi cơ quốc quân bay trên khu vực ngày đêm để tìm ra mọi hoạt động của hồng quân, trong khi bên dưới hồng quân đang chạy đua với thời gian. Hồng quân tiến thẳng về sông Kim Sa từ ba đường khác nhau: Đệ nhất quân đoàn được lệnh chiếm bến phà Long Châu,

đệ tam quân đoàn chiếm bến phà Hồng Nhân, trung đoàn cán bộ chiếm bến phà Cao Bình, trong lúc đệ ngũ quân đoàn đoạn hậu để đề phòng quốc quân đuổi theo. Đường tiến quân của hồng quân về sông Kim Sa rất khó khăn và vất vả, vì cho tới ngày nay cũng chưa có một đường lộ nào chạy từ Vân Nam ra sông Kim Sa; chỉ có những đường mòn nhỏ hẹp. Trên đường đi qua xứ thuốc phiện, hồng quân tịch thu được rất nhiều thuốc phiện và vàng bạc của nhà giàu. Cuối cùng hồng quân phải bỏ thuốc phiện lại, hoặc phân phát cho nông dân ở dọc đường, và chỉ cố vác theo tiền đúc bằng bạc. Nhờ tiền này, hồng quân đã có thể “mua đường” khi đi qua khu vực của người Lô Lô.

Ngày 3-5, Lâm Bưu và đệ nhất quân đoàn chạy như ma đuổi về hướng bắc, và tới bến phà Long Châu ngày hôm sau. Quân đoàn của Lâm Bưu chạy nhanh quá đến nỗi khá nhiều quân yếu đuối chạy không kịp, bị thụt lại sau, rồi bị quốc quân bắt được và bắn chết. Nhưng tình thế có vẻ bất lợi cho Lâm Bưu tại Long Châu. Không có một chiếc thuyền bên này sông, và dòng sông rất rộng và nước chảy xiết. Lâm Bưu ra lệnh làm một chiếc mảng bằng tre, nhưng nước sông chảy mạnh quá, cuốn phăng chiếc mảng đi. Nhưng dù chiếc mảng hoạt động được thì việc chuyển quân qua sông cũng rất nguy hiểm, vì dòng sông quá rộng và hồng quân trên chiếc mảng sẽ dễ làm mồi cho phi cơ của quốc quân. Trong lúc đang lúng túng bên bờ sông thì ngày 6-5, Lâm Bưu nhận được lệnh của Mao phải quay xuống bến phà Cao Bình, và phải có mặt đúng ngày 7-5. Nếu Lâm Bưu đến nơi sau ngày 7-5, thì Mao sẽ không bảo đảm quân của Lâm Bưu có thể qua sông an toàn được.

Từ hàng ngàn năm, bến phà Cao Bình là nơi qua sông nổi tiếng của những đoàn khách thương đi Vân Nam, mang theo muối, bạc, da thú và lúa gạo từ Tứ Xuyên, và những khách thương từ Vân Nam đến, chở theo thuốc phiện, vàng và những hàng hóa đặc biệt của Vân Nam. Trung đoàn cán bộ gặp may mắn và mau lẹ làm chủ được bến phà Cao Bình. Chính bến phà này đã giúp toàn thể hồng quân qua được sông Dương Tử trong suốt chín ngày sau đó. Khi tới gần bờ sông Kim Sa, toán hồng quân tiền phương nhận được một sự bất lợi đầu tiên: quốc quân đã rút hết thuyền và phà về bên kia sông rồi. Tuy nhiên, hàng ngày vẫn có một số cảnh sát mặc thường phục, dùng thuyền trở lại bên này sông để quấy nhiễu làm phiền những người có máu mặt. Chính nhờ những cảnh sát tham nhũng ấy, hồng quân có được phương tiện qua sông. Thực ra quốc quân tại vùng Cao Bình cũng không ngờ hồng quân có thể tới bến phà được, vì nghĩ rằng Cao Bính chỉ là bến phà phụ, không quan trọng bằng những bến phà khác. Khi toán cảnh sát mặc thường phục tới sách nhiễu quần chúng và nghe ngóng tin tức, thì bị một đại đội hồng quân kiềm chế ngay. Toán hồng quân liền dùng chính thuyền của cảnh sát qua bên kia sông, và không bị quân trú phòng bên kia sông nghi ngờ. Hồng quân mau lẹ giải giới được toán quân trú phòng đang mải chơi mà chưa được hoặc hút thuốc phiện. Hồng quân thanh toán được tất cả toán quân trú phòng tại thị trấn ấy.

Trung đoàn cán bộ làm chủ được bến phà Cao Bình ở cả hai bên bờ, và chiếm được bảy chiếc phà. Lực lượng nòng cốt của trung đoàn tản ra làm một phòng tuyến rộng 30 dặm, chiếm được một ngọn núi, vượt qua một thung lũng ở bờ phía bắc, và đánh đuổi toán quốc quân đến tăng cường từ Tứ Xuyên. Ngay khi trung đoàn cán bộ thanh toán xong đội quốc quân trú phòng tại Cao Bình thì hồng quân bắt đầu qua sông. Hồng quân tìm được 26 người sinh sống bằng nghề chèo thuyền, và chính những người này đã dốc lực giúp hồng quân qua sông mau lẹ. Mỗi người được trả lương một quan tiền, hoặc được trả bằng thuốc phiện, nếu họ muốn. Dòng sông hẹp nên mỗi chuyến qua sông chỉ mất chừng mấy phút, và mỗi chiếc phà chở được khoảng từ 20 tới 60 người.

Bờ sông dốc đứng ngay tại chỗ bến phà, và bờ bên kia là một giải đất hẹp. Cách bờ sông khoảng vài chục thước là một tảng đá lớn cao ba thước. Chính trên tảng đá này, Lưu Bá Thừa

và Diệp Kiếm Anh đứng suốt 9 ngày để theo dõi và điều khiển công cuộc vượt sông. Đôi khi phi cơ quốc quân cũng bay qua, nhưng dòng sông chỗ này quá hẹp không thể oanh tạc được. Lừa ngựa sợ không dám đứng trên thuyền, nên được kéo bơi theo thuyền. Trong suốt 9 ngày đêm, thuyền qua lại không lúc nào ngừng. Ban đêm hồng quân đốt lửa sáng rực một góc trời, để việc qua sông được tiếp tục. Đây là một chuyến vượt sông dễ dàng và thành công nhất. Trong suốt chín ngày hồng quân không thiệt một nhân mạng. Đàn bà và các thương binh được chuyển sang sông bằng những thuyền riêng.

Mao, Chu Ân Lai, và các cấp lãnh đạo qua sông vào lúc sáng sớm ngày 1-5. Vừa qua sông, Mao lập tức bắt tay vào công việc trong một hang đá bên bờ sông, để theo dõi tình hình của hồng quân. Chu Ân Lai và các lãnh tụ khác cũng làm việc trong những hang đá gần bên. Thời tiết lúc đó tại Vân Nam cực kỳ nóng nực. Sự nóng bức đã gây rất nhiều khó khăn cho trung đoàn cán bộ trong việc chiếm giữ và bảo vệ bến phà. Họ phải trèo lên những đường núi hóc hiểm trong lúc mồ hôi đổ ra như tắm.

Đệ tam quân đoàn của Bành Đức Hoài gặp khó khăn tại bến phà Hồng Nhân về phía nam bến phà Cao Bình. Bành Đức Hoài cho bắc một cầu nổi qua sông, và trung đoàn 13 được lệnh qua sông đầu tiên. Nhưng dòng nước chảy mạnh quá, cuốn trôi cả cây cầu đi. Chu Ân Lai ra lệnh cho họ tới bến phà Long Châu của Lâm Bru, nhưng quyết định này phải hủy bỏ ngay khi Chu Ân Lai được tin Lâm Bru cũng gặp khó khăn tại bến phà Long Châu. Cuối cùng hai quân đoàn của Lâm Bru và Bành Đức Hoài phải quay về bến phà Cao Bình. Đệ tam quân đoàn qua sông ngày 7-5, và đệ nhất quân đoàn ngày 8-5. Đệ ngũ quân đoàn gồm khoảng năm ngàn quân phải đương cự với một sư đoàn quốc quân khoảng mười ngàn người do tướng Ngô Quý Vệ chỉ huy. Trận đánh xảy ra tại phía nam bến phà Cao Bình, và kéo dài một tuần lễ. Cuối cùng đệ ngũ quân đoàn cũng qua được sông Kim Sa ngày 8 và 9 tháng 5. Đệ cửu quân đoàn giữ nhiệm vụ bảo vệ mặt sau của hồng quân. Ngày 6-5 đệ cửu quân đoàn cũng qua sông tại một địa điểm cách xa bến phà Cao Bình trên ba mươi dặm về phía bắc.

Trong thời gian chín ngày khi hồng quân đang mãi vượt sông Kim Sa thì khoảng sáu trung đoàn cảm tử quốc quân của sư đoàn 13 đuổi tới gần bến phà Cao Bình. Nhưng đạo quân này bị đẩy lui vì một cuộc tấn công bất ngờ của đệ ngũ quân đoàn. Quốc quân phải rút lui dọc theo sông Kim Sa. Tướng Giới Thạch nhận thấy sự thay đổi trong chiến thuật của hồng quân và triệu tập một buổi họp tại Quế Dương để nghiên cứu cách đối phó. Bây giờ Tưởng chủ trương một cuộc truy kích trường kỳ và tấn công có kế hoạch. Sư đoàn 13 quốc quân tách quá xa các lực lượng quốc quân khác, và hoang mang trước những biến chuyển của chiến trường, nên không dám liều lĩnh tấn công hoặc tìm sáng kiến mới. Sư đoàn 13 đành phải đóng quân tại chỗ để chờ thời cơ.

Mao ở lại bến phà Cao Bình cho đến lúc đệ nhất quân đoàn hoàn tất việc qua sông ngày 8-5, thì Mao di chuyển cùng với bộ phận chỉ huy theo một đường mòn trong núi để tới Đông An. Lưu Bá Thừa vẫn tiếp tục đứng trên trên tảng đá bên bờ sông, cho tới khi người lính cuối cùng qua sông. Lúc đó súng máy của hồng quân bắt đầu sẵn sàng để chống lại đại quân của Tưởng đang tiến tới. Tất cả thuyền được kéo qua bên này sông để phá hủy không cho quốc quân sử dụng. Các người chèo thuyền được thưởng mỗi người 30 quan tiền. Nhưng khi hồng quân đi rồi thì tất cả những người chèo thuyền cho hồng quân bị quốc quân bắt và xử tử hết. Cuối cùng Lưu Bá Thừa từ giã tảng đá bên bờ sông, nhảy lên ngựa và phóng theo con đường mòn trên núi, đuổi theo Mao và lộ quân chỉ huy.

Sau khi qua sông Kim Sa, hồng quân đã ở phía bắc sông Dương Tử. Cuộc vượt sông Kim Sa là một chiến thắng quan trọng của hồng quân. Nhưng chiến thắng này không phải hoàn toàn chỉ là công lao của Mao và các lãnh tụ cộng sản. Từ lúc xâm nhập địa phận tỉnh Vân Nam, hồng

quân cảm thấy được sự hậu thuẫn của quần chúng, và của cả viên chức địa phương. Các đơn vị địa phương của quốc quân không chiến đấu đúng mức, có thể vì họ không thù ghét cộng sản như các khu vực khác, hoặc có thể vì họ hèn nhát, tham sống sợ chết. Sứ quân Long Vân của Vân Nam dường như đang đi giằng giữa Tưởng và cộng sản. Long Vân không trợ giúp hồng quân, nhưng cũng muốn bảo toàn lực lượng quân sự của Vân Nam bằng cách tránh đụng độ với cộng quân. Long Vân học được một bài học từ sứ quân Quý Châu.

Sứ quân Vương Gia Liệt của Quý Châu tung quân đánh lớn với hồng quân, và quân của Vương Gia Liệt chịu nhiều tổn thất nặng nề. Họ Vương mất uy tín với dân chúng Quý Châu và Tưởng Giới Thạch. Thay vì trả công cho sự hy sinh của Vương Gia Liệt, Tưởng cho Vương Gia Liệt lựa chọn một trong hai chức vụ: tỉnh trưởng Quý Châu hoặc tư lệnh quân đội Quý Châu. Trước kia Vương Gia Liệt vừa là tỉnh trưởng vừa là tư lệnh Quý Châu. Cuối cùng Vương Gia Liệt đành phải nhận chức tư lệnh quân đội. Tuy vậy Tưởng vẫn chưa tha. Tưởng xúi giục các sĩ quan dưới quyền Vương Gia Liệt đòi tăng lương. Cuộc xung đột giữa Vương Gia Liệt và các sĩ quan dưới quyền trầm trọng đến nỗi Tưởng phải đứng ra can thiệp. Tưởng cách chức Vương Gia Liệt và chuyển viên cựu sứ quân Quý Châu về làm việc tại một trường quân sự. Tưởng bổ nhiệm một người của mình vào chức vụ tư lệnh Quý Châu thay thế Vương Gia Liệt. Long Vân không muốn trở thành một Vương Gia Liệt thứ hai.

Lòng tham lam ích kỷ của Tưởng có thể là một yếu tố chính đưa đến thất bại không tiêu diệt được hồng quân, trong lúc hồng quân đang tả tơi chạy qua hết khu vực của sứ quân này đến khu vực của sứ quân khác, mà không một sứ quân nào thực tâm muốn diệt cộng sản, vì họ cũng sợ Tưởng như cộng sản vậy. Nếu các sứ quân của Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam và đông đảo các sứ quân khác tin tưởng vào Tưởng Giới Thạch, và thực tâm ngăn chặn tiêu diệt cộng sản thì hồng quân không thể nào đi hết được cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Ngay tại bến phà Cao Bính, hồng quân qua sông suốt chín ngày mà không thấy quân của Long Vân xuất hiện. Có thể giữa Long Vân và hồng quân đã có một sự thỏa hiệp trước chăng? Sau này Long Vân từ bỏ Tưởng Giới Thạch và gia nhập hàng ngũ cộng sản.

Ngày 10-5, khi quốc quân đuổi kịp tới bờ sông Kim Sa thì toàn thể hồng quân đã qua sông an toàn. Hồng quân cũng cẩn thận phá hủy mọi phương tiện chuyển vận qua sông. Quốc quân đành quay về và tìm đường khác ngăn chặn hồng quân. Tuy qua được sông, nhưng sự nguy hiểm của hồng quân chưa hết. Con đường bắc tiến của hồng quân sẽ dẫn họ đi qua một vùng rất nguy hiểm của giống người Lô Lô, một bộ lạc bán khai sống tại một khu vực rất hiểm trở, và rất thù ghét giống người Hán tộc.

Sau khi qua sông, hồng quân đánh chiếm được thị trấn Hoài Lý, và tại đây Mao Trạch Đông phải tổ chức một đại hội trong một tiệm lò rèn bên ngoài thành phố. Đã có những sự chống đối Mao trong chiến dịch tại Vân Nam, đặc biệt là Lâm Bưu. Tại Hoài Lý, Lâm Bưu gửi cho Mao một lá thư yêu cầu Mao giao phó trọng trách chỉ huy hồng quân của mình cho Bành Đức Hoài. Đây là một hình thức từ chức để phản đối Mao. Lâm Bưu than phiền Mao đã bắt hồng quân phải di chuyển quá nhiều không cần thiết. Lâm Bưu tuyên bố: “Chiến thuật này làm cho hồng quân kiệt lực. Cung cách chỉ huy của Mao sẽ không thể chiến thắng.” Lâm Bưu đề nghị bổ nhiệm Bành Đức Hoài làm tư lệnh chiến trường, và giới hạn quyền của Mao vào các vấn đề chính trị và kế hoạch, cùng với các nhân viên khác trong Bộ chính trị như Chu Ân Lai và Vương Gia Tường. Lần đầu tiên, sau Tuân Nghĩa, Mao phải đương đầu với một thách đố mới.

Bành Đức Hoài lúc đó 37 tuổi, là tư lệnh gan dạ của đệ tam quân đoàn, một viên tướng có dáng người và vẻ mặt rất oai phong, một thân thể lực lưỡng nhờ một tuổi trẻ lao động cực khổ. Bành có một biệt danh là “Ông tướng miệng rộng”, vì khi Bành cười, miệng Bành mở rộng từ tai bên này tới tai bên kia. Bành là con một nông dân nghèo khổ tại Hồ Nam. Bà nội của

Bành Đức Hoài phải đi ăn xin để nuôi các cháu. Chính Bành cũng từng đi ăn xin và làm nghề chăn trâu. Năm 1916 Bành đi lính cho một sứ quân. Về sau Bành được vào học trường quân sự Hồ Nam, và năm 1928 thì Bành gia nhập hồng quân. Thời kỳ hiển hách nhất của Bành là nắm quyền tổng tư lệnh hồng quân tại Cao Ly chống lại quân đội Hoa Kỳ và đồng minh của Hoa Kỳ. Sau chiến tranh Cao Ly, Bành Đức Hoài được bổ nhiệm làm bộ trưởng quốc phòng. Bành là người ăn nói bộc trực. Sau này khi chống lại Mao trong chiến dịch Đại Nhảy Vọt, Bành bị cách chức, bị bắt, và sau này bị Hồng vệ binh tra tấn, nhưng Bành vẫn một mực quát mắng những kẻ tra tấn mình. Sau đó Bành Đức Hoài bị bỏ mặc chết về bệnh ung thư.

Lâm Bưu thì khác hẳn Bành Đức Hoài, cả về hình dáng và tâm trí. Lâm Bưu trẻ hơn Bành Đức Hoài mười tuổi, người mảnh khảnh nhỏ con, mặt trái soan và có vẻ đẹp trai. Bành Đức Hoài thường nói chuyện với binh sĩ thuộc hạ, trong khi Lâm Bưu xa lánh binh sĩ thuộc hạ, có thể vì tính tình bên lén nhút nhát. Lâm Bưu từng chiến thắng những trận danh tiếng, tử tế với thuộc hạ, nhưng ít nói. Lâm Bưu thường thích ở một mình và tránh xa đám đông. Sau này khi tới Diên An, các lãnh tụ cộng sản thường tổ chức những buổi khiêu vũ vào tối thứ bảy. Các lãnh tụ như Mao, Chu Đức, Bành Đức Hoài và Chu Ân Lai rất ham khiêu vũ với những người đẹp đến từ Thượng Hải, nhưng Lâm Bưu thường tránh sàn nhảy, mặc dầu được nhiều người đẹp Thượng Hải mời khiêu vũ. Lâm Bưu cuối cùng kết hôn với Diệp Quần, một trong số những mỹ nhân đến từ Thượng Hải.

Lâm Bưu vốn là một “con cưng” của Mao, cũng như trước kia Tưởng Giới Thạch rất quý mến Lâm Bưu khi Lâm Bưu còn là thuộc hạ của Tưởng, trước khi Lâm Bưu đi theo cộng sản tại Thượng Hải năm 1927. Thân phụ Lâm Bưu là chủ một công xưởng kỹ nghệ tại Hồ Bắc. Năm 1932, lúc mới có 24 tuổi, Lâm Bưu đã trở thành tư lệnh đệ nhất quân đoàn. Bây giờ tại Hoài Lý, Lâm Bưu cũng mới chỉ có 27 tuổi, thế mà đã nổi tiếng can trường và có tài lừa địch quân vào cạm bẫy do mình đặt ra. Lâm Bưu là một viên tướng không bao giờ ra quân mà chưa nắm chắc phần thắng. Sự tương phản giữa hai tướng tư lệnh hồng quân thực là rõ rệt, nhưng họ bổ túc cho nhau trong suốt cuộc Trường Chinh. Lâm Bưu có biệt tài đánh bất ngờ, tấn công vào mạn sườn địch quân hoặc đánh những trận nghi binh. Bành Đức Hoài sở trường trong những trận đánh trực diện, cận chiến, tàn sát.

Vào lúc hồng quân dừng lại tại Hoài Lý thì hồng quân quả thực mệt nhoài. Đệ nhất quân đoàn của Lâm Bưu từ ba sư đoàn bây giờ chỉ còn lại hai sư đoàn. Đệ tam quân đoàn của Bành Đức Hoài chỉ còn lại bốn trung đoàn. Đệ ngũ và đệ cửu quân đoàn thì không còn dùng danh từ sư đoàn nữa. Mao phải tổ chức hồng quân một lần nữa, đưa tất cả những nhân viên chính trị ra cầm súng tại các đơn vị quân sự. Trong số những người bị chuyển từ chính trị sang quân sự trong đợt này có Đặng Tiểu Bình. Tuy nhiên hồng quân đã chạy thoát các cạm bẫy hiểm độc của Tưởng. Bây giờ họ sẽ đi về hướng nào để tránh những cái bẫy tương tự?

Một số lãnh tụ bắt đầu nghi ngờ sự lãnh đạo của Mao, và kết án Mao đã bỏ chạy trước địch quân, và đã tạo ra một sự phá sản quân sự cho hồng quân. Người ta bắt đầu nói tới một tam đầu chế mới, gồm các tướng Bành Đức Hoài, Lâm Bưu và Lưu Bá Thừa. Nhưng một lần nữa, Mao lại chứng tỏ tài năng khuyến dụ của mình. Mao dễ dàng đương đầu với các thách đố mới, và mĩa mai đề nghị của Lâm Bưu. Mao chỉ trích sự than phiền của một số lãnh tụ là thiếu tinh thần tiến bộ. Chính Bành Đức Hoài đã phải làm một bản tự kiểm thảo, và do đó sự chống đối Mao xẹp xuống.

Câu hỏi thứ hai được nêu ra tại đại hội là hồng quân sẽ làm gì sau Hoài Lý. Mao đã đề nghị hồng quân tiến qua khu vực của người Lô Lô để đến sông Đại Độ, mặc dù biết rằng Tưởng sẽ đặt một cạm bẫy tại đó. Hồng quân cũng có thể tránh cầu Đại Độ bằng cách chạy về vùng núi non của Tây Tạng. Nhưng mọi người hy vọng sau sông Đại Độ thì hồng quân có thể gia nhập

với quân đội của Trương Quốc Đào. Toàn thể đại hội đồng ý quyết định của Mao tiến về sông Đại Độ.

Đi Qua Khu Vực Của Người Lô Lô

Bây giờ bỏ sông Dương Tử đằng sau lưng, hồng quân sắp phải chinh phục một kẻ thù mới. Hồng quân sắp phải vượt qua những núi rừng của Tân Cương bằng một con đường mà trước kia quân đội Mông Cổ của Hốt Tất Liệt đã từng đi qua. Đây là khu vực hùng cứ của một giống người còn rất man rợ, gọi là người Lô Lô, một giống dân từ lâu đời bị người Hán đánh đuổi đến tận vùng đất khô cằn và hiểm trở này. Người Lô Lô nghèo đến nỗi cả đàn ông lẫn đàn bà chỉ có một mảnh khố che thân, còn trẻ con thì phải trần truồng. Người Lô Lô rất thù ghét người Hán và rất nghi kỵ người lạ. Nt khi nào quân đội Trung Hoa đi qua vùng núi non này mà không bị tổn thất nặng nề.

Riêng địa hình ở đây cũng đủ gây khó khăn rồi. Rặng núi Hỏa Sơn thật là khủng khiếp. Trên ngọn núi này không một cây cỏ gì có thể mọc được, và không ai có thể tìm được một giọt nước tại đây. Theo truyền thuyết thì trước kia Tôn Ngộ Không phải trèo qua ngọn núi này để đi thỉnh kinh cùng với Đường Tăng trong truyện Tây Du Ký; và khi trèo qua ngọn núi này thì lông dưới hậu môn của Tôn Ngộ Không cháy hết. Người Trung Hoa tin rằng kể từ ngày Tôn Ngộ Không trèo qua núi Hoả Sơn, giống khỉ đều không có lông dưới hậu môn. Ngoài ra trong vùng còn có một con suối chứa một thứ nước độc kỳ lạ, có tác hại mạnh đến cơ quan phát âm. Người nào uống phải nước suối này thì cứ cười cho đến chết.

Trên đường tiến tới con sông Đại Độ, hồng quân phải đi qua ngọn núi Hỏa Sơn và có thể lạc tới con suối nước độc kể trên. Nhưng mối lo tâm phúc của các lãnh tụ hồng quân là phải đương đầu với giống người Lô Lô. Khu vực của người Lô Lô rộng bao nhiêu thì không ai biết được, vì chưa ai từng vào được khu vực của họ, và nếu vào được thì cũng không sống sót để trở về. Có hai giống người Lô Lô: Một giống được gọi là “Lô Lô Xương Đen” và giống kia gọi là “Lô Lô Xương Trắng”. Người Trắng là nô lệ của Người Đen, và Người Đen thuộc giới quý tộc. Những Người Trắng gồm có một số người Hán, và những người bị bắt làm nô lệ từ những bộ lạc khác như Miêu, Tây Tạng... Người Trắng được phép làm một số nghề sản xuất, nhưng quyền kiểm soát đều nằm trong tay Người Đen. Người Trắng không bao giờ được kết hôn với Người Đen. Nếu một người đàn bà Đen làm tình với một người Trắng mà bị bắt được thì sẽ bị hành hạ cho đến chết. Trường hợp một người đàn ông Đen bị bắt được làm tình với một người đàn bà Trắng thì sẽ bị phạt tiền rất nặng. Tuy người Lô Lô được coi là chậm tiến bán khai, nhưng họ cũng đủ thông minh để khai thác làm chủ những người không thuộc giống của họ. Người Lô Lô còn là những chiến sĩ can trường. Người Hán nhiều lần tấn công xâm nhập khu vực của họ, nhưng cuối cùng cũng phải rút lui.

Người Lô Lô cũng trồng lúa, nhưng không đủ để dùng suốt năm. Khi nào họ ăn hết lúa gạo của họ, họ mở những cuộc tấn công xuống những thung lũng của người Hán để cướp lúa gạo. Họ không có một thứ quần áo nào nhất định. Họ mặc những gì họ cướp được của người Hán. Hồng quân đã từng chạy qua các khu vực của người thiểu số, như người Miêu tại Quý châu, người Sơn tại Vân Nam, và hồng quân được người Miêu và người Sơn đối đãi khá thân thiện. Nhưng lần này khi hồng quân tới gần khu vực của người Lô Lô, thì dân chúng người Hán bỏ chạy và bị người Lô Lô ngăn chặn và cướp bóc của cải của người Hán. Khi dân chúng yêu cầu hồng quân giúp họ đánh người Lô Lô trả thù cho họ, thì hồng quân tìm cách thỏa hiệp với

người Lô Lô.

Khi hồng quân tiến vào rừng núi chạy qua khu vực của người Lô Lô, họ trông thấy hàng ngàn người đứng trên sườn núi, mang đủ loại vũ khí, từ súng tới dao mác. Họ chạy đi chạy lại và hò hét, dường như muốn ngăn chặn hồng quân. Hồng quân bắt buộc phải đi sát vào nhau, và tiến bước rất thận trọng để đề phòng một cuộc phục kích bất ngờ. Khi hồng quân tới một nơi gọi là Kumatzu, khoảng mười dặm bên trong khu vực người Lô Lô, thì đụng phải một đám đông người đứng chặn trước mặt. Hồng quân bắt buộc phải dừng lại. Đám người Lô Lô la lên những tiếng lạ lùng, và làm những cử chỉ diễn tả nếu hồng quân cứ tiếp tục tiến lên thì một cuộc đụng độ không tránh khỏi. Đúng lúc đó từ hậu quân, một toán công binh đi chậm nên thụt lại chừng một trăm thước và lập tức bị người Lô Lô tấn công. Toán công binh không có vũ khí, mà chỉ mang theo những dụng cụ bắc cầu thôi. Toán công binh bị tước tất cả dụng cụ và bị lột cả quần áo, nhưng không bị hành hung. Cuối cùng toán công binh phải rút lui.

Khi hồng quân dừng lại thì người Lô Lô bao vây chung quanh. Hồng quân yêu cầu tìm một người thông ngôn, và trình bày lý do phải đi qua khu vực để tiến về phía bắc với mục đích tấn công quân Quốc dân đảng, và hồng quân không thù nghịch người Lô Lô, và sẽ không ở lại trong khu vực của họ. Mặc dù những lời giải thích này, người Lô Lô vẫn vung vũ khí và không cho hồng quân đi qua, và muốn đi qua thì phải trả tiền lộ phí. Hồng quân đồng ý trả cho người Lô Lô 500 quan tiền đúc bằng bạc để được đi qua bình yên. Khi người Lô Lô trông thấy tiền bạc thì tất cả nhào tới vồ lấy. Sau khi hồng quân phân phát tới vài ngàn quan tiền rồi mà người Lô Lô vẫn còn đòi thêm.

Đúng lúc ấy thì từ cửa một thung lũng nhỏ hẹp, bụi mù tỏa lên. Một con lừa đen dẫn đầu một đoàn lừa và ngựa đang phóng tới chỗ hồng quân. Trên con lừa đen dẫn đầu là một người Lô Lô cao lớn khoảng 50 tuổi. Đám đông người Lô Lô đang ồn ào đòi thêm tiền của hồng quân lập tức im lặng, khi trông thấy người đàn ông ấy. Người ta được biết người đàn ông ấy là người chú thứ tư của Siêu Diệp Tần, chúa bộ lạc Lô Lô. Hồng quân hy vọng có thể thương thảo với người đàn ông mới tới này, để tìm một giải pháp hòa bình đi qua được khu vực của người Lô Lô. Khi hồng quân cho biết tư lệnh hồng quân muốn nói chuyện với người đàn ông mới tới thì ông ta bằng lòng ngay, và nhảy xuống lừa rồi vẫy tay cho mọi người Lô Lô khác im lặng. Biết người Lô Lô rất quý trọng tình anh em, đại diện của hồng quân đề nghị tư lệnh hồng quân Lưu Bá Thừa kết nghĩa anh em với Siêu Diệp Tần. Người chú của Siêu Diệp Tần được tặng một số vũ khí và tỏ ra rất vui lòng được liên kết với hồng quân, rồi lập tức sai người đi thông báo cho Siêu Diệp Tần về việc kết nghĩa anh em với tư lệnh hồng quân.

Các lãnh tụ hồng quân e ngại nếu không thỏa hiệp được với người Lô Lô thì đại quân không thể đi qua vùng đất này an toàn được. Thế nào cũng có đổ máu vô ích, và sự tổn thất của cả hai bên không thể biết trước sẽ lên tới mức nào. Khi được biết cơ hội kết thân với người Lô Lô, Lưu Bá Thừa vội vã tiến lên gặp Siêu Diệp Tần để dự lễ kết nghĩa anh em. Buổi lễ được tổ chức trước một hồ nước trong, bên trong một thung lũng nhỏ. Ba người, Lưu Bá Thừa và hai chú cháu Siêu Diệp Tần bước tới bờ hồ chuẩn bị làm lễ. Trước hết, một con gà lớn bị cắt tiết cho máu nhỏ vào ba tô lớn đựng đầy nước hồ trong vắt. Ba người quỳ xuống bên cạnh nhau, trước ba tô nước pha trộn máu gà. Lưu Bá Thừa là người đầu tiên tuyên thệ: "Trước hoàng thiên và hậu thổ, tôi Lưu Bá Thừa, tuyên thệ rằng tôi vui lòng trở thành anh em kết nghĩa với Siêu Diệp Tần." Thề xong, Lưu Bá Thừa uống cạn tô nước nhuộm máu gà. Chú cháu Siêu Diệp Tần chỉ vào xác con gà và tuyên thệ: "Kẻ nào phản lại lời thề kết nghĩa ngày hôm nay sẽ chết giống như con gà này." Thề xong hai chú cháu cùng uống cạn tô nước pha máu gà của họ.

Sau buổi lễ thì trời cũng gần tối, nên hồng quân đành phải tạm rút lui ra ngoài khu vực của người Lô Lô để đóng quân nghỉ, chờ sáng hôm sau sẽ lên đường. Chú cháu Siêu Diệp Tần

được mời tới dự một bữa tiệc tại trại của hồng quân. Vì biết người Lô Lô rất giỏi uống rượu, hồng quân đem tất cả rượu có được trong các làng bên cạnh khoản đãi họ. Mặc dầu thế, cũng không đủ cho những người khách Lô Lô say.

Ngày hôm sau Lưu Bá Thừa tặng người Lô Lô hai trăm khẩu súng trường và một ngàn quan tiền bằng bạc đúc, để được phép đi qua khu vực của họ. Thế là hồng quân được phép đi qua vùng đất dữ một cách an toàn, nhưng mỗi chặng đường, hồng quân vẫn phải mua những thứ cần dùng của người Lô Lô và phải trả bằng bạc. Người Lô Lô không nhận tiền giấy. Tất cả hồng quân được lệnh phải tặng quà cho người Lô Lô, nhưng người Lô Lô tham lam, không bao giờ thỏa mãn, càng cho nhiều họ càng đòi hỏi nhiều hơn. Người Lô Lô khám xét cả đến túi quần áo của mỗi hồng quân, hoặc tự động thò tay vào túi của hồng quân để lục lọi. Người Lô Lô đã cướp của hồng quân tất cả mọi thứ mà hồng quân có thể bỏ lại được. Dầu vậy, hồng quân vẫn phải cố chịu đựng và chấp nhận hành động ăn cướp trắng trợn của người Lô Lô. Hồng quân được lệnh phải cực kỳ thận trọng, không được làm mất lòng người Lô Lô, và phải học biết những tục lệ kỳ quái của người Lô Lô để tránh xúc phạm đến họ. Người Lô Lô đòi hỏi hồng quân phải cung cấp vũ khí cho họ, và được hồng quân đồng ý ngay.

Khi hồng quân tiến vào khu vực người Lô Lô thì lực lượng truy kích của Tưởng Giới Thạch không đuổi theo nữa. Tưởng nghĩ rằng hồng quân sẽ phải đụng độ với giống người Lô Lô cực kỳ hung hãn, và người Lô Lô sẽ giúp Tưởng tiêu diệt hồng quân. Tuy vậy, Tưởng vẫn cẩn thận phái phi cơ bay tuần thám để theo dõi tình hình. Tưởng cũng ra lệnh lực lượng tiền phương của Quốc quân phải tới phòng thủ tại hai yếu điểm trên sông Đại Độ: đó là một bến phà tại An Sơn Trang và một cây cầu treo bên trên An Sơn Trang, được gọi là cầu Đại Độ.

Trong khi đó hồng quân an toàn qua được khu vực của người Lô Lô. Một số người Lô Lô đã gia nhập hồng quân, và hướng dẫn hồng quân đi theo những con đường tắt bí mật mà chỉ người Lô Lô mới biết được. Nhờ thế hồng quân đã có thể tiến tới sông Đại Độ một cách mau lẹ hơn sự tính toán của Tưởng Giới Thạch. Nhờ sự cộng tác của người Lô Lô, hồng quân vượt qua được ngọn núi Hỏa Sơn nguy hiểm một cách dễ dàng. Khi đi hết rặng núi Tân Cương, hồng quân bây giờ không còn được núi rừng che chở nữa, nên phải bắt đầu ngày nghỉ đêm đi để tránh gặp phải phi cơ của quốc quân. Đến cuối tháng tám, hồng quân tới được An Sơn Trang nằm trên bờ sông Đại Độ mà chưa bị quốc quân khám phá. Hồng quân mệt nhừ qua chặng đường vừa qua, nên tất cả gục xuống bên bờ sông để ngủ. Nhưng Mao và các lãnh tụ hồng quân đứng trên ghềnh đá, nhìn xuống dòng sông hiểm ác đang cuộn cuộn chảy dưới một trận mưa đầu mùa hạ, và nghĩ cách vượt qua con sông ngay trong đêm đó.

Vượt Cầu Đại Độ

Bây giờ hồng quân phải đương đầu với một thử thách mới: đó là con sông Đại Độ, một con sông nổi tiếng hiểm ác. Đây là chướng ngại lớn nhất trong suốt cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Sông Đại Độ khởi nguồn từ một cao nguyên băng giá và đổ xuống phía nam rồi gia nhập vào sông Dương Tử. Dòng sông chảy xiết nên không thể dùng làm một thủy lộ được. Ngay việc dùng phà chở người và hàng hóa băng ngang qua sông cũng rất nguy hiểm. Nước sông đập vào ghềnh đá, gầm réo như sấm và tung lên từng đám mây những giọt nước nhỏ như sương mù sau khi đập vào bờ đá. Các điểm qua sông chính là một cây cầu làm bằng xích sắt hoặc giây thừng lớn và bến phà An Sơn Trang.

Trong lịch sử Trung Hoa đã từng có nhiều đoàn quân bị chặn lại, và bị đánh tan tành bên bờ con sông hiểm ác này. Trận đánh gần nhất trong lịch sử là toán quân cuối cùng của loạn Thái Bình Thiên Quốc cũng sa vào hiểm địa này rồi bị quân nhà Thanh bao vây và tiêu diệt trọn mà không có đường chạy trốn. Tại bến sông An Sơn Trang, nước sông réo lớn đến nỗi người ta nói rằng đó là hồn ma của hàng chục ngàn loạn quân Thái Bình than khóc đòi trả thù, vào những lúc canh khuya. Khi đám tàn quân Thái Bình bị vây hãm tại bờ sông Đại Độ mà không có cách gì qua sông được, họ nhất định không chịu đầu hàng. Họ quyết định thà chết đói sau khi ăn hết thịt ngựa, hoặc chết chìm dưới dòng sông hơn là đầu hàng quân nhà Thanh. Loạn quân Thái Bình cũng làm những chiếc mảng thật lớn, chở được khoảng năm ngàn quân, nhưng khi những chiếc mảng này ra đến giữa lòng sông thì bị súng đại bác của quân Thanh bắn tan tành, khiến xác loạn quân làm nghẽn cả dòng sông. Viên chủ tướng của loạn quân Thái Bình đầu hàng mà vẫn bị triều đình nhà Thanh xử tử bằng cái chết xé xác phân thân. Chu Đức nói với các thuộc hạ rằng nếu hồng quân đầu hàng Tướng Giới Thạch, thì cũng sẽ chịu chung một số phận như những loạn quân Thái Bình đầu hàng nhà Thanh.

Tướng Giới Thạch cũng thuộc lịch sử và cũng biết dòng sông Đại Độ có thể là tử địa cho hồng quân. Tướng ra lệnh cho các sứ quân đồng minh tại Tứ Xuyên là Lưu Hoàng và Lưu Vệ Hôi, và các tướng Quốc dân đảng phải truy nã với hy vọng diệt hết được hồng quân, như trước kia quân nhà Thanh đã tiêu diệt được loạn quân Thái Bình tại bờ sông Đại Độ. Tuy nhiên hồng quân không bao giờ mắc phải cái lỗi lầm sinh tử của loạn quân Thái Bình. Khi loạn quân Thái Bình tới bờ sông Đại Độ, viên chủ tướng đã dừng lại ba ngày bên bờ sông để ăn mừng sinh nhật của đứa con trai mới lên bốn tuổi. Chính việc dừng lại để ăn mừng sinh nhật đã giúp quân nhà Thanh có đủ thời giờ tập trung và bao vây loạn quân Thái Bình. Trái lại, các lãnh tụ hồng quân đều cố gắng vượt con sông càng sớm càng tốt.

Hồng quân có thể dùng ba địa điểm chính để vượt qua sông. Địa điểm thứ nhất là cây cầu treo bắc qua sông được gọi là cầu Đại Độ. Đây chính là con đường lịch sử để đi tới Tây Tạng, Ấn Độ và Âu châu, nhưng cũng là con đường khó khăn nhất. Cây cầu được thiết lập từ đời vua Khang Hy năm 1701, do thái thú Lục Định đứng ra trông coi, vì thế chiếc cầu này cũng còn được gọi là Lục Định Kiều. Cây cầu làm rất là đơn sơ, chỉ có 13 sợi xích lớn bắc treo ngang dòng sông. Hai bên cũng có bốn sợi xích dùng làm thành cầu để cho người ta có chỗ vịn tay. Thành cầu này rất cần thiết, vì cầu rất trơn trợt, nếu không có chỗ vịn, người qua cầu có thể bị hất xuống sông rất dễ dàng. Thân cầu có 9 sợi xích treo song song với nhau, bên trên đặt những tấm ván. Đi lại trên cây cầu Đại Độ rất nguy hiểm, vì không những cầu rất cao mà còn đung đưa như một chiếc võng lớn trên một dòng sông nước chảy cuồn cuộn. Lúc mới làm xong cầu, Lục

Định thu tiền qua cầu. Khi Lục Định chết rồi thì không ai thu tiền qua cầu nữa, và những người bạo gan, can đảm cứ tự do qua cầu.

Địa điểm thứ hai là An Sơn Trang, cách cầu Đại Độ khoảng trên 100 dặm. An Sơn Trang chính là nơi đám loạn quân Thái Bình cuối cùng sa vào tử địa. Tại đây có một bến phà. Địa điểm thứ ba là một con đường nhỏ chạy qua Phú Lâm mà hồng quân đang đi tới. Con đường này dẫn tới Vân Nam và Tân Cương.

Bộ tư lệnh hồng quân thi hành một kế nghi binh để đánh lừa quốc quân, trong lúc đại bộ phận của hồng quân tiến tới bến phà An Sơn Trang. Một cánh hồng quân được lệnh tiến tới tấn công Phú Lâm để cầm chân quốc quân tại đây. Lúc đó quốc quân đã bố trí ba trung đoàn tại cầu Đại Độ, một trung đoàn tại bến phà An Sơn Trang, và hai trung đoàn nữa đóng cách bến phà khoảng 10 dặm. Hồng quân quyết định phải dùng bến phà An Sơn Trang để qua sông. Đây là một thị trấn nhỏ, có chừng trên một trăm gia đình, và do hai đại đội quốc quân phòng vệ. Cả khu vực An Sơn Trang chỉ có một chiếc phà. Hồng quân bắt buộc phải quét sạch trung đoàn quốc quân bên kia sông để chiếm được chiếc phà duy nhất đó.

Vào khoảng gần nửa đêm, toán hồng quân đầu tiên tới một triền sông Đại Độ, cách An Sơn Trang vài dặm. Toán hồng quân mệt mỏi này quyết định nằm nghỉ lại bên bờ sông để đợi lệnh. Trên bờ sông có một vài căn nhà, và bên dưới là một dòng sông gầm réo như tiếng ma kêu quỷ khóc giữa đêm khuya. Trong lúc toán hồng quân mệt mỏi chúi xuống ngủ thì viên chỉ huy nhận được lệnh phải tấn công quốc quân thật bất ngờ, tại An Sơn Trang ngay đêm đó, và chiếm lấy chiếc phà để qua sông. Viên chỉ huy bỗng kinh ngạc trông thấy một chiếc phà của quốc quân đang qua bên này sông. Chiếc phà ấy đã bất tuân lệnh của Tướng Giới Thạch cấm không cho một chiếc phà nào được qua bên này sông. Thực ra lúc đó bên kia sông chỉ có một trung đoàn của sứ quân Lưu Vệ Hồi. Các toán quân tăng cường khác của quốc quân vẫn chưa tới kịp, nhưng phía quốc quân tin rằng chỉ một trung đoàn của sứ quân Lưu Vệ Hồi cũng đủ cầm chân hồng quân rồi.

Viên trung đoàn trưởng quốc quân là người địa phương nên biết rất rõ đường lối trong vùng. Hắn tin rằng phải một thời gian nữa hồng quân mới có thể tới được bờ sông Đại Độ, vì thế hắn chưa vội cẩn mật đề phòng. Vợ viên trung đoàn trưởng vốn là người An Sơn Trang, vì thế viên trung đoàn trưởng vẫn dùng phà trở lại bên này sông để thăm viếng gia đình vợ và để ăn nhậu. Chính nhờ cơ may này, hồng quân đã bắt sống được viên trung đoàn trưởng và chiếm được chiếc phà. Viên chỉ huy hồng quân chia quân của mình làm ba cánh, một tiểu đoàn tiến chiếm An Sơn Trang, một tiểu đoàn dùng chiếc phà mới bắt được, qua sông tấn công một địa điểm khoảng vài dặm phía lưu vực sông để đánh lạc hướng địch quân, còn một tiểu đoàn ở lại giữ vững vị trí bên này sông.

Toán quân phòng vệ An Sơn Trang không bao giờ ngờ hồng quân có thể đến sớm như vậy. Phần đông còn mải mê chơi mà chược, và khi bất thần thấy hồng quân tấn công thì chỉ còn một cách bỏ chạy tán loạn. Hồng quân chiếm được An Sơn Trang một cách thật dễ dàng. Tiểu đoàn hồng quân dùng phà qua sông gặp khó khăn. Dòng sông thật là hung dữ mà hồng quân thì không biết điều khiển chiếc phà, trong khi đó quốc quân bên kia sông đang chiếm những vị trí thuận lợi để pháo kích hồng quân đang qua sông. Hồng quân đặt một dàn súng máy tại bờ sông, nấp sau những khối đá an toàn. Nhưng vấn đề khó khăn nhất vẫn là làm sao qua được bờ bên kia. Hồng quân không thể bơi qua sông được, vì nước sông chảy cuồn cuộn như thác lũ.

Về sau hồng quân tìm được một số người chèo thuyền, và lựa một số cảm tử quân cho qua sông trong chuyến đầu tiên, với hỏa lực yểm trợ mạnh mẽ. Đây là một chuyến đi cảm tử vì quân trú phòng Quốc dân đảng đông đảo hơn, và nằm chờ sẵn trong những vị trí phòng thủ an

toàn. Chiếc phà trôi tránh nghiêng ngửa và bị hỏa lực của quốc quân bắn xối xả. Nhưng nhờ sự can đảm và hỏa lực yểm trợ quyết liệt của hồng quân, toán cảm tử quân cũng sang được bờ bên kia. Toán hồng quân cảm tử lên được bờ, dùng lựu đạn liệng vào ổ phòng thủ của quốc quân, khiến quốc quân phải rút lui tới những ngọn đồi gần đó. Toán hồng quân cảm tử đã làm chủ được bến phà làm cầu cho hồng quân tiếp tục sang sông.

Hồng quân đuổi theo quốc quân đang rút lui và bắt được thêm hai chiếc phà nữa. Đến trưa ngày hôm sau thì cả trung đoàn hồng quân đã sang được sông. Trong ba ngày, từ 26 đến 28 tháng 5, ba chiếc phà tại An Sơn Trang đã chở được một sư đoàn hồng quân qua sông. Tuy dòng sông Đại Độ không rộng, nhưng vì nước chảy cuộn xoáy và có nhiều đá ngầm, nên phải mất 4 tiếng đồng hồ cho một chiếc phà đi từ bờ sông phía nam sang bờ sông phía bắc. Với một tốc độ như thế thì phải mất một thời gian khá lâu mới chở hết được hồng quân qua sông. Hồng quân rất e sợ phi cơ quốc quân có thể khám phá ra mục tiêu, và tạo ra những tổn thất khủng khiếp cho hồng quân, trong lúc hồng quân mỗi lúc một tập trung đông đảo hơn bên bờ sông tại An Sơn Trang.

Mao mở một cuộc họp khẩn cấp tại An Sơn Trang với Chu Đức, Chu Ân Lai, Bành Đức Hoài và Lâm Bưu. Tất cả quyết định phải tiến về cầu Đại Độ, nguồn hy vọng cuối cùng của hồng quân để thoát về miền bắc Trung Hoa. Nếu hồng quân thất bại tại cầu Đại Độ thì họ đành phải quay trở về đường cũ, qua khu vực người Lô Lô và Vân Nam. Hồng quân muốn tránh số phận đã xảy ra cho loạn quân Thái Bình. Sự thất bại tại cầu Đại Độ có nghĩa là sự thảm bại của cuộc Vạn Lý Trường Chinh và cộng đảng Trung Hoa.

Sáng ngày 23-5, một trung đoàn hồng quân đầu tiên từ An Sơn Trang tiến về phía cầu Đại Độ, một khoảng cách chừng 100 dặm, với nhiệm vụ chiếm cho bằng được cây cầu. Trung đoàn được lệnh trong vòng ba ngày phải tới cầu Đại Độ. Con đường đi thật vô cùng khó khăn, phải đi qua những đường núi gập ghềnh nhỏ hẹp, hết đi lên lại đi xuống những bờ đá cheo leo. Bên trái họ là mép núi, dựng đứng cao vọi vọi, vươn lên tới những đám mây mù mịt, sườn núi quanh năm tuyết phủ. Bên phải họ là con sông chảy như thác, xối bọt trắng xóa. Toán quân được lệnh tiến quân hỏa tốc chỉ xảy chân một bước là rơi xuống mất tích dưới dòng nước cuồn cuộn ngày đêm. Khi đi được khoảng mười dặm thì con sông hẹp lại và bờ đá của hai bên dòng sông rất gần nhau, và quốc quân đóng bên kia sông trong những khe núi an toàn, bắt đầu khai hỏa tấn công hồng quân.

Cuối cùng hồng quân không thể tiến lên được nữa, và bắt buộc phải quay trở lại, tìm một con đường khác an toàn hơn sau rặng núi. Con đường mới tuy mất nhiều thời giờ hơn, nhưng không còn bị quốc quân tấn công ngang sườn nữa. Tuy vậy hồng quân vẫn phải đương đầu với các toán quốc quân phục kích tại một khe núi. Rồi lại có những con sông nhỏ và rất sâu chắn ngang đường tiến quân, và những cây cầu nhỏ bắc ngang qua những con sông này đã bị quốc quân phá hủy rồi. Hồng quân phải chặt cây làm cầu. Tại một khe núi hẹp, một tiểu đoàn quốc quân trấn giữ chờ sẵn từ những mỏm núi bên trên. Hồng quân phải dừng lại, phái một đơn vị đi vòng quanh núi để tấn công phía sau của quốc quân, trong lúc một tiểu đoàn hồng quân khác giả đồ tấn công phía trước mặt quốc quân. Quốc quân tập trung hết hỏa lực vào khe núi trước mặt, và không phòng thủ mặt sau.

Chỉ một giờ sau, hậu quân của quốc quân chợt rối loạn. Rồi hồng quân ở cả hai mặt tiền và hậu xung phong tàn sát khiến quốc quân phải bỏ chạy. Ngày 24-5, khi còn cách cầu Đại Độ 60 dặm nữa thì trung đoàn nhận được lệnh của Lâm Bưu, buộc trung đoàn phải tiến thật nhanh và phải chiếm được cây cầu ngày 25-5. Lúc đó lực lượng chính của quốc quân cũng đang tiến về cầu Đại Độ, và nếu hồng quân không chiếm ngay được cây cầu thì cơ may không bao giờ tới nữa. Trung đoàn hồng quân đành phải cố gắng thi hành mệnh lệnh, không dám dừng lại

để ăn uống, mà phải vừa đi vừa nhai gạo sống cho đỡ đói. Nhiều người buồn ngủ và sợ có thể bị té xuống sông trong lúc di chuyển, nên hồng quân đã phải dùng thùng quần ngang bụng, nối liền cả một tiểu đội vào với nhau, để khi một người lao đao sắp té thì người khác kịp níu lại.

Một chương ngại nữa trước khi tới cầu Đại Độ là núi Mãnh Hổ, tại đó quốc quân đã phòng thủ cẩn mật. Cũng may cho hồng quân lúc đó là mùa sương mù. Chính sương mù dày đặc đã giúp hồng quân tiến sát được tới các vị trí phòng thủ của quốc quân mà không bị khám phá. Hồng quân thả lựu đạn vào các vị trí phòng tuyến đầu, khiến quốc quân hoảng hốt bỏ chạy. Tuy vậy hồng quân vẫn còn cách cầu Đại Độ trên 20 dặm nữa. Hồng quân phải trèo lên ngọn núi Mãnh Hổ, và đúng lúc đó thì trời đổ một trận mưa thật lớn như trút nước xuống, khiến cuộc tiến quân càng thêm chật vật trên những con đường cheo leo và bùn trơn như mỡ. Khi qua được bên kia núi Mãnh Hổ, hồng quân trông thấy quốc quân bên kia sông cũng đang vội vã tiến tới phòng thủ cầu Đại Độ. Hồng quân bắt buộc phải tới cây cầu đúng 6 giờ sáng ngày hôm sau. Chợt quốc quân bên kia sông đột ngột sáng rực lên, chứng tỏ quốc quân nhất quyết đi suốt đêm để tới cây cầu. Hồng quân cũng tìm những cây xậy để làm đuốc, và bỏ lại tất cả lừa ngựa, hành lý và vũ khí nặng, và chỉ đem theo vũ khí cá nhân cho nhẹ để tiến mau lẹ hơn. Hồng quân đang chạy đua với quốc quân bên kia sông để cố tới cây cầu trước đối phương. Dòng sông Đại Độ bỗng đỏ thẫm vì ánh lửa rơi xuống từ hai bên bờ. Nhưng quốc quân bên kia sông lại tưởng hồng quân là một đơn vị quốc quân khác cũng đang tiến tới bảo vệ cầu Đại Độ.

Khoảng 6 giờ sáng ngày 25, trung đoàn hồng quân tới được cầu Đại Độ đúng như dự định, và chiếm được đầu cầu bên này. Khi trông thấy cầu Đại Độ thì tất cả hồng quân đều giật mình trước sự nguy hiểm của cây cầu. Quốc quân đã lột đi những tấm ván lót cầu về phía hồng quân rồi, và cây cầu chỉ còn lại 9 sợi xích, mỗi sợi lớn bằng miệng một cái tô lớn, đang đung đưa song song với nhau. Thật xa bên dưới, tiếng nước chảy cuồn cuộn và réo đến điếc tai. Không ai có thể lội qua khúc sông này được, và cây cầu là phương tiện duy nhất để qua bên kia sông. Bên kia sông là thị trấn Lục Định, có hai trung đoàn quốc quân canh phòng, và đã xây cất một chiến lũy kiên cố dọc theo triền núi. Quốc quân tin tưởng đến nỗi reo hò thách thức hồng quân tiến qua cầu.

Hồng quân bắt buộc phải chiếm cây cầu ngay, và tuyển lựa được 33 người gan dạ nhất cho vào toán cảm tử vượt cầu. Toán cảm tử tiền phong đều còn rất trẻ, dưới tuổi hai mươi. Tất cả đeo súng Mauser, dao găm và lựu đạn quanh thắt lưng. Khi toán cảm tử phóng chạy ra cầu thì hồng quân dùng súng máy bắn yểm trợ rất dữ dội, giúp cho toán cảm tử tới được cây cầu, nhưng hỏa lực đáp lễ của quốc quân cũng rất ác liệt. Khi tới sát cây cầu, toán cảm tử tiền phong không dám bước lên những sợi giây xích sắt, vì như thế dễ trở thành mục tiêu cho xạ thủ quốc quân. Tất cả đều dùng tay đánh đu vào những giây xích sắt, và từ từ nhích tiến sang phía bên kia cầu. Sức nặng của 33 hồng quân cảm tử làm cho cây cầu lúc lắc rất mạnh, như một chiếc võng lớn. Nhờ sự lúc lắc ấy, toán cảm tử hồng quân trở thành một mục tiêu di động, khiến quốc quân khó bắn trúng được.

Nhưng dần dần quốc quân cũng bắn trúng được mục tiêu của họ, nhất là khi quốc quân dùng súng máy quét hàng loạt dọc theo những sợi giây xích sắt. Nhiều hồng quân đã bị bắn trúng và rơi xuống dòng sông chết tan xác. Trong số 33 hồng quân cảm tử đầu tiên chỉ có ba người sống thoát, đu được sang tới đầu cầu bên kia. Nhưng bây giờ bên phía hồng quân không cần phải tuyển lựa người tình nguyện nữa. Ngay khi một người bị bắn rơi xuống sông thì hàng chục người khác lao ra, thay thế cho người đã bị bắn hạ. Thật là một cuộc chạy đua bằng tay với tử thần! Quang cảnh một trận đánh hy hữu này đã gây xúc động nhiều cho hồng quân, và họ bỗng cảm thấy họ trở thành những người bất tử, và họ phải chiến thắng mọi trở lực trước mặt. Khi hàng ngàn hồng quân cứ tiếp tục dùng tay chuyển qua cây cầu xích sắt, bất kể bao

nhiều người đã bị bắn hạ rơi xuống sông, thì phía quốc quân trở nên kinh hoàng, một nỗi kinh hoàng khi tin chắc rằng sẽ bị tràn ngập và bại trận.

Quốc quân nhận thấy hồng quân sắp sửa tiến tới đầu cầu còn ván gỗ, nên bằng một quyết định tuyệt vọng, quốc quân dùng dầu hôi đổ lên cây cầu và châm lửa đốt lửa phá cầu. Một số hồng quân nhanh nhẹn nhất đã tới được chỗ cầu còn ván, liều mạng chạy băng qua khoảng lửa cháy, và liệng lựu đạn vào đám quốc quân đông đảo đang đứng bên kia đầu cầu. Càng lúc càng có thêm hồng quân vượt qua được khoảng lửa cháy, và một trận cận chiến xảy ra, nhưng càng lúc hồng quân càng chiếm ưu thế khi số hồng quân qua được cầu đông thêm.

Bên này cầu, Mao ra lệnh chặt thật nhiều cây, cưa thành từng khúc và kéo lên cầu thay thế những ván cầu đã bị quốc quân tháo gỡ đi. Sau đó hồng quân ồa tiến qua cầu như thác lũ. Hai trung đoàn quốc quân thấy thế nguy liền bỏ chạy. Hồng quân lập tức củng cố lại các đơn vị và chờ đợi cánh quân của Lâm Bưu tới. Lâm Bưu dẫn một quân đoàn vượt qua sông Đại Độ tại An Sơn Trang, và được lệnh tiến lên phía cầu Đại Độ để gặp Mao. Ngay đêm đó hồng quân kinh ngạc khi thấy nhiều binh sĩ quốc quân quay trở lại, và tình nguyện gia nhập hồng quân. Họ phải đi theo hồng quân không phải vì họ thích cộng sản, mà vì họ kinh sợ cơn giận dữ của Tưởng Giới Thạch, khi họ thất bại không giữ được cây cầu chiến lược này. Mao vui lòng chấp nhận sự đầu hàng của binh sĩ quốc quân. Mao thấy không cần phải đuổi theo đám tàn quân Quốc dân đảng nữa, vì đã có Tưởng Giới Thạch trừng phạt họ.

Ngày hôm sau Lâm Bưu và quân đoàn của Lâm Bưu tới nơi, sau khi đánh bại được các ổ phục kích của quốc quân. Ngay sau khi người lính hồng quân cuối cùng qua cầu Đại Độ, hồng quân lập tức tháo gỡ những khúc cây và những ván đóng trên cầu liệng xuống sông, với mục đích không cho quân của Tưởng Giới Thạch dùng được cây cầu ngay. Mao và các cấp lãnh đạo hồng quân họp bàn để quyết định nên tiếp tục cuộc Vạn Lý Trường Chinh theo con đường nào. Bây giờ không còn lực lượng của Tưởng Giới Thạch ngăn cản giữa lực lượng của Mao và chiến khu của Hạ Long và Trương Quốc Đào nữa. Hai phe cộng quân chỉ còn cách nhau khoảng 100 dặm nữa. Nhưng giữa họ là rặng núi Đại Tuyết Sơn cao vợi vợi và quanh năm phủ tuyết. Hồng quân phần lớn là người miền nam nên không quen với việc trèo núi, và cũng không quen với tuyết lạnh.

Bây giờ hồng quân có ba lựa chọn: Thứ nhất là đi về phía tây rặng núi Đại Tuyết Sơn để tiến về Tây Tạng, đi qua những vùng có dân cư và những người Tây Tạng đầy thù nghịch. Hồng quân cũng có thể đi vòng phía đông rặng Đại Tuyết Sơn, nhưng chắc chắn sẽ gặp phải đại quân của Tưởng Giới Thạch, một điều vô cùng nguy hiểm cho đám tàn quân cộng sản đã vô cùng mỏi mệt. Sự lựa chọn thứ ba và hợp lý nhất của hồng quân là phải trèo qua ngọn núi Đại Tuyết Sơn cao hơn 16 ngàn bộ. Trong hồng quân có một số người thuộc bộ lạc Lô Lô đã từng đi qua núi Đại Tuyết Sơn. Với sự hướng dẫn của người Lô Lô, Mao và hồng quân bắt đầu tiến vào rặng núi Đại Tuyết Sơn và phải đụng độ với bộ lạc Phàn, một giống dân rất hiếu chiến, đã hùng cứ tại rặng núi này từ lâu đời.

Vượt Rặng Đại Tuyết Sơn

Trước khi tiến vào rặng Đại Tuyết Sơn, hồng quân được giải thích cặn kẽ những nguy hiểm của cuộc hành trình trước mặt: nào là cao độ rất thiếu dưỡng khí, nào là băng tuyết và cái lạnh khủng khiếp trên núi, nào là phải cảnh giác cho một cuộc đụng độ với thổ dân hiếu chiến. Hồng quân được lệnh phải dùng một miếng vải mỏng che mắt để tránh bị mù, khi nhìn thấy ánh sáng chói lòa của mặt trời trên tuyết. Họ phải mang lương thực đủ dùng cho ít nhất là mười ngày. Khi trèo núi, nhất là lúc gần tới đỉnh núi, họ phải bước đều không được đứng lại nghỉ, vì nếu dừng lại nghỉ thì họ sẽ không thể nào tiếp tục đi được nữa. Họ cũng không được nói chuyện nhiều để tiết kiệm giữ lại dưỡng khí của họ. Khi leo lên tới đỉnh núi, họ sẽ ngồi xuống và trượt xuống chân núi bên kia, và cứ thế họ sẽ phải trèo hết năm ngọn núi của rặng Đại Tuyết Sơn.

Đối với Chu Ân Lai thì rặng núi Đại Tuyết Sơn là chương ngại lớn nhất của cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Chính tại đây Chu Ân Lai đã nhiễm cảm lạnh và xuýt chết. Lâm Bưu cũng bị bệnh sốt rét trở lại và phải được khiêng bằng cáng. Nhiều binh sĩ rất e sợ, ngần ngại khi phải tiến vào rặng núi. Ngay trước khi tới được chân núi, hồng quân phải đi qua một vùng rất rậm rạp. Đây là những rừng nguyên thủy, dày rậm đến nỗi ánh sáng mặt trời ít khi chiếu tới mặt đất ẩm ướt bên dưới. Đường như lúc nào cũng có mưa. Mặt đất trong vùng phủ đầy lá cây thối mục cao tới đầu gối, khiến cho sự đi lại cực kỳ khó khăn. Không thể nào tìm được một chỗ để ngủ, hồng quân đành phải nằm ngủ ngay trên đất bùn, hoặc ngồi dựa vào thân cây mà ngủ.

Thỉnh thoảng những con dê rừng hoặc lợn rừng vùng chạy khỏi ổ, và dễ dàng làm mồi cho hồng quân vốn đang thèm thịt. Hồng quân cũng cố gắng mua được đôi chút bắp tại các làng dưới chân núi. Phải mất vài tuần lễ mới vượt qua được rặng Đại Tuyết Sơn nên hồng quân phải lo chuẩn bị đem theo lương thực như bắp, khoai tây và bí ngô phơi khô. Những cơn mưa đầu mùa hạ cũng giúp họ có nước uống giữa cái nóng nực của tháng sáu. Rồi hồng quân cũng tới được chân núi, bỏ lại sau lưng họ những khu rừng âm u. Khi hồng quân càng lên cao thì nhiệt độ càng xuống thấp. Bây giờ trước mắt hồng quân là một khoảng trống mênh mông, chỉ có đá và tuyết trắng trong một sự im lặng lạ lùng. Trên đầu họ, những đỉnh núi lẩn vào trong mây trắng. Những trận mưa đá thường xuyên, hạt mưa to bằng những củ khoai tây, rơi xuống liên tiếp. Không còn rừng cây che chở nữa, hồng quân phải hứng chịu từng đợt mưa đá, nhiều người bị thương tích, sưng đầu sưng trán vì mưa đá.

Quần áo của hồng quân không thích hợp với cái lạnh của rặng núi cao. Phần đông chỉ mặc những quần áo nhẹ bằng vải sợi, và do đó không cản nổi sự lạnh buốt như kim châm của miền núi. Tuy vậy đoàn người vẫn tiếp tục tiến bước vào một vùng vô định. Nhiều người đã bắt đầu bày tỏ sự bất mãn đã đem theo một số dân chúng, khiến cho binh sĩ phải săn sóc giúp đỡ dân chúng, trong lúc chính họ cũng điêu đứng không tự giúp mình được. Có lần binh sĩ phải dừng lại cho một thiếu phụ sinh đẻ được một đứa con trai trong một hốc núi. Tuy sản phụ và hài nhi tránh được gió máy, nhưng không sao tránh được cái lạnh thấu xương. Nhưng may mắn cả hai mẹ con đều sống sót và đi được tới Thiểm Tây.

Mao đã phải dùng ớt và gừng nấu lên cho binh sĩ dùng để tăng sức chịu đựng chống lại cái lạnh giá. Trên núi người ta không thể tìm kiếm được củ để nấu ăn nên hồng quân phải ăn đồ ăn sống. Hồng quân vẫn thường ăn cơm, nay phải ăn bắp sống nên nhiều người mắc bệnh

tiêu hóa. Vì công cuộc vượt núi kéo dài hết ngày này sang ngày khác, nên nhiều hồng quân đã bắt đầu nghi ngờ sự hướng dẫn của người Lô Lô. Rồi cái lạnh của cao độ ảnh hưởng tới tâm trí họ nên nhiều người bị khủng hoảng thần kinh. Tâm trí hỗn loạn cùng với sự kiệt quệ của thể xác đã khiến nhiều binh sĩ chỉ cần té xuống tuyết, nói làm nhảm vài câu, rồi nằm yên vĩnh viễn tại rặng núi ác hiểm này.

Tệ hơn nữa là khi hồng quân tiến vào một con đường đèo thì các bộ lạc người Phàn đứng trên núi cao, đẩy những khối đá xuống tấn công hồng quân để phản đối hồng quân tiến vào khu vực của họ. Mao không có cách gì lại gần để thương thuyết với bộ lạc Phàn và dụ họ đi theo hồng quân như đối với người Lô Lô. Người Phàn ẩn nấp tại những hốc núi cao mà hồng quân không thể leo lên được. Để tránh phi cơ oanh tạc của quốc quân, hồng quân phải thức dậy từ lúc nửa đêm và bắt đầu trèo lên đỉnh núi kế tiếp. Trời hay mưa, rồi đổ tuyết và những cơn gió lạnh, hung dữ liên tục quật mạnh vào đoàn người đang cố trèo lên cao. Nhiều hồng quân đã ngã gục, chết vì đói lạnh và kiệt sức. Nhiều người mệt mỏi, chỉ ngồi xuống định tạm nghỉ, nhưng không bao giờ đứng dậy được nữa. Không khí trên núi cao rất ít dưỡng khí, ngay đến người khỏe mạnh cũng chóng mệt, và gây khó khăn cho những người yếu và bị thương. Vì không đủ dưỡng khí để thở, nhiều thương bệnh binh đã chết khi được khiêng qua núi. Nước uống trên núi là một vấn đề hết sức gay go. Không có lửa để đun tuyết tan thành nước, và ngay cả diêm và lửa cũng khó cháy lên được tại một nơi thiếu dưỡng khí như thế. Một phụ nữ cho biết bà ta mất hẳn kinh nguyệt khi vượt qua rặng Đại Tuyết Sơn.

Đến tháng bảy thì hồng quân xuống được rặng núi và tiến vào một vùng đồng bằng. Đây là khu vực tây bắc của tỉnh Tứ Xuyên. Quân số hồng quân chỉ còn lại 25 ngàn người sống sót sau rặng Đại Tuyết Sơn, kể cả đàn bà và trẻ con. Khi hồng quân di chuyển qua cái đèo cuối cùng để tiến vào Tứ Xuyên, thì bỗng có một tảng đá ném về phía hồng quân. Trên tảng đá có một tín hiệu: "Chúng tôi là hồng quân của Trương Quốc Đào. Bản doanh của chúng tôi tại Y Niên, chỉ cách đây 15 dặm."

Đám hồng quân mệt mỏi tả tơi rất vui mừng khi nhận được tín hiệu trên, và họ tưởng đó là hồng quân của tỉnh Thiểm Tây, mục tiêu cuối cùng của cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Nhưng thực ra Thiểm Tây vẫn còn xa lắm. Nhưng dù sao thì gặp được quân bạn cũng là điều tốt. Tuy hồng quân vui mừng, nhưng Mao Trạch Đông thì rất lo ngại gặp phải lực lượng của Trương Quốc Đào. Mao vẫn biết Trương Quốc Đào là người vẫn chống đối Mao, và lúc này Trương Quốc Đào đang mạnh hơn trong khi lực lượng của Mao thì hầu như kiệt quệ, cả tinh thần lẫn thể xác và lực lượng vũ khí.

Mao Trạch Đông và Trương Quốc Đào là những lãnh tụ sáng lập cộng đảng Trung Hoa tại Thượng Hải năm 1921. Nhưng sau đó Mao không gặp lại Trương Quốc Đào nữa, một phần vì hai người có hai quan điểm trái ngược nhau. Trương Quốc Đào là một người cộng sản rất trung thành với đường lối cách mạng thành thị của Nga xô, và chống lại đường lối thiên về nông dân của Mao. Khi Tưởng Giới Thạch mở những cuộc tấn công phe cộng thì Trương Quốc Đào và một số đảng viên khác chạy trốn về Tứ Xuyên và thành lập quân đội riêng tại đây. Dần dần Trương Quốc Đào muốn trở thành một sứ quân, và có tham vọng trở thành một người lãnh đạo tối cao của Trung Hoa.

Tại Y Niên, Trương Quốc Đào nồng nhiệt chào mừng Mao. Nhưng khi được biết Mao là chủ tịch cộng đảng Trung Hoa thì họ Trương quyết liệt phản đối. Trương cho rằng quyết định của đại hội Tuân Nghĩa không có giá trị, vì lúc đó các đảng viên cao cấp không có mặt tại đại hội. Trương Quốc Đào nhấn mạnh Mao chỉ là một thủ lãnh du kích quân mà thôi. Mao và Chu Ân Lai rất lo ngại sự chống đối của Trương Quốc Đào có thể đưa tới sự xung đột công khai giữa hai đạo hồng quân, và phe Mao yếu thế hơn nên có thể bị tiêu diệt tại đây. Mao còn thêm lo

ngại khi thấy Chu Đức có vẻ đứng về phía Trương Quốc Đào, vì Chu Đức vẫn bất mãn phải tuân lệnh những người dân sự như Mao, hoặc có thể Chu Đức nghĩ rằng Trương Quốc Đào là người có thể chiến thắng. Một phần nữa có thể Chu Đức khâm phục quân đội của Trương Quốc Đào vừa đông vừa mạnh mẽ, so sánh với đám hồng quân tả tơi của Mao.

Phe Mao thì cố tránh một cuộc đụng độ với Trương Quốc Đào. Mao đề nghị hai đạo hồng quân nên đứng độc lập với nhau, và cùng tiến về Thiểm Tây. Nhưng Trương Quốc Đào phản đối ý kiến này. Theo họ Trương thì tại sao hai đạo hồng quân không kết hợp làm một ngay tại đây, và tiến về Tây Tạng thành lập một căn cứ hùng mạnh, có thể đương đầu với đại quân của Tưởng Giới Thạch. Thực ra nếu hai đạo hồng quân kết hợp làm một thì Trương Quốc Đào ở thế mạnh hơn vì quân của họ Trương đông hơn, được trang bị đầy đủ và còn đang sung sức. Khi phần đông quân của Mao phản đối ý kiến tiến về Tây Tạng, thì Trương Quốc Đào đề nghị hai đạo quân kết hợp làm một và đóng ngay tại chỗ.

Mao tin chắc rằng những nghi ngờ của mình về mưu đồ phản bội của Trương Quốc Đào là đúng. Mao nhận thấy họ Trương chỉ lo xây dựng quyền lợi và địa vị riêng của mình. Mao sợ rằng khi sang Tây Tạng, phe Mao sẽ bị phe Trương Quốc Đào lấn át, và có thể bị tiêu diệt tại đó. Trong lúc Mao và Trương Quốc Đào còn đang thương thuyết tìm một giải pháp mà cả hai bên có thể đồng ý, thì quân của Tưởng Giới Thạch tiến tới. Mao và Trương phải hoãn cuộc họp, và hồng quân thành công đánh tan được các toán quân tiền phương của Quốc dân đảng. Rồi bỗng nhiên Trương Quốc Đào từ bỏ yêu sách của mình, và đồng ý tiến về Thiểm Tây và hai đạo hồng quân vẫn hoạt động riêng biệt. Mao rất hài lòng, nhưng Mao mất Chu Đức, cánh tay mặt quân sự của Mao. Chu Đức nhập vào đạo quân của Trương Quốc Đào và giữ chức tư lệnh đạo hồng quân của Trương Quốc Đào.

Cả hai đạo quân khởi hành tiến vào một chương ngại cuối cùng trước khi tới được Thiểm Tây: đó là chuyển vượt qua Cánh Đồng Cỏ Hoang. Tuy nhiên hai đạo hồng quân không cùng khởi hành một lúc. Trương Quốc Đào đề nghị hai đạo hồng quân đi theo hai con đường khác nhau để tránh cuộc truy kích của Tưởng Giới Thạch. Mao chưa bao giờ mừng như thế, cất được gánh nặng bị Trương Quốc Đào tiêu diệt để chiếm địa vị lãnh đạo cộng đảng Trung Hoa. Cả hai bên đồng ý sẽ gặp lại nhau sau khi vượt qua Cánh Đồng Cỏ Hoang. Nhưng sau đó Mao không bao giờ gặp lại lực lượng của Trương Quốc Đào nữa. Sau này Trương Quốc Đào cho biết lực lượng của Trương đã đụng độ với một lực lượng rất hùng mạnh của Tưởng Giới Thạch, và bị chặn đánh không thể tới điểm hẹn được. Chu Đức thì nói khác hẳn Trương Quốc Đào. Theo Chu Đức thì đạo quân của Trương Quốc Đào không thể vượt qua được một con sông lớn trong lúc có nạn lụt, và do đó không thể tới điểm hẹn đúng kỳ hạn.

Đúng ra Trương Quốc Đào nhất quyết tiến về Tây Tạng, lập một căn cứ mới để thực hiện giấc mộng làm chúa tể Trung Hoa. Nhưng toan tính của họ Trương bị thảm bại, và một năm sau Trương Quốc Đào và Chu Đức phải lần mò về Thiểm Tây với một dúm quân thân tín. Phần còn lại của đạo quân hùng mạnh này đã bị Tưởng Giới Thạch đánh tan. Nhiều đảng viên cao cấp tại Diên An đứng lên buộc tội Trương Quốc Đào đã đào ngũ trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, nhưng Mao ra công che chở nên họ Trương không bị trừng phạt. Sở dĩ Mao bênh vực Trương Quốc Đào vì Mao biết thế nào họ Trương cũng bất mãn bỏ ra đi, và cũng để bảo vệ Chu Đức, người bạn từng sống chết chiến đấu với mình từ những ngày đầu tiên của hồng quân.

Mao lại bổ nhiệm Chu Đức làm tư lệnh hồng quân, và Chu Đức đã tạo ra được nhiều chiến công lớn trong công cuộc chống lại quân xâm lăng Nhật bản. Riêng Trương Quốc Đào tự biết bị thất sủng và ở vào vị thế bất lợi trong cộng đảng, bị lạc lõng giữa những kẻ thù, nên họ Trương bỏ trốn khỏi Diên An và đầu hàng Tưởng Giới Thạch. Về sau Trương Quốc Đào bỏ trốn sang Gia nã đại, và đến năm 1976 thì từ trần tại Gia nã đại.

Đạo hồng quân dưới quyền lãnh đạo của Mao sắp phải vượt qua Cánh Đồng Cỏ Hoang để tiến tới Thiểm Tây.

Đi Qua Cánh Đồng Cỏ Hoang

Một sử gia hiện đại nhận xét chuyến đi vượt qua Cánh Đồng Cỏ Hoang gần Tây Tạng, từ khoảng giữa tháng 8 tới đầu tháng 9-1935, là một giai đoạn khó khăn nhất cho số phận gần 30 ngàn hồng quân. Giống như rừng Đại Tuyết Sơn, khu vực gần Cánh Đồng Cỏ Hoang do một giống người hung hãn chiếm cứ. Những người sinh sống gần Cánh Đồng Cỏ Hoang thuộc giống người Mân, có một luật lệ rất nghiêm khắc: bất cứ người Mân nào trợ giúp người lạ đi vào khu vực người Mân thì sẽ bị trừng phạt bằng một cái chết luộc sống. Chính vì thế, Mao Trạch Đông phải ra lệnh cho hồng quân ăn trộm hoặc ăn cướp thực phẩm của người Mân, trong lúc sửa soạn tiến vào Cánh Đồng Cỏ Hoang. Nếu không làm thế thì hồng quân sẽ chết đói hoặc phải ăn cỏ và vỏ cây. Người Mân thì không chịu bán thực phẩm cho hồng quân.

Tuy vậy thực phẩm không phải là mối lo chính của hồng quân khi đi ngang cánh đồng kỳ bí này. Sự nguy hiểm đến từ thời tiết và mặt đất của cánh đồng. Cánh Đồng Cỏ Hoang là một bình nguyên mệnh mệnh và lầy lội, trải rộng hàng trăm dặm, cao hơn mặt biển khoảng từ sáu ngàn tới chín ngàn bộ, nhưng không phải là một vùng núi. Trên cánh đồng không có lối đi rõ rệt. Khi người ta bước lên những bụi cỏ để đi thì bụi cỏ lún xuống, và một chất nước màu đen ứa lên, và khi bước chân đi thì bụi cỏ lại trồi lên như cũ, không để lại một dấu vết gì cả. Chất nước màu đen ứa lên đó có một mùi hôi giống như nước tiểu của ngựa, và làm người ta muốn ới mửa khi hít phải.

Về mùa hạ, cỏ xanh mọc khắp nơi và cánh đồng này là nơi nuôi súc vật rất tốt cho người Tây Tạng. Nhưng về mùa đông, từng cơn gió lạnh cắt da thịt thổi về từ rừng núi Hy Mã Lạp Sơn, đem theo ngày đầu là những trận mưa bão, và ngày kế tiếp là mưa tuyết. Cỏ tại cánh đồng mọc cao tới vai người và rất dày rậm. Một ưu điểm của những cỏ này là có thể cắt để làm những mái nhà trú ẩn mỗi khi có cơn mưa bão hoặc mưa tuyết.

Khi tiến vào cánh đồng, hết ngày này sang ngày khác, hồng quân chỉ trông thấy cỏ hoang ngút ngàn tới vô tận, không có bờ bến gì cả. Cỏ hoang mọc lên rồi chết đi thì cỏ mới lại mọc lên từ khóm cỏ đã chết, cứ thế làm thành từng tầng, bên cạnh những vũng nước đen xì và lạnh buốt. Cây cối không mọc được tại đây; chim chóc cũng ít khi liềm linh bay vào cánh đồng, ngay cả côn trùng cũng không có. Tất cả chỉ là một sự trống không với một sự mệnh mệnh của cỏ dại, mùa hạ thì mưa như thác lũ, còn mùa đông thì gió cuồng loạn đem theo tuyết lạnh. Những đám mây đen như chì quanh năm bao phủ bầu trời, biến cả vùng thành một khu vực thật là ảm đạm thê lương. Vào những ngày không có nắng thì không thể tìm được phương hướng, vì nhìn chung quanh, chỗ nào cũng cùng một màu và một hình thể như nhau.

Trong một năm, ít nhất có tám tháng mưa tại cánh đồng, và nước không có chỗ thoát nên ứ đọng lại, và do đó cả một vùng mệnh mệnh ấy trở thành một cánh đồng lầy. Mặt đất tại cánh đồng không khô như những nơi khác, trái lại chỉ có những gò đất nhỏ giữa một cánh đồng lầy lội đầy bùn. Những gò đất này chỉ đủ lớn cho một vài người đứng thôi. Sự kiện này khiến cho hồng quân không thể di chuyển từng đoàn được. Họ phải phân tán thành từng nhóm vài người, và cứ thế từng người một nhảy lên những gò đất. Nếu nhảy hụt té xuống bùn thì sẽ bị hút xuống rồi bị chôn sống trong khối bùn đặc quánh như hồ ầy. Bùn ở đây không giống như cát lún. Bất cứ ai té xuống bùn thì phải được người khác mau lẹ kéo lên ngay lập tức, nếu không nạn nhân sẽ bắt lực và bị hút dần xuống. Nạn nhân càng vùng vẫy thì càng chìm xuống mau

hơn. Hàng trăm hồng quân đã chết như vậy.

Vấn đề chính của hồng quân là phải tìm được người hướng đạo, dẫn lối cho đi ngang qua được cánh đồng. Trong lúc tiến qua các khu rừng trước khi tới cánh đồng, hồng quân đã hết sức tuyển mộ người Mân làm hướng đạo, nhưng vì lệnh nghiêm khắc của nữ vương người Mân, nên không một người Mân nào chịu đi theo giúp hồng quân. Sự thù nghịch của người Mân dữ dần đến nổi về sau Mao phải kể lại: “Mỗi lần tìm mua được một con cừu hoặc tuyển mộ một người hướng đạo thì ít nhất một hồng quân phải thiệt mạng.” Cuối cùng Mao ra lệnh bắt giữ một số người Mân và cưỡng bách họ phải phục vụ cho hồng quân.

Các người Mân bị bắt đành phải dẫn đường cho hồng quân, vì bị lưỡi lê của hồng quân thúc vào lưng. Hồng quân giải thích cho người Mân biết họ phải thành thực dẫn đúng đường, nếu không bất cứ hành động phản trắc nào cũng bị trừng phạt bằng cách bị ném xuống chôn sống tại những chỗ bùn lún. Các người Mân đã chứng tỏ rất thành thực hướng dẫn hồng quân, và một số quyết định đi theo hồng quân. Hành động đi theo hồng quân của người Mân không phải vì họ thích chủ nghĩa cộng sản, vì đối với tâm trí thô sơ của họ, họ chẳng hiểu biết gì về chính trị. Họ phải theo hồng quân là vì họ sợ trở về quê cũ, họ có thể bị nữ vương của họ luận tội vì tội hợp tác với người ngoại chủng.

Hồng quân khởi đầu tiến vào Cánh Đồng Cỏ Hoang vào giữa tháng 8-1935, và đi theo bìa phía đông, tại đó cánh đồng lầy không sâu lắm, và thỉnh thoảng còn có một giải đất hẹp mà thổ dân vẫn thường xử dụng. Mọi người phải mang theo đồ ăn và củi đốt cho đủ tám ngày. Lúc đó Chu Ân Lai vẫn còn nằm ốm liệt giường, vì bị cảm lạnh khi trèo qua núi Đại Tuyết Sơn. Chu Đức đi theo đạo quân của Trương Quốc Đào, nên Lâm Bưu được chỉ định làm quyền tư lệnh hồng quân. Lâm Bưu dẫn binh sĩ cùng với các hướng đạo người Mân dẫn đầu hồng quân. Theo sau đội tiền phong của Lâm Bưu là toàn thể hồng quân đi theo một sợi giây thừng kết bằng lông đuôi ngựa. Sợi giây thừng đó đánh dấu những lối đi an toàn do toán hướng đạo đi trước móc vào ngọn những cây sậy hoặc cây cỏ cao. Khi hồng quân đi khá sâu vào cánh đồng thì họ bị từng đàn muỗi khổng lồ to bằng những con ruồi bay tới tấn công. Khi bị những con muỗi đáng sợ này đốt, nạn nhân sẽ bị những cơn sốt ghê gớm, được gọi là “sốt rét đen”, và chỉ trong vòng vài ngày đã có hàng trăm hồng quân gục xuống trước chứng bệnh kỳ lạ này.

Nhưng may mắn cho hồng quân, thời tiết bất thần thay đổi, và những luồng gió lạnh băng giá từ rừng núi Hy Mã Lạp Sơn thổi tới đã giết chết đàn muỗi, nếu không thì con số hồng quân bị muỗi độc giết chết sẽ còn nhiều nữa. Nhưng những luồng gió lạnh buốt cũng đem theo băng tuyết mù mịt khiến hồng quân không còn nhìn thấy đường đi nữa. Họ đành phải dừng lại vài ngày chờ mưa tuyết ngừng. Tại những gò đất lớn, hồng quân phải cắt sậy làm thành những túp lều nhỏ làm chỗ tránh mưa gió và tuyết. Nhưng khi trận bão tuyết chấm dứt thì người ta thấy từng nhóm hồng quân chết cứng tại những gò đất nhỏ, không đủ làm một túp lều. Những người chết bị liệng xuống chôn trong đám sinh lầy. Trước khi chết, các toán hồng quân xấu số ngồi quay đầu chụm lại với nhau để lấy thêm hơi ấm của nhau, nên khi chết rồi, họ vẫn ngồi nguyên một tư thế như vậy, và từ đằng xa người ta tưởng họ vẫn còn sống. Khi cơn bão tuyết chấm dứt thì tất cả cánh đồng phủ một màn tuyết trắng, và những toán đi sau không còn tìm thấy sợi giây chỉ đường nữa. Họ cố gắng bới tuyết để tìm, nhưng sợi giây đã mất tích luôn. Các toán đi sau phải dừng lại chờ tin tức của toán tiền phong.

Khi hồng quân tiếp tục đi thì vấn đề lương thực trở nên vô cùng gay go. Hầu hết phần lương thực ít ỏi gồm bột mì ăn cấp được của người Mân lúc đầu nay đã hết. Bây giờ hồng quân không còn gì để ăn giữa một cánh đồng mênh mông, và trước mặt họ chỉ còn có cỏ đồng lầy. Một số binh sĩ đem luộc thắt lưng và giày bằng da để ăn. Một số đào rễ những cây cỏ lên ăn, nhưng phần lớn những rễ này đều có chất độc. Rất nhiều hồng quân ăn phải rễ và củ độc đã bị

trúng độc và thiệt mạng. Một số khác hái cỏ ăn. Thứ cỏ này không có chất dinh dưỡng gì, và khi ăn vào, ruột của người ăn bị chảy máu và rất nhiều hồng quân mắc phải các chứng kiết lỵ và tiêu chảy. Sự đói khát lên đến mức cùng cực khi những hồng quân đi sau bới phân của người đi trước để tìm ra những hạt đậu, những đồ ăn chưa tiêu hoá vì người ăn trước bị bệnh tiêu chảy; họ đem rửa sạch những hạt đậu lấy từ trong phân rồi ăn. Lần đầu tiên Mao phải ra lệnh giết ngựa để lấy đồ ăn.

Về nước uống thì còn nguy kịch hơn. Khi có tuyết, hồng quân lấy tuyết chờ tan ra rồi uống thì cũng đỡ. Nhưng khi hết tuyết, một số khát quá, liều uống nước mức lên từ cánh đồng lầy, và lập tức họ bị trúng độc ngay. Nước trong bụng họ không tiêu, cứ lọc cọc trong bụng họ, rồi đầu váng mắt hoa, đầu gối nhũn ra và nhiều người đã gục xuống vì uống nước tại cánh đồng lầy. Một số đành phải uống nước tiểu của chính mình. Khi đêm tối tới, họ không thể cắm trại để ngủ được, vì không có chỗ nào khô. Họ đành phải ngủ ngồi, hoặc quỳ gối xuống, gục vào nhau làm điểm tựa mà ngủ. Muốn đốt một ngọn lửa cũng rất khó khăn vì không có củi và cỏ khô. Hầu hết mọi người đều vừa đói vừa khát vừa bệnh hoạn khi đi qua cánh đồng. Sự đói khát giữa cái lạnh khủng khiếp cùng với sự kiệt sức tại đây là một thử thách lớn lao. Tuy nhiên hồng quân không còn một lựa chọn nào khác hơn là cứ phải tiến tới. Họ còn phải trải qua những cảnh rất đau lòng khi trông thấy một số đồng đội trượt chân, lún dần xuống bùn, một cái chết từ từ xảy ra trước mắt họ, mà họ không thể nào cứu được.

Trong chuyến vượt qua Cánh Đồng Cỏ Hoang, những toán đi trước gặp dễ dàng hơn. Các toán đi sau mỗi lúc một khó khăn hơn và chậm chạp hơn, vì những gò cỏ sau khi bị nhiều người và vật đi qua đều xẹp lún xuống, nước tràn lên và người đi sau rất hoảng sợ, e bước nhầm phải chỗ bùn. Đặc biệt là những gò cỏ này không chắc chắn như đất liền. Khi bước chân lên, người ta cảm thấy một sự rung rinh dưới chân như muốn đổ xuống. Về sau, ngay chính những hướng đạo người Mân cũng hoang mang không định được hướng đi, và nhiều người đã đi lạc. Đi lạc trong cánh đồng này là chắc chắn chỉ gặp cái chết.

Một bộ trưởng cộng sản kể lại kinh nghiệm của mình: “Thoạt đầu chúng tôi dường như cùng đi theo một con đường, nhưng sau vài toán quân đi qua thì con đường biến thành một rãnh nước. Không có chỗ để cắm trại. Không có chỗ nào khô, không cây cối. Nhiều người rất yếu đuối và bệnh hoạn khi họ tới cánh đồng. Một vài người nằm đại xuống bùn và không bao giờ đứng lên nữa. Chúng tôi mất nhiều người tại Cánh Đồng Cỏ Hoang, hơn là tại rừng núi Đại Tuyết Sơn. Mỗi buổi sáng chúng tôi kiểm điểm lại nhân số xem còn bao nhiêu người sống sót. Chúng tôi thấy nhiều người chưa chết. Mắt họ vẫn mở, nhưng họ không thể đứng dậy nổi. Chúng tôi sờ nắn họ lên nhưng họ khuyu xuống, rồi chết tại chỗ.”

Một yếu tố nữa làm nhiều người chết tại Cánh Đồng Cỏ Hoang là vì cao độ. Không khí tại đây thiếu dưỡng khí làm cho nhiều người yếu dần đi, rồi lơ lơ ngất xỉu. Các bác sĩ thường dùng muối và long não cho người ngất xỉu ngủ, có người tỉnh dậy, nhưng cũng có người nằm im luôn. Một nguyên nhân khác gây chết chóc là vì hồng quân thiếu muối ăn. Nhưng lý do chính là sau một năm lặn lội trải qua quá nhiều gian nan cực khổ, sức người đã kiệt quệ dần, rồi tại chướng ngại chót này, sự đói khát, sự lạnh giá, phải chịu mưa ướt liên miên, thời tiết thay đổi bất thường rồi thiếu dưỡng khí và muối, tất cả đã gây khốn đốn cho đoàn người đã tả tơi đang chạy đua với tử thần. Vì thế, sự tổn thất nhiều nhân mạng tại cánh đồng này là điều tất nhiên.

Ngày 27-8, toán hồng quân tiên phong ra khỏi Cánh Đồng Cỏ Hoang, và đến đầu tháng 9 thì toàn thể hồng quân tới được vùng đất khô bên ngoài cánh đồng lầy. Thế là họ vượt qua được chướng ngại cuối cùng trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Ngay sau đó, Mao nghi ngờ sự phản bội của Trương Quốc Đào và e sợ lực lượng hùng mạnh của Trương Quốc Đào tấn công, nên ra lệnh cho hồng quân gấp rút tiến về phía bắc, mặc dù lúc đó đa số hồng quân chỉ muốn

nằm xuống nghỉ ngơi một vài ngày. Thực ra người ta không có bằng chứng gì Trương Quốc Đào sẽ tấn công Mao. Sự hoảng sợ bỏ chạy của Mao là do chính bản chất phản trắc của Mao. Mao là người phản trắc nên tưởng ai cũng sẽ phản trắc với mình. Trên đường tiến về Thiểm Tây, Mao cẩn thận đặt các ổ phục kích để phòng quân của Trương Quốc Đào đuổi theo. Đám tàn quân của Mao còn bị đội kỵ binh Hồi giáo của viên sứ quân họ Mã tấn công. Tuy nhiên họ Mã không phải là đối thủ của Mao. Chỉ một trận phục kích của Mao, bốn trung đoàn kỵ binh của họ Mã đã bị hồng quân đánh tan.

Tới Diên An

Khoảng cuối tháng 10-1935, hồng quân đã tới được Lô Giang, bên trong khu vực sông viết tại Thiểm Tây. Hồng quân đã hoàn thành một cuộc trường hành dài sáu ngàn dặm. Lần đầu tiên hồng quân được an tâm nghỉ ngơi trong những hang động, tại những ngọn đồi đất hoàng thổ màu vàng xám đặc biệt của miền bắc Trung hoa. Đây là một vùng rất thiếu nước. Mỗi hồng quân được thưởng hai quan tiền bạc và lần đầu tiên được ăn uống thỏa thích, vì thực phẩm tại Diên An tương đối có sẵn hơn là tại những nơi hoang dã mà họ đã phải đi qua trong suốt một năm vừa qua. Đối với cái đám tàn quân vừa trải qua những khó khăn sinh tử của một cuộc chạy trốn dài thì Diên An quả thực là một thiên đường. Họ được ăn uống ngon lành đầy đủ như những ngày tết tại Giang Tây. Đàn bà địa phương rất đổi kinh ngạc khi trông thấy các nữ chiến sĩ hồng quân. Họ tự hỏi những người phụ nữ cắt tóc ngắn, mặc quân phục, đeo súng lục ở thắt lưng kia có phải cũng là đàn bà như họ không. Họ hồ nghi và mời các nữ binh hồng quân vào nhà để dò hỏi. Mãi đến khi họ sờ ngực các nữ binh này, và theo các nữ binh vào phòng vệ sinh thì họ mới tin các nữ binh ấy là đàn bà như họ.

Mao và các lãnh tụ cộng sản được các đơn vị hồng quân thuộc căn cứ địa phương đón rước trọng thể. Cuộc Vạn Lý Trường Chinh đã thực sự chấm dứt, và cũng chấm dứt sự đau khổ cho những bàn chân đau đớn mỗi một đến tận cùng sức chịu đựng của con người. Những người cộng sản thành công trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh tới được Diên An chỉ là một đạo quân ít ỏi, gồm có những bộ xương biết di chuyển, quần áo tả tơi, ho xù xụ, râu tóc rối bù như người tiền sử. Họ đã đi từ miền nam phong phú tới gần Vạn Lý Trường Thành, trải qua những gian nan, những chướng ngại mà tưởng sức người không thể vượt qua được. Mao vẫn mặc cùng một bộ quần áo lúc ra đi tại Giang Tây, chỉ có khác đi là bây giờ bộ quần áo ấy rách tả tơi và đầy cộm vì bám bụi đất đường xa. Trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, hồng quân đã vượt qua mười tám rặng núi, hai mươi bốn con sông lớn, đi qua mười một tỉnh của Trung hoa, đã chiếm được mười hai thành phố, đụng độ với quân đội của mười sáu quân, và phải đương đầu với một triệu quân của Tưởng Giới Thạch. Họ cũng phải đi qua sáu khu vực của người thiểu số.

Trong suốt cuộc Trường Hành, Mao trải qua một giai đoạn cực kỳ vất vả về thể xác và căng thẳng về tinh thần. Thoạt đầu Mao phải tìm mưu kế đoạt lại quyền lãnh đạo, và sau đó là nhiệm vụ hướng dẫn chỉ đạo hồng quân. Hàng ngày Mao phải tham dự những cuộc họp quân sự, đặt kế hoạch tiến quân, đọc những tài liệu và phải làm những quyết định quan trọng và ngay tức khắc. Mao phải đương đầu với những khó khăn triền miên, nào là bị địch quân bao vây, những cuộc tấn công bất thần của Tưởng hoặc sứ quân của Tưởng, phải khuyến khích hồng quân khi tinh thần họ suy giảm, sự thiếu thốn lương thực và thuốc men và sự chống đối Mao trong nội bộ cấp lãnh đạo. Mao làm việc bất cứ ở đâu, bên một tảng đá, trên một miếng ván làm bàn viết, đôi khi ngồi dưới một miếng vải dầu khi trời mưa. Trong những lúc bận làm việc và lo nghĩ đến mất ngủ như thế, thì trên người Mao lúc nào cũng đầy chấy rận và các loại ký sinh trùng khác của một lối sống thiếu vệ sinh.

Cuộc Vạn Lý Trường Chinh đối với Mao không những chỉ là một chiến dịch chạy trốn khi địch quân quá mạnh, mà còn là một sự khẳng định mối quyết tâm của Mao đối với người Trung Hoa. Trong suốt cuộc Trường Hành, nhiều khi sức mạnh thể chất không đủ để giữ vững được sự cố gắng liên tục, mà còn cần cả sức mạnh của tinh thần nữa. Chính vì thế lúc nào Mao cũng khuyến khích hồng quân tạo ra được một tinh thần chịu đựng, và tinh thần ấy đã trở

thành một sức mạnh vật chất. Mao và hồng quân đã thực sự sống thiếu thốn tất cả, ngoại trừ một niềm hy vọng mãnh liệt sẽ chiến thắng. Ngay kẻ thù của Mao cũng không thể không thán phục Mao về tài lãnh đạo của Mao trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Những thành quả của cuộc Vạn Lý Trường Chinh là công của tất cả những hồng quân vô danh, còn sống hay đã ngã gục trong cuộc chạy trốn. Công lao của họ không kém gì công lao của Mao hoặc bất cứ lãnh tụ cộng sản nào khác, những người được vô cùng trọng đãi, hưởng mọi ưu tiên và được hầu hạ trong suốt cuộc Trường Hành. Đây là một biểu lộ tinh thần yêu nước cao cả, và lòng hy sinh vĩ đại của người dân Trung Hoa. Đó là những nông dân nghèo nàn suốt cuộc đời gục mặt xuống mảnh đất cày, những thiếu niên vác những khẩu súng cao hơn người, kéo lê những bàn chân tê cứng vì tuyết lạnh, những người thợ mỏ vừa ca hát vừa nhai những chiếc thắt lưng da đã được nấu chín để chống đỡ cơn đói khi không còn gạo nữa. Tất cả đã ngạo nghễ coi thường mọi khó khăn nguy hiểm, và coi thường cả mạng sống của mình, để nhất quyết thực hiện được một cái gì.

Bây giờ họ đến được cái bến an toàn tại Diên An. Căn cứ sơ viết tại miền bắc Trung Hoa bao gồm các tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc và Ninh Hạ, và được gọi tắt là Thiểm Cam Ninh. Đây là vùng nghèo mạt nhất của Trung Hoa. Những đồi núi hang hốc vùng này vốn là sào huyệt của các đảng cướp lâu đời. Vùng tây bắc Trung Hoa quả thực là một nơi lý tưởng cho chủ nghĩa cộng sản bành trướng, vì là một vùng đã nghèo khổ nhất mà lại có nhiều bất công xã hội nhất. Một trận đói khủng khiếp kéo dài luôn ba năm tại đây, từ năm 1929, đã gây chết chóc trong suốt một giải đất từ Tuy Viễn tại biên giới Mông Cổ tới các vùng Thiểm Cam Ninh. Người ta ước tính có từ ba tới sáu triệu người đã chết đói, thế mà tai họa này không được thế giới biết đến. Ngay cả những người Trung Hoa miền Nam cũng không nghe nói tới nạn đói này. Điều tệ nhất là trong lúc hàng triệu người đang chết đói thì vẫn có các sứ quân giàu có, các nhà giàu cho vay lời, các thương gia ngũ cốc vẫn tiếp tục đầu cơ tích trữ làm giàu thêm. Các trợ cấp về gạo và thực phẩm không thể tới được tay người đói vì lý do chính trị. Các tướng miền đông không chịu cho chở gạo tới miền tây, sợ gạo sẽ lọt vào tay các sứ quân thù nghịch.

Có khoảng 20 ngàn hồng quân tới được Diên An. Nhưng con số này bao gồm cả quân số của khu vực sơ viết Thiểm Cam Ninh. Theo Chu Ân Lai thì quân số của Thiểm Cam Ninh có ít nhất 10 ngàn người. Vậy quân số của Mao thực sự sống sót trong cuộc Trường Hành gian nan chỉ có vào khoảng từ bảy đến tám ngàn người. Và nếu một phần ba quân số này là những người được tuyển mộ dọc đường thì trong số một trăm ngàn hồng quân ra đi từ Giang Tây, chỉ có khoảng năm ngàn người sống sót.

Con số năm ngàn người làm cuộc Vạn Lý Trường Chinh còn sống sót trở thành một khối nòng cốt của cộng đảng Trung Hoa, và cùng chia nhau miếng đỉnh chung khi cộng sản chiến thắng năm 1949. Các chức vụ quan trọng trong guồng máy đảng và chính quyền đều rơi vào tay con số năm ngàn người này. Tuy nhiên cũng chính trong số năm ngàn người này đã có những cuộc cẩu xé tranh dành quyền lực một cách hung hãn tàn bạo nhất, đặc biệt là Mao Trạch Đông. Trong suốt thời gian nắm quyền từ năm 1949 cho đến lúc chết năm 1976, Mao đã phát động khoảng mười cuộc trả thù tiêu diệt những đồng chí từng chia xẻ gian nguy với Mao trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, như Cao Cương, Bành đức Hoài, Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Hạ Long... Người cuối cùng chết về tay Mao là Lâm Bưu, một người có công hãn mã với Mao trong cuộc Trường Hành và sau này trong lúc Mao gặp khó khăn phải đương đầu với Lưu Thiếu Kỳ. Cùng chết với những đối thủ chính trị của Mao là hàng triệu nạn nhân Trung Hoa vô tội khác.

Thực ra khó có thể quyết đoán được yếu tố nào là yếu tố chính đã đưa hồng quân đến chiến thắng trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Trước hết có thể là tinh thần kỷ luật của hồng quân và chiến thuật du kích để đương đầu với một địch quân đông đảo gấp bội lần. Có thể là sự

can đảm xuất chúng của hồng quân trước những chướng ngại thiên nhiên và một kẻ địch quá mạnh mẽ. Có thể chỉ là một sự may mắn đã giúp hồng quân tránh được thảm bại. Có thể hồng quân chiến thắng được là nhờ yếu tố may mắn cộng với sự cương quyết can đảm của hồng quân, và sự sáng suốt của cấp lãnh đạo. Yếu tố may mắn cũng là một yếu tố quan trọng, vì chính kẻ thù thứ yếu của hồng quân lúc đó là các sứ quân liên kết với Tưởng Giới Thạch, nhiều khi đã trở thành đồng minh rất tốt cho hồng quân. Ngay quân xâm lăng Nhật Bản cũng gián tiếp là một đồng minh quan trọng của hồng quân.

Tưởng Giới Thạch là người vô cùng quyết tâm tiêu diệt cộng sản, và đã tung tất cả sức mạnh của Quốc dân đảng cho mục tiêu này. Nhưng các sứ quân liên kết với Tưởng đã thực sự giúp đỡ hồng quân qua được những giai đoạn khó khăn nhất: Sứ quân Quảng Đông đã cố tình quay đi chỗ khác, mở ngõ đường cho hồng quân trong cuộc bao vây lần thứ năm của Tưởng. Sứ quân Long Vân của tỉnh Vân Nam cũng làm ngõ cho hồng quân vượt qua sông Kim Sa. Sứ quân Lưu Vệ Hồi đã ngầm giúp cho hồng quân vượt cầu Đại Độ. Sứ quân Dương Hổ Thành tại Sơn Tây cố tình vắng mặt suốt một năm để cho hồng quân có thời gian hồi phục sức mạnh. Nếu các sứ quân này cũng quyết liệt như Tưởng Giới Thạch thì hồng quân không thể nào tới Diên An được. Sở dĩ các sứ quân trên đây giúp đỡ hồng quân vì họ sợ Tưởng Giới Thạch sau khi diệt xong cộng sản sẽ quay lại tiêu diệt chính họ, vì họ biết quá rõ tâm địa của Tưởng.

Cuối cùng chính người Nhật đã giải cứu hồng quân tại Giang Tây năm 1931, vào đúng lúc Tưởng tung ra đợt bao vây lần thứ ba. Năm 1936-1937, Nhật Bản lại trở thành cứu tinh cho hồng quân một lần nữa. Nếu lúc đó Nhật Bản không phát khởi cuộc Trung Nhật chiến tranh tại Lư Cầu Kiều thì các sứ quân miền bắc sẽ ủng hộ Tưởng Giới Thạch trong chiến dịch bao vây tiêu diệt phe cộng tại Diên An. Khi Nhật Bản chiếm Mãn Châu, hồng quân có được cơ hội ngàn năm một thuở, củng cố căn cứ tại Thiểm Tây, dùng chiêu bài Kháng Nhật để chiêu dụ các sứ quân miền bắc, và tước khí giới quân Quốc dân đảng tại miền bắc.

Dù nguyên nhân nào là chính yếu thì cuộc Vạn Lý Trường Chinh cũng đã là một kỳ công của hồng quân Trung Hoa. Mặc dù một số chi tiết trong cuộc chạy trốn này đã được chính phe cộng sản tô vẽ phóng đại thêm, nhưng cuộc Vạn Lý Trường Chinh quả thực là một biến cố duy nhất trong lịch sử nhân loại, như một huyền thoại đã đánh thức người Trung Hoa vùng dậy và kiêu hãnh sau nhiều thế kỷ ngủ vùi và phân hóa.

Cuộc Trường Chinh Tiếp Tục Và Kết Thúc

Cái đám hồng quân rách rưới lếch thếch theo Mao Trạch Đông tới được Thiểm Tây vào tháng 10 năm 1935, trở thành những anh hùng của cuộc cách mạng Trung Hoa trong các thập niên sau đó. Chỉ có năm ngàn người sống sót và tới được căn cứ sơ viết Thiểm Tây-Cam Túc, ngay dưới chân Vạn Lý Trường Thành. Những con người Trường Chinh này trở thành nòng cốt cho đảng cộng sản Trung Hoa, và là những tiếng nói quyết định trong chính trường Trung Hoa trong suốt nửa thế kỷ sau đó. Biết bao huyền thoại đã nói về chuyến đi độc nhất trong lịch sử của họ, và họ đã đóng một vai trò quan trọng trong việc chinh phục toàn thể Hoa Lục mười bốn năm sau. Hạ Long cùng 35 ngàn quân của căn cứ sơ viết tại vùng tây bắc Hồ Nam cũng làm một cuộc Trường Chinh nhỏ, tìm đường lên Diên An gia nhập với hồng quân của Mao Trạch Đông, nhưng chỉ 10 ngàn quân của Hạ Long tới được Diên An.

Tuy nhiên yếu tố quan trọng giúp cho sự sống sót của phe cộng là sự xâm lăng của quân phiệt Nhật. Những cuộc bao vây tiêu diệt mới của Quốc dân đảng chắc chắn sẽ tiêu diệt đám năm ngàn hồng quân sống sót trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, nhưng vào tháng 7-1937, quân Nhật đã chính thức mở cuộc Trung Nhật chiến tranh, và toàn thể Hoa Lục tràn ngập trong ngọn lửa chiến tranh cho tới năm 1945.

Vì ở thế quá yếu kém, Mao Trạch Đông phải tìm cách lập một mặt trận thống nhất với Quốc dân đảng, nói là để kháng Nhật, nhưng thực sự là quân cộng sản đang cần thời gian để bồi dưỡng. Tưởng bắt buộc phải bãi bỏ kế hoạch tiêu diệt cộng sản vì bị bắt cóc tại Tây An tháng 12-1936. Hồng quân phải tập hợp thành Bát lộ quân, và chịu sự chỉ huy của các tướng Quốc dân đảng. Tuy nhiên sự hòa hoãn giữa Quốc dân đảng và cộng sản chỉ là bề ngoài. Quân Nhật mở rộng địa bàn chiến tranh khắp lãnh thổ Trung Hoa, chiếm hết các thành phố lớn và các địa điểm chiến lược dọc bờ biển. Tưởng Giới Thạch phải dời thủ đô từ Nam Kinh vào Trùng Khánh, một thành phố Tứ Xuyên nằm sâu trong nội địa Trung hoa.

Trong khi đó Mao và phe cộng hoàn toàn thoải mái tại các vùng đồi núi của miền tây bắc. Phe cộng thiết lập một trường đại học cách mạng và lôi cuốn được hàng triệu thanh niên từ các đô thị lớn. Trong suốt 11 năm, Diên An trở thành cái nôi của cách mạng Trung Hoa. Dưới sự che chở của Mặt Trận Thống Nhất, phe cộng gấp rút gia tăng lực lượng, dùng những khẩu hiệu tuyên truyền ái quốc để tuyển mộ những nông dân miền bắc. Phe cộng chỉ dùng chiến thuật du kích để quấy nhiễu quân Nhật, và tránh những trận đánh lớn với quân Nhật để bảo toàn lực lượng. Nhờ thế Bát lộ quân năm 1937 chỉ có 45 ngàn binh sĩ, nhưng một năm sau, quân số của Bát lộ quân lên tới 150 ngàn người. Bảy năm sau khi thế chiến chấm dứt, Bát lộ quân đã có nửa triệu quân. Khi Nhật Bản đầu hàng sau hai trái bom nguyên tử của Mỹ thả xuống Nagasaki và Hiroshima, thì các sư đoàn của Mao đã kiểm soát được một khu vực rộng 200 ngàn dặm vuông và 20 triệu dân.

Trái lại với cái không khí cách mạng trong khu vực cộng sản, khu vực của Quốc dân đảng chỉ đầy rẫy sự tham nhũng thối nát và bất công. Quân đội của Tưởng đông tới 4 triệu quân, nhưng tinh thần rất thấp và thiếu kỷ luật. Dân chúng bất mãn trong vùng Quốc dân đảng bỏ trốn qua khu vực cộng sản khi cuộc nội chiến Quốc Cộng bắt đầu năm 1946. Đến năm 1948 thì quân số của hồng quân cũng tăng lên tới 4 triệu người, và hồng quân bỏ chiến lược du kích,

và dùng trận địa chiến giao tranh với quân Quốc dân đảng. Hồng quân mau lẹ chiếm được Mãn Châu, và đầu năm 1949, Bắc Kinh đầu hàng hồng quân để bảo toàn những kho tàng lịch sử bên trong thành phố. Sau đó hồng quân vượt qua sông Dương Tử, và từng thành phố một rơi vào tay hồng quân. Tưởng Giới Thạch đem theo nửa triệu quân rút ra hải đảo Đài Loan.

Ngày 1-10-1949, trên khán đài Thiên An Môn Bắc Kinh, Mao Trạch Đông tuyên cáo thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, và trong suốt bảy năm sau đó, Mao và các đồng chí trường chinh đã làm thay đổi hẳn bộ mặt Trung Hoa. Bề ngoài Mao giả vờ liên kết với những đảng phái yêu nước khác, và thành công ban bố một kỷ luật mới cho toàn thể đất nước. Những khối người khổng lồ đã được động viên để chinh phục các nạn lụt lội và nạn đói trước kia xảy ra hàng năm tại Trung Hoa. Nhiều công trình lớn như đê điều, đập và hồ trữ nước được xây cất để kiềm chế những con sông lớn hoặc dự trữ nước chống lại nạn hạn hán. Một kế hoạch cải cách ruộng đất đã bãi bỏ mọi đất tư hữu, và hệ thống hợp tác xã nông nghiệp đã tập trung tất cả nông dân cùng với nông cụ và súc vật của họ.

Về mặt quốc tế, Trung cộng đã tạo được sự tự tin và kiêu hãnh khi đơn phương giao chiến bất phân thắng bại với Hoa Kỳ và đồng minh của Hoa Kỳ tại bán đảo Cao Ly. Trận chiến Cao Ly bắt đầu từ năm 1950. Trong khi đó Trung cộng được Nga sô viện trợ kỹ thuật để xây cất những nền móng căn bản của kỹ nghệ. Tuy nhiên, nhiều thành phần trong xã hội Trung Hoa đã trở thành nạn nhân của chủ nghĩa cộng sản. Trước hết là hàng triệu địa chủ và phú nông đã bị giết trong các đợt cải cách ruộng đất đẫm máu. Rồi thành phần giới tư sản muốn ở lại giúp xây dựng một nền kinh tế mới cho Trung cộng, đã bị chính quyền cộng sản tịch thu và chiếm các cơ sở thương mại kỹ nghệ của họ. Nói chung, trong giai đoạn 7 năm đầu tiên, chính quyền cộng sản Bắc Kinh được đại đa số quần chúng ủng hộ. Sau bao nhiêu năm bị nhục ngoại xâm, phân hóa, tham nhũng, nghèo đói, và bệnh hoạn, lần đầu tiên đời sống của đại đa số dân Trung Hoa được cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên cái thời trăng mật này không kéo dài lâu. Những dấu hiệu hỗn loạn đã bắt đầu xuất hiện. Trước hết là sự việc thủ tướng Nga Krushchev chỉ trích sự thần thánh hóa Stalin tại Nga sô năm 1956. Kế tiếp ngay đó là giới trí thức chỉ trích chính quyền tại Ba Lan và Hung gia lợi. Đảng cộng sản Hung gia lợi đã sụp đổ mau lẹ trước sự tấn công của giới trí thức, và điều này làm Mao Trạch Đông hoảng sợ. Lập tức Mao liền kêu gọi giới trí thức lên tiếng về các chính sách của chính quyền. Bằng khẩu hiệu Bách Hoa Tề Phóng (Trăm Hoa Đua Nở) và Bách Gia Tranh Minh (Trăm Nhà Đua Tiếng), Mao muốn đặt một cái bẫy để quờ trợn giới trí thức chống đối bằng một mẻ lưới duy nhất. Thế rồi hàng loạt những bài báo chỉ trích của giới trí thức đã làm chính quyền Trung cộng rung động.

Lập tức Mao Trạch Đông tung ra chiến dịch cải tạo, và hàng trăm ngàn trí thức và những người bị gán là “phe hữu” đã bị bắt và gửi tới những trại lao động cải tạo. Có người bị giam giữ tới hai chục năm. Kể từ đó giữa Mao và giới trí thức Trung Hoa nghi kỵ nhau, và Mao không cho giới trí thức tham dự vào công cuộc cải tiến kinh tế. Mao đặt hết niềm tin vào những thành phần mà Mao tin là trong sạch và chưa bị nhiễm độc, đó là nửa tỷ nông dân. Giới sinh viên học sinh được Mao tổ chức thành Hồng vệ binh.

Tính khí Mao lăng mạn và thiếu kiên nhẫn. Tính khí ấy được gia tăng nhờ kinh nghiệm của cuộc Vạn Lý Trường Chinh thành công, nên Mao nhiệt tình tin rằng sự quyết tâm của con người có thể vượt qua được mọi trở ngại, dù lớn lao đến thế nào. Đó là lý do dẫn Mao tới những thất bại khủng khiếp của kế hoạch Đại Nhảy Vọt năm 1958, khi mà toàn thể nông thôn Trung Hoa được tổ chức thành những đại công xã đông hàng vài chục ngàn người, trong đó nông dân sống trong một hoàn cảnh bán quân sự. Vợ chồng bị phân tán trong những đơn vị sản xuất khác nhau, và con cái được giao cho các nhà giữ trẻ trông nom. Đời sống tại đại công xã đã giết

chết đời sống gia đình mà người Trung Hoa rất quý trọng đã từ hàng ngàn năm. Ngay tại thành phố, dân chúng cũng phải gia nhập những đại công xã thành thị. Thoạt đầu dân chúng hồ hởi tuân theo sự hướng dẫn của Mao. Nhưng kết quả cho thấy Mao đã phạm một sai lầm sinh tử. Nền kinh tế mới phôi thai của Trung cộng sụp đổ hoàn toàn, nạn đói tràn lan. Người ta ước tính có ít nhất 20 triệu người Trung Hoa đã chết đói vì kế hoạch điên rồ của Mao Trạch Đông.

Nhưng Mao không chịu nhận lỗi lầm của mình. Mao cho rằng nguyên tắc của Mao đúng, nhưng các cán bộ nông thôn đã thi hành sai. Tuy vậy Mao cũng phải nhường chức Chủ tịch nhà nước cho Lưu Thiếu Kỳ. Lưu Thiếu Kỳ còn là phó chủ tịch đảng và Mao vẫn giữ chức Chủ tịch đảng. Trong một thời gian, Mao vắng mặt trên chính trường, và không còn điều khiển công việc quốc gia. Sau hai thất bại lớn của Mao, đảng cộng sản Trung Hoa bắt đầu phân hóa. Trong kỳ đại hội đảng năm 1959, thống chế Bành Đức Hoài, một chiến hữu trường chinh của Mao, đã đứng lên can đảm chỉ trích những sai lầm của Mao. Nhưng Mao thành công quy tụ được đủ hậu thuẫn để chống lại Bành Đức Hoài. Kết quả là Bành Đức Hoài, một anh hùng trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, bị cách chức bộ trưởng quốc phòng. Sau đó ba chiến hữu trường chinh khác của Mao là Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình đã áp dụng một chính sách kinh tế thực dụng, giải tán đại công xã, cho phép nông dân được làm chủ những mảnh đất nhỏ để khuyến khích sản xuất. Chính sách kinh tế mới này đã giúp Trung Hoa vượt qua được những khó khăn do chính sách của Mao gây ra, và đời sống dân chúng trở lại bình thường trong những năm đầu của thập niên 1960.

Mao không bao giờ chịu thua hoàn cảnh. Bên trong khu vực Cấm Thành của vua chúa ngày trước, Mao vẫn âm thầm bàn mưu tính kế để trở lại với quyền lực chính trị tuyệt đối của mình trước kia. Mao nhất quyết phải hạ cho bằng được hai chiến hữu trường chinh là Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Hai người này đã thành công với chính sách kinh tế của họ và uy tín của hai người ngày một lên cao, có nhiều triển vọng làm lu mờ ngôi sao của Mao Trạch Đông. Mao phải mở cuộc Cách mạng Văn hóa, dùng hàng triệu Hồng vệ binh và sự hậu thuẫn của quân đội, với mục đích tấn công các đối thủ chính trị đang muốn loại bỏ Mao, bằng cách bầu Mao vào chức Chủ tịch Danh Dự, một chức vụ hữu danh vô thực.

Mùa hè năm 1966, Mao chứng tỏ cho các đồng chí biết rằng sức khỏe của Mao còn rất tốt, bằng cách bơi trên dòng nước chảy xiết của con sông Dương Tử hùng mạnh. Rồi cùng với sự trung thành của bộ trưởng quốc phòng Lâm Bưu, Mao và bà vợ Giang Thanh tung ra hàng chục triệu Hồng vệ binh tấn công các đảng viên chống đối Mao. Hồng vệ binh giơ cao tập sách hồng "Tư Tưởng Mao Trạch Đông", buộc tội phe nhóm của Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình là những kẻ đương quyền đi theo đường lối tư bản, phản lại chủ nghĩa cộng sản và chống đối Mao chủ tịch. Trong giai đoạn này, các chiến hữu trường chinh tàn sát nhau không thương xót. Các lãnh tụ lớn của cuộc Vạn Lý Trường Chinh bị giết trong cuộc Cách mạng Văn hóa của Mao gồm có Lưu Thiếu Kỳ, Bành Đức Hoài, Hạ Long, Đào Chú. Các lãnh tụ bị hành hạ và bị đi đày gồm có Đặng Tiểu Bình, Trần Nghị... Ngoài ra kho tàng văn hóa cổ xưa của Trung Hoa cũng bị Hồng vệ binh tàn phá rất nhiều. Cả trăm triệu người dân thường cũng bị thương tổn về thể xác hoặc tâm hồn, trong cuộc hỗn loạn do Mao phát động để đoạt lại quyền lực.

Trong cuộc Cách mạng Văn hóa, Lâm Bưu là người hưởng lợi nhất, vì tình trạng hỗn loạn, trường học, xưởng thợ biến thành bãi chiến trường của hai phe chống đối nhau, nên Lâm Bưu phải tung quân đội ra tái lập trật tự. Tình trạng Trung Hoa lúc đó gần như thời kỳ sứ quân trước kia, vì quyền lực rơi vào tay các tướng tư lệnh địa phương của Lâm Bưu. Mao định dùng cuộc Cách mạng Văn hóa để tước đoạt lại quyền lực của Lưu Thiếu Kỳ. Lưu Thiếu Kỳ bị loại, nhưng quyền lực của Lưu Thiếu Kỳ rơi vào tay Lâm Bưu. Lâm Bưu trở thành người mạnh nhất Hoa Lục, khi mà toàn thể Trung Hoa nằm dưới quyền kiểm soát của quân đội. Trong kỳ đại hội

đảng năm 1969, Lâm Bưu được chỉ định làm người thừa kế cho Mao Trạch Đông. Khi một người đã nắm được quyền lực rồi thì ít khi chịu từ bỏ. Hai chiến hữu trường chinh Mao Trạch Đông và Lâm Bưu bây giờ trở thành hai kẻ tử thù. Mao tránh vỏ dưa Lưu Thiếu Kỳ thì lại gặp vỏ dưa Lâm Bưu. Lâm Bưu dự định diệt Mao và phe Giang Thanh để trở thành chúa tể của Hoa Lục, nhưng Mao thâm độc hơn, đã dùng quỷ kế giết chết Lâm Bưu trước khi Lâm Bưu kịp ra tay.

Khi Lâm Bưu bị diệt rồi thì trận chiến tam giác giữa ba phe Lâm Bưu, Giang Thanh và Chu Ân Lai trước kia bây giờ chỉ còn lại hai. Giang Thanh dự định hạ nốt Chu Ân Lai để đạt mộng trở thành một Võ Tắc Thiên thứ hai của Trung Hoa. Giang Thanh rất căm giận khi Chu Ân Lai cất nhắc Đặng Tiểu Bình lên chức phó thủ tướng. Đặng Tiểu Bình vốn là nạn nhân của Giang Thanh trong cuộc Cách mạng Văn hóa. Chu Ân Lai đã sống sót được cuộc Cách mạng Văn hóa nhờ thiên tài ngoại giao của ông. Lúc đó Mao đã già và đang bị chứng bệnh Parkinson, nên Mao ủng hộ cả chính sách ôn hòa của Chu Ân Lai lẫn đường lối cực đoan của bà vợ Giang Thanh.

Mặc dầu những xung đột nội bộ, Trung Hoa cũng đã đạt được nhiều thành quả quốc tế, nhờ chính sách ngoại giao mới của Chu Ân Lai. Trước hết là Trung cộng loại được Trung hoa quốc gia của Đài Loan ra khỏi Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc, và trở thành một trong năm hội viên của Hội đồng này vào năm 1971. Năm 1972, tổng thống Nixon của Mỹ viếng thăm Bắc Kinh, và các quốc gia tây phương thiết lập ngoại giao với Trung cộng. Nhưng Chu Ân Lai không sống được lâu để nhìn thấy thành quả của mình. Chu Ân Lai bị bệnh ung thư, và Đặng Tiểu Bình hầu như trở thành thủ tướng chính thức của Trung cộng. Trong khi đó thì bệnh tình của Mao Trạch Đông cũng ngày một nặng thêm, và nhóm của Giang Thanh gia tăng hoạt động trong cuộc chạy đua chiếm quyền lực.

Tháng 1-1976, Chu Ân Lai từ trần, hưởng thọ 78 tuổi. Người ta tưởng Chu Ân Lai trẻ hơn Mao tới 4 tuổi, sẽ là người thay thế Mao. Khi Chu Ân Lai chết, Mao chỉ định Hoa Quốc Phong làm thủ tướng kế nhiệm Chu Ân Lai, vì Mao không mấy an tâm với Đặng Tiểu Bình. Một lần nữa Đặng Tiểu Bình lại bị hạ bệ, và phải lẩn trốn vì sợ bị phe Giang Thanh ám sát. Vì Đặng Tiểu Bình là người kế tục chính sách thực tiễn của Chu Ân Lai, nên khi Đặng Tiểu Bình bị loại thì có một làn sóng công phần trong quần chúng. Tháng 4-1976, trong dịp lễ Thanh Minh tưởng niệm người chết, cả triệu dân chúng tụ họp tại công trường Thiên An Môn và đặt vòng hoa tại Đài Kỷ Niệm Anh Hùng Nhân Dân để tưởng niệm Chu Ân Lai. Những vòng hoa này mang những lời chống đối Giang Thanh và phe nhóm. Đây quả thực là một cuộc biểu tình chính trị đúng nghĩa nhất, kể từ khi chính quyền cộng sản thiết lập năm 1949. Phe Giang Thanh đã mở một cuộc tàn sát đẫm máu tại Thiên An Môn.

Mấy tháng sau nữa thì Mao Trạch Đông cũng từ trần. Sau cái chết của hai đại lãnh tụ Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai thì chính trường Trung Hoa bỗng rơi vào buổi hoàng hôn của thần thánh, và cuộc Vạn Lý Trường Chinh được coi như kết thúc hoàn toàn. Tuy nhiên một lãnh tụ của cuộc Vạn Lý Trường Chinh vẫn tiếp tục lãnh đạo Trung Hoa thêm 30 năm nữa: đó là Đặng Tiểu Bình. Sau cái chết của Mao Trạch Đông, phe Giang Thanh dường như dành được quyền lực, với Giang Thanh sẽ là chủ tịch đảng và nhà nước, và Trương Xuân Kiêu sẽ là thủ tướng. Nhưng các tướng lĩnh già trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, như Lý Tiên Niệm và Diệp Kiếm Anh, đã âm thầm đứng lên bắt giam bốn người thuộc phe Giang Thanh, và đưa Đặng Tiểu Bình trở về chức vụ thủ tướng.

Kể từ 1978 cho đến thập niên 1990, Đặng Tiểu Bình là tiếng nói uy quyền nhất tại Hoa Lục. Từ cuối năm 1978, sau khi giải quyết được sự rối loạn do cuộc Cách mạng Văn hóa gây ra, Đặng Tiểu Bình đề ra đường lối cải cách và mở cửa để đưa Trung Hoa tiến lên bốn hiện đại hóa

về công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật. Đặng Tiểu Bình kêu gọi gia tăng nền kinh tế lên gấp đôi vào năm 1985, và sẽ tăng gấp đôi nữa vào cuối thế kỷ 20.

Vào đầu thập niên 1990, tuy Đặng Tiểu Bình không giữ một chức vụ gì chính thức và đã gần 90 tuổi, nhưng Đặng được coi là lãnh tụ tối cao của Trung cộng, một thứ Quốc Phụ. Đặng Tiểu Bình có ảnh hưởng bao trùm trên chính trường Trung Hoa. Trước hết Đặng Tiểu Bình là người duy nhất kiểm soát được hồng quân Trung Hoa gồm ba triệu người. Chừng nào Đặng Tiểu Bình còn sống thì hồng quân Trung Hoa sẽ không bao giờ đứng lên làm một cuộc đảo chánh. Lý do thứ hai là các lãnh tụ cao cấp của Trung cộng đều cố gắng làm vừa lòng Đặng. Các lãnh tụ này sợ rằng Đặng có thể bãi chức mình, và đôi khi chỉ một vài lời nói của Đặng cũng đủ làm thay đổi hẳn chính sách quốc gia.

Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình quả thực là hai tân hoàng đế của nước Trung Hoa, mặc dầu hai người theo đuổi hai triết lý chính trị khác hẳn nhau. Mao Trạch Đông được coi là một nhà cách mạng có tài và có công thống nhất Trung Hoa, nhưng Mao cũng chính là nguồn tai hại cho Trung Hoa vì Mao Trạch Đông không phải là một người cai trị giỏi. Chính sách mới của Đặng Tiểu Bình đã bãi bỏ Công Xã Nhân Dân của Mao Trạch Đông, quay trở lại nền nông nghiệp tư hữu, và kinh tế đã phát triển 8% một năm. Đặng Tiểu Bình đã đi ngược lại chính sách tự túc của Mao Trạch Đông, bằng cách mở cửa Trung Hoa để đón nhận ngoại thương. Vào lúc 83 tuổi, Đặng Tiểu Bình đã làm một cuộc đảo chánh ngoạn mục khi ông về hưu khỏi Ủy ban Trung ương. Hành động của Đặng Tiểu Bình đã bắt buộc các lãnh tụ già và ít học cũng phải về hưu, nhường chỗ cho các lãnh tụ trẻ có học lực chuyên môn cấp đại học thay thế. Đặng Tiểu Bình chứng tỏ là một nhân vật lịch sử quan trọng hơn Mao Trạch Đông, vì những cải cách của Đặng Tiểu Bình đã cứu vãn Trung Hoa sau những điên rồ của Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông sẽ bị lu mờ trước những thành tích của Đặng Tiểu Bình.

Cả Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình đều tham dự cuộc Vạn Lý Trường Chinh, mặc dù trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh, Đặng Tiểu Bình chưa phải là một lãnh tụ hàng đầu. Nhưng từ năm 1978, Đặng Tiểu Bình là lãnh tụ cuối cùng của cuộc Vạn Lý Trường Chinh còn sống và nắm quyền lực tối cao. Chỉ đến khi Đặng Tiểu Bình chết vì bệnh Parkinson ngày 19-2-1997, hưởng thọ 93 tuổi, thì cuộc Vạn Lý Trường Chinh mới thực sự kết thúc.

Hết

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>